

PHẦN THỨ BA

**QUAN HỆ ĐOÀN KẾT ĐẶC BIỆT,
HỢP TÁC TOÀN DIỆN
VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM
TỪ NĂM 1976 ĐẾN 2007**

Chương VII

I. QUAN HỆ VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU KHẮC PHỤC HẬU QUẢ CHIẾN TRANH, ỔN ĐỊNH XÂY DỰNG ĐẤT NƯỚC (1976-1981)

1. Bối cảnh lịch sử và những yêu cầu mới đặt ra trong quan hệ giữa Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam sau năm 1975

Từ sau năm 1975, quan hệ giữa Việt Nam và Lào bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ từ quan hệ chủ yếu giữa hai Đảng và nhân dân hai nước, chuyển sang quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Đảng cầm quyền, hai Nhà nước và hai quốc gia độc lập, có chủ quyền, cùng khảo nghiệm, tìm tòi từng bước đổi mới để đưa đất nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đây cũng là thời kỳ Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã lớn mạnh thật sự, vươn lên làm chủ sự nghiệp cách mạng và vận mệnh của đất nước mình. Do vậy, cả hai nước tiếp tục phát huy truyền thống tốt đẹp đã từng gắn bó keo sơn trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù xâm lược, xây dựng và tăng cường quan hệ liên minh, liên kết và hợp tác toàn diện cả chính trị, quốc phòng - an ninh, kinh tế, văn hoá, giáo dục... Đây là đặc điểm quan trọng nhất, chi phối dẫn tới sự thay đổi về chất trong nội dung, phương thức và các nguyên tắc quan hệ giữa hai quốc gia - dân tộc, nâng quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện giữa hai nước lên tầm cao mới.

Nhân dân hai nước bước vào thời kỳ mới với hào khí của những người chiến thắng, nô nức phấn khởi bắt tay vào xây dựng đất nước dưới sự lãnh đạo của hai Đảng cùng chung mục tiêu, lý tưởng, được rèn luyện qua quá trình đấu tranh cách mạng đầy cam go, thử thách chống giặc ngoại xâm, khối đoàn kết dân tộc thống nhất của hai nước ngày càng được củng cố và mở rộng. Đó là những tiền đề thuận lợi, mở đường cho hai nước thực hiện mục tiêu chiến lược tiếp theo: xây dựng và bảo vệ đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Với những thuận lợi cơ bản kể trên, từ năm 1975, sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của cả Việt Nam và Lào cũng đứng trước những khó khăn, thách thức to lớn. Những năm tháng đầu tiên sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, cùng với niềm hạnh phúc được sống trong hoà bình, độc lập, tự do, đất nước thống nhất, nhân dân hai nước Việt Nam và Lào đều phải đương đầu với hậu quả nặng nề của cuộc chiến tranh kéo dài. Ngoài ra, còn nhiều vấn đề nảy sinh trong quá trình khôi phục và phát triển đất nước sau chiến tranh đòi hỏi hai nước cần phải giải quyết kịp thời. Đặc biệt là nền kinh tế nông nghiệp của hai nước đều lạc hậu, trình độ canh tác, năng suất, sản lượng thấp...

ở Việt Nam, hậu quả nặng nề của 30 năm chiến tranh vô cùng ác liệt đã tác động sâu sắc đến nhiều mặt của đời sống xã hội¹.

Việt Nam là một nước kinh tế nông nghiệp là chủ yếu, nhưng từ sau năm 1975 đến giữa những năm 1980, sản xuất lương thực không đủ đáp ứng nhu cầu tối thiểu trong nước. Đời sống nhân dân

¹. Bom đạn Mỹ đã giết hại gần 2 triệu người, làm 2 triệu người bị tàn tật và 2 triệu người bị nhiễm chất độc hóa học, trong đó có khoảng 5 vạn trẻ em bị dị dạng. Sau ngày giải phóng, 3 triệu người ở thành thị và nông thôn miền Nam không có việc làm; hàng chục vạn dân nghèo, thiếu đói và 27 vạn thương, bệnh binh cần được giúp đỡ ổn định cuộc sống;...

rất khó khăn... Nhiều vấn đề kinh tế - xã hội cấp thiết đòi hỏi phải giải quyết.

Thêm vào đó, tuy bị thất bại hoàn toàn trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam, nhưng đế quốc Mỹ và các thế lực phản động vẫn không từ bỏ chính sách chống phá cách mạng Việt Nam. Ngày 16 tháng 5 năm 1975, Chính phủ Hoa Kỳ tuyên bố cấm vận đối với Việt Nam nhằm ngăn cản quá trình khôi phục hậu quả chiến tranh, phát triển kinh tế và xây dựng đất nước của Việt Nam. Chúng sử dụng bạo phản động, lực lượng tham gia trong quân đội và chính quyền Sài Gòn còn ngoan cố, tiến hành các vụ khiêu khích phá hoại, tác động đến tâm lý người dân, hòng gây ra các cuộc bạo loạn phản cách mạng ở miền Nam...

Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào sau khi ra đời cũng phải đương đầu với bộn bề những khó khăn, thách thức to lớn. Cuộc chiến tranh kéo dài 30 năm đã để lại hậu quả thật nặng nề².

Về kinh tế, thời gian này Lào vẫn là nước chậm phát triển, lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất đều lạc hậu. Một bộ phận không nhỏ dân cư sống du canh, du cư, làm nương rẫy. Hàng năm, Lào phải nhập 30 vạn tấn lương thực. Thu nhập bình quân đầu người thuộc loại thấp nhất thế giới - khoảng 130 USD/người; 85% dân số Lào sản xuất tiểu nông, với nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên. Tỷ lệ người mù chữ cao...

Sau năm 1975, Mỹ triển khai mạnh chiến lược diễn biến hòa bình, gây bạo loạn lật đổ ở Lào. Chúng sử dụng Thái Lan làm bàn đạp tập hợp các lực lượng phản động lưu vong Lào, nhằm nhanh chóng đảo ngược tình thế ở Lào bằng các biện pháp tổng hợp: đóng

². Hầu hết các thị xã, thị trấn, 40% bản, mường trong vùng giải phóng cũ, các trường học, bệnh viện, nhiều tuyến đường giao thông, các kênh mương thủy lợi... bị tàn phá nặng nề. Số trâu, bò chỉ còn một nửa so với thời kỳ trước chiến tranh, 10 vạn ha trên tổng số 50 vạn ha ruộng bị bỏ hoang...

cửa biên giới, bao vây cấm vận, nuôi dưỡng và chỉ đạo lực lượng Vàng Pao từ đất Thái trở về xây dựng căn cứ phi, chuẩn bị lực lượng ngầm gây bạo loạn, lật đổ; đồng thời tăng cường câu kết với các thế lực phản động nằm vùng hoạt động chống phá cách mạng Lào. Tính đến năm 1976, lực lượng này có khoảng 25.000 tên, lập các đảng phái chính trị phản động như “Chính phủ hoàng gia Lào” do Phui Xánánon làm thủ tướng; lập Bộ Chỉ huy của “Mặt trận cứu quốc Lào” do Phumi Nòxavăn và Vàng Pao đứng đầu; lập “Mặt trận cứu nước trung lập” do Koongle nắm. Chúng nhiều lần dùng tàn quân phái hữu kết hợp với các nhóm phản động nằm vùng gây bạo loạn ở những nơi chính quyền cách mạng còn non yếu; lôi kéo hàng vạn người Lào di tản, tổ chức mạng lưới gián điệp, lực lượng ngầm, xây dựng cơ sở chính trị phản động ở nội địa Lào, đưa lực lượng người Lào lưu vong tổ chức các đơn vị vũ trang vào hoạt động chiếm một số vùng quan trọng nhằm lật đổ chế độ mới ở Lào và ám hại cán bộ lãnh đạo ngay tại Thủ đô Viêng Chăn; mua chuộc, lôi kéo cán bộ, đảng viên, chia rẽ hàng ngũ Đảng Nhân dân cách mạng Lào, chia rẽ Lào với Việt Nam để tách Lào khỏi mối quan hệ với Việt Nam.

Chính quyền cách mạng Lào còn non trẻ, nhưng phải gánh vác nhiệm vụ nặng nề: củng cố độc lập, chủ quyền mới giành được, củng cố chính quyền dân chủ nhân dân, xây dựng và phát triển nền kinh tế của đất nước, cải thiện đời sống của nhân dân, tăng cường lực lượng cách mạng.

Mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam từ sau năm 1975 được thực hiện trong tình hình mỗi nước đều có những khó khăn chồng chất và những thuận lợi cơ bản như đã đề cập ở phần trên, đồng thời mối quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam cũng chịu tác động mạnh mẽ bởi những thay đổi của bối cảnh quốc tế và khu vực.

Trước hết, đó là quan hệ hợp tác của hai nước được mở rộng trong bối cảnh dư luận quốc tế và lực lượng tiến bộ trên thế giới ủng hộ các nước mới giành được độc lập, trong đó có Việt Nam và Lào; có hậu thuẫn là hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa giúp đỡ, chi viện. Vì thế, cũng như Việt Nam, Lào đưa ra quan điểm “Tranh thủ được sự viện trợ quốc tế to lớn, nhất là của các nước xã hội chủ nghĩa anh em”³. Việt Nam và Lào ký với các nước xã hội chủ nghĩa nhiều hiệp ước hoà bình, hữu nghị và hợp tác, nhiều hiệp định, hiệp nghị kinh tế, văn hoá để tăng cường, mở rộng quan hệ với các nước. Đồng thời trong bối cảnh trên thế giới, cuộc cách mạng khoa học công nghệ đang diễn ra như vũ bão, đẩy nhanh xu thế quốc tế hoá, toàn cầu hoá trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Do đó, các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam và Lào, có cơ hội và điều kiện để thu hút vốn đầu tư, kinh nghiệm quản lý, sử dụng các thành tựu khoa học công nghệ của thế giới để có thể đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế, xây dựng đất nước. Tuy nhiên, đi cùng với nó là sự cạnh tranh gay gắt dẫn tới nguy cơ tụt hậu xa hơn về kinh tế, là sự lợi dụng việc đầu tư vào các nước đang phát triển để thực hiện mục tiêu chính trị, làm cho các nước này phụ thuộc về kinh tế, dẫn đến phụ thuộc về chính trị.

Sau năm 1975, cục diện mới trong khu vực đã tạo điều kiện thuận lợi cho các nước ASEAN có khả năng độc lập, tự chủ hơn trong chính sách, chiến lược đối ngoại. Từ tháng 2 năm 1976, tại Hội nghị thượng đỉnh lần thứ nhất của ASEAN, các nước ASEAN đã ký kết *Hiệp ước thân thiện và hợp tác* (Hiệp ước Bali) nhằm xây dựng Đông Nam Á thành một khu vực hoà bình, ổn định, thể hiện xu hướng mong muốn cải thiện quan hệ với các nước Đông Dương.

³. Đại hội III Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1983, tr.24.

Tháng 6 năm 1976, khối quân sự SEATO đã giải thể theo đề nghị của các nước ASEAN. Để góp phần giữ gìn hoà bình, ổn định xây dựng đất nước, Việt Nam chủ trương sẵn sàng thiết lập và phát triển quan hệ hữu nghị hợp tác với các nước trong khu vực trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi, cùng tồn tại hoà bình⁴. Ngày 5 tháng 7 năm 1976, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Việt Nam Nguyễn Duy Trinh công bố Chính sách 4 điểm của Việt Nam đối với khu vực, trong đó khẳng định những nguyên tắc cơ bản cho việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước Đông Nam á. Quan hệ song phương được chính thức thiết lập giữa Việt Nam với Philíppin (tháng 7 năm 1976) và Thái Lan (tháng 8 năm 1976). Đến thời điểm này, Việt Nam đã thiết lập quan hệ ngoại giao với năm nước thành viên ASEAN. Trong những năm 1977 - 1978, quan hệ Việt Nam với từng nước thành viên ASEAN phát triển mạnh mẽ, hàng loạt các hiệp định hợp tác kinh tế - thương mại được ký kết. Thiện chí của Việt Nam cùng với những cố gắng của các nước ASEAN đã tạo ra những cơ sở đầu tiên cho việc xây dựng một Đông Nam á hoà bình, ổn định và hợp tác.

Trong khi đó, chính sách cấm vận của Mỹ cùng với những hoạt động của các lực lượng chống đối mặc dù bị thất bại nhưng vẫn nuôi dưỡng mưu đồ và tìm cách chống phá, lật đổ chính quyền mới, chia rẽ mối quan hệ Việt - Lào. Trong thời kỳ này, quan hệ hợp tác giữa hai nước gặp phải không ít khó khăn do sự tiếp tục chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch, bị bao vây, cấm vận về kinh tế và những diễn biến phức tạp trong khu vực. Sự tranh

⁴. Ngay sau khi ký Hiệp định Pari (tháng 1 năm 1973), Việt Nam đã bắt đầu triển khai chính sách khu vực, đẩy mạnh quan hệ song phương với các nước ASEAN. Việt Nam thiết lập quan hệ ngoại giao với Malaixia vào tháng 3 năm 1973 và Xingapo vào tháng 8 năm 1973.

giành ảnh hưởng của các nước lớn đối với khu vực Đông Nam á đã trở thành một trong những lý do để khu vực này lại trở thành điểm nóng vào cuối thập niên 70 và thập niên 80 thế kỷ XX. Các lực lượng thù địch trong khu vực và trên thế giới cũng tăng cường các hoạt động chống phá cách mạng Việt Nam. Sau khi Campuchia giành được độc lập, lực lượng Khome đỏ đã thực hiện chính sách diệt chủng đối với nhân dân trong nước và tiến hành khiêu khích, xâm phạm biên giới Việt Nam, Thái Lan và Lào, đặc biệt là biên giới Tây Nam Việt Nam. Hưởng ứng lời kêu gọi của *Mặt trận đoàn kết dân tộc cứu nước Campuchia*, ngày 7 tháng 1 năm 1979, quân đội Việt Nam đã giúp đỡ nhân dân Campuchia đánh đổ lực lượng Khome đỏ, giúp Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, xây dựng cuộc sống mới, hồi sinh đất nước. Trong bối cảnh đầy khó khăn phức tạp, Việt Nam vừa triển khai các hoạt động ngoại giao gần việc giải quyết vấn đề Campuchia với xây dựng hoà bình, ổn định ở Đông Nam á, vừa thúc đẩy đối thoại giữa hai nhóm nước Đông Dương và ASEAN, đẩy lùi đối đầu, phân hoá liên minh chống Việt Nam, chia rẽ đoàn kết Việt - Lào.

Cùng với những diễn biến phức tạp trên, quan hệ Việt Nam - Lào sau năm 1975 diễn ra trong điều kiện chủ nghĩa xã hội thế giới, đặc biệt là ở Liên Xô và các nước Đông Âu dần lâm vào tình trạng trì trệ dẫn đến khủng hoảng vào những năm 1980. Trong cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do cho dân tộc, cách mạng Việt Nam và Lào đã nhận được sự giúp đỡ to lớn và có hiệu quả về cả vật chất và tinh thần từ các nước xã hội chủ nghĩa. Bước vào công cuộc xây dựng đất nước, cả hai dân tộc đi lên từ điểm xuất phát thấp, lại bị chiến tranh tàn phá nặng nề, do vậy, sự trì trệ, khủng hoảng của chủ nghĩa xã hội thế giới, đặc biệt là ở Liên Xô và Đông Âu, đã tác động không nhỏ tới sự phát triển của cả Việt Nam và Lào trong điều kiện lịch sử mới.

2. Việt Nam và Lào chủ trương từng bước mở rộng quan hệ hợp tác toàn diện (1976 - 1981)

a) Quan hệ hai nước trong thời gian đầu khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định xây dựng đất nước (từ năm 1976 đến tháng 7 năm 1977)

Trong cuộc đấu tranh lâu dài chống kẻ thù chung là đế quốc Pháp, Mỹ và bọn phản động tay sai giành độc lập, tự do cho dân tộc, mối quan hệ giữa hai Đảng, quân đội và nhân dân hai nước dựa trên truyền thống đoàn kết giữa hai dân tộc, tinh thần quốc tế vô sản được hai Đảng và lãnh tụ hai nước dày công vun đắp, đã trở thành mối quan hệ đặc biệt thủy chung, trong sáng, mẫu mực, hiếm có và là nhân tố quan trọng, có ý nghĩa quyết định đối với thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Bước sang giai đoạn cách mạng mới, cả hai nước đều lựa chọn mục tiêu độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, cùng thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế, xây dựng và củng cố chế độ mới, không ngừng cải thiện đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần cho nhân dân, nhanh chóng đuổi kịp trình độ phát triển của các nước trong khu vực và trên thế giới. Đặc điểm này chi phối mạnh mẽ, sâu sắc mối quan hệ Việt - Lào, Lào - Việt Nam cũng như yêu cầu khách quan tất yếu đòi hỏi phải củng cố, mở rộng và phát triển một cách toàn diện mối quan hệ Việt - Lào trong thời kỳ mới.

Đảng và Nhà nước Việt Nam sau khi thống nhất đất nước, đã thực hiện chính sách đối ngoại nhằm góp phần cùng các nước xã hội chủ nghĩa, phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, củng cố khối đoàn kết, tăng cường giúp đỡ lẫn nhau. ở Lào, ngay trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội đại biểu nhân dân toàn quốc của Lào ngày 1 tháng 12 năm 1975 tại Thủ đô Viêng Chăn, đồng chí Cayxôn Phômvihản khẳng định: “Thực hiện chính sách đối ngoại độc lập,

hòa bình, hữu nghị và không liên kết nhằm xây dựng thành công một nước Lào hòa bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, phồn vinh, tiến bộ xã hội”; “xây dựng mối quan hệ hoà bình, hữu nghị với các nước láng giềng”, “đoàn kết và hợp tác với nhân dân Việt Nam và Campuchia anh em để bảo vệ mọi thành quả của cách mạng và xây dựng đất nước cho phù hợp với nguyện vọng của nhân dân ta”⁵.

Hơn một tháng sau khi cách mạng Lào thắng lợi, ngày 5 tháng 2 năm 1976, Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản - Tổng Bí thư Đảng, Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu sang thăm chính thức Việt Nam. Thành viên của Đoàn gồm các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị, Ủy viên Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào nắm giữ các vị trí quan trọng trong Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào: hai Phó Thủ tướng và nhiều Bộ trưởng: Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp và Thương nghiệp, Bộ trưởng Bộ Thông tin truyền thông, văn hoá và du lịch, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao. Đây là lần đầu tiên đoàn đại biểu cấp cao nhất của Lào đi thăm nước ngoài sau thắng lợi của cách mạng giải phóng dân tộc.

Tiếp các đồng chí lãnh đạo Đảng và Chính phủ Lào, thay mặt Đảng và Chính phủ Việt Nam, đồng chí Lê Duẩn, Tổng Bí thư Đảng Lao động Việt Nam bày tỏ quan điểm rằng: nhân dân Việt Nam đời đời ghi lòng tạc dạ sự giúp đỡ vô giá, tình nghĩa thuỷ chung của cách mạng Lào, đã góp phần quan trọng vào thắng lợi hoàn toàn của cách mạng Việt Nam. Đồng chí khẳng định, Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam nguyện làm hết sức mình ủng hộ Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào xây dựng thành công một nước Lào

⁵. Cayxôn Phômvihản: *Về cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Lào*, Sđd, tr.176, 177, 178.

hoà bình, độc lập, dân chủ, thống nhất, thịnh vượng và tiến lên chủ nghĩa xã hội, nguyện góp phần công sức cùng nhân dân Lào khắc phục hậu quả chiến tranh và xây dựng đất nước trong giai đoạn cách mạng mới, tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội. Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước sẽ gắng sức vun đắp cho tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác anh em mãi mãi xanh tươi, đời đời bền vững, đưa Việt Nam và Lào vững bước tiến lên giành thắng lợi mới cho cách mạng hai nước. Trong dịp này, hai đoàn đại biểu lãnh đạo Đảng và Nhà nước của hai nước đã tiến hành hội đàm trao đổi các vấn đề mà hai bên cùng quan tâm, ra *Tuyên bố chung Việt Nam - Lào* ngày 11 tháng 2 năm 1976. Tuyên bố chung khẳng định hai nước bước sang giai đoạn cách mạng mới, nhân dân hai nước quyết tâm phấn đấu củng cố độc lập dân tộc và xây dựng đất nước phồn vinh, phù hợp với điều kiện và đặc điểm riêng của mỗi nước.

Trên tinh thần đó, ngày 30 tháng 4 năm 1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Lao động Việt Nam ra Nghị quyết số 251-NQ/TW về *tăng cường giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới*. Nghị quyết nêu rõ: “Đảng ta khẳng định phương châm nỗ lực đáp ứng cao nhất các yêu cầu khách quan của cách mạng Lào với hết khả năng của mình và tiếp tục vận dụng tinh thần nghị quyết đã đề ra trước đây là giúp cơ bản, toàn diện, liên tục, lâu dài, một cách thích hợp với điều kiện mới và làm cho việc giúp đỡ có hiệu quả cao”. Nghị quyết khẳng định: trong tình hình mới, hai Đảng đều đã nắm chính quyền trong cả nước, mối quan hệ giữa Việt Nam với Lào có điều kiện phát triển và được triển khai toàn diện, giữa các tổ chức, các ngành và các cấp tương đương, thông qua các hình thức hoạt động đối ngoại giữa Đảng với Đảng, Nhà nước với Nhà nước và giữa các đoàn thể nhân dân với nhau...

Chính phủ Việt Nam sẽ hết sức giúp Lào về vốn, về chuyên gia,

kỹ thuật và lực lượng lao động, tranh thủ hợp tác về kinh tế, văn hoá, quân sự, xây dựng đường sá, sân bay, cơ sở quốc phòng, khai thác tài nguyên đất nước, trao đổi hàng hoá, văn hoá phẩm... Phối hợp với Lào trong các hoạt động quốc tế, đấu tranh ngoại giao, bảo vệ độc lập chủ quyền của nhau: “Bộ Chính trị yêu cầu toàn thể cán bộ, đảng viên và quân, dân cả nước phải *nâng cao tinh thần quốc tế vô sản, quán triệt sâu sắc và ra sức phấn đấu thực hiện nhiệm vụ quốc tế cao cả của Đảng, Nhà nước và nhân dân ta đối với cách mạng Lào*, coi đó là một bộ phận khăng khít và hết sức quan trọng gắn chặt với nhiệm vụ đối với Tổ quốc và cách mạng nước ta”⁶.

Ba tháng sau khi Nghị quyết của Bộ Chính trị về tăng cường quan hệ đặc biệt Việt - Lào ra đời, ngày 5 tháng 7 năm 1976, Việt Nam công bố chính sách 4 điểm đối với các nước Đông Nam á, trong đó có Lào, khẳng định những nguyên tắc cơ bản cho việc phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước Đông Nam á. Chính sách này có tác dụng tích cực đến tình hình Đông Nam á.

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 251 của Bộ Chính trị, từ ngày 29 tháng 8 đến 1 tháng 9 năm 1976, Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam do đồng chí Lê Thanh Nghị, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu đã sang thăm chính thức Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đây là đoàn đại biểu Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đầu tiên đến thăm Lào sau khi Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ra đời. Trong quá trình thăm đất nước Lào, Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam đã làm việc với Đoàn đại biểu Chính phủ Lào do đồng chí Nủhắc Phumxavăn làm trưởng đoàn. Hai bên thông báo cho nhau rất nhiều vấn đề về tình hình hai

⁶. Nghị quyết số 251-NQ/TW về tăng cường giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới, ngày 30 tháng 4 năm 1976. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, t.37, tr.111.

nước. Những ý kiến mà Đoàn đại biểu Chính phủ Việt Nam đưa ra được Lào đánh giá cao, thể hiện được quan điểm, lập trường rõ ràng của Việt Nam trong việc ủng hộ về chính trị, giúp đỡ về kinh tế một cách vô tư đối với cách mạng Lào. Trong chuyến làm việc này, Lào đã thể hiện sự tin tưởng đối với Việt Nam qua việc trao đổi bàn bạc với Việt Nam trước khi tuyên bố lập trường của Lào về vấn đề hợp tác với nước ngoài.

Kết quả đáng ghi nhận của chuyến làm việc này là một loạt hiệp định giữa Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã được ký kết (ngày 31 tháng 8 năm 1976): Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật; Hiệp định về thành lập Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật; Hiệp định về liên vận và quá cảnh hàng hoá, hành khách, hành lý; Hiệp định về thương mại; Hiệp định viện trợ và cho vay 1976 - 1977⁷. Các hiệp định được ký kết nhằm mục tiêu tăng cường mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào, phát triển sự hợp tác toàn diện về mọi mặt giữa hai nước.

Để bảo đảm thực hiện có hiệu quả Hiệp định, hai Chính phủ đã ký Hiệp định thành lập Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật hoạt động thường xuyên giữa hai Chính phủ. Ủy ban này có nhiệm vụ xem xét những vấn đề phát triển, mở rộng và làm tốt đẹp thêm các mối quan hệ kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước, đồng thời xem xét quá trình thực hiện và đề ra các biện pháp để thực hiện tốt Hiệp định...⁸.

⁷. Trước đó, ngày 25 tháng 1 năm 1976, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định vận chuyển hàng không dân dụng.

⁸. Ngày 7 tháng 3 năm 1977, Ủy ban Hợp tác kinh tế Lào - Việt Nam họp phiên thứ nhất. Trong phiên họp này hai đoàn thoả thuận ký kết một số vấn đề cụ thể về viện trợ cho Lào năm 1977, về hợp tác kinh tế, về khoa học - kỹ thuật, về việc Việt Nam để Lào sử dụng cảng Đà Nẵng.

Chuyến thăm Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào của Đoàn đại biểu Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và việc hai nước ký một loạt các hiệp định đã tạo cơ sở pháp lý, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, tin cậy, hợp tác lâu dài, giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa hai nước.

Cuối năm 1976, từ ngày 14 đến 20 tháng 12 năm 1976 diễn ra một sự kiện trọng đại đối với toàn Đảng, toàn quân và toàn dân Việt Nam. Đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV Đảng Lao động Việt Nam - Đại hội đầu tiên sau ngày đất nước Việt Nam thống nhất. Đại hội đã quyết định đưa cả nước tiến lên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đại hội cũng quyết định đổi tên Đảng thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Về mối quan hệ với Lào và Campuchia, *Báo cáo chính trị* của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội nêu rõ: “Ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Lào và nhân dân Campuchia, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, lòng tin cậy, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa nước ta với hai nước anh em trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, làm cho ba nước vốn đã gắn bó với nhau trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sẽ mãi mãi gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, vì độc lập và phồn vinh của mỗi nước”⁹.

Quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam được ghi trong *Báo cáo chính trị* tại Đại hội IV của Đảng một lần nữa khẳng định quyết tâm của Đảng, Nhà nước và nhân dân Việt Nam tiếp tục củng cố, tăng cường hơn nữa tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác với Đảng,

⁹. *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam tại Đại hội lần thứ IV*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1972, tr.178-179.

Nhà nước và nhân dân Lào.

Dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào sang dự Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam, Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản trong bài phát biểu chào mừng Đại hội, đã nhấn mạnh: “... Tôi xin thành thật nói rằng, trong mọi thành công của cách mạng Lào đều có sự đóng góp trực tiếp của cách mạng Việt Nam; trên mọi chiến trường của Tổ quốc thân yêu của chúng tôi đều có xương máu của các chiến sĩ quốc tế Việt Nam hoà lẫn với xương máu của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân các dân tộc Lào chúng tôi. Trong sự trưởng thành mọi mặt nhanh chóng và vững chắc của cách mạng Lào hiện nay đều có sự giúp đỡ lớn lao, vô giá của cách mạng Việt Nam”.

Đồng chí khẳng định, Đảng Nhân dân cách mạng Lào và nhân dân các dân tộc Lào: “... nguyện ra sức củng cố và tăng cường mối quan hệ đặc biệt đó, bảo vệ tình đoàn kết Lào - Việt như bảo vệ con người của mắt mình, đồng thời ra sức xây dựng và phát triển mối quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau một cách toàn diện, lâu dài mãi mãi, để cùng nhau bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng đất nước giàu mạnh...”¹⁰.

Sự kiện Đoàn đại biểu Đảng Nhân dân cách mạng Lào sang dự Đại hội của Đảng Cộng sản Việt Nam cùng với bài phát biểu của Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihản đã có tác động tích cực trong việc tăng cường quan hệ Việt - Lào trong giai đoạn cách mạng mới. Từ tháng 5 năm 1976 đến tháng 12 năm 1976, diễn ra các cuộc gặp gỡ và hội đàm giữa Tổng Bí thư, Bộ Chính trị của hai Đảng.

Nhằm thực hiện tốt Nghị quyết 251 của Bộ Chính trị, căn cứ vào tình hình thực tế ở Lào và quan hệ Việt Nam - Lào, ngày 30 tháng 12 năm 1976, Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam ra

¹⁰. Báo *Nhân dân*, số 8289, ngày 17 tháng 12 năm 1976.

Thông báo số 03-TB/TW: Quyết định của Bộ Chính trị về việc phân công trong nhiệm vụ tăng cường giúp đỡ cách mạng Lào đối với một số ban chuyên môn của Trung ương Đảng: Ban Đối ngoại, Ban Tuyên huấn, Ban Cán sự Đảng ngoài nước, Ban Công tác miền Tây. Theo đó, Ban Đối ngoại Trung ương có nhiệm vụ giúp Trung ương theo dõi tình hình mọi mặt ở Lào; nghiên cứu đề xuất các vấn đề thuộc về chủ trương, đường lối để Trung ương góp ý với Lào; trực tiếp nghiên cứu giúp Lào một số vấn đề về chính trị theo yêu cầu; giúp Trung ương theo dõi các ngành, các địa phương thực hiện nhiệm vụ giúp đỡ cách mạng Lào đảm bảo cho mối quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai dân tộc ngày càng được củng cố và tăng cường.

Ban Tuyên huấn Trung ương trực tiếp quản lý và chỉ đạo các trường Đảng miền Tây đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho Đảng Lào. Ban Cán sự Đảng ngoài nước có nhiệm vụ quản lý toàn bộ đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam giúp Lào trên đất Lào. Ban Công tác miền Tây sẽ tập trung tổng kết công tác giúp Lào trong hai cuộc kháng chiến và sẽ giải thể sau khi hoàn thành một số việc còn lại.

Ngày 10 tháng 5 năm 1977, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị về tăng cường quan hệ Việt Nam - Lào và công tác giúp Đảng Lào (1977 - 1980). Cùng ngày, Ban Bí thư ra Thông tư số 13-TT/TW về việc chọn cán bộ sang giúp Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Thông tư nêu rõ, theo yêu cầu của Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định cử một số cán bộ các ngành công tác Đảng và Chính phủ Việt Nam sang giúp các ngành của Trung ương và Chính phủ Lào, với tổng số khoảng 70 đồng chí và phải đảm bảo chất lượng và đủ số lượng. Theo đúng thời gian đã được thoả thuận, số cán bộ này sẽ sang nước Lào trước tháng 7 năm 1977.

Để đảm bảo thống nhất quản lý việc giúp đỡ, hợp tác các mặt chính trị, kinh tế, văn hoá với Lào, ngày 16 tháng 5 năm 1977, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Quyết định số 02-QĐ/TW về tổ chức và nhân sự Ban Cán sự Đảng về công tác giúp Lào (Ban Cán sự Đảng về công tác C), do đồng chí Đặng Thỉ làm bí thư, đồng chí Nguyễn Chính Giao và đồng chí Phan Hiền, uỷ viên. Ban Cán sự Đảng về công tác giúp Lào có nhiệm vụ, theo yêu cầu của Lào, phối hợp với các ban của Trung ương Đảng và các cơ quan nhà nước tổ chức nghiên cứu các vấn đề thuộc đường lối, chủ trương để Trung ương gợi ý với Lào; hướng dẫn các ngành, địa phương trong công tác giúp đỡ và hợp tác với Lào, tổng hợp tình hình để báo cáo lên Trung ương; quản lý, chỉ đạo đội ngũ cán bộ được cử sang giúp các cơ quan lãnh đạo và cùng Ban Cán sự Đảng ngoài nước làm công tác chính trị, tư tưởng trong đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên được cử sang giúp Lào.

Hợp tác quốc phòng, an ninh trong bối cảnh tình hình Lào có biến động, an ninh chính trị, chủ quyền lãnh thổ đứng trước sức ép từ phía các thế lực phản động trong nước, khu vực và quốc tế vào cuối năm 1976 đầu năm 1977.

Là một nước có đường biên giới dài 1.650 km với Thái Lan, trong 30 năm kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ xâm lược của nhân dân các dân tộc Lào vì độc lập, tự do của dân tộc, Thái Lan luôn thi hành chính sách thù địch, cấu kết với các thế lực đế quốc phản động ngăn cản bước tiến của cách mạng Lào. Khi cách mạng Lào thắng lợi, nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ra đời, Thái Lan lại mở cửa đón bọn phản động Lào. Thái Lan trở thành nơi chứa chấp, nuôi dưỡng, giúp chúng thành lập Chính phủ Lào lưu vong. Cùng với Mỹ, Thái Lan trực tiếp huấn luyện, trang bị vũ khí và đưa chúng trở lại phá Lào từ bên trong. Ngày 20 tháng 9 năm 1976, theo Đài BBC, một số lớn

quân đội phái hữu Lào đã vượt sang Thái nay trở về mang theo súng, đạn mưu toan gây bạo loạn ở một số nơi như Luông Phabang, Viêng Phu Kha, Chămpaxắc. Phối hợp với hoạt động của bọn phản động Lào, Thái Lan tăng cường các hoạt động khiêu khích, cho máy bay, thuyền chiến xâm phạm lãnh thổ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào... Về kinh tế, cuối tháng 5 đầu tháng 6 năm 1976, Thái Lan đã chi hàng tỷ kíp để rút hàng hoá ở các thành phố mới giải phóng của Lào, ngăn không cho Lào xuất khẩu gỗ qua Thái Lan; ra lệnh ngừng chở dầu quá cảnh sang Lào; cấm đưa vào Lào các mặt hàng thiết yếu phục vụ sản xuất, đời sống nhân dân như thóc giống, sữa bột, thuốc chữa bệnh, dụng cụ y tế...¹¹.

Trước tình hình đó, đáp ứng yêu cầu của cách mạng Lào, quân tình nguyện Việt Nam trở lại Lào vào cuối năm 1976. Tháng 1 và tháng 4 năm 1977, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Lào gặp nhau ở Viêng Chăn để bàn việc đưa quân tình nguyện Việt Nam trở lại Lào. Hai bên nhất trí triển khai bố trí lực lượng cụ thể trên một số địa bàn trọng yếu. Cùng với quân tình nguyện, theo yêu cầu của bạn, các tổng cục tổ chức các đoàn chuyên gia chuyên ngành và một số đơn vị chuyên môn sang giúp bạn xây dựng cơ sở hạ tầng và dự trữ lương thực ở hai khu căn cứ hậu cần chiến lược (Cánh đồng Chum và Mường Phin). Đây không chỉ là biểu hiện của tinh thần sẵn sàng giúp đỡ cách mạng Lào của quân và dân Việt Nam, mà còn chính là sự tiếp tục thực hiện theo lời căn dặn của Chủ tịch Hồ Chí Minh “giúp bạn là mình tự giúp mình” trong điều kiện lịch sử mới, đầy khó khăn thách thức của cách mạng hai nước. Trong bối cảnh chịu

¹¹. Xem *Sự thật về quan hệ Thái Lan - Campuchia, Thái Lan - Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1985, tr.102-108.

nhieu tác động trong quan hệ quốc tế sau chiến tranh, Việt Nam bị bao vây, cấm vận trên trường quốc tế, chính sự tin cậy của Đảng, Nhà nước và nhân dân các bộ tộc Lào đối với Việt Nam trong những năm tháng đầy khó khăn này, không chỉ góp phần tạo môi trường hòa bình, ổn định trong khu vực để cùng phát triển, mà còn góp phần rất quan trọng củng cố niềm tin vào con đường mà hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai quốc gia đã lựa chọn, động viên, khích lệ, giúp nhân dân Việt Nam vững tin vượt qua chặng đường gian nan sau chiến tranh để từng bước ổn định và phát triển.

Tạo điều kiện thuận lợi cho sự hợp tác toàn diện giữa hai nước, ngày 17 tháng 7 năm 1977, Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký Hiệp định thị thực xuất nhập cảnh và quá cảnh cho công dân hai nước mang hộ chiếu công vụ và ngoại giao.

Căn cứ vào Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật và Hiệp định về liên vận quá cảnh hàng hoá, hành khách, hành lý giữa hai nước, để giúp Lào giải quyết vấn đề mà Thái Lan sử dụng để gây sức ép đối với Lào, đó là vấn đề hàng hoá của Lào xuất khẩu, nhập khẩu quá cảnh qua Thái Lan, ngày 13 tháng 7 năm 1977, Bộ Giao thông vận tải Việt Nam và Bộ Giao thông công chính vận tải Lào ký Thỏa thuận về việc hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Lào quá cảnh qua cảng Đà Nẵng của Việt Nam. Theo đó, phía Việt Nam cam kết hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu của Lào quá cảnh qua cảng Đà Nẵng sẽ được tạo điều kiện dễ dàng và thuận lợi nhất, được ưu tiên bốc xếp, các tàu đến giao nhận hàng được hưởng quyền lợi như các tàu đến giao nhận hàng của Việt Nam, được dành riêng một khu vực kho bãi không phải trả tiền thuê và phía Lào tự quản lý, được miễn thuế hải quan. Thỏa thuận có hiệu lực ngay sau khi hai bên ký kết.

Bước sang thời kỳ mới, công tác đối ngoại nhân dân được hai Đảng và hai Nhà nước quan tâm, coi trọng. Mục đích là tăng cường hiểu biết lẫn nhau giữa nhân dân hai nước, xây dựng quan hệ quần chúng, nền tảng nhân dân cho đối ngoại Đảng và ngoại giao Nhà nước trong bối cảnh lịch sử mới. Hoạt động của các tổ chức quần chúng ở hai nước thể hiện sinh động, dưới nhiều hình thức phong phú. Hội Hữu nghị Việt - Lào¹² có mối quan hệ gắn bó với Hội Hữu nghị Lào - Việt¹³, Ủy ban Bảo vệ hoà bình thế giới của Việt Nam¹⁴ và Ủy ban Hoà bình và đoàn kết Lào, cùng các tổ chức hoà bình, đoàn kết, hữu nghị của hai nước từng bước được củng cố, kiện toàn về tổ chức, bổ sung hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ để đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ thời kỳ cách mạng mới. Liên hiệp các Tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt - Lào cùng nhiều tổ chức như Mặt trận Tổ quốc, Đoàn Thanh niên, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Nông dân, Tổng Liên đoàn lao động... của Việt Nam và những tổ chức tương ứng của Lào tham gia tích cực vào việc củng cố, tăng cường quan hệ nhân dân hai nước.

b) Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (tháng 7 năm 1977) - cơ sở pháp lý vững chắc, lâu dài cho quan hệ hai nước trong thời kỳ mới

Trước yêu cầu khách quan của cách mạng hai nước trước tình hình mới, từ ngày 15 đến 18 tháng 7 năm 1977, Đoàn đại biểu cấp cao của Đảng và Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam do Tổng Bí thư Lê Duẩn và Thủ tướng Phạm Văn Đồng dẫn đầu sang thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Cộng hòa xã

¹². Thành lập ngày 15 tháng 1 năm 1975.

¹³. Thành lập ngày 3 tháng 5 năm 1975 tại huyện Viêng Xây, tỉnh Hủa Phăn.

¹⁴. Thành lập ngày 19 tháng 11 năm 1950.

hội chủ nghĩa Việt Nam tiến hành hội đàm với Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào do đồng chí Cayxôn Phômvihản, Tổng Bí thư - Thủ tướng Chính phủ dẫn đầu. Trong bầu không khí hữu nghị, thắm thiết tình đồng chí anh em, hai bên đã trao đổi ý kiến về các vấn đề quốc tế quan trọng, các vấn đề hai bên cùng quan tâm cũng như các vấn đề nhằm phát triển mối quan hệ hữu nghị, hợp tác giữa Đảng, Chính phủ và nhân dân hai nước trên cơ sở đáp ứng nguyện vọng thiết tha và lợi ích sống còn của hai dân tộc trong sự nghiệp bảo vệ độc lập dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội, tăng cường sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt vì lợi ích bảo vệ và xây dựng đất nước của nhân dân mỗi nước, đồng thời thúc đẩy xu thế độc lập, hoà bình và trung lập thật sự ở Đông Nam á, góp phần xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa các Đảng, các nước xã hội chủ nghĩa anh em. Ngày 18 tháng 7 năm 1977, hai nước đã thoả thuận ký kết các Hiệp ước và ra Tuyên bố chung, tăng cường sự tin cậy và hợp tác lâu dài giữa hai nước: Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; Hiệp ước về Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam viện trợ không hoàn lại và cho vay không lấy lãi trong ba năm (1978 - 1980).

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào (tháng 7 năm 1977)¹⁵ là Hiệp ước toàn diện đặc biệt quan trọng mang tính chiến lược lâu dài, là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng

¹⁵. Hiệp ước có giá trị trong 25 năm và sẽ được mặc nhiên gia hạn thêm từng 10 năm nếu một trong hai bên không thông báo cho bên kia ý định huỷ bỏ Hiệp ước ít nhất là một năm trước khi hết hạn.

cường lâu dài tình đoàn kết, mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Hiệp ước nêu rõ: hai bên cam kết ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, không ngừng tăng cường tình đoàn kết và tin cậy lẫn nhau, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt trên tinh thần của chủ nghĩa quốc tế vô sản và theo nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

Hiệp ước khẳng định mối quan hệ hữu nghị đặc biệt, liên minh đoàn kết chiến đấu và hợp tác toàn diện giữa hai dân tộc không chỉ trong sự nghiệp giải phóng dân tộc mà còn cả trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc sau chiến tranh. Đây là mốc lịch sử quan trọng đánh dấu bước ngoặt mới trong quan hệ giữa hai nước. Việc ký kết hiệp ước đó còn có ý nghĩa quốc tế quan trọng, nêu cao tinh thần quốc tế trong sáng giữa hai nước đang cùng hướng tới mục tiêu chủ nghĩa xã hội và phát huy ảnh hưởng tích cực trong khu vực.

Theo tinh thần của nội dung Hiệp ước, Bộ trưởng Ngoại giao hai nước tăng cường phối hợp chặt chẽ về đường lối hoạt động đối ngoại. Các hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao cùng với những hoạt động ngoại giao phát huy hiệu quả công tác đối ngoại mỗi nước và sức mạnh của ba nước Đông Dương trên trường quốc tế, góp phần làm cho môi trường an ninh chính trị Đông Nam á đi dần vào ổn định, thể hiện thiện chí của các nước Đông Dương xây dựng khu vực hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển.

Hai bên cam kết sẽ tăng cường quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa, hai bên cùng có lợi về nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp, giao thông vận tải, khai thác tài nguyên thiên nhiên và về các lĩnh vực khác; hết lòng viện trợ cho nhau về kinh tế và kỹ thuật; giúp nhau đào tạo cán bộ; trao đổi chuyên gia các ngành kinh tế, văn hoá, khoa

học - kỹ thuật; mở rộng quan hệ mậu dịch theo chế độ ưu đãi đặc biệt.

Hai bên sẽ mở rộng trao đổi khoa học - kỹ thuật, hợp tác về văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, y tế, thông tấn, báo chí..., tăng cường tiếp xúc giữa các ngành hữu quan. Hai bên cam kết quyết tâm xây dựng biên giới Việt - Lào thành biên giới hữu nghị anh em trên cơ sở Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước; cam kết hoàn toàn tôn trọng và ủng hộ đường lối quốc tế độc lập, tự chủ của nhau....

Sau khi Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Lào được ký kết, Đảng và Nhà nước Việt Nam liên tục đẩy mạnh và mở rộng công tác tuyên truyền, giáo dục về quan hệ đặc biệt Việt - Lào, đấu tranh chống các quan điểm sai trái về mối quan hệ Việt - Lào, bảo vệ tình đoàn kết Việt - Lào. Đảng, Nhà nước Lào tổ chức nhiều đợt học tập, chỉnh huấn về tình hình nhiệm vụ và quan hệ Lào - Việt từ trung ương xuống tận cơ sở, tạo bước chuyển biến quan trọng trong nhận thức của cán bộ, chiến sĩ, nhân dân các bộ tộc Lào về quan hệ đặc biệt Lào - Việt.

Về phía Việt Nam, để thực hiện tốt các hiệp ước vừa được ký kết giữa hai nước, đồng thời tiếp tục quán triệt Nghị quyết 251 của Bộ Chính trị, ngày 18 tháng 10 năm 1977, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 21-CT/TW về tăng cường quan hệ đặc biệt Việt - Lào. Chỉ thị nêu rõ, Đảng và Chính phủ Việt Nam coi việc ký kết và thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước vừa là nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào, vừa là lợi ích thiết thực trước mắt và lâu dài của cách mạng Việt Nam. Độc lập, tự do và hạnh phúc của hai dân tộc gắn bó chặt chẽ với nhau. Thắng lợi và sự phát triển cách mạng hai nước hiện nay và

sau này không thể tách rời nhau¹⁶.

Về xây dựng biên giới hữu nghị lâu dài, Ban Bí thư giao cho Ban Biên giới Trung ương, các ngành, các địa phương có nhiệm vụ giúp Lào và cùng phía Lào thực hiện tốt việc phân định ranh giới trên thực địa, cắm mốc, xác định cửa khẩu qua lại giữa hai nước, sớm ban hành quy chế biên giới hữu nghị Việt - Lào, đồng thời tăng cường giáo dục cán bộ, chiến sĩ, nhân dân sống dọc biên giới tôn trọng và thực hiện nghiêm túc quy chế.

Để thực hiện Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia, ngày 11 tháng 11 năm 1977, Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Chỉ thị về công tác phân giới và cắm mốc đường biên giới Việt - Lào. Từ ngày 17 đến 19 tháng 11 năm 1977, Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức hội nghị đại biểu các ngành, các địa phương có liên quan đến công tác giúp đỡ và hợp tác với Lào để phổ biến Nghị quyết số 251 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 21 của Ban Bí thư. Tiếp đó, ngày 7 tháng 1 năm 1978, Thủ tướng ra Chỉ thị số 316-TTg về việc giải quyết một số vấn đề liên quan đến việc thực hiện Hiệp ước hoạch định biên giới Việt - Lào. Chỉ thị nêu phương hướng, biện pháp cần thiết để giải quyết tốt, đúng thời gian quy định công tác phân giới và cắm mốc đúng biên giới Việt - Lào; các vấn đề liên quan đến việc chuyển giao cho Lào một số vùng theo thoả thuận điều chỉnh đường biên giữa hai nước nhằm thực hiện nghiêm Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia Việt - Lào, góp phần củng cố, tăng cường hơn nữa quan hệ đoàn kết hữu nghị giữa hai nước.

Cuối năm 1978, Chính phủ hai nước ký Nghị định thư về trao đổi hàng hoá và trả tiền năm 1979. Hai bên thoả thuận sẽ trao đổi

¹⁶. Xem Chỉ thị của Ban Bí thư, số 21-CT/TW ngày 18 tháng 10 năm 1977 về việc tăng cường quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, phòng số 82, đơn vị bảo quản 2375.

hàng hoá trị giá khoảng 10 triệu USD theo nguyên tắc cân bằng.

Vấn đề cử chuyên gia sang giúp Lào tiếp tục được Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ đạo sát sao. Ngày 21 tháng 12 năm 1977, Ban Bí thư ra Thông tri số 25-TT/TW cho các đảng đoàn các bộ, ngành thi hành một số công việc cụ thể: nghiên cứu yêu cầu của Lào về chuyên gia, nhất là chuyên gia giúp cho lãnh đạo các ngành; lựa chọn những cán bộ có phẩm chất tốt, có khả năng phù hợp với yêu cầu cụ thể để cử sang Lào, bồi dưỡng trước khi cử sang để các chuyên gia nắm được tình hình, đường lối của Đảng, nắm được phương châm, thái độ, phương pháp giúp đỡ, Ban Bí thư giao cho Ban Cán sự Đảng về công tác giúp Lào phối hợp với cán bộ, ngành trao đổi ý kiến với lãnh đạo các ngành và trung ương của Lào về nội dung, chương trình công tác, thời gian.

Công tác tuyên huấn đóng vai trò rất quan trọng trong việc củng cố, tăng cường quan hệ đặc biệt Việt - Lào, căn cứ vào thoả thuận giữa Trung ương hai Đảng, căn cứ vào yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, ngày 28 tháng 10 năm 1978, Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam ra Quyết định số 30-QĐ/TW Thành lập Đoàn cán bộ tuyên huấn giúp Lào bên cạnh Trung ương Đảng Lào. Nhiệm vụ của Đoàn là nghiên cứu giúp Lào toàn diện về công tác tuyên truyền - huấn luyện, báo chí xuất bản, thông tin văn hoá, đề xuất kiến nghị với Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về công tác tuyên truyền - huấn luyện, văn hoá nhằm tăng cường tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt giữa hai Đảng và nhân dân hai nước. Đồng chí Phan Hiền, trợ lý đặc biệt công tác giúp Lào của Ban Tuyên huấn Trung ương được chỉ định làm trưởng đoàn.

Trực tiếp chỉ đạo thực hiện chủ trương của Trung ương Đảng, thực hiện các hiệp ước vừa được ký kết giữa hai nước, Chỉ thị 21-CT/TW (tháng 10 năm 1977) của Ban Bí thư về tăng cường quan hệ đặc biệt Việt - Lào, ngày 15 tháng 4 năm 1978, Ban Bí thư

ra thông tư nêu một số nhiệm vụ cụ thể cần làm trong các công tác như công tác biên giới, công tác Việt kiều, công tác viện trợ và hợp tác kinh tế, công tác giúp Lào, công tác mở rộng quan hệ giữa các địa phương của hai nước.

Quan hệ Việt Nam và Lào được triển khai thông qua các tổ chức đoàn thể nhân dân và các ban, ngành, địa phương. Quán triệt Chỉ thị 21 (tháng 10 năm 1977) của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam về tăng cường quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, các tổ chức đoàn thể nhân dân, các ngành, các cấp, các địa phương, các đơn vị đã chủ động phát triển những hình thức tổ chức và hoạt động đoàn kết hữu nghị với Lào. Thành lập các chi hội hữu nghị Việt - Lào ở các tỉnh, thành phố như: Lai Châu, Quảng Nam - Đà Nẵng, Hà Nội... Tổ chức kết nghĩa giữa một số tỉnh, thành phố của hai nước: Hà Nội - Viêng Chăn, Hà Nam Ninh - Uđômxay, Vĩnh Phúc - Luông Nặm Thà, Hà Sơn Bình - Luông Phạbang... Các bộ, ngành, địa phương mời các bộ, ngành, địa phương hai nước sang thăm, trao đổi kinh nghiệm, nghiên cứu tìm các hình thức, nội dung hợp tác phù hợp.

Ngành thông tin tuyên truyền, báo chí xuất bản của hai nước tăng cường các hoạt động tuyên truyền nhân những ngày lễ trọng đại của hai dân tộc như Quốc khánh, ngày thành lập Đảng, thành lập quân đội, kỷ niệm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh; xuất bản tác phẩm của các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước hai nước... Kỷ niệm lần thứ nhất ngày ký Tuyên bố chung Việt - Lào, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Lào (18 tháng 7 năm 1977 - 18 tháng 7 năm 1978, tại Việt Nam, thực hiện Thông tư số 47-TT/TW của Ban Bí thư với mục đích làm cho toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nhận thức đầy đủ hơn về tầm quan trọng, nội dung mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào trong giai đoạn mới của cách mạng, nhiều hình thức hoạt động được tổ chức: trao đổi điện mừng giữa lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Quốc hội hai nước, Hội Hữu nghị Việt

- Lào và Hội Hữu nghị Lào - Việt; tổ chức mít tinh quần chúng ở thủ đô, ở các tỉnh biên giới với Lào, trao đổi các đoàn thăm hữu nghị giữa các tỉnh biên giới; mở đợt tuyên truyền rộng rãi về tình hữu nghị đặc biệt Việt - Lào trên các báo, đài phát thanh và truyền hình, trưng bày một số tranh ảnh về thành tựu xây dựng đất nước Lào...

Cùng với các hoạt động trên, một đợt sinh hoạt chính trị chủ đề “đoàn kết hữu nghị và hợp tác Việt - Lào” được tổ chức ở các cấp, các ngành, các đảng bộ nhằm quán triệt những văn kiện như Nghị quyết 251 của Bộ Chính trị, Chỉ thị 21 của Ban Bí thư, Tuyên bố chung, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt - Lào nhằm tạo sự thông suốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước Việt Nam về quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt giữa hai nước Việt - Lào.

Trước thực tiễn sinh động một lần nữa chứng tỏ mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào, quan hệ đoàn kết giữa ba nước Đông Dương là sức mạnh vô địch, là quy luật phát triển của mỗi nước, lãnh đạo Đảng, Nhà nước Việt Nam - Lào càng khẳng định mạnh mẽ hơn tầm quan trọng của việc củng cố, phát triển mối quan hệ đặc biệt đó trong bối cảnh phải đối phó với chiến tranh tâm lý, diễn biến hoà bình, những âm mưu của các thế lực thù địch phản động câu kết với nhau hòng chống phá, kìm hãm bước tiến của cách mạng mỗi nước. Trong điện mừng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam nhân kỷ niệm 50 năm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, khẳng định, Đảng Nhân dân cách mạng Lào sẽ tiếp tục truyền thống vẻ vang của Đảng Cộng sản Đông Dương, luôn luôn tăng cường bồi đắp cho tình đoàn kết vĩ đại giữa Đảng và nhân dân hai nước, coi đó là cột trụ bảo đảm thắng lợi cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng Tổ quốc của mình, làm cho mối quan hệ hai nước mãi

mãi phát triển tốt đẹp, không thể lực phản động nào có thể phá vỡ nổi.

Tháng 4 năm 1980, Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra Nghị quyết về kỷ niệm lần thứ 90 ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh; xác định đây là sự kiện có ý nghĩa quan trọng trong đời sống chính trị của nhân dân Lào nhằm mục tiêu nâng cao nhận thức của cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân Lào về cuộc đời hoạt động, những cống hiến của Người với cách mạng Lào, rèn luyện học tập đạo đức cách mạng cao đẹp của Người, tinh thần yêu nước nồng nàn, chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng của Chủ tịch Hồ Chí Minh để từ đó tiếp tục củng cố, tăng cường mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Trên các diễn đàn quốc tế, hai nước đoàn kết nhất trí, phối hợp đấu tranh vạch trần những luận điệu xuyên tạc sự thật, những thủ đoạn chiến tranh tâm lý chia rẽ ba nước Đông Dương, chia rẽ Lào với Việt Nam, chia rẽ nội bộ mỗi nước, cô lập Việt Nam. Chính Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, bằng thực tế của đất nước mình, bằng những lý lẽ chân thành, có sức thuyết phục đã phản bác luận điệu vu cáo Việt Nam như “Việt Nam muốn lập Liên bang Đông Dương”, “Việt Nam thôn tính Lào, Campuchia”, “Việt Nam sẽ tiến công các nước ASEAN”..., làm cho thế giới thấy rõ những hy sinh to lớn của nhân dân Việt Nam, quân đội Việt Nam nhằm giúp đỡ nhân dân Campuchia thoát khỏi họa diệt chủng, giúp Lào bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững hoà bình trong khu vực và thế giới bằng chủ nghĩa quốc tế chân chính, trong sáng.

3. Triển khai quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực (1976 - 1981)

Những năm 1976 - 1981, tuy Việt Nam cũng như Lào khó khăn

còn chồng chất, nhưng hai nước luôn nhận thức rất rõ rằng tình đoàn kết chiến đấu giữa hai Đảng và nhân dân hai nước là quy luật tồn tại và phát triển của cách mạng mỗi nước, là sức mạnh vô địch giúp hai dân tộc Việt Nam, Lào chiến thắng mọi kẻ thù. Vì vậy bước vào giai đoạn cách mạng mới, Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Nghị quyết số 251-NQ/TW về việc tăng cường đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với cách mạng Lào trong giai đoạn mới, đề ra phương hướng, nhiệm vụ đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với Lào trên tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, trên tinh thần “hạt gạo cắn đôi, cọng rau bẻ nửa” với cách mạng Lào trong những năm tháng đầu tiên của chế độ xã hội mới dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Về phía Lào, Đảng Nhân dân cách mạng Lào cũng xác định rất rõ liên minh, đoàn kết hợp tác với Việt Nam là một quy luật phát triển của cách mạng Lào và nguyện ra sức củng cố, tăng cường mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt, bảo vệ tình đoàn kết Lào - Việt như bảo vệ con người của mắt mình, đồng thời ra sức phát triển mối quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau một cách toàn diện, lâu dài, mãi mãi để cùng nhau bảo vệ thành quả cách mạng, xây dựng đất nước giàu mạnh.

Từ khi hoà bình lập lại, theo yêu cầu của Lào, Việt Nam đã giúp giải quyết một số yêu cầu cấp bách mau chóng ổn định sản xuất và đời sống. Đồng thời, xúc tiến điều tra cơ bản các mặt nhằm phát huy khả năng phát triển kinh tế sau giải phóng của Lào. Thời kỳ này mối quan hệ đoàn kết giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước được tăng cường và mở rộng toàn diện trên nhiều lĩnh vực. Quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam được khẳng định là nhiệm vụ chiến lược, thiết thân phục vụ lợi ích, bảo đảm an ninh, chính trị, phát triển của mỗi nước.

Hợp tác chính trị: Trong những năm 1976 - 1981, quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước được tăng cường, gắn bó chặt chẽ, hiểu biết

và tin cậy lẫn nhau thông qua các chuyến thăm, làm việc giữa các đoàn đại biểu cấp cao của hai Đảng, Chính phủ hai nước; các cuộc hội đàm giữa hai Bộ Chính trị thường niên về những vấn đề trong nước và thế giới mà hai bên cùng quan tâm như các Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa hai nước.

Các cuộc trao đổi, gặp gỡ, hội đàm... giữa lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước góp phần rất quan trọng củng cố, tăng cường tình đoàn kết đặc biệt Việt - Lào và là cơ sở nền tảng để phát triển quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Do có sự gặp gỡ, tiếp xúc, trao đổi thông báo thường xuyên cho nhau về tình hình mọi mặt giữa lãnh đạo Đảng, Nhà nước và quân đội hai nước một cách thẳng thắn, chân thành như tình hình xung đột biên giới Tây Nam Việt Nam do tập đoàn Pôn Pốt - Iêngxari gây ra; những âm mưu, hành động đe dọa gây sức ép, xâm phạm chủ quyền lãnh thổ ở vùng biên giới phía Bắc Lào, hai bên ngày càng hiểu, tin cậy lẫn nhau, nhất trí cao trong các vấn đề đối ngoại, ủng hộ nhau mạnh mẽ trên mặt trận đối ngoại, trên các diễn đàn quốc tế. Ngày 21 tháng 10 năm 1978, phát biểu tại khoá họp lần thứ 33 của Đại hội đồng Liên hợp quốc, quyền Bộ trưởng Ngoại giao Lào lên tiếng ủng hộ đề nghị của Việt Nam nhằm tìm giải pháp cho cuộc xung đột biên giới Việt Nam - Campuchia bằng con đường thương lượng hoà bình, trên cơ sở thiện chí, chân thành, không có sự can thiệp của nước ngoài. Đồng thời lên án chính sách của các nước lớn can thiệp vào công việc nội bộ, gây chia rẽ giữa các nước trong khu vực Đông Nam á.

Những quan điểm của Đảng, Nhà nước Lào trong quan hệ đối ngoại thời gian này đã trực tiếp góp phần quan trọng giúp đỡ Việt Nam: ủng hộ, phối hợp với Việt Nam trong vấn đề Campuchia trên diễn đàn quốc tế, giúp Việt Nam trong quan hệ của Đảng Việt

Nam với Đảng Campuchia, thông báo thông tin tình hình nội bộ Campuchia và nước ngoài ở Campuchia... Ngày 23 và 24 tháng 3 năm 1979, Bộ Chính trị của hai Đảng đã tiến hành hội đàm về nhiều vấn đề. Riêng đối với quan hệ Việt - Lào, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam - Lê Duẩn nói: “Thay mặt Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam, tôi xin nhiệt liệt cảm ơn Đảng, Chính phủ và nhân dân Lào anh em đã tận tình ủng hộ, giúp đỡ chúng tôi trong những cuộc chiến tranh vừa qua, thể hiện đầy đủ mối quan hệ đặc biệt giữa chúng ta mà trong lịch sử chưa từng có. Trong những khi có tình hình gay go ở Việt Nam thì các đồng chí Lào là người thông cảm với chúng tôi hơn ai hết. Các đồng chí vui mừng trước thắng lợi của Việt Nam, coi như thắng lợi của chính mình”¹⁷. Đồng chí Cayxôn Phômvihân đã khẳng định quan điểm lập trường trước sau như một ủng hộ Việt Nam của Lào: Lào vững mạnh, độc lập thì Việt Nam ổn định, phồn vinh².

Nhằm tăng cường sự hiểu biết và hợp tác giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hòa Nhân dân Campuchia, từ năm 1980, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước thường xuyên được tổ chức. Hội nghị nhằm trao đổi tình hình ba nước và những vấn đề quốc tế mà các bên quan tâm, bàn những biện pháp tăng cường đoàn kết, hợp tác giữa ba nước. Hội nghị năm 1980 đã ra thông cáo chung chào mừng thành tích về mọi mặt của nhân dân ba nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, chào mừng sự hồi sinh nhanh chóng của nhân dân Campuchia trong hai năm 1979 - 1980 với những tiến bộ trong sản xuất, đẩy lùi nạn đói, ổn định đời sống, xoá bỏ hậu quả nặng nề của chế độ diệt chủng, xây dựng cuộc sống mới. Thông cáo nêu rõ sự

¹⁷, 2. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, phòng số 82, đơn vị bảo quản 2380.

giúp đỡ của nhân dân Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các nước không liên kết và nhân dân thế giới. Nhân dân Việt Nam, Lào, Campuchia đang ra sức khắc phục mọi khó khăn, làm thất bại mọi âm mưu và hành động của các thế lực thù địch phản động chống ba nước Đông Dương. Việt Nam, Lào, Campuchia ngày càng trở thành nhân tố quan trọng bảo đảm hoà bình, ổn định và hợp tác ở Đông Nam á.

Các bộ trưởng đã trao đổi ý kiến về việc chuẩn bị cho Hội nghị cấp cao ba nước sẽ họp vào những thời điểm thích hợp, với các biện pháp trước mắt nhằm tăng cường sự hợp tác mọi mặt giữa ba nước.

Trên tinh thần đó Hội nghị lần thứ IV Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam, Lào, Campuchia diễn ra từ ngày 13 đến 14 tháng 6 năm 1981. Ba bộ trưởng tiếp tục trao đổi với nhau về tình hình quốc tế và khu vực, bàn các biện pháp nhằm tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác về mọi mặt giữa ba nước; trao đổi ý kiến về việc chuẩn bị cho hội nghị cấp cao giữa ba nước. Ba bộ trưởng nhất trí nhận định tình đoàn kết chiến đấu hữu nghị và hợp tác toàn diện giữa ba nước không ngừng phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, các kế hoạch hợp tác kinh tế, văn hoá, giáo dục, khoa học - kỹ thuật được thực hiện có hiệu quả góp phần nâng cao tiềm lực của mỗi nước. Việc tăng cường trao đổi các đoàn Đảng, Chính phủ và nhân dân ba nước cũng như phong trào kết nghĩa anh em giữa các địa phương của ba nước đã góp phần quan trọng làm sâu sắc thêm sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau giữa ba dân tộc.

Song song với việc tăng cường quan hệ ba bên, quan hệ đặc biệt Việt - Lào tiếp tục được Đảng, Nhà nước hai nước quan tâm phát triển. Các hiệp định, nghị định thư, kế hoạch hợp tác được ký kết trước đây giữa hai Chính phủ, giữa các bộ, ngành tiếp tục được triển khai bằng nỗ lực quyết tâm của cả hai bên. Sự hợp tác Việt -

Lào đã mở rộng sang một số lĩnh vực khác như hợp tác về vấn đề dân tộc giữa Ban Dân tộc Trung ương của Đảng Cộng sản Việt Nam và Ban Dân tộc Trung ương của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Ngày 30 tháng 5 năm 1979, Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã ký Hiệp định về thanh toán phi mậu dịch.

Việc trao đổi các đoàn Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành để nghiên cứu, học hỏi kinh nghiệm, bàn thảo các kế hoạch hợp tác, các hoạt động giao lưu giữa các địa phương, đơn vị kết nghĩa, các đoàn thể quần chúng diễn ra thường xuyên hơn. Năm 1979, Việt Nam đón một đoàn 250 cán bộ cao cấp, trung cấp đang học lý luận tại Trường Đảng cao cấp Lào sang tham quan thực tế, một số đoàn của Bộ Tài chính, của báo *Tiếng nói nhân dân* Lào... Phía Việt Nam cũng cử nhiều đoàn sang Lào trao đổi kinh nghiệm hợp tác như đoàn của Ban Tuyên huấn Trung ương, Ban Nông nghiệp Trung ương, báo *Nhân dân*, Tổng cục Khí tượng - Thủy văn, v.v..

Ghi nhận sự hợp tác giúp đỡ và tin cậy lẫn nhau giữa hai Đảng và hai Nhà nước trong tiến trình cách mạng, tháng 5 năm 1981, Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước ta do Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp dẫn đầu sang thăm Lào. Thay mặt Đảng và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Phó Thủ tướng đã trao Huân chương Sao vàng - huân chương cao quý nhất của Nhà nước Việt Nam tặng Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Cayxôn Phômvihản. Trong diễn văn đọc tại buổi lễ, Phó Thủ tướng Võ Nguyên Giáp nhấn mạnh: “Trao tặng đồng chí Huân chương cao quý nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Đảng Cộng sản Việt Nam, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân Việt Nam bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đối với đồng chí, đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân các dân tộc Lào anh em đã hết lòng ủng hộ và giúp đỡ sự nghiệp đấu tranh cách mạng của nhân dân Việt Nam”. Đồng chí Cayxôn

Phômvihản khẳng định: “Sự kiện này tượng trưng cho tình đoàn kết hữu nghị thắm thiết, sắt son, đồng cam cộng khổ, giúp đỡ lẫn nhau và động viên cổ vũ nhau cùng tiến lên trong lúc khó khăn cũng như khi thuận lợi”. Báo *Xiêng Páxaxon*, ngày 4 tháng 5 năm 1981, viết: “Nhân dân các dân tộc Lào vô cùng cảm kích thấy rằng trong năm năm qua, mặc dù nước Việt Nam phải trải qua biết bao thử thách lớn lao,... lại liên tiếp gặp phải thiên tai nghiêm trọng, nhưng nhân dân Việt Nam vẫn kiên quyết thực hiện nghĩa vụ quốc tế cao cả của mình, dành sự giúp đỡ to lớn, toàn diện cho Lào trong công cuộc bảo vệ và xây dựng Tổ quốc. Nhân dịp này, nhân dân các dân tộc Lào xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đối với Đảng, Chính phủ và nhân dân Việt Nam về sự giúp đỡ quý báu và đầy tình cảm anh em đó”¹⁸. Tháng 11 năm 1981, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định nhân dịp Quốc khánh Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào trao tặng Huân chương Sao vàng cho đồng chí Xuphanuvông - Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ tịch nước, Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tối cao Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Mặt trận xây dựng Tổ quốc Lào. Trao tặng Huân chương Hồ Chí Minh cho các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Phó Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào: Nủhắc Phumxavăn, Phumi Vôngvichít, Khăm Tày Xiphăndon, Phun Xipaxot và đồng chí Xixômphon Lòvănxay, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tối cao Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Ngày 2 tháng 12 năm 1981, thay mặt Đảng, Nhà nước, Quốc hội Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đồng chí Chu Huy Mân, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt

¹⁸. Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng 1958 - 1991, phòng số 82, mục lục số 01, đơn vị bảo quản 2385.

Nam dẫn đầu Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Việt Nam sang Lào trao Huân chương Sao vàng - huân chương cao quý nhất của Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng đồng chí Xuphanuvông.

Nhân dịp kỷ niệm bốn năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Lào - Việt Nam, ngày 22 tháng 8 năm 1981, Đảng và Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào quyết định tặng đồng chí Lê Duẩn - Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam - Huân chương Vàng quốc gia. Trong buổi lễ, đồng chí Nủhắc Phumxavăn, Ủy viên Bộ Chính trị, Phó Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã phát biểu: “Những người cách mạng Lào vô cùng tự hào và quý trọng đồng chí, đánh giá cao sự quan tâm đặc biệt của đồng chí đối với việc củng cố và tăng cường sự liên minh chiến đấu, sự đoàn kết và hợp tác giữa hai Đảng, hai nước và hai dân tộc chúng ta, sự cống hiến to lớn của đồng chí đối với sự nghiệp chung của nhân dân ba nước Đông Dương”.

Những sự kiện trên là biểu hiện rực rỡ của tình đoàn kết chiến đấu đặc biệt, tình hữu nghị vĩ đại, sự hợp tác và mối quan hệ gắn bó chặt chẽ keo sơn giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt - Lào.

Hợp tác quốc phòng - an ninh: Bên cạnh quan hệ chặt chẽ về chính trị giữa hai nước, những năm 1976 - 1981, hợp tác quốc phòng - an ninh đi vào chiều sâu trên tinh thần mối quan hệ đoàn kết liên minh chiến đấu phù hợp với tình hình mới, góp phần tích cực bảo đảm củng cố quốc phòng - an ninh, ổn định xây dựng đất nước.

Do tình hình phức tạp trong nước và khu vực, trước yêu cầu, nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ của Lào, tháng 12 năm 1976, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra quyết nghị: tiếp tục đề nghị Việt Nam đưa lực lượng quân đội sang hỗ trợ quân đội Lào nhằm ổn định tình hình, ngăn ngừa các

nguy cơ chống phá của các thế lực thù địch, phản động trong và ngoài nước. Trước yêu cầu đề nghị của Lào, Đảng, Nhà nước và Quân đội nhân dân Việt Nam đã khẩn trương thành lập các đơn vị sang giúp cách mạng Lào. Từ “giữa năm 1976, Việt Nam đã cử hàng trăm chuyên gia sang làm việc tại Bộ Quốc phòng, Bộ Tổng Tham mưu, Tổng cục Chính trị, Tổng cục Hậu cần, các quân binh chủng, ở các tỉnh trọng điểm của Lào; đã đưa một sư đoàn quân tình nguyện Việt Nam đến các địa bàn xung yếu cùng với các đơn vị quân đội Lào đập tan các âm mưu, ý đồ chống phá, gây bạo loạn của Mỹ và các thế lực thù địch, thu hồi lại nhiều địa bàn quan trọng ở vùng rừng núi của Lào, nhất là ở các tỉnh: Xiêng Khoảng, Bolikhamsay, Luông Phabang, Viêng Chăn, khu vực biên giới giáp một số tỉnh miền Trung Việt Nam (Nghệ An, Thanh Hoá, Hà Tĩnh...); bảo đảm được an ninh trên các trục đường giao thông chiến lược như các đường 7, 9, 13...; hạn chế được các hoạt động thâm nhập từ bên ngoài, ngăn chặn kịp thời một số vụ âm mưu kích động bạo loạn ở vùng dân tộc, nhất là vùng đông người Mông, góp phần tích cực bảo đảm và củng cố an ninh, quốc phòng, ổn định cuộc sống của nhân dân, xây dựng đất nước Lào”¹⁹.

Cùng với các bộ, ban, ngành khác của trung ương và địa phương, trên cơ sở pháp lý những hiệp định, hiệp ước đã ký kết với Chính phủ Lào, Quân uỷ Trung ương và Bộ Quốc phòng Việt Nam tiếp tục đẩy mạnh hợp tác mọi mặt với Bộ Quốc phòng Lào. Ngày 22 tháng 7 năm 1977, ký Hiệp định hợp tác quân sự giữa Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tháng 7 năm 1977, hai đoàn đại biểu Bộ Tổng Tham mưu Việt Nam - Lào đã tổ chức hội đàm tại Viêng Chăn thống nhất kế hoạch

¹⁹. Tài liệu lưu tại Cục 213, Bộ Quốc phòng Lào, tr.332.

hợp tác giúp đỡ lẫn nhau trong ba năm (1978 - 1980), bàn kế hoạch năm 1978 về xây dựng lực lượng vũ trang, xây dựng cơ sở quốc phòng và kế hoạch phòng thủ chung, thống nhất phân công trách nhiệm và mọi quan hệ hiệp đồng chiến đấu. Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam đã phối hợp về mặt tác chiến, giúp toàn diện theo những điều đã thoả thuận giữa hai Ban Chấp hành Trung ương Đảng và hai Quân uỷ Trung ương.

Từ ngày 12 đến 22 tháng 9 năm 1977, Đoàn đại biểu quân sự cấp cao nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào do đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Ủy viên Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Bí thư Quân uỷ Trung ương, Phó Thủ tướng, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Chỉ huy tối cao Quân đội giải phóng nhân dân Lào sang thăm và làm việc với Bộ Quốc phòng Việt Nam, hai bên đã ký Hiệp ước phòng thủ (ngày 22 tháng 9 năm 1977).

Ngày 28 tháng 6 năm 1978, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam ra Sắc lệnh số 63/SCT thành lập Binh đoàn 678 trực thuộc Bộ Quốc phòng. Binh đoàn 678 do Trung tướng Trần Văn Quang làm tư lệnh kiêm chính uỷ, gồm ba sư đoàn bộ binh (324, 968, 337), một số phân đội binh chủng làm nhiệm vụ quốc tế ở Lào. Binh đoàn 678 có nhiệm vụ cùng bạn xây dựng nền kinh tế và nền quốc phòng toàn dân vững mạnh trong cả nước Lào. Tăng cường và bảo vệ khối liên minh Việt - Lào, không ngừng củng cố và phát triển tình hữu nghị đặc biệt giữa hai dân tộc...

Khi cách mạng Lào bị lực lượng phi gây rối, Sư đoàn 324 thuộc Quân khu 4 Việt Nam đã cùng lực lượng vũ trang Lào tiến hành tiêu phi, giành dân. Trận tiêu phi điển hình nhất diễn ra tại Phu Bia. Lào có lực lượng của Mặt trận 1A, Tiểu đoàn 24, Tiểu đoàn 467, một phần lực lượng pháo binh và dân quân du kích trong khu vực.

Phía Việt Nam, quân tình nguyện Việt Nam gồm có Trung đoàn bộ binh 335, Tiểu đoàn 7 (Trung đoàn 3) và Tiểu đoàn thiết giáp thuộc Sư đoàn bộ binh 324 - Quân khu 4. Trong hơn một năm (tháng 8 năm 1977 đến ngày 13 tháng 11 năm 1978), hoạt động phối hợp với lực lượng quân sự Lào và Sư đoàn bộ binh 324²⁰, là đợt hoạt động giành thắng lợi lớn nhất kể từ sau năm 1975, thể hiện tính hiệp đồng tác chiến cao và chặt chẽ giữa lực lượng vũ trang hai nước Lào - Việt, mở ra một địa bàn chiến lược cho cách mạng Lào, giải phóng nhiều dân bị kìm kẹp trở về với cách mạng. Đánh giá những thành tựu trong công cuộc bảo vệ đất nước, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ sáu khóa II (năm 1979) đã ghi rõ: “Dưới sự lãnh đạo của Đảng, các lực lượng quốc phòng - an ninh của ta đã cùng với nhân dân các bộ tộc và có sự hỗ trợ của lực lượng Lào (quân tình nguyện Việt Nam) ở một số địa bàn, đã liên tục chiến đấu, ngăn chặn và đập tan hầu hết các vụ gây rối, bạo loạn, phá được nhiều ổ thâm báo và lực lượng của chúng, quét được nhiều cụm phi trong các vùng miền núi bộ tộc, nhất là đã phá tan cụm phi Phu Bia - căn cứ mà đế quốc Mỹ và bọn phản động hy vọng duy trì để chống phá cách mạng Lào lâu dài, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, đồng thời các lực lượng quốc phòng - an ninh đã tích cực tham gia phát động quần chúng xây dựng cơ sở chính trị, làm cho tình hình an ninh, trật tự trong cả nước ngày càng tốt hơn”²¹. Ghi nhận

²⁰. Đánh 27 trận lớn nhỏ, loại khỏi vòng chiến đấu 210 tên, bắt và gọi hàng 856 tên, làm bị thương 50 tên, thu 350 súng các loại và nhiều quân trang, quân dụng khác; đưa 31.913 người dân ra vùng giải phóng, mở rộng địa bàn chiến lược gần 750 km².

²¹. Nghị quyết Trung ương 6 khóa II, ngày 14 tháng 1 năm 1979. In trong *Lịch sử Quân đội nhân dân Lào*, do Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Lào xuất bản năm 1995, bản dịch tiếng Việt, tr.256. Lưu lại Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

công lao to lớn của quân tình nguyện Việt Nam trong chiến thắng Phu Bia, Trung tướng Xámản Vinhaket - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Chủ nhiệm Tổng cục Chính trị Quân đội nhân dân Lào, thay mặt Đảng, Nhà nước và quân đội Lào long trọng gắn Huân chương ít xalạ hạng Nhất lên Quân kỳ Quyết thắng của Sư đoàn 324.

Trong các năm 1980 - 1982, lực lượng tình nguyện Việt Nam cùng với Lào truy quét các toán biệt kích xâm nhập vũ trang nằm vùng, phá các ổ phản động ở Thủ đô Viêng Chăn, các thị xã, làm thất bại âm mưu bạo loạn lật đổ và gây phi của địch, bảo vệ được các mục tiêu trọng yếu²². Tháng 2 năm 1980, Quân uỷ Trung ương họp ra Nghị quyết số 32/QUTƯ, nêu rõ: tiếp tục cùng bạn Lào đẩy mạnh các mặt công tác chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu, kịp thời đập tan mọi âm mưu gây bạo loạn và đánh trả có hiệu quả các cuộc tiến công của bọn phản động ở Lào hoặc quân xâm lược nước ngoài; đánh bại âm mưu diễn biến hoà bình và các hoạt động phá hoại gây rối ở Trung - Hạ Lào, đồng thời tiếp tục quét phi và các lực lượng phản động khác.

Với sự hoạt động tích cực của các đơn vị thuộc Binh đoàn 678 và một số quân khu có đường biên giới tiếp giáp với Lào, đã phá tan nhiều ổ nhóm phản động, làm cho an ninh chính trị của Lào ngày càng đi dần vào thế ổn định, góp phần bảo vệ Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương, diễn tập liên minh Việt - Lào (HN83) đạt kết quả tốt.

Ngoài việc hợp tác giúp đỡ nhau trong giữ gìn an ninh trật tự của mỗi nước, trong những năm này, quân đội hai nước Việt - Lào

²². Sáu tháng đầu năm 1983, đã tiêu diệt 258 tên địch, bắt 96 tên, bức hàng 126 tên, thu 123 súng. Cùng với Lào, lực lượng tình nguyện Việt Nam giúp củng cố chính quyền ở 258 bản, bồi dưỡng 3.158 cán bộ xã, huấn luyện 5.500 lượt dân quân du kích.

còn giúp nhau xây dựng kinh tế, cơ sở hậu cần kỹ thuật²³. Từ năm 1979, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam giao nhiệm vụ cho Binh đoàn 678 trực tiếp chỉ huy các lực lượng làm kinh tế trên đất Lào tăng cường hơn nữa sự giúp đỡ hợp tác giữa quân đội hai nước. Đầu năm 1980, theo đề nghị của Lào, Việt Nam đã cử nhiều chuyên gia, cán bộ kỹ thuật và thành lập các đơn vị kinh tế chuyên nghiệp sang giúp Lào. Tiêu biểu như giúp xây dựng Nhà máy quốc phòng 7701 (Viêng Chăn); xưởng nấu thép, sửa xe các loại, sửa chữa súng...

Cùng với các đơn vị của Bộ Quốc phòng trực tiếp sang giúp Lào, các đơn vị trong toàn quân cũng đẩy mạnh việc hợp tác với các đơn vị Bộ Quốc phòng Lào. Quân khu 4 đã hỗ trợ phía Lào thực hiện nhiệm vụ *Mở cửa ra hướng đông*. Từ đó, các đơn vị kinh tế thuộc Quân đội nhân dân Lào đã có sự trưởng thành và phát triển nhanh chóng. Công ty Phát triển miền núi Bộ Quốc phòng Lào từ chỗ gặp nhiều khó khăn do thiếu phương tiện, kỹ thuật đã vươn lên làm chủ tình hình, đặc biệt là đã đưa Lắc Xao (Khăm Muộn) từ một vùng rừng núi heo lánh trở thành một trung tâm có nhiều xưởng máy, góp phần ổn định và nâng cao đời sống của nhân dân.

Về hợp tác trên lĩnh vực an ninh: Từ ngày 8 đến 17 tháng 3 năm 1977, Bộ Nội vụ Việt Nam tiếp Đoàn đại biểu Bộ Nội vụ - Thương binh và Xã hội Lào do đồng chí Bộ trưởng dẫn đầu sang thăm và làm việc. Trong quá trình hội đàm, Đoàn đã thông báo tình hình an ninh, trật tự xã hội, hoạt động của địch ở Lào; đề nghị Bộ Nội vụ Việt Nam cử chuyên gia (11 loại) sang giúp các ngành thuộc cơ quan và lực lượng an ninh của Lào, giúp đào tạo 150 sĩ quan an ninh, huấn luyện, bổ túc mỗi năm 150 cán bộ các ngành an

²³. Trong năm 1976, Việt Nam đã giúp Lào 42 tấn đạn, 24 xe M113, lắp ráp một số máy bay và vận chuyển hàng từ Đà Nẵng sang Lào.

ninh, cảnh sát, biên phòng. Theo thoả thuận giữa Ban Bí thư Trung ương của hai Đảng trong năm 1976, ngày 17 tháng 3 năm 1977, hai Bộ Nội vụ của Việt Nam và Lào ký Bản thoả thuận riêng về việc Bộ Nội vụ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam giúp đỡ kỹ thuật Bộ Nội vụ - Thương binh và Xã hội Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Trong Bản thoả thuận xác định: Bộ Nội vụ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ cố gắng hết sức đáp ứng yêu cầu của Bộ Nội vụ Lào, giúp Bộ Nội vụ Lào về mặt khoa học - kỹ thuật, nghiệp vụ theo hai hướng: *Một là*, đưa cán bộ, phương tiện sang trực tiếp làm các công việc kỹ thuật cần thiết tại chỗ để giúp Bộ Nội vụ Lào giải quyết các yêu cầu chiến đấu cấp thiết trước mắt. *Hai là*, Bộ Nội vụ Việt Nam sẽ đào tạo cán bộ kỹ thuật do Bộ Nội vụ Lào gửi sang và dần cung cấp thiết bị để Bộ Nội vụ Lào từng bước xây dựng và tự đảm nhiệm được các mặt công tác kỹ thuật.

Theo hai hướng đó, hai bên đã thoả thuận các vấn đề cụ thể về thông tin liên lạc và vô tuyến điện, về công tác thu tin đặc biệt, về công tác phát hiện và định hướng vô tuyến điện - là những vấn đề kỹ thuật quan trọng có tính chuyên sâu cao liên quan mật thiết đến bảo vệ an ninh quốc gia. Lực lượng an ninh Lào được xây dựng trưởng thành đã góp phần to lớn trong nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền non trẻ, giữ vững trật tự xã hội trên đất nước Lào.

Với sự hợp tác và giúp đỡ của quân tình nguyện Việt Nam, lực lượng quân đội, an ninh của Lào đã làm thất bại những âm mưu của bọn phản động nhằm phục hồi lực lượng, chặn đứng được các cuộc phiến loạn của bọn phản động trong nước được các thế lực nước ngoài bảo trợ. Lào tăng cường quốc phòng, xây dựng một số cơ sở vật chất, kỹ thuật về quân sự, trang bị hậu cần, đào tạo cán bộ quân sự..., giữ vững và ổn định biên giới, giữ vững độc lập chủ quyền, bảo vệ vững chắc chính quyền cách mạng non trẻ,

chế độ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào. Thành quả đó đã góp phần quan trọng ổn định an ninh, đảm bảo vững chắc chủ quyền biên giới quốc gia cho Việt Nam khi mà các thế lực phản động trong khu vực và thế giới đang quyết liệt chống phá cách mạng Việt Nam sau năm 1975.

Hợp tác trên lĩnh vực kinh tế: Đây là những năm cực kỳ khó khăn của cả hai nước vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh giữ nước, lại phải đối mặt với sự phá hoại trên nhiều lĩnh vực của các thế lực thù địch. Hai nước đã nỗ lực tiếp tục sát cánh bên nhau giúp nhau vượt qua khó khăn, thách thức, giữ vững chủ quyền lãnh thổ của mỗi nước, từng bước duy trì ổn định đời sống của nhân dân.

Khi Thủ đô Viêng Chăn vừa giải phóng, trước khó khăn do hậu quả chiến tranh, thiên tai, lụt lội mất mùa, lại bị Thái Lan cấm vận, Việt Nam mặc dù trước bọn bễ khó khăn của tình hình trong nước, nhưng đã kịp thời viện trợ gạo cứu đói cho nhân dân Viêng Chăn ổn định cuộc sống.

Nhu cầu hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau về kinh tế xuất phát từ những khó khăn và thuận lợi của cả hai nước. ở Lào, kỹ thuật canh tác nông nghiệp còn lạc hậu, phụ thuộc nhiều vào thiên nhiên; giao thông chưa phát triển, chưa có đường sắt, không có biển để thông thương trực tiếp với bên ngoài; dân số ít, phân bố thưa; thiếu cán bộ khoa học - kỹ thuật, cán bộ quản lý, công nhân lành nghề... ở Việt Nam, mật độ dân số đông, phân bố tập trung ở đồng bằng; đội ngũ cán bộ khoa học - kỹ thuật chưa mạnh; có những hạn chế, lúng túng trong vận dụng cách làm ăn mới... Bên cạnh đó, tiềm năng của Lào lớn, có hơn 70% đất đai là rừng núi, đất rộng, người thưa, tài nguyên thiên nhiên phong phú. Việt Nam có hàng ngàn kilômét bờ biển, có đường biên giới khá dài tiếp giáp với Lào, là nước có thể giúp Lào tiếp xúc với cảng biển một cách ngắn nhất. Đây là khả năng có thể hợp tác, bổ sung cho nhau nhằm phát huy ưu thế của ở

từng nước.

Từ năm 1977, hợp tác kinh tế được thực hiện tập trung chủ yếu dưới hình thức viện trợ và cử chuyên gia giúp Lào thông qua các bộ, ngành theo từng vụ việc, từng công trình tiến lên phối hợp theo kế hoạch, thực hiện sự phân công, hợp tác toàn diện cùng có lợi.

Thời kỳ này hợp tác kinh tế Việt - Lào tập trung vào các vấn đề như Việt Nam giúp Lào phát triển các vùng kinh tế mới sản xuất lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, chăn nuôi, khai thác lâm sản vùng cao nguyên Na Kay (Khăm Muộn), vùng lâm nghiệp Trung Lào, vùng cao nguyên Bôlavên. Khai thác quặng potasse ở Viêng Chăn, thạch cao ở Đồng Hên, thiếc ở Khăm Muộn, quặng sắt ở Xiêng Khoảng; tiến tới xây dựng các cơ sở luyện thép, luyện kim, xây dựng các công trình thủy điện Nặm Thon.

Trong nông nghiệp, hai nước đã hợp tác giúp nhau cải tạo và xây dựng hệ thống thủy lợi, chăm sóc các loại giống mới, phòng dịch cho gia súc. Việt Nam giúp Lào khảo sát quy hoạch thủy lợi vùng Huội Xết, Xalavăn (năm 1977); khôi phục các công trình thủy lợi của tỉnh Hủa Phăn; xây dựng trại sản xuất Viêng Xây để chăn nuôi bò, lợn, gà, cá (năm 1977); xây dựng và giúp kỹ thuật cho xưởng cơ khí Sầm Nưa.

Về công nghiệp, Việt Nam giúp Lào khảo sát trữ lượng và lập kế hoạch khai thác các vùng có khoáng sản của Lào²⁴; khai thác lâm sản, chủ yếu là gỗ quý; năm 1980 hoàn thành lập bản đồ địa chất tỷ lệ 1/200.000 vùng Khăng Khay (Xiêng Khoảng), Sầm Nưa; khảo sát xây dựng cầu bê tông cốt thép trên đường 13 (năm 1977);

²⁴. Như: mỏ ở Sầm Nưa (năm 1977); khảo sát trữ lượng và lập quy hoạch, hợp tác cùng khai thác mỏ thạch cao Đồng Hên, trữ lượng mỗi năm khoảng 40.000 tấn (Xavănnakhê - từ năm 1977); khảo sát trữ lượng mỏ sắt Phu Nhôm và lập kế hoạch khai thác (năm 1980).

khảo sát thiết kế tuyến đường 7 (Xiêng Khoảng) năm 1978; khảo sát thăm tra trữ lượng gỗ đường 9 và lập quy hoạch thiết kế khai thác, chế biến với công suất từ 5 - 6 vạn m³/năm (năm 1977); nghiên cứu, điều tra khảo sát tuyến đường sắt từ Lào ra bờ biển Việt Nam; hoàn thành đường ống dẫn dầu từ Keo Nửa ra đường 13 (năm 1977)²⁵.

Thời kỳ này, Việt Nam còn giúp Lào xây dựng một số công trình thủy điện vừa và nhỏ, cung cấp điện cho sản xuất và sinh hoạt; giúp Lào xây dựng và trang bị xí nghiệp gạch ngói theo Hiệp định đã ký năm 1980. Cùng với hợp tác ở Trung ương, quan hệ hợp tác giữa các địa phương cũng được đẩy mạnh. Thành phố Hà Nội đã cử 7 chuyên gia và 70 công nhân xây dựng cùng 80 thanh niên Lào đến Na Hảy xây dựng xí nghiệp sản xuất gạch ngói với công suất 5 triệu viên gạch và 2 triệu viên ngói.

Trong công nghiệp nhẹ, hai nước hợp tác giúp nhau đóng khung dệt cải tiến, khung dệt vải hoa, giúp Lào sản xuất phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Trong ngành may mặc, Xí nghiệp may 20 thuộc Tổng cục Hậu cần Việt Nam đã sản xuất giúp quân đội Lào về trang phục; cử cán bộ kỹ thuật để đào tạo hàng trăm cán bộ, công nhân may cho quân đội nhân dân Lào. Việt Nam cũng giúp đỡ khôi phục đưa vào sản xuất một số máy ép nhựa, kỹ thuật làm lọ sành, chế biến rượu ở Viêng Chăn.

Nhiều chuyên gia Việt Nam đã được cử sang giúp Lào khảo sát, thiết kế các công trình hữu nghị Hà Nội - Viêng Chăn, được coi là trọng điểm của thành phố như Xí nghiệp sản xuất đường huyện Hátxaiphong. Một số công trình được xây dựng trong hai năm

²⁵. Khóa họp I Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam - Lào, hồ sơ Q9-6, phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.

1977 - 1978 phục vụ công cộng và cơ quan²⁶.

Về giao thông vận tải: Đặc điểm của Lào là không có đường ra biển, chưa có hệ thống đường sắt, đường sông và hàng không chỉ hoạt động ở một số vùng và trong điều kiện thời tiết cho phép, việc đi lại giữa các vùng khó khăn và chủ yếu là bằng đường bộ, nhưng ngay cả mùa khô hệ thống đường bộ nhiều nơi cũng không bảo đảm. Chính vì vậy, Lào rất quan tâm đến việc sửa chữa nâng cấp, xây dựng mới hệ thống giao thông, chú trọng hợp tác với Việt Nam trên lĩnh vực giao thông vận tải. Trong năm 1977 - 1978, Việt Nam giúp Lào xây dựng đường 7 từ Nặm Cấn đi Phiêng Luông; xây dựng đường 6 từ Nặm Non đi Bạ Ban với hệ thống cầu cống làm theo đường cấp 4, nền và mặt đường rải nhựa theo tiêu chuẩn đường cấp 5; giúp Lào bảo đảm giao thông trong suốt tháng 4 năm 1977 ở đường 42 từ Tây Trang đến Mường Khôa, đường 7 từ Nặm Cấn đến Phôn Xá Vẳn, đường 8 từ Keo Nửa đến đường 13, đường 9 từ Lao Bảo đến Thà Khoông; xây dựng cầu phao Nặm Thon, Thà Khoông²⁷. Đây cũng là thời điểm Lào “coi đường 9 là con đường chiến lược và coi tỉnh Quảng Trị, cảng Đà Nẵng là đường quá cảnh. Mối quan hệ tỉnh Xavănnakhê - Quảng Trị giai đoạn này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng”²⁸...

²⁶. Như: Nhà làm việc của cơ quan tỉnh uỷ tại Sầm Nưa; cơ quan, cửa hàng mậu dịch, trường học của Xiêng Khoảng; cửa hàng thương nghiệp tại Phôngxaly, Xê Pôn; trường học, bệnh viện ở Xê Pôn; xây dựng kho xăng (Xiêng Khoảng, Xavănnakhê), kho chứa hàng (Xiêng Khoảng, Mường Phin), các kho đầu mối, trạm trung chuyển phục vụ cho vận chuyển hàng như kho Đông Hà, Đà Nẵng, Diên Châu, Thanh Hoá (trên đất Việt Nam). Theo: Khóa họp I Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam - Lào, hồ sơ Q9-6, phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.

²⁷. Khóa họp I Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam - Lào, hồ sơ Q9-6, phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.

²⁸. Tháng 2 năm 1988 hoàn thành. Theo *Hội thảo quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.472.

Về xây dựng sửa chữa cầu đường, đã có sự phối hợp ngay từ thời kỳ chống Mỹ, cứu nước, đảm bảo huyết mạch giao thông²⁹.

Trên lĩnh vực hàng không, từ năm 1974, hai nước hợp tác khôi phục duy trì đường bay Hà Nội - Viên Chăn; từ năm 1977, Việt Nam giúp Lào sửa chữa, mở rộng sân bay dã chiến ở Bạ áng (Cánh đồng Chum); hai bên nghiên cứu xây dựng sân bay ở Lào. Việt Nam giúp Lào xây dựng các sân bay Lắc Xao, Sầm Nưa.

Ngày 13 tháng 7 năm 1977, tại Hà Nội, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Việt Nam và Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính và vận tải Lào đã ký Bản thoả thuận về hàng xuất khẩu, nhập khẩu của Lào qua cảnh cảng Đà Nẵng của Việt Nam. Việt Nam dành cho Lào những điều kiện thuận lợi trong việc xuất nhập khẩu hàng hoá qua cảng: ưu tiên trong việc bốc xếp hàng hoá nhằm giải phóng tàu nhanh, dành cho Lào một khu kho bãi để chứa hàng không lấy tiền thuê do Lào quản lý, hàng hoá quá cảnh được miễn thuế hải quan.

Giai đoạn này Việt Nam viện trợ hàng hoá theo phương thức hàng đổi hàng một cách cân bằng giữa hai bên và có ưu đãi đặc biệt. Hàng hoá của Việt Nam chuyển sang Lào thường là những vật tư, vật liệu như sắt, thép, xi măng, xăng dầu; những mặt hàng nhu yếu phẩm như gạo, đường, sữa, thuốc chữa bệnh, vải vóc quần áo, hàng tiêu dùng. Việt Nam nhập của Lào các sản phẩm như cà phê, sa nhân, cánh kiến, gỗ tròn, gỗ dán, thạch cao. Quan hệ ngoại thương thời kỳ này là quan hệ kinh tế có hiệu quả, thiết thực vì nó đáp ứng yêu cầu khôi phục, ổn định và phát triển của Lào sau chiến

²⁹. Đơn vị Việt Nam đầu tiên làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào về giao thông được thành lập từ ngày 23 tháng 7 năm 1965. Trong suốt giai đoạn 1965 - 1975, đơn vị bảo đảm giao thông cho hơn 600 km đường của Lào tại khu căn cứ cách mạng và vùng giải phóng, đã góp phần vào thắng lợi trọn vẹn của Lào năm 1975. Sau giải phóng, đơn vị này đã chuyển sang đảm trách nhiệm vụ trọng tâm là xây dựng cầu đường phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Lào, đã trở thành Liên hiệp Các xí nghiệp giao thông 8, thuộc Bộ Giao thông vận tải.

tranh.

Nhằm giúp Lào khắc phục khó khăn do lụt lội lớn, Việt Nam đã cho Lào vay và viện trợ không hoàn lại³⁰.

Việt Nam còn giúp Lào trong công tác chuyên gia, xây dựng cơ bản, điều tra khảo sát tài nguyên. Đáp ứng kịp thời cho Lào những yêu cầu đột xuất cấp bách nhằm phục vụ quốc phòng, an ninh, kinh tế, Việt Nam đã đưa sang Lào hàng trăm xe vận tải suốt ngày đêm trên trục giao thông đi lại khó khăn, an ninh chưa bảo đảm để xây dựng vật chất kỹ thuật ban đầu cho Lào. Các công trình xây dựng thời kỳ này chủ yếu gồm cầu đường, công trình thủy lợi, trường học, bệnh viện, trụ sở cơ quan, cơ sở sản xuất, sửa chữa cơ khí, chế biến nông - lâm sản ở địa phương. Tính chất hợp tác thời kỳ này là vẫn nặng về bao cấp... Tuy nhiên, nhìn một cách tổng thể và khách quan, hai nước Việt Nam và Lào đều đã có sự nỗ lực cố gắng cao độ trong quá trình tiếp tục củng cố và phát triển mối quan hệ hữu nghị truyền thống, hợp tác toàn diện khi bước sang giai đoạn chuyển đổi. Trong bối cảnh khó khăn thách thức của cách mạng, Việt Nam đã chia sẻ với bạn Lào, phần nào giúp Lào giải quyết khó khăn trước mắt, từng bước ổn định để phát triển, đồng thời về phía Lào đã tạo cơ hội và điều kiện thuận lợi cho Việt Nam trong môi trường đầu tư, mở rộng thị trường trao đổi, tạo thị trường lao động cho nguồn nhân lực dồi dào, góp phần giải quyết khó khăn của Việt Nam trong những năm đầu sau chiến tranh. Mặt khác, qua việc đội ngũ chuyên gia Việt Nam giúp Lào khảo sát, tư vấn... xây dựng kinh tế cũng là một phương thức góp phần nâng cao trình độ, nhận thức của đội ngũ cán bộ chuyên gia, cán bộ lãnh đạo và

³⁰. Năm 1976 là 132 triệu đồng Việt Nam, vay không lãi là 15 triệu đồng Việt Nam và 3 triệu USD; năm 1977 là 130 triệu đồng Việt Nam, trong đó 1/2 là viện trợ không hoàn lại và 1/2 là vay không lãi; năm 1978 khoảng 130 triệu, trong đó hàng viện trợ chủ yếu là tiêu dùng và nguyên vật liệu, trị giá khoảng 50 triệu đồng.

quản lý của Việt Nam sang giúp Lào học hỏi được những kinh nghiệm từ phía bạn Lào và được trải nghiệm qua thực tế với nhiều mô hình, phương thức linh hoạt khác nhau. Những nhận thức và trải nghiệm đó, không chỉ có hiệu quả trong giúp Lào mà còn có ý nghĩa đối với quá trình lãnh đạo, thực hiện công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước Việt Nam trong chặng đường Việt Nam đang tìm tòi khảo nghiệm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội khi đất nước hòa bình, thống nhất.

Đây cũng là giai đoạn cả Việt Nam và Lào đang đối mặt với muôn vàn khó khăn bởi tác động không thuận chiều của diễn biến phức tạp trong khu vực, cùng với sự trì trệ yếu kém của nền kinh tế vận hành theo cơ chế cũ, do vậy đang nỗ lực từng bước tìm tòi, khảo nghiệm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với thực tiễn của hai quốc gia dân tộc. ở Lào, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Đảng Nhân dân cách mạng Lào cũng trong năm 1979 với tựa đề *ý tưởng khởi đầu về sự đổi mới* (nội dung chính là: chuyển sang cơ chế mới có hiệu quả hơn; nắm vững tính khách quan của quy luật kinh tế; có sự buôn bán và làm cho thương mại trở thành mắt xích cơ bản để mở rộng sản xuất; vận dụng kế hoạch để xây dựng - mở rộng thị trường và phối hợp giữa kế hoạch và thị trường...) đã trở thành nhân tố khởi điểm, cho thấy ý tưởng khởi đầu trong việc kiện toàn đường lối, chủ trương của Đảng³¹. Cũng thời điểm đó, ở Việt Nam, Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 6 (khóa IV) của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 8 năm 1979) chủ trương tháo gỡ các vướng mắc, rào cản trong sản xuất, lưu thông hàng hóa trong nước, khuyến khích sản xuất để

³¹. Theo Chương Xổm Bun Khăn, trong: *Hội thảo quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.586.

từng bước ổn định đời sống³², được coi là tín hiệu đầu tiên của tư duy tìm tòi đổi mới về kinh tế. Đầu năm 1981, Nghị quyết đó được cụ thể hóa bằng Chỉ thị 100 của Ban Bí thư về khoán trong nông nghiệp và Quyết định số 25-CP và 26-CP trong công thương nghiệp làm biến chuyển từng bước về cơ chế quản lý kinh tế ở Việt Nam. Những chuyển biến đó, đều có ý nghĩa tác động cả hai nước Việt Nam và Lào, được cán bộ và lãnh đạo hai Đảng, hai Nhà nước thường xuyên trao đổi, bàn bạc thông qua những cuộc họp cấp cao của lãnh đạo hai nước, thông qua những cuộc hội thảo giữa các nhà khoa học, các giáo trình, bài giảng cho cán bộ của Đảng và Nhà nước Lào học tập ở Việt Nam trong thời gian này.

Hợp tác trong lĩnh vực văn hoá - giáo dục - y tế: Nhiệm vụ đặt ra đối với Việt Nam và Lào sau khi giải phóng là khắc phục hậu quả của chế độ cũ để lại, lĩnh vực văn hoá cần được coi trọng, sự nghiệp giáo dục đào tạo được chú ý hàng đầu, vấn đề y tế, chăm sóc nâng cao sức khoẻ nhân dân cần được quan tâm.

Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa hai nước Việt Nam - Lào ngày 18 tháng 7 năm 1977 nêu rõ: về hợp tác văn hoá, “Hai bên mở rộng trao đổi khoa học, kỹ thuật, hợp tác về văn hoá, nghệ thuật, giáo dục, y tế, thông tấn, báo chí, phát thanh, điện ảnh, thể dục thể thao và các lĩnh vực văn hoá khác”. Để triển khai nội dung Hiệp ước, hằng năm hai nước đã ký các “Nghị định thư về hợp tác và trao đổi văn hoá giữa Việt Nam và Lào”. Bộ Thông tin, Tuyên truyền, Văn hoá và Du lịch của Lào đã hợp tác với Bộ Văn hoá Việt Nam, trong năm 1982 - 1983 hoàn thành bộ phim truyện “*Tiếng súng Cánh đồng Chum*”. Kinh phí do Việt Nam giúp Lào. Để thực hiện bộ phim này, Việt Nam đã cử đoàn cán bộ khoảng 40 người sang Lào để tiến hành các công đoạn phần quay trên đất Lào.

³². Còn được gọi là Nghị quyết “cho sản xuất bung ra”.

Quan hệ trong lĩnh vực hợp tác về thông tin tuyên truyền giữa hai nước được đẩy mạnh: ngày 23 tháng 4 năm 1977, Đoàn đại biểu Đài Phát thanh quốc gia Lào đã sang thăm, làm việc với Đài Tiếng nói Việt Nam. Trong quá trình làm việc tại Việt Nam, hai bên đã thoả thuận các vấn đề về việc Đài Tiếng nói Việt Nam giúp đỡ, hợp tác với Đài Phát thanh quốc gia Lào chuyển giao cho phía Lào máy phát sóng, các phương tiện, vật tư kỹ thuật; cử chuyên gia, cán bộ kỹ thuật sang nghiên cứu, khảo sát, thiết kế, lắp đặt các phương tiện kỹ thuật; đào tạo cán bộ cho Lào; cử chuyên gia biên tập sang giúp kinh nghiệm biên tập các vấn đề về đối ngoại... Việc hợp tác, giúp đỡ là rất cần thiết trong quá trình xây dựng và phát triển của Đài Phát thanh quốc gia Lào.

Về hợp tác y tế, với quan điểm thống nhất không ngừng hợp tác, chăm lo, nâng cao sức khoẻ cho nhân dân, ngăn chặn và phòng trừ dịch bệnh, hai bên giúp đỡ nhau tổ chức mạng lưới y tế từ trung ương đến cơ sở và trao đổi kinh nghiệm công tác vệ sinh phòng bệnh, nhất là chống các bệnh sốt rét, sốt xuất huyết, phong, lao và bảo vệ sức khoẻ bà mẹ và trẻ em. Lào là xứ nhiệt đới nóng ẩm, hơn 70% diện tích là rừng núi, vừa trải qua thời kỳ chiến tranh kéo dài, dễ phát sinh dịch bệnh lây truyền trong nhân dân. Do vậy, hàng năm Lào đã đề nghị Việt Nam giúp đỡ không hoàn lại vài chục tấn thuốc DDT303, máy bơm DDT, hàng triệu viên thuốc chống sốt rét, vài triệu liều tả TAB, đậu mùa, bại liệt. Phía Việt Nam còn cử nhiều đoàn cán bộ, chuyên gia sang Lào bồi dưỡng cán bộ y tế, tham gia công tác phòng chữa bệnh cho nhân dân các bộ tộc Lào. Phía Lào đã gửi nhiều cán bộ, học sinh sang đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ về y dược tại Việt Nam để nâng cao công tác chuyên môn. Hai nước hợp tác phát triển các biện pháp chữa bệnh y học cổ truyền, giúp nhau trong xây dựng cơ sở vật chất, trong sản xuất

được phẩm như Xí nghiệp Dược phẩm II Hà Nội và Xí nghiệp Dược phẩm II Viêng Chăn.

Trên lĩnh vực giáo dục, đào tạo: Sau năm 1975, nhiệm vụ cấp bách của Đảng và Nhà nước Lào là thiết lập bộ máy chính quyền cách mạng, ổn định kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân và xây dựng nền giáo dục mới theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Tại Hội nghị Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào họp tháng 12 năm 1978, đã xác định rõ công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận chính trị của Đảng là một nhiệm vụ chiến lược cơ bản thường xuyên của Đảng, Nhà nước của cả hai nước. Đào tạo cán bộ chủ chốt cho Đảng và Nhà nước Lào ngày càng trở thành một lĩnh vực hợp tác quan trọng của hai nước Việt - Lào³³.

Những năm đầu mới trở thành đảng cầm quyền, bộ máy nhà nước mới được thiết lập, cán bộ vừa thiếu vừa chưa kinh qua công tác lãnh đạo, quản lý là một khó khăn rất lớn đối với Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Trong điều kiện đó, một mặt, Việt Nam cử chuyên gia sang giúp theo yêu cầu của Lào; mặt khác, tăng cường đào tạo đội ngũ cán bộ giúp Lào. Nhiệm vụ cách mạng mới đặt ra vấn đề cấp bách phải đào tạo gấp nguồn cán bộ lớn có trình độ lý luận chính trị cao cho bộ máy của Đảng và Nhà nước, các tổ chức quần chúng nhân dân từ trung ương tới địa phương. Theo yêu cầu của Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào về việc cử các đoàn cán bộ cao cấp sang nghiên cứu dài hạn về kinh nghiệm của cách mạng Việt Nam, tháng 4 năm 1978, Trung ương Đảng quyết định thành lập *Trường Nguyễn ái Quốc đặc biệt* trực thuộc Ban Bí thư Trung ương và giao cho Ban Đối ngoại Trung ương, Ban Tuyên

³³. Ngay từ năm 1962, theo đề nghị của Đảng Nhân dân Lào, hệ thống Trường Đảng ở Việt Nam được giao thêm nhiệm vụ quốc tế quan trọng là đào tạo cán bộ lãnh đạo, quản lý chủ chốt và cán bộ lý luận chính trị cho Đảng Nhân dân Lào.

huấn Trung ương, Ban Cán sự Đảng về công tác C phối hợp phụ trách, chuyên bồi dưỡng cán bộ cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào từ cấp phó bí thư tỉnh uỷ trở lên. Khoá học đầu tiên của trường có khoảng 35 cán bộ lãnh đạo của Lào tham dự, thời hạn học tập trong hai năm và do đồng chí Xuân Thuỷ - Bí thư Trung ương Đảng trực tiếp lãnh đạo.

Đối với số cán bộ Lào thời điểm này đang học tại Trường Nguyễn ái Quốc, Ban Bí thư chỉ đạo nhà trường và các cơ quan hữu quan tăng cường chăm lo chu đáo việc học tập và mọi mặt sinh hoạt để cán bộ Lào hoàn thành tốt nhiệm vụ học tập. Đối với số cán bộ, công nhân, sinh viên, học sinh Lào gửi sang đào tạo tại Việt Nam với số lượng ngày càng tăng, Thủ tướng có Chi thị 495-TTg về *chấn chỉnh công tác nuôi dưỡng và giảng dạy đối với học sinh Lào*, yêu cầu các bộ, tổng cục, chính quyền các địa phương nơi có các trường học được giao nhiệm vụ đào tạo, nuôi dưỡng học sinh Lào phải quan tâm hơn nữa đến công tác này; phải thực hiện đúng các chế độ, chính sách đối với học sinh Lào được quy định trong các văn bản của Nhà nước, phải cải tiến nội dung, chương trình và phương pháp giảng dạy cho sát hợp với yêu cầu của nước Lào, đảm bảo kết quả học tập của học sinh Lào ngày càng tốt hơn.

Tính đến cuối năm 1975, Trường Nguyễn ái Quốc 10 đã mở chín khoá bồi dưỡng lý luận cho khoảng 500 cán bộ trung và cao cấp của Lào, góp phần không nhỏ trong việc đào tạo nguồn cán bộ cho Lào, là lực lượng nòng cốt lãnh đạo cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Lào đi đến thành công³⁴.

Từ năm 1980, Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam giao cho

³⁴. Báo cáo về biên giới Việt - Lào, Việt - Trung (năm 1976), phòng Bộ Nội vụ, hồ sơ số 3867, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

Trường Nguyễn ái Quốc mở lớp đào tạo 24 cán bộ lý luận chương trình cao cấp thời gian hai năm rưỡi. Trường Nguyễn ái Quốc 10, đào tạo 120 cán bộ tuyên huấn theo chương trình trung cấp về lý luận cơ bản cũng trong thời gian hai năm rưỡi. Đồng thời, Việt Nam cử nhiều chuyên gia đầu ngành có kinh nghiệm sang giúp Lào xây dựng chương trình giảng dạy cho Trường Đảng cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào ở Thà Ngòn; giúp Lào củng cố và phát triển hệ thống trường Đảng ở Trung ương và các tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, cán bộ quản lý, cán bộ tuyên huấn.

Công tác giúp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ những năm đầu sau khi Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ra đời, của Đảng, Nhà nước Việt Nam đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ cán bộ chủ chốt ở các cấp, các ngành, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cách mạng Lào.

Ghi nhận kết quả của sự hợp tác giúp Lào từ năm 1976 đến 1980, Đảng và Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã tặng thưởng Huân chương Tự do cho cán bộ các cơ quan trực tiếp hợp tác và giúp Lào.

Hợp tác giữa hai ngành giáo dục Việt - Lào thời kỳ này được phát triển theo hướng trao đổi chuyên gia, trao đổi các đoàn tham quan, nghiên cứu chuyên đề, đặc biệt là giúp nhau trong việc mở trường, biên soạn nội dung chương trình và công tác giảng dạy. Việt Nam cử các đoàn nghiên cứu về công tác giáo dục Lào trong giai đoạn mới, nghiên cứu chiến lược dài hạn, khảo sát, tổng kết hiệu quả công tác đào tạo lưu học sinh ở Việt Nam, nghiên cứu xây dựng các trường học dân tộc nội trú, chương trình học và vấn đề biên soạn sách giáo khoa các cấp. Về phía Lào, đưa các đoàn lãnh đạo giáo dục các tỉnh sang Việt Nam tham quan, trao đổi kinh nghiệm, đoàn trí thức Lào, đoàn Bộ Giáo dục Lào thăm các trường hữu nghị, đi sâu vào các ngành học, đào tạo học sinh giỏi. Hệ thống các trường

đại học, trung cấp kỹ thuật của Việt Nam giúp đào tạo hàng nghìn kỹ sư, cán bộ, công nhân các ngành kinh tế kỹ thuật góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ phục vụ cho công cuộc xây dựng đất nước Lào. Số cán bộ, học sinh Lào học tập tại Việt Nam tính đến năm 1976 lên tới 6.492 người.

Trong những năm 1976 - 1981, tuy cả hai nước còn phải đương đầu với nhiều khó khăn về đối nội và đối ngoại, nhưng với tinh thần và quyết tâm củng cố, tăng cường mối quan hệ đặc biệt, tình đoàn kết hữu nghị truyền thống giữa hai dân tộc. Về phía Việt Nam, với phương châm nỗ lực đáp ứng cao nhất các yêu cầu khách quan của cách mạng Lào, với hết khả năng của mình, giúp cơ bản, toàn diện, lâu dài, một cách thích hợp với điều kiện mới, sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa hai nước đã mở rộng, phát triển toàn diện trên mọi lĩnh vực đời sống kinh tế - xã hội. Về phía Lào, đã nỗ lực cố gắng phát huy nội lực, tự lập, tự cường để tiếp thu sự giúp đỡ của Việt Nam và một số nước anh em, vượt khó khăn, từng bước vươn lên tự đảm đương công việc của mình trong ổn định kinh tế - xã hội thời kỳ sau chiến tranh. Đồng thời Đảng Nhân dân cách mạng Lào và nhân dân các bộ tộc Lào đã tiếp tục kế thừa, phát huy truyền thống đoàn kết thủy chung giữa hai dân tộc, củng cố lòng tin vào Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam, từng bước làm thất bại âm mưu chia rẽ của các thế lực thù địch, góp phần bảo vệ chủ quyền, an ninh của cả hai nước, thắt chặt thêm tình đoàn kết Lào - Việt Nam trong điều kiện mới.

II. QUAN HỆ ĐẶC BIỆT VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM ĐẦU TÌM TÒI, KHẢO NGHIỆM CON ĐƯỜNG ĐỔI MỚI (1982 - 1986)

1. Quan điểm và chủ trương của hai Đảng, hai Nhà nước

tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong tình hình mới

Những năm đầu thập niên 1980, sau chiến sự biên giới, Việt Nam ở trong tình trạng phải đối phó với cuộc chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực thù địch hòng gây hoang mang trong nhân dân, làm giảm lòng tin vào sự lãnh đạo của Đảng, vai trò quản lý của Nhà nước. Lợi dụng vấn đề Campuchia, các thế lực thù địch, phản cách mạng trên thế giới tìm mọi cách bao vây, cô lập Việt Nam trên trường quốc tế. Mỹ vẫn tiếp tục thi hành chính sách bao vây cấm vận. Tình hình trong khu vực vẫn diễn biến phức tạp, bất lợi cho quá trình xây dựng và phát triển đất nước.

Đây là những khó khăn, thách thức thu hút phần lớn nhân lực và vật lực của Việt Nam trong thời điểm này.

Ở trong nước, Việt Nam cũng đứng trước những khó khăn gay gắt. Những năm 1976 - 1980, Việt Nam đẩy mạnh chủ trương công nghiệp hoá trong khi chưa có đủ tiền đề cần thiết. Đặc biệt là quá trình lãnh đạo đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội sau chiến tranh đã phạm phải một số sai lầm, hạn chế, vừa nóng vội, vừa buông lỏng trong công tác cải tạo xã hội chủ nghĩa, chậm đổi mới cơ chế quản lý kinh tế khi không còn phù hợp. Từ cuối thập niên 1970 trở đi, quan hệ kinh tế của Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa dần bị thu hẹp, viện trợ bị cắt giảm và đến giữa thập niên 1980 thì hầu như không còn. Cơ chế quản lý tập trung quan liêu bao cấp tuy có tác dụng và cần thiết trong thời chiến, nhưng do duy trì quá lâu nên đã bộc lộ sự trì trệ ngày càng trầm trọng. Sản xuất nông nghiệp giảm sút, sản xuất công nghiệp trì trệ, năng suất, chất lượng thấp; lưu thông phân phối rối ren. Đời sống nhân dân ngày càng lâm vào khó khăn. Năng lực hiệu quả lãnh đạo, quản lý kinh tế yếu kém...

Trên đất nước Lào anh em, đến đầu những năm 80 thế kỷ XX, với sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, sự giúp đỡ và hợp tác đoàn kết chặt chẽ với Việt Nam, tình hình kinh tế - xã hội đang dần đi vào ổn định. Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã hoàn thành kế hoạch ba năm (1978 - 1980) khôi phục kinh tế sau chiến tranh. Âm mưu và hoạt động phiến loạn của bọn phản động trong nước được các thế lực phản động nước ngoài bảo trợ bị chặn đứng, độc lập chủ quyền, an ninh quốc gia, trật tự xã hội được giữ vững; chế độ dân chủ nhân dân, chính quyền cách mạng non trẻ được bảo vệ.

Tuy nhiên, cho đến những năm đầu thập niên 1980, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào vẫn phải đối phó với chính sách thù địch của lực lượng phản động ở Thái Lan luôn muốn phá hoại cách mạng Lào, kìm hãm Lào trong thế yếu. Tháng 7 năm 1982, Thái Lan trực tiếp hỗ trợ cho lực lượng phản động Phumi Nòxavăn lập cái gọi là “Chính phủ liên minh giải phóng dân tộc”; không ngừng dùng sức ép chính trị, kinh tế, quân sự đòi sửa đổi lại đường biên giới hiện tại. Trong hai năm 1983, 1984, Thái Lan liên tục tập trung nhiều lực lượng quân sự ở biên giới với Lào, tiến hành tập trận với mục tiêu giả định là Viêng Chăn, tiến hành các hành động xâm phạm lãnh thổ Lào. Tháng 6 năm 1984, Thái Lan đã đưa quân đội mở đợt tấn công chiếm ba bản của Lào là Bản Mây, Bản Cang và Bản Xá vàng thuộc huyện Pắc Lai, tỉnh Xaynhabuli³⁵ và duy trì sự chiếm đóng ở đó đến năm 1985 vẫn chưa rút quân. Cũng như Việt Nam, Lào phải đối mặt với các kiểu chiến tranh phá hoại nhiều mặt của các thế lực phản động khu vực và quốc tế, tác động tiêu cực đến sự ổn định kinh tế - xã hội, mặt khác tạo sức ép nhằm tách Lào

³⁵. Xem *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.218.

ra khỏi Việt Nam, khỏi quỹ đạo xã hội chủ nghĩa, chia rẽ sự đoàn kết giữa ba nước Đông Dương.

Về kinh tế, Thái Lan gây khó khăn cho Lào bằng việc tùy tiện đóng mốc biên giới; đưa ra những hạn chế đơn phương về các loại hàng quá cảnh, giữ lại hàng viện trợ của các nước giúp Lào; gây rối loạn thị trường bằng việc in tiền giả tung sang phá kinh tế Lào.

Cũng như Việt Nam, thời gian này Lào rất cần sự giúp đỡ, viện trợ từ các nước xã hội chủ nghĩa, nhưng thời điểm này các nước xã hội chủ nghĩa trên thế giới thực hiện cơ chế cũ cũng đang lâm vào trì trệ, khủng hoảng. Tác động tiêu cực của phong trào cách mạng thế giới nói chung và của các nước xã hội chủ nghĩa nói riêng đã trở thành yếu tố bất lợi cho cách mạng Lào. Đứng trước tình hình ấy, từ những năm cuối thập niên 70 thế kỷ XX, Lào đề ra đường lối chuyển từ nền kinh tế tự nhiên và nửa tự nhiên sang kinh tế sản xuất hàng hoá, khuyến khích sản xuất, lưu thông nên đã hạn chế tình trạng cấm chợ, ngăn sông, mở rộng thương mại khắc phục sự khan hiếm hàng hoá. Đây là giai đoạn Lào từng bước thử nghiệm cơ chế quản lý kinh tế mới ở một số cơ sở quốc doanh. Việt Nam cũng đang trong quá trình từng bước nghiên cứu tìm tòi, khảo nghiệm để đổi mới cơ chế quản lý từ quan liêu bao cấp sang hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa: thực hiện khoán trong nông nghiệp, giao quyền tự chủ cho doanh nghiệp trong công nghiệp, v.v. nhằm giải quyết những khó khăn về kinh tế - xã hội, cải thiện đời sống nhân dân, tiếp tục tìm con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với đặc điểm của dân tộc Việt Nam và xu thế chung của thế giới. Tình hình phát triển của mỗi nước tác động tới mối quan hệ hợp tác trong điều kiện mới.

Quan hệ hợp tác giữa hai nước trước yêu cầu mới của sự phát triển trong từng nước đã từng bước chuyển dần từ hợp tác từng vụ việc theo yêu cầu của Lào sang hợp tác theo chương trình kế hoạch hàng năm giữa hai Chính phủ, bước đầu nghiên cứu kế hoạch hợp

tác dài hạn giữa hai nước. Chính vì vậy, quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước bắt đầu có sự thay đổi: từ viện trợ và cho vay là chủ yếu sang giảm dần viện trợ và cho vay, hai nước đẩy mạnh hợp tác sản xuất và kinh doanh bình đẳng cùng có lợi. Thời gian này, Lào đề ra công thức hợp tác: Tài nguyên Lào, lao động kỹ thuật Việt Nam, vốn hợp tác hoặc vay của nước thứ ba. Trong bối cảnh đó, quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam chuyển sang một nấc thang mới, có sự thay đổi dần về chất phù hợp với tình hình mới.

Bước sang năm 1982, một sự kiện quan trọng đã diễn ra trong đời sống xã hội Việt Nam. Đó là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 3 năm 1982). Đại hội xác định phương hướng, nhiệm vụ của Đảng Cộng sản Việt Nam và nhân dân Việt Nam trong kế hoạch xây dựng chủ nghĩa xã hội tiếp theo. Trong đó đã bắt đầu điều chỉnh quy mô, tốc độ, chặng đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặc biệt là xác định chặng đường đầu tiên quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam với những nhiệm vụ cơ bản, trước mắt phù hợp với đặc điểm xuất phát của nền kinh tế Việt Nam. Trong đó, xác định đối với Việt Nam phải coi nông nghiệp là mặt trận hàng đầu. Về đường lối đối ngoại: trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và nhìn lại chính sách đối ngoại trong thời gian trước 1982, Đại hội xác định đường lối đối ngoại của Đảng, Nhà nước Việt Nam trong thời gian tới là: Đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô; quan hệ đặc biệt với Lào, Campuchia; thúc đẩy quan hệ hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa; chủ trương quan hệ bình thường với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị - xã hội trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, bình đẳng và cùng có lợi.

Đoàn đại biểu Đảng và Chính phủ Lào do Tổng Bí thư, Thủ tướng Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Cayxôn Phômvihản dẫn đầu sang dự Đại hội lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam, đã có cuộc hội đàm với Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam (ngày 26 tháng 3

năm 1982). Hai bên đã thông báo cho nhau tình hình mỗi nước, trao đổi các vấn đề mà hai Đảng cùng quan tâm. Hai bên hoàn toàn nhất trí về các vấn đề được nêu trong cuộc hội đàm và nhất trí rằng tình đoàn kết chiến đấu và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước đang không ngừng được củng cố và phát triển³⁶.

Một tháng sau (tháng 4 năm 1982), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Nhân dân cách mạng Lào được triển khai tại Thủ đô Viêng Chăn. Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Trường Chinh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam dẫn đầu sang dự Đại hội.

Báo cáo chính trị của Đại hội do đồng chí Cayxôn Phômvihản trình bày đã nêu rõ đặc điểm của cách mạng Lào trong giai đoạn tới là: “Lào cùng với Việt Nam và Campuchia đã trở thành tiền đồn của phe xã hội chủ nghĩa ở Đông Nam á, vì vậy cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập, chủ quyền và xây dựng chế độ mới là rất quyết liệt và lâu dài”³⁷.

Về quan hệ với Việt Nam, Báo cáo chính trị chỉ rõ: “Trước sau như một, chúng ta làm hết sức mình để củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, mối quan hệ đặc biệt, sự hợp tác toàn diện Việt - Lào, Việt - Lào - Campuchia trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, tôn trọng độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, bình đẳng tin cậy và giúp đỡ lẫn nhau trên tình đồng chí”. Báo cáo khẳng định phải tiếp tục phát triển mối quan hệ Lào - Việt lên một bước mới vì lợi ích sống còn của mỗi nước.

Đường lối đối ngoại của hai Đảng được khẳng định trong

³⁶. Tại Lào, một cuộc mít tinh được Hội Hữu nghị Lào - Việt tổ chức tại Thủ đô Viêng Chăn (ngày 1 tháng 4 năm 1982), nhiều đồng chí lãnh đạo cấp cao của Đảng và Nhà nước Lào đã tới dự để chào mừng thành công của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam.

³⁷. *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Sđd, tr.210.

Báo cáo chính trị của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội III Đảng Nhân dân cách mạng Lào, một lần nữa khẳng định sự tất yếu khách quan phải tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt, hữu nghị hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước trong giai đoạn cách mạng mới.

Tiếp tục tăng cường phối hợp trên lĩnh vực đối ngoại, để có sự nhất trí trong lập trường quan điểm về vấn đề này, trong năm 1982, Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia được tổ chức thường kỳ như đã thoả thuận. Hội nghị lần thứ năm họp ngày 16 và 17 tháng 2 năm 1982 tại Phnôm Pênh và Hội nghị lần thứ sáu họp ngày 6 và 7 tháng 7 năm 1982 tại thành phố Hồ Chí Minh. Tại các hội nghị này, ba bộ trưởng đã thảo luận và nhất trí quan điểm đối với một số vấn đề quan trọng về tình hình thế giới và khu vực.

Để đáp ứng yêu cầu giúp Lào trong tình hình mới, Ban Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam ra Quyết định số 08-QĐ/TW ngày 22 tháng 10 năm 1982 về chức năng, nhiệm vụ của Ban Công tác giúp Lào, trong đó quyết định chuyển Ban Cán sự Đảng về công tác giúp Lào thành Ban Công tác giúp Lào, cũng như về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức bộ máy của Ban. Tiếp đó, ngày 25 tháng 10 năm 1982, Ban Bí thư có Quyết định 09-QĐ/TW về chức năng, nhiệm vụ và tổ chức của Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hoá Việt Nam - Lào - Campuchia được hình thành từ Ủy ban Liên lạc kinh tế, văn hoá với nước ngoài.

Sau một thời gian chuẩn bị, trong hai ngày 22 và 23 tháng 2 năm 1983, Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương đã diễn ra tại Thủ đô Viêng Chăn. Tham dự Hội nghị có các đồng chí lãnh đạo cấp cao của ba nước Việt Nam, Lào và Campuchia. Hội nghị tập trung thảo luận về tình hình ba nước Đông Dương, tình hình quốc tế và

khu vực; xem xét đề ra những nguyên tắc, phương hướng, biện pháp nhằm tăng cường đoàn kết và hợp tác toàn diện giữa ba nước trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước của mỗi nước, tạo nhân tố quan trọng đối với hoà bình và ổn định ở Đông Nam á và thế giới; vấn đề quân tình nguyện Việt Nam ở Campuchia.

Hội nghị đã nhất trí đề ra bốn nguyên tắc cơ bản chỉ đạo mối quan hệ giữa ba nước³⁸.

Hội nghị đã đưa ra hai bản tuyên bố: Tuyên bố chung của Hội nghị cấp cao ba nước, khẳng định mối quan hệ hữu nghị giữa ba nước trong lịch sử hoàn toàn tốt đẹp, và trong những năm gần đây ngày càng được củng cố; Tuyên bố về vấn đề quân tình nguyện ở Campuchia nêu rõ chính sách của Campuchia và Việt Nam quyết bảo vệ công cuộc hồi sinh của nhân dân Campuchia, mong muốn của hai nước góp phần vào sự nghiệp hoà bình và ổn định ở khu vực Đông Nam á.

Những nguyên tắc và các bản tuyên bố được Hội nghị thông

³⁸. Một là, đoàn kết hợp tác giữa ba nước nhằm giúp đỡ nhau xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ đất nước, góp phần bảo vệ hoà bình và ổn định ở Đông Nam á và trên thế giới.

Hai là, tăng cường tình đoàn kết và sự hợp tác trên cơ sở chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa. Mọi vấn đề thuộc quan hệ giữa ba nước sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, với tinh thần hiểu biết lẫn nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của mỗi nước và vì lợi ích chung của ba dân tộc.

Ba là, phát triển sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau giữa hai bên hoặc ba bên về mọi mặt trên tinh thần hữu nghị anh em, hoàn toàn tự nguyện, bình đẳng cùng có lợi.

Bốn là, tăng cường tình đoàn kết giữa ba dân tộc, chống mọi âm mưu chia rẽ của kẻ thù, mọi biểu hiện của tư tưởng dân tộc nước lớn và dân tộc hẹp hòi. Không ngừng giáo dục cho cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ba nước về tình hữu nghị truyền thống và quan hệ đặc biệt giữa nhân dân ba nước, chống mọi hành động có hại cho tình hữu nghị giữa nhân dân ba nước.

qua đã đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ giữa ba nước, qua đó tăng cường đoàn kết với Liên Xô và các nước trong cộng đồng xã hội chủ nghĩa, với các lực lượng cách mạng và tiến bộ, cùng đấu tranh vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Để phù hợp với tình hình đã thay đổi, ngày 11 tháng 4 năm 1983, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết số 10-NQ/TW về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia trong giai đoạn mới.

Nghị quyết xác định đoàn kết với cách mạng Lào, Campuchia là đường lối đối ngoại nhất quán, là nghĩa vụ quốc tế hàng đầu của Đảng Cộng sản và Nhà nước Việt Nam. Đối với nhiệm vụ đoàn kết, hợp tác cách mạng Lào, Campuchia, tư tưởng chủ đạo của Đảng, Nhà nước Việt Nam là: luôn nêu cao tinh thần quốc tế vô sản, coi sự nghiệp cách mạng của Lào như của chính mình; tự nguyện hết lòng gánh vác phần trách nhiệm của mình; có sự phối hợp chặt chẽ về đường lối, chiến lược với Đảng Lào, tôn trọng, lắng nghe ý kiến của Lào; giúp Lào tăng cường thực lực cách mạng về mọi mặt mà trước hết là về xây dựng đảng và xây dựng đội ngũ cán bộ; phát triển sự hợp tác một cách toàn diện trên mọi lĩnh vực, trong đó coi trọng hợp tác kinh tế và văn hoá, tạo nền tảng để củng cố liên minh ba nước.

Song song với hợp tác ba bên, hợp tác hai bên Việt - Lào vẫn luôn được lãnh đạo Đảng và Nhà nước Việt Nam quan tâm. Tháng 7 năm 1983, Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã tiến hành hội đàm, thông báo tình hình của mỗi nước; trao đổi về tình hình thế giới và khu vực; xem xét kết quả hợp tác về các mặt giữa hai Đảng, hai nước trong thời gian qua; thống nhất cần tăng cường và mở rộng hơn nữa hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Cùng chung nguyện vọng và quan điểm với Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 4 tháng 9 năm 1983, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra Nghị quyết số 33 về tăng cường đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam - Campuchia và đã tổ chức Hội nghị cán bộ toàn quốc nghiên cứu quán triệt Nghị quyết này.

Cuối tháng 1 năm 1984, căn cứ vào yêu cầu nhiệm vụ cách mạng của hai nước trong giai đoạn hiện tại, Bộ Chính trị của Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị của Đảng Nhân dân cách mạng Lào tiến hành hội đàm, hoàn toàn nhất trí rằng cần phải tăng cường và mở rộng hơn nữa hợp tác toàn diện giữa hai nước, nhất là hợp tác kinh tế, văn hoá; cùng xác định phương hướng, nội dung hợp tác về mọi mặt giữa hai nước, đặc biệt là các vấn đề có tính chất chiến lược về kinh tế.

Những quyết định mà cuộc hội đàm giữa hai Bộ Chính trị đưa ra sẽ có tác động lớn đến sự phát triển kinh tế của mỗi nước trong kế hoạch năm năm 1985 - 1990 cũng như về lâu dài và phù hợp với tinh thần Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam. Ngày 9 tháng 2 năm 1984, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Chỉ thị số 37-CT/TW về việc tổ chức thực hiện những thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị.

Chỉ thị lưu ý các ngành, các địa phương cần quán triệt tư tưởng chỉ đạo và tổ chức thực hiện đầy đủ những nhiệm vụ mà Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra, đồng thời nhấn mạnh: phương thức hợp tác và giúp đỡ giữa hai nước chủ yếu vẫn là ngành hợp tác và giúp đỡ ngành, địa phương hợp tác và giúp đỡ địa phương, do đó lãnh đạo các ngành, các địa phương, các địa phương kết nghĩa với các tỉnh Lào phải coi trọng nhiệm vụ giúp Lào, có kế hoạch mở rộng hợp tác tiến đến liên kết

hợp tác chặt chẽ với nhau một cách hiệu quả, thiết thực. Ban Bí thư giao cho Ban Công tác giúp Lào, Ủy ban Hợp tác kinh tế và văn hoá với Lào và Campuchia những nhiệm vụ cụ thể để thực hiện tốt thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị; giao cho Bộ Quốc phòng, Bộ Nội vụ nghiên cứu, triển khai các vấn đề hợp tác về an ninh và phòng thủ giữa hai nước - xây dựng kế hoạch bảo vệ đất nước, bảo vệ an ninh chung... Để xúc tiến thực hiện Nghị quyết số 10 của Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và thoả thuận giữa ba Đảng, ba nước tại Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương, ngày 28 tháng 5 năm 1984, Hội đồng Bộ trưởng ban hành Nghị quyết số 80-HĐBT về việc tăng cường hợp tác kinh tế, văn hoá với Lào, Campuchia trong giai đoạn mới. Về hình thức có hợp tác ba bên, có hợp tác hai bên, từ hợp tác từng việc tiến tới phối hợp kế hoạch và liên kết kinh tế, kết hợp xây dựng kinh tế, phát triển văn hoá với củng cố quốc phòng và an ninh.

Theo tinh thần Nghị quyết của Hội đồng Bộ trưởng, ngay trong tháng 6 năm 1984, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Cộng hòa Nhân dân Campuchia đã ký thoả thuận hợp tác trên lĩnh vực ngoại thương.

Xác định quan hệ hợp tác giữa ngành với ngành, địa phương với địa phương là phương thức chủ yếu trong quan hệ hợp tác giữa ba nước cũng như giữa Việt Nam - Lào, ngày 20 tháng 6 năm 1984, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 45-CT/TW về tăng cường quan hệ hợp tác giữa các ngành và địa phương của ta với các ngành và địa phương của Lào, Campuchia. Chỉ thị nêu ra những yêu cầu trong quan hệ hợp tác; những nội dung trong quan hệ hợp tác; về tổ chức thực hiện và một số quy định trong quan hệ công tác nhằm giúp cho các ngành, các địa phương làm tốt nhiệm vụ hợp tác, giúp đỡ các ngành và địa phương Lào.

Riêng đối với các địa phương có chung biên giới cần thực hiện tốt Hiệp định về quy chế biên giới, cùng nhau củng cố cơ sở chính trị, bảo đảm an ninh, xây dựng biên giới hoà bình, hữu nghị.

Về việc tổ chức thực hiện, Chỉ thị lưu ý các ngành, địa phương phải căn cứ vào chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, phải nghiên cứu các vấn đề mà Lào đề ra để có chương trình, nội dung hợp tác và biện pháp thực hiện cho sát với khả năng và điều kiện của Việt Nam và Lào; phải chủ động phối hợp chặt chẽ với phía Lào để theo dõi việc thực hiện các vấn đề đã ký kết, có tổng kết, rút kinh nghiệm và phải xem việc hợp tác với Lào là một bộ phận quan trọng thường xuyên trong nhiệm vụ chính trị của ngành, của địa phương.

Cuối tháng 1 năm 1985, diễn ra cuộc hội đàm giữa Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, mà một phần việc là đánh giá kết quả thực hiện thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị tháng 1 năm 1984. Đồng thời, hai bên đã bàn thảo và nhất trí những công việc chính cần làm trong những năm trước mắt nhằm tăng cường liên minh, hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai nước. Ngày 20 tháng 5 năm 1985, Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam ra Nghị quyết số 138-HĐBT về tổ chức và phân công nhằm thực hiện các nhiệm vụ về liên kết, hợp tác kinh tế trong năm 1985 và những năm tới theo thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị hai Đảng (tháng 1 năm 1985).

Nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị và Nghị quyết số 138-HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, Ban Bí thư ra Chỉ thị số 63-CT/TW ngày 1 tháng 6 năm 1985 về việc thực hiện các thoả thuận giữa Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tháng 1 năm 1985, trong đó Ban Bí thư yêu cầu các địa

phương, các ngành có liên quan có kế hoạch, biện pháp cụ thể để thực hiện Nghị quyết số 138-HĐBT một cách khẩn trương. Các cấp uỷ địa phương tăng cường lãnh đạo công tác kết nghĩa, phát huy nỗ lực, sáng tạo của địa phương để giúp Lào đạt hiệu quả cao nhất.

2. Hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên các lĩnh vực được triển khai trong bối cảnh tìm tòi, khảo nghiệm, từng bước đổi mới (1982 - 1986)

Từ năm 1982, nền kinh tế Việt Nam và Lào đã bắt đầu có sự chuyển biến đổi mới từng bước; tình hình chính trị - kinh tế - xã hội của hai nước bắt đầu ổn định, công tác khôi phục kinh tế sau chiến tranh căn bản đã hoàn thành. Sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 3 năm 1982) và Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tháng 4 năm 1982), cả hai nước từng bước chuyển mạnh sang trọng tâm phát triển sản xuất nông nghiệp, đổi mới từng bước các thành phần kinh tế và cơ chế quản lý kinh tế, nhằm xây dựng kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần, văn hoá cho nhân dân, thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển so với các nước trong khu vực. Cùng với sự chuyển biến đổi mới từng phần về cơ chế quản lý kinh tế, quan hệ hợp tác giữa hai nước cũng bắt đầu có sự thay đổi: từ viện trợ và cho vay là chủ yếu sang giảm dần viện trợ và cho vay, đẩy mạnh hợp tác sản xuất và kinh doanh bình đẳng cùng có lợi.

Hợp tác về chính trị: Hai Đảng, hai Nhà nước khẳng định sự tất yếu khách quan tăng cường mối quan hệ đặc biệt, hợp tác toàn diện trong giai đoạn mới, có sự đồng thuận, phối hợp tổ chức thực hiện các đường lối, chủ trương hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước, có sự tổng kết, đánh giá thường niên kết quả thực hiện.

Sau 10 năm giành được độc lập tự do cho dân tộc, chế độ dân

chủ nhân dân được thiết lập và ngày càng chứng tỏ sức sống của mình trên đất nước Lào anh em, cũng là năm Đảng Nhân dân cách mạng Lào tròn 30 tuổi, quan hệ giữa hai Đảng, hai nước Việt - Lào ngày càng gắn bó khăng khít. Nhiều hoạt động do các tổ chức Đảng, Nhà nước, các đoàn thể nhân dân tổ chức đã diễn ra rất sôi nổi ở Việt Nam. Các cuộc mít tinh kỷ niệm được tổ chức trọng thể tại thủ đô, ở các tỉnh kết nghĩa với các tỉnh Lào... Các phương tiện thông tin đại chúng, báo chí, đài phát thanh và truyền hình tăng cường các hoạt động tuyên truyền, giới thiệu sâu rộng khắp nơi về Đảng Nhân dân cách mạng Lào, về những thắng lợi to lớn của nhân dân Lào trong cuộc đấu tranh giành độc lập cho dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào, về những thành tựu 10 năm xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Đảng và nhân dân Lào, về tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa Đảng và quân đội, nhân dân hai nước, về đất nước và con người Lào... góp phần nâng cao sự hiểu biết, tình đoàn kết, ủng hộ lẫn nhau giữa cán bộ, nhân dân hai nước. Nhiều đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước, đại diện các cơ quan, đoàn thể ở Trung ương và Hà Nội, đại biểu các lực lượng vũ trang và nhân dân thủ đô, Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào tại Việt Nam đến dự các cuộc mít tinh kỷ niệm và chúc mừng toàn thể đảng viên và nhân dân các dân tộc Lào anh em nhân ngày lịch sử vẻ vang này của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Trong bức điện mừng của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam gửi Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, có đoạn viết: “Mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt nền móng đầu tiên và dày công vun đắp ngày càng không ngừng được củng cố tăng cường và trở thành sức mạnh vô địch, không kẻ thù nào phá vỡ nổi. Hội nghị cấp cao ba nước Đông Dương và những nghị quyết của hai Đảng về tăng cường quan hệ Việt Nam -

Lào gần đây có ý nghĩa lịch sử vô cùng quan trọng, đánh dấu một bước phát triển mới của sự liên minh chiến đấu và hợp tác toàn diện giữa Việt Nam - Lào... Chúc tình đoàn kết chiến đấu, tình hữu nghị vĩ đại và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng và nhân dân hai nước chúng ta đời đời bền vững”³⁹.

Để giáo dục, quán triệt sâu sắc về quan hệ Lào - Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào có Nghị quyết chuyên đề về tăng cường, bảo vệ mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, coi quan hệ Lào - Việt là một tiêu chuẩn về đạo đức của cán bộ, đảng viên. Các tổ chức đoàn thể giữa hai nước đã tổ chức nhiều hình thức thể hiện quyết tâm cao của đường lối đối ngoại hai nước trong điều kiện lịch sử mới, vì lợi ích của hai quốc gia và vì sự ổn định phát triển của khu vực.

Nhiều cuộc trao đổi, tọa đàm các đoàn cấp cao hai Đảng và hai Nhà nước được tổ chức, nhằm thông báo cho nhau về tình hình mỗi nước; trao đổi ý kiến tiếp tục phát triển và củng cố mối quan hệ giữa hai nước; trao đổi ý kiến về các vấn đề khu vực và quốc tế mà hai bên cùng quan tâm. Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào Xuphanuvông luôn nêu những thành tựu đạt được từ sự hợp tác toàn diện giữa Việt Nam và Lào, và khẳng định đoàn kết, hợp tác tạo nên sức mạnh to lớn để hai dân tộc vượt qua mọi trở ngại, đánh thắng mọi kẻ thù. Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào làm hết sức mình để không ngừng củng cố và tăng cường mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào.

Năm 1985, nhân dịp thăm hữu nghị chính thức Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào của Đoàn đại biểu Đảng và Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam, hai bên đã ra Tuyên bố chung Việt Nam - Lào, khẳng định quyết tâm củng cố hơn nữa tình hữu nghị vĩ

³⁹. Báo *Nhân dân*, số 11220, ngày 22 tháng 3 năm 1985.

đại và tình đoàn kết chiến đấu truyền thống, đồng thời hai bên cho rằng cần mở rộng quy mô và nâng cao tính hiệu quả của sự hợp tác nhằm đáp ứng tốt hơn nữa những yêu cầu phát triển kinh tế của hai nước.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước của mỗi nước, sự hợp tác, sự nhất trí cao về lập trường, quan điểm giữa ba nước cũng như giữa Việt Nam và Lào trên lĩnh vực đối ngoại ngày càng được củng cố, tăng cường thông qua các hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao Việt Nam - Lào - Campuchia được tiến hành mỗi năm hai lần: Hội nghị Bộ trưởng ngoại giao ba nước lần thứ 10 (tháng 1 năm 1985), lần thứ 11 (tháng 8 năm 1985), lần thứ 12 (tháng 1 năm 1986) và lần thứ 13 (tháng 8 năm 1986).

Đối với vấn đề Campuchia, Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Nhân dân Campuchia khẳng định tiếp tục rút quân tình nguyện trong năm 1986 và hoàn thành vào năm 1990. Ba nước tiếp tục khẳng định lập trường năm điểm và các đề nghị đã nêu trong Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Đông Dương lần thứ 10 và 11. Hội nghị đi đến thống nhất cần phân biệt hai mặt của một giải pháp chính trị về vấn đề Campuchia: mặt nội bộ và mặt quốc tế. Việc giải quyết vấn đề nội bộ của Campuchia do nhân dân Campuchia tự giải quyết, không có sự giải quyết từ bên ngoài. Việc giải quyết mặt quốc tế của vấn đề Campuchia bao gồm thoả thuận về việc rút quân tình nguyện Việt Nam đi đôi với việc chấm dứt viện trợ, vũ khí và dùng lãnh thổ Thái Lan làm “đất thánh” cho bọn Pôn Pốt và các lực lượng Khome phản động khác, chấm dứt sự can thiệp từ bên ngoài vào công việc nội bộ của Campuchia. Chấm dứt các hoạt động quân sự thù địch của nước ngoài chống Cộng hoà Nhân dân Campuchia.

Đi đôi với giải pháp hoà bình cho vấn đề Campuchia, ba nước

thoả thuận lập một khu vực hoà bình, ổn định ở Đông Nam á trong đó các nước có chế độ xã hội khác nhau cùng tồn tại hoà bình. Đối với Thái Lan, ba nước mong muốn và sẵn sàng đàm phán để giải quyết các vấn đề tồn tại giữa các bên vì hoà bình và ổn định ở Đông Nam á.

Sự thoả thuận các hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước trong bốn kỳ họp liên tiếp trong hai năm (1985 - 1986) đã thể hiện sự nhất trí cao về lập trường, quan điểm giữa ba nước cũng như giữa Việt Nam và Lào trên lĩnh vực đối ngoại ngày càng được củng cố, tăng cường.

Mối quan hệ hợp tác về chính trị trong giai đoạn này thể hiện ở sự nỗ lực vươn lên của Lào để cùng Việt Nam hiện thực hoá mục tiêu mà cả hai nước cùng lựa chọn: con đường xã hội chủ nghĩa. Hai nước cùng nhau học hỏi, trao đổi kinh nghiệm của quá trình tìm tòi khảo nghiệm các bước đi, giải pháp đổi mới từng phần về cơ chế quản lý kinh tế, cơ cấu các thành phần kinh tế, cơ cấu các ngành kinh tế, vấn đề lưu thông phân phối, vấn đề khoán... phù hợp với đặc điểm cụ thể của mỗi nước. Lào trao đổi kinh nghiệm với Việt Nam về chủ trương từng bước xóa bỏ tình trạng cấm chợ, ngăn sông, mở rộng thương mại khắc phục sự khan hiếm hàng hoá, về lưu thông phân phối...

Đối với Việt Nam, đây là thời điểm cả nước sôi động tìm tòi cơ chế mới trong quản lý kinh tế. Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương 8 (khóa V) tháng 6 năm 1985 quyết định xóa bỏ cơ chế tập trung quan liêu bao cấp, chuyển sang cơ chế hạch toán kinh doanh xã hội chủ nghĩa, lấy giá - lương - tiền làm khâu đột phá; và Kết luận đối với một số vấn đề thuộc về quan điểm kinh tế của Bộ Chính trị (tháng 8 năm 1986)⁴⁰ là kết quả của quá trình đổi mới

⁴⁰. Tổng kết 20 năm đổi mới, Việt Nam coi Hội nghị Trung ương 8 khóa V

từng phần trong tư duy kinh tế ở Việt Nam. Những kết quả đó cũng tác động đến quá trình tìm tòi, khảo nghiệm con đường quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Các đồng chí trong Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào tích cực cố gắng tìm tòi học hỏi về kinh nghiệm, nghiên cứu lý luận để hoàn thiện chế độ dân chủ nhân dân, tạo tiền đề để tiến lên chủ nghĩa xã hội trong điều kiện cụ thể của Lào. Các ủy viên Bộ Chính trị của Đảng Nhân dân cách mạng Lào thường xuyên sang nghiên cứu thực tiễn tìm tòi khảo nghiệm của Việt Nam. Đây cũng là thời điểm Lào tăng cường số lượng đội ngũ cán bộ lý luận sang đào tạo, bồi dưỡng ở Việt Nam. Đồng chí Cayxôn Phômvihản tự mình hướng dẫn chuyên gia chọn lọc dịch những phần cần thiết trong “*Tuyển tập Mác - Lênin*” để nghiên cứu. Mỗi dịp đi nghỉ hè hằng năm, ngoài việc đề nghị Liên Xô giới thiệu những giáo sư, những nhà lý luận giỏi, giới thiệu cho một số chuyên đề, đồng chí còn đề nghị Trường Nguyễn ái Quốc Việt Nam gửi các bài giảng của các lớp cao cấp sang để đọc, nghiên cứu. Khi có điều kiện, đồng chí đề nghị Việt Nam cử chuyên gia sang trực tiếp giới thiệu một số chuyên đề mà đồng chí cần nghiên cứu sâu để vận dụng vào thực tiễn Lào. Vấn đề nào thấy cần thiết đồng chí đề nghị mở tập huấn giới thiệu cho Ban Chấp hành Trung ương mở rộng cùng nghe. Qua đó Lào chủ trương phải học tập và đổi mới tư duy trong hàng ngũ cán bộ trên các lĩnh vực, trong lãnh đạo, trong lề lối làm việc. Bản thân đồng chí Cayxôn Phômvihản đã đọc đi đọc lại tác phẩm “*Sửa đổi lối làm việc*” của Chủ tịch Hồ Chí Minh để vận dụng vào công tác xây dựng đảng ở Lào.

(tháng 6 năm 1985) là bước đột phá thứ hai đổi mới tư duy lý luận; Kết luận của Bộ Chính trị tháng 8 năm 1986 là bước đột phá thứ ba trong đổi mới tư duy lý luận của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Khi trả lời phỏng vấn của phóng viên Thông tấn xã Việt Nam, Đài Phát thanh, Đài Truyền hình Việt Nam thường trú tại Lào, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Cayxôn Phômvihản nhấn mạnh: “Những năm qua, sự hợp tác đầy tình anh em, tình đồng chí giữa Đảng, Nhà nước và nhân dân hai nước đã phát triển trên mọi lĩnh vực, với nhiều hình thức phong phú và có hiệu quả. Ngoài việc cử chuyên gia và quân tình nguyện sang giúp cách mạng Lào, Việt Nam còn đẩy mạnh hợp tác về lao động và kỹ thuật giúp Lào khai thác tiềm năng của mình; mở rộng quan hệ kết nghĩa giữa các địa phương của hai nước, lấy hợp tác về kinh tế và văn hoá làm cơ sở cho các mặt hợp tác khác. Sự hợp tác và giúp đỡ to lớn của Việt Nam góp phần rất quan trọng tạo thế chiến lược vững chắc cho sự phát triển của cách mạng Lào.

Đoàn kết liên minh hợp tác Lào - Việt Nam đã trở thành đường lối chiến lược, tình cảm thiêng liêng và nghĩa vụ quốc tế của Đảng, Nhà nước và nhân dân Lào, là một trong những tiêu chuẩn rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân Lào”⁴¹.

Hợp tác quốc phòng - an ninh: Mỗi quan hệ, hợp tác ngày càng đi vào chiều sâu, nhằm bồi dưỡng, xây dựng lực lượng, tập trung giải quyết vấn đề biên giới thành đường biên giới hoà bình, hữu nghị, ổn định và phát triển lâu dài giữa hai nước.

Thực hiện *Hiệp ước hữu nghị và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam* ký ngày 18 tháng 7 năm 1977, ngày 29 tháng 3 năm 1981, Bộ Nội vụ Lào và Bộ Nội vụ Việt Nam đã ký *Hiệp định hợp tác toàn diện* giữa hai Bộ. Phía Lào do Đại tướng Xixávat Kẹo Bunphăn, Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm trưởng đoàn. Phía Việt Nam do đồng chí Phạm Hùng, Bộ trưởng Bộ Nội vụ làm trưởng đoàn.

⁴¹. Báo *Nhân dân*, số 11219, ngày 21 tháng 3 năm 1985.

Nội dung của Hiệp định cho phép lực lượng an ninh của hai nước, ở cả Trung ương và các địa phương, quan hệ hợp tác, trao đổi kinh nghiệm lẫn nhau, trao đổi các đoàn đại biểu, các đoàn cán bộ lão thành...

Ngày 23 tháng 6 năm 1984, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam ra Quyết định số 932-QĐ/QP giao cho Quân khu 5 có nhiệm vụ liên minh chiến đấu với lực lượng vũ trang và nhân dân Lào trên địa bàn các tỉnh Xalavăn, Champaxắc, áttapư và tỉnh mới tách ra từ Xalavăn, tăng cường khả năng phòng thủ bảo vệ độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ địa bàn Nam Lào.

Tháng 4 năm 1985, các thế lực phản động nước ngoài chỉ huy tiếp tế cho Chư Pao Mùa thu gom được khoảng 1.200 tên phi hoạt động quấy phá ở khu vực Buôm Loộng. Trước yêu cầu cấp bách phải tiêu diệt cụm phi ở Buôm Loộng để ổn định tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, Tỉnh uỷ Xiêng Khoảng đã đề nghị cấp trên tăng cường lực lượng cùng tỉnh giải phóng vùng đất bị Chư Pao Mùa chiếm đóng. Bộ chỉ huy liên quân do đồng chí Udôm Khắttinhạ, Uỷ viên Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Bí thư Tỉnh uỷ Xiêng Khoảng làm chỉ huy trưởng. Theo yêu cầu của Lào, từ ngày 13 đến 15 tháng 5 năm 1985, Quân khu 4 Việt Nam đã sử dụng Tiểu đoàn 31 đặc công quân khu và một số đơn vị bộ binh cùng các đơn vị bạn tiêu diệt quân phi ở Buôm Loộng, phá tan sào huyệt phi lớn nhất của địch, góp phần ổn định tình hình an ninh của Lào.

Để tiếp tục giúp Lào về các mặt xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang, lực lượng chính trị, đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở vật chất kỹ thuật và xây dựng kinh tế, năm 1984, Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam và Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Lào đã thống nhất kế hoạch chiến lược phòng thủ đối phó với các tình huống chiến tranh và triển khai kế hoạch chống chiến

tranh phá hoại nhiều mặt của địch... Hai Bộ Quốc phòng và hai Bộ Tổng Tham mưu còn tiến hành hội đàm để giải quyết những vấn đề cơ bản về quân sự. Trong kế hoạch phát động quần chúng, củng cố cơ sở chính trị, Lào và Việt Nam ngày càng phối hợp chặt chẽ. Lào đã củng cố ban lãnh đạo và chính quyền ở các tỉnh trọng điểm. Việt Nam cũng kiện toàn 60 đội công tác ở cơ sở (trong đội hình quân tình nguyện) với hơn 1.500 cán bộ phối hợp với bạn về các mặt khác, chỉ đạo công tác vận động quần chúng xây dựng cơ sở, củng cố quốc phòng - an ninh.

Tính riêng trong năm 1984, Việt Nam đã giúp Lào hoàn thành đào tạo 407 cán bộ, 1.381 cán bộ và nhân viên kỹ thuật được đào tạo tại 28 trường; 32 chuyên gia thường trú ở cơ quan Bộ Quốc phòng trong đó có công tác quân sự địa phương, 350 chuyên gia kỹ thuật về các xí nghiệp quốc phòng và các nông trường. Ngày 25 tháng 12 năm 1985, Trường Trung cấp An ninh được thành lập. Sau đó, Trường Đại học An ninh và Trường Đại học Công an nhân dân của Việt Nam đã cử nhiều cán bộ, giảng viên sang giúp giảng dạy, chuyển giao kiến thức cho cán bộ, học viên Lào. Nhờ đó, hàng năm Lào đã đào tạo được một lực lượng lớn cán bộ, chiến sĩ làm công tác an ninh.

Nét nổi bật của hợp tác quốc phòng, an ninh giai đoạn này là hợp tác giải quyết vấn đề biên giới giữa hai nước. Đường biên giới Việt - Lào được hình thành từ khá sớm trong lịch sử⁴². Tuy

⁴². Đến thời thuộc Pháp, đường biên giới này trở thành biên giới hành chính trong Đông Dương thuộc Pháp. Tuy nhiên, nó không phải là quốc giới do hai nước hoạch định. Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp kết thúc, nhận thức sâu sắc việc phân định và cắm mốc biên giới giữa hai nước có liên quan trực tiếp đến sự hòa bình, ổn định của mỗi nước và trong khu vực, từ ngày 25 tháng 9 đến 10 tháng 11 năm 1955, được sự ủy nhiệm của Chính phủ Việt Nam, Bộ Nội vụ đã tiến hành điều tra biên giới Việt - Lào trên thực địa. Tháng 9 năm 1956, theo thư mời của Chính phủ Vương quốc Lào và theo tinh thần hội đàm giữa phái đoàn Chính phủ hai nước, Việt Nam đã cử

nhiên, sau này do yêu cầu của cuộc kháng chiến chống Mỹ, được sự đồng ý của Lào, Việt Nam đã mở tuyến đường vận tải chiến lược Trường Sơn, phần phía tây chạy trên đất Lào, vì vậy việc hoạch định, phân chia biên giới trong giai đoạn này bị gián đoạn. Khi cuộc kháng chiến chống Mỹ kết thúc, hai nước lại tiếp tục bắt tay vào việc hoạch định, phân chia lại đường biên giới. Xuất phát từ tình đồng chí anh em, hai nước đã thoả thuận lấy đường biên giới mà Pháp vẽ trên bản đồ 1/100.000 của Sở Địa dư Đông Dương làm cơ sở đối chiếu, so sánh cho việc phân chia biên giới trên thực địa. Theo Hiệp định hai nước ký kết năm 1977, từ ngày 25 tháng 7 năm 1978 - ngày cắm mốc đầu tiên - đến ngày 24 tháng 8 năm 1984 đã cơ bản hoàn thành hệ thống quốc mốc. Sau tám năm tiến hành, đến ngày 24 tháng 1 năm 1986, việc phân vạch và cắm mốc trên thực địa toàn tuyến biên giới Việt - Lào dài 2.067 km đã hoàn thành. Những điểm mới được hai bên nhất trí điều chỉnh đã được ghi nhận trong Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới. Cũng với Hiệp ước bổ sung, Nghị định thư về việc phân giới trên thực địa và cắm mốc toàn tuyến biên giới Việt Nam - Lào đã được hai nước ký ngày 24 tháng 1 năm 1986. Hai nước khẳng định: “Xác định chính thức đường biên giới quốc gia giữa nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào nhằm xây dựng đường biên giới hữu nghị anh em lâu dài giữa hai nước”⁴³.

Hai nước đưa ra quan điểm giải quyết vấn đề biên giới ở những điểm khó khăn: “ở những nơi nào cả hai bên đều thấy cần thiết phải điều chỉnh đường biên giới và ở những nơi đường biên giới chưa

một phái đoàn sang Lào điều tra biên giới vùng Mường Sốc, Nặm Cắn (phần nằm giữa hai tỉnh Nghệ An và Xiêng Khoảng).

⁴³. *Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, ký ngày 18 tháng 7 năm 1977, hồ sơ số 514/3, Vụ á châu 2, Bộ Ngoại giao, tr.1.

được vẽ trên các bản đồ Pháp nói ở đoạn trên, hai bên đã hoạch định đường biên giới trên cơ sở hoàn toàn nhất trí, tôn trọng lẫn nhau, vì lợi ích của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào”.

Từ thời điểm này, giữa hai nước đã có đường biên giới chính thức, được hoạch định bằng Hiệp ước, phân vạch trên thực địa và đánh dấu bằng một hệ thống mốc chính quy.

Việc phân định chính thức đường biên giới quốc gia giữa hai nước thể hiện nguyên tắc trong quan hệ hai nước: tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau cũng như lợi ích chính đáng của mỗi bên phù hợp với luật pháp quốc tế và đáp ứng nguyện vọng của nhân dân hai nước muốn có một đường biên giới hữu nghị lâu dài. Đồng thời cũng là một biểu hiện của mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào, góp phần tích cực vào việc củng cố và tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, sự hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Sự kiện này đã mở ra cho hai nước sớm đi đến ký kết quy chế biên giới bao gồm việc đi lại của nhân dân, quy định các cửa khẩu qua lại... nhằm bảo đảm chủ quyền của mỗi nước, tạo điều kiện thuận lợi cho việc làm ăn, sinh sống của nhân dân hai bên và việc hợp tác mọi mặt giữa hai nước.

Mười năm sau giải phóng, Quân đội nhân dân Lào và Quân đội nhân dân Việt Nam đã đoàn kết, hợp tác chặt chẽ với nhau trong nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước và đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng.

Căn cứ vào yêu cầu của Lào, theo tinh thần ngành giúp ngành, địa phương giúp địa phương, ngày 24 tháng 6 năm 1985, Bộ Quốc phòng ra Chỉ thị về việc cử chuyên gia chính trị, kinh tế, chuyên môn, kỹ thuật quân sự, an ninh từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở, chuyên gia giúp lãnh đạo các bộ, ngành Lào nhanh chóng nắm bắt công việc. Bên cạnh đó Việt Nam còn cử cán bộ, kỹ sư, công nhân

kỹ thuật lành nghề sang giúp Lào khảo sát, lập quy hoạch, thiết kế, thi công một số công trình trọng điểm...

Ghi nhận sự giúp đỡ to lớn của Quân đội nhân dân Việt Nam đối với cách mạng Lào nói chung và Quân đội nhân dân Lào nói riêng trong suốt những năm tháng chiến tranh trước đây cũng như trong thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, ngày 18 tháng 12 năm 1984, Chủ tịch nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào Xuphanuvông đã ký quyết định tặng Huân chương Vàng quốc gia, phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước Lào cho Quân đội nhân dân Việt Nam.

Hợp tác kinh tế: Thời kỳ này, ngoài sự trao đổi kinh nghiệm thực tiễn, tri thức về đổi mới từng phần trong cơ chế quản lý kinh tế (thông qua trao đổi, làm việc giữa lãnh đạo cấp cao hai nước, chuyên gia, đào tạo cán bộ), quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước đã từng bước chuyển dần từ viện trợ và cho vay là chủ yếu sang hợp tác sản xuất kinh doanh cùng có lợi, đồng thời giúp nhau phát huy khả năng và tiềm năng của mỗi nước để giải quyết những nhu cầu cấp bách về đời sống và sản xuất. Đây là những định hướng phù hợp với điều kiện hai nước trong những năm đầu chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế.

Chính phủ Việt Nam đã viện trợ không hoàn lại và cho vay không trả lãi giúp Lào về: khảo sát, thiết kế 17 công trình thuỷ lợi, trong đó xây dựng 7 công trình loại vừa; lập luận chứng kỹ thuật xây dựng 12 trạm thuỷ điện và xây dựng 4 trạm; thiết kế, xây dựng 11 bệnh viện, bệnh xá, 6 cửa hàng và nhà làm việc, 8 trường học các cấp; khảo sát thiết kế đường ô tô, xây dựng đường nhựa, đường cấp phối; gia công đóng tàu hàng, tàu chở khách; giúp vận tải hàng trăm tấn hàng hoá quá cảnh⁴⁴.

⁴⁴. Khóa họp I Ủy ban Hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Việt

Chỉ tính riêng hai năm 1984 - 1985, trên lĩnh vực công nghiệp, Việt Nam đã giúp đỡ Viêng Chăn khảo sát xây dựng 18 công trình. Ngoài ra còn cử chuyên gia, giúp thiết bị và hoàn thành lắp đặt hệ thống 400 loa truyền thanh và 41 km đường dây. Đến năm 1986, Liên hiệp Các xí nghiệp giao thông 8 thuộc Bộ Giao thông vận tải đã khảo sát gần 2.000 km đường, xây dựng gần 300 km đường nhựa, 40 cầu vĩnh cửu dài 1.778 m trên tuyến đường 217, đường 6, đường 7, đường 8..., 16.000 m cống bê tông các loại cùng nhiều khu công nghiệp khác.

Ngoài những công trình xây dựng theo Hiệp định giữa hai Chính phủ trong những năm 1976 - 1986 theo yêu cầu của ngành giao thông Lào và các địa phương cơ sở, Liên hiệp Các xí nghiệp giao thông 8 còn thiết kế cho Lào 50 km đường 10, xây dựng một số cầu tại các tỉnh, xây dựng trạm trộn bê tông để rải nhựa đường Viêng Chăn, xây dựng xưởng sản xuất đất đèn, cử nhiều chuyên gia giúp về tổ chức sản xuất và phối hợp quản lý các công trình quan trọng⁴⁵. Liên hiệp Các xí nghiệp giao thông 8, thuộc Bộ Giao thông vận tải - tiền thân là đơn vị Việt Nam đầu tiên làm nghĩa vụ quốc tế tại Lào về giao thông - được thành lập từ ngày 23 tháng 7 năm 1965, sau giải phóng, đơn vị này đã chuyển sang trọng tâm xây dựng cầu đường phục vụ công cuộc xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Lào. Từ năm 1982, khi nền kinh tế Việt Nam bắt đầu có sự chuyển hướng sang hạch toán kinh doanh mới, Liên hiệp đã luôn hoàn thành kế hoạch nhà nước giao, nhận được những phần thưởng cao quý hai bên trao tặng. Đây là đơn vị làm nghĩa vụ quốc tế ở Lào thực sự có uy tín, luôn đạt chất lượng, hiệu quả cao

Nam - Lào, hồ sơ Q9-6, phong Lưu trữ Bộ Ngoại giao.

⁴⁵. *Việt Nam và hợp tác phát triển tiểu vùng Mê Công*, Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000, tr.158-166.

trên lĩnh vực giao thông vận tải, góp phần tô thắm mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào không chỉ trong kháng chiến mà cả trong xây dựng đất nước. Đồng thời, qua các công trình, dự án hợp tác cụ thể giữa Việt Nam và Lào, phía Lào đã góp phần hết sức quan trọng tạo điều kiện cho đội ngũ công nhân có việc làm trong bối cảnh kinh tế trong nước đang còn nhiều khó khăn, góp phần nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn cho đội ngũ kỹ sư, cán bộ chuyên môn của Việt Nam toàn diện hơn trên các lĩnh vực thiết kế, thi công, xây dựng....

Hợp tác thương mại: Nhờ vào vị trí tiếp nối tự nhiên, quan hệ buôn bán giữa Lào và Việt Nam được hình thành khá sớm⁴⁶. Từ năm 1976 - 1981, trao đổi hàng hoá chính ngạch được bắt đầu theo phương thức bao cấp bằng ngân sách nhà nước mỗi bên. Từ năm 1981 - 1985: kim ngạch tăng nhanh hơn (do Thái Lan bao vây cấm vận Lào 273 mặt hàng, nên Lào chuyển hướng sang phía đông). Hàng hoá chủ yếu là nhu yếu phẩm phục vụ đời sống nhân dân. Hiệp định thương mại Việt - Lào năm năm được ký kết và Nghị định thư thương mại hàng năm đã tạo hành lang pháp lý cho việc trao đổi buôn bán giữa hai nước... Trước năm 1986, Việt Nam và Lào chủ yếu có quan hệ thương mại với các nước xã hội chủ nghĩa, các nước láng giềng Đông Nam á và Nhật Bản. Lào nhập khẩu chủ yếu là thiết bị công nghiệp, sản phẩm dầu mỏ, lương thực, phương tiện giao thông, xi măng, sắt, thép, hàng dệt... Hàng xuất của Lào chủ yếu là gỗ xẻ, điện, thiếc, cà

⁴⁶. Trước năm 1975, Việt Nam - Lào có hiệp định trao đổi thương mại nhưng mới chỉ dừng lại ở quy định một số nguyên tắc, thể lệ và danh mục chung, không quy định kim ngạch. Trao đổi chủ yếu diễn ra giữa các địa phương và các tỉnh của Việt Nam với vùng giải phóng Lào. Tổng kim ngạch hai chiều từ năm 1961 - 1975 đạt khoảng 67 triệu đồng Việt Nam.

phê, thuốc lá. Việt Nam nhập chủ yếu gồm: máy móc, thiết bị giao thông, xăng dầu, phân bón, sắt thép, bông, sợi dệt, hàng tiêu dùng.

Việt Nam giúp Lào vận tải quá cảnh đại bộ phận hàng hoá xuất nhập của Lào theo sự thoả thuận ký kết giữa các nước có hàng viện trợ với Việt Nam, bảo đảm cho Lào con đường thông thương ra biển, đồng thời bảo đảm cung cấp qua đường ngoại thương những hàng tiêu dùng Lào còn chưa sản xuất được, nhất là một số vùng có tính chất chiến lược và các ngành liên quan đến kinh tế hai nước.

Ngoài ra, Việt Nam còn hỗ trợ Lào sử dụng các nguồn viện trợ chủ yếu từ các nước xã hội chủ nghĩa và các tổ chức quốc tế⁴⁷. Theo thoả thuận của hai nước, Việt Nam cử chuyên gia cao cấp có kinh nghiệm của Ủy ban Kế hoạch nhà nước sang nghiên cứu, giúp Lào bố trí kế hoạch tiếp nhận, phân phối sử dụng các nguồn viện trợ, nhất là vật tư thiết bị của Liên Xô một cách kịp thời, có hiệu quả, xây dựng các công trình đáp ứng nhu cầu của sản xuất và tiêu dùng.

Qua đó, chúng tỏ sự tin cậy một cách đặc biệt của Lào đối với Việt Nam và đáp lại Việt Nam cũng chứng tỏ sự hết lòng của mình với Lào - nước láng giềng gần gũi thân thiện, đồng thời luôn bảo đảm nguyên tắc tôn trọng độc lập, tự chủ và quyền tự quyết của Lào⁴⁸.

⁴⁷. Từ năm 1976 đến 1985, các nước và các tổ chức này đã viện trợ không hoàn lại cho Lào 547,89 triệu rúp, 126,57 triệu USD và cho vay 594,583 triệu rúp.

⁴⁸. Tổng kết thành quả kinh tế trong hơn 10 năm (1975 - 1986) của Lào đã khẳng định: tổng sản phẩm trong nước tăng gấp đôi và thu nhập tính trung bình đầu người tăng 60%. Nông nghiệp: sản lượng thóc của năm 1985 tăng gấp đôi so với năm 1976 và về cơ bản tự túc được lương thực. Về chăn nuôi, số lượng trâu, bò tăng 60% so với thời kỳ mới giải phóng. Về việc trồng cây công nghiệp: so với năm 1976 sản lượng cà phê năm 1985 tăng gấp đôi, thuốc lá tăng lên ba lần. Công nghiệp: trong 10 năm sản lượng công nghiệp tăng 4,4%, có nhiều sản phẩm mới và có loại

Trên lĩnh vực văn hoá - giáo dục: Hai nước luôn hợp tác trong chương trình trao đổi giao lưu văn hoá nghệ thuật với các loại hình trao đổi đoàn biểu diễn, tổ chức sáng tác mỹ thuật, tìm hiểu về chủ đề đất nước và con người, hợp tác xuất bản, in và phát hành sách báo, văn hoá phẩm, phim ảnh. Đồng thời phối hợp tuyên truyền giáo dục nhân dân hai nước về mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào⁴⁹. Việt Nam giúp Lào một số chương trình, giáo trình giảng dạy của một số trường nghệ thuật của Việt Nam để Lào làm tài liệu nghiên cứu tham khảo; cử chuyên gia giúp về kinh nghiệm làm quy hoạch, kế hoạch đào tạo cán bộ; xây dựng giáo trình giảng dạy văn hoá nghệ thuật của Lào; cử chuyên gia giúp Lào xây dựng phim tài liệu, thời sự và sửa chữa các loại máy móc thiết bị; cử chuyên gia giúp Lào về phương pháp chuyển từ phòng trưng bày truyền thống thành Viện Bảo tàng cách mạng. Việt Nam giúp Lào xây dựng Viện Bảo tàng cách mạng, hoàn thành trước ngày Quốc khánh 2 tháng 12 năm 1985 tại Viêng Chăn. Bộ Văn hoá Lào cử đoàn cán bộ sang Việt Nam nghiên cứu, khảo sát tìm hiểu về tổ chức, nghiệp vụ, trang bị vật tư về kịch nói để về xây dựng Đoàn kịch nói Lào. Việt Nam còn hợp tác giúp Lào khảo sát tình hình Đoàn xiếc quốc gia; xây dựng kế hoạch củng cố, quản lý điều hành theo tình hình mới;

hàng hóa xuất khẩu ra nước ngoài. Giao thông vận tải: đã có con đường thông 80% các huyện trên toàn quốc, khả năng chuyên chở hàng hóa nội bộ và quá cảnh tăng nhiều lần. Đối với kinh tế đối ngoại: nước ta nhận được sự ủng hộ, giúp đỡ và hợp tác ngày càng nhiều hơn từ các nước anh em và bạn bè trên thế giới. Tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu tăng gấp 5 lần so với năm 1976.

⁴⁹. Việt Nam giúp Lào làm phim về Đại hội Phụ nữ Lào lần thứ nhất (1984), phim 10 năm nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (thực hiện từ năm 1984), phim về thành tựu 16 năm của cách mạng Lào phát hành vào dịp Quốc khánh lần thứ 10 (ngày 2 tháng 12 năm 1985).

giúp Lào giảng dạy một số bộ môn tại Trường Nghệ thuật và Mỹ thuật Viêng Chăn; nâng cao chất lượng nghệ thuật Đoàn ca múa Trung ương Lào. Ngoài ra, công tác hoạt động văn hoá của hai nước còn diễn ra sôi nổi ở nhiều địa phương kết nghĩa có chung biên giới hữu nghị với nhau⁵⁰.

Về nghiên cứu khoa học, đây là cũng là giai đoạn thực hiện chủ trương hai nước tăng cường trao đổi, hợp tác giữa các nhà khoa học Việt Nam và Lào. Đặc biệt trên lĩnh vực khoa học xã hội, từ khi thành lập Ban Đông Nam á - tiền thân của Viện Nghiên cứu Đông Nam á, các nhà khoa học xã hội giữa hai nước càng có điều kiện gặp gỡ, trao đổi những thành quả nghiên cứu toàn diện hơn. Kết quả cụ thể hợp tác của các nhà khoa học trong thời gian này là triển khai nghiên cứu Lịch sử Lào, Văn học Lào, Địa lý Lào. Ba công trình này đã được xuất bản ở Lào, bằng tiếng Lào. Riêng công trình *Lịch sử Lào* đã được xuất bản bằng tiếng Việt⁵¹.

Về giáo dục - đào tạo: Hằng năm, Bộ Giáo dục hai nước ký kết các văn bản hợp tác, đã tổ chức hai lần Hội nghị Bộ trưởng Giáo dục của ba nước Lào, Campuchia, Việt Nam họp tại Hà Nội và Viêng Chăn. Hàng loạt hệ thống trường lớp ở Lào với sự giúp đỡ của Việt Nam đã được xây dựng: các trường phổ thông, trung cấp sư phạm, Đại học Sư phạm Viêng Chăn. Hàng loạt lưu học sinh Lào, chủ yếu là sinh viên đại học, thực tập sinh, nghiên cứu sinh trên đại học liên tục có mặt ở 36 trường đại học, cao đẳng và trung học chuyên nghiệp ở Việt Nam như Đại học Tổng hợp

⁵⁰. Báo cáo thực hiện kế hoạch hợp tác văn hóa với Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào năm 1984, hồ sơ số 520, Vụ á châu 2, phòng Lưu trữ Bộ Ngoại giao.

⁵¹. Theo *Hội thảo quốc tế về mối quan hệ Việt Nam - Lào*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2007, tr.634-635.

Hà Nội, Đại học Bách khoa, Đại học Y, Đại học Quân sự, Đại học Sư phạm,... Bên cạnh đó, Việt Nam vẫn tiếp tục đào tạo một số học sinh phổ thông cho Lào. Riêng “Trường Bổ túc hữu nghị Việt - Lào” được thành lập từ năm 1980 với nhiệm vụ đào tạo con em nhân dân các bộ tộc Lào gửi sang từ phổ thông cơ sở đến phổ thông trung học. Năm học 1980 - 1981 có 191 học sinh Lào tốt nghiệp cấp III (đạt 100%). Số lượng học sinh Lào được đào tạo tại Việt Nam ở các loại trường kể cả phổ thông, trung học chuyên nghiệp, đại học các ngành kinh tế, chính trị, xã hội, quân sự, an ninh thời kỳ này rất đông, chiếm khoảng 50% số người được gửi ra nước ngoài. Năm 1983 - 1984 có 206 học sinh tốt nghiệp cấp II, III (100%); năm học 1985 - 1986 có gần 200 học sinh tốt nghiệp (trong đó 95% tốt nghiệp cấp III và 70% đạt loại khá, giỏi)⁵². Kết quả này là sự nỗ lực cao độ của cả hai phía, mặc dù chất lượng đào tạo chưa cao, nhưng đã góp phần thanh toán dần nạn mù chữ, nâng cao trình độ dân trí ở một mức độ nhất định, hình thành đội ngũ cán bộ, trí thức đặt nền móng khoa học - kỹ thuật cho đất nước Lào phát triển⁵³.

Bên cạnh đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý và cán bộ lý luận chính trị của Đảng là một nhiệm vụ chiến lược cơ bản thường xuyên của Đảng, Nhà nước của cả hai nước. Mặc dù các thế lực thù địch chống phá cách mạng hai nước tìm mọi cách

⁵². *Việt - Lào hai nước chúng ta, tình sâu hơn nước Hồng Hà - Cửu Long*, Sở Văn hóa Thông tin, Hà Nội 1987, tr.12.

⁵³. Tổng kết giáo dục của Lào đến năm 1985 nhận định về cơ bản đã hoàn thành việc xóa nạn mù chữ, số học sinh, sinh viên các cấp đều tăng, số sinh viên đi du học nước ngoài ngày càng nhiều. Cho đến nay, cứ bốn người thì có một người được vào học, đến cuối năm 1985 Lào có 6.000 cán bộ tốt nghiệp đại học, trung học dạy nghề 22.200 người, con em các dân tộc tốt nghiệp phổ thông cơ sở, trường dạy nghề và đại học ngày càng nhiều.

chia rẽ, phá hoại tình đoàn kết giữa hai nước, nhưng với sự tin cậy trong quan hệ hợp tác toàn diện với Việt Nam, Lào vẫn tiếp tục tăng cường việc gửi cán bộ sang đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn, dài hạn ở Việt Nam. Các đồng chí từ Thường vụ Tỉnh uỷ đến Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, sĩ quan cấp tướng, bộ trưởng, thứ trưởng sang học ở Trường Đảng cao cấp Nguyễn ái Quốc; các đồng chí cán bộ Tỉnh uỷ, Huyện uỷ sang học Trường Nguyễn ái Quốc 10.

Đối với đối tượng cán bộ cần bồi dưỡng nâng cao trình độ tại chỗ, Lào mời chuyên gia Việt Nam sang giảng dạy ở Trường Lý luận Trung ương. Trong các hội nghị Trung ương, nhất là các hội nghị bàn về các vấn đề chuyên đề như: cải tiến cơ chế quản lý tài chính, ngân hàng, nông lâm nghiệp, giao thông vận tải, Lào đều mở rộng, biến hội nghị thành một lớp vừa tập huấn, bồi dưỡng cán bộ, vừa quán triệt nghị quyết.

Việt Nam còn cử nhiều chuyên gia đầu ngành, có kinh nghiệm sang giúp Lào xây dựng chương trình giảng dạy cho Trường Đảng cao cấp của Đảng và Nhà nước Lào. Tính riêng về đào tạo cán bộ giúp Đảng và Nhà nước Lào, từ năm 1977 - 1989, Trường Nguyễn ái Quốc 10 và Trường Nguyễn ái Quốc đặc biệt (Việt Nam) đã phối hợp cùng các cơ quan của hai nước đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị và chuyên môn cho khoảng 1.000 cán bộ trung, cao cấp; cán bộ các ngành tuyên huấn, tổ chức, kiểm tra; phóng viên; giảng viên Trường Đảng của Lào⁵⁴.

Việt Nam giúp Lào về chuyên gia, cán bộ, công nhân kỹ thuật, đào tạo cán bộ, công nhân cho Lào, giúp Lào tiến lên tự đào tạo

⁵⁴. *Báo cáo về biên giới Việt - Lào, Việt - Trung (năm 1976)*, phòng Bộ Nội vụ, hồ sơ số 3867, Trung tâm Lưu trữ quốc gia III, Cục Văn thư và Lưu trữ Nhà nước.

một phần. Theo số liệu của Lào thì tính trong sáu năm, từ khi hai nước ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác, trung bình mỗi năm Việt Nam cử 900 chuyên gia thuộc các lĩnh vực khác nhau sang giúp Lào và đã đào tạo 1/2 tổng số cán bộ của Lào được đào tạo ở nước ngoài. Thời kỳ 1976 - 1985, Việt Nam cử 5.957 chuyên gia các lĩnh vực giúp Lào⁵⁵.

Đi đôi với quan hệ hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước, các bộ, ngành trung ương, giữa các tỉnh Việt Nam với 12 tỉnh và thành phố của Lào cũng có nhiều hình thức hợp tác, giúp đỡ lẫn nhau phong phú và có hiệu quả.

Ủy ban Trung ương Mặt trận, Ban Chấp hành Trung ương Hội của hai nước gồm đại diện của các cơ quan, ban, ngành ở Trung ương và đại diện các địa phương, cơ sở có quan hệ chặt chẽ với nhau. Đã có nhiều chi hội như Chi hội Cựu chuyên gia quân sự và quân tình nguyện Việt - Lào, Chi hội Mỹ thuật Việt - Lào, Chi hội Nghệ sĩ tạo hình Việt - Lào, Chi hội Tuyên - Văn - Giáo - Huấn Việt - Lào, 16 hội ở các tỉnh, thành phố của Nghệ An, Quảng Nam, Hà Nội, Thừa Thiên - Huế, Sơn La, Hải Dương, Cần Thơ, Bắc Giang... Trong đó, mỗi hội địa phương lại thành lập hàng chục chi hội hữu nghị Việt - Lào ở huyện hoặc cơ sở. Có hàng trăm chi hội hoạt động với hàng nghìn hội viên, nhiệm vụ chủ yếu là giới thiệu, thông tin cho các tầng lớp nhân dân hai nước về lịch sử đất nước, con người, nền văn hoá, thành tựu xây dựng và bảo vệ đất nước; làm cầu nối vận động và thúc đẩy các hoạt động hữu nghị và hợp tác, giao lưu kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật một cách có hiệu quả, thiết thực; tổ chức các đoàn hữu nghị, giao lưu trao đổi thông tin

⁵⁵. Vũ Dương Huân: “Quan hệ Việt - Lào: Thành tựu và triển vọng”, Tạp chí *Nghiên cứu quốc tế*, số 46 (3), tr.6-20.

với các tổ chức xã hội - kinh tế - văn hoá của hai nước.

Với sự giúp đỡ tận tình, toàn diện của Việt Nam, đặc biệt là với sự nỗ lực phát huy nội lực, tìm tòi sáng tạo, sau 10 năm thắng lợi của cách mạng Lào, Việt Nam đã lần lượt rút hết chuyên gia thường trú, chuyển sang chuyên gia vụ việc ngắn hạn. Điều này chứng minh cho sự trưởng thành vượt bậc của Lào và kết quả sự giúp đỡ của Việt Nam trong những năm đầu thực hiện Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào, trong đó quan trọng là qua thực tiễn Lào đã từng bước tìm tòi, sáng tạo và mạnh dạn thực hiện đường lối đổi mới có nguyên tắc dưới sự lãnh đạo của Đảng Nhân dân cách mạng Lào để tiếp tục hoàn thành chế độ dân chủ nhân dân, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự trưởng thành về mọi mặt của Lào đã thể hiện sự tin cậy của Lào đối với Việt Nam và hiệu quả của mối quan hệ đặc biệt giữa Việt Nam và Lào. Đó chính là kết quả của sự nỗ lực phi thường của hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai quốc gia, đưa quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam không những đã vượt qua được các thử thách khó khăn chồng chất sau chiến tranh, mà còn giữ vững, mở rộng và nâng mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam lên một tầm cao mới, phù hợp với thời kỳ mới. Hai nước không chỉ tiếp tục giúp nhau giữ vững được chủ quyền lãnh thổ mỗi nước trong những năm đầu mới giải phóng, mà còn giữ vững được chế độ mới dưới sự lãnh đạo của Đảng, từng bước duy trì ổn định đời sống nhân dân, tìm tòi con đường xây dựng một nền kinh tế độc lập, tự chủ, không lệ thuộc nước ngoài, chuẩn bị tiền đề cho những bước đổi mới tiếp theo. Đó cũng chính là cơ sở lịch sử để tăng cường, củng cố quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong điều kiện lịch sử mới.

*

* *

Những thành tựu to lớn đạt được trong công cuộc bảo vệ và xây dựng đất nước ở Việt Nam và Lào thời kỳ 1976-1986 đánh dấu sự nỗ lực phi thường của cả hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào để vượt qua vô vàn khó khăn, thử thách của đất nước sau 30 năm chiến tranh. Trong đó, trước hết là sự nhận thức sâu sắc của cả hai nước về việc không ngừng tăng cường liên minh và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, coi đó là nhiệm vụ chiến lược sống còn, quy luật tồn tại và phát triển của cách mạng mỗi nước. Việc ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (năm 1977) là bước phát triển có ý nghĩa lịch sử, mang tầm chiến lược, là cơ sở chính trị và pháp lý quan trọng để củng cố và tăng cường tình đoàn kết, mối quan hệ đặc biệt Việt - Lào một cách bền vững, toàn diện trong giai đoạn mới. Đồng thời, Hiệp ước hữu nghị và hợp tác là động lực và tạo điều kiện để Lào vươn lên tự lực một cách mạnh mẽ về mọi mặt, cả về mặt tư tưởng, tổ chức cũng như về nhân lực, cơ sở vật chất, tạo tiền đề để bước vào công cuộc đổi mới. Tình đoàn kết hữu nghị và hợp tác giữa hai nước thể hiện nổi bật ở thời kỳ này là việc ký và cùng nhau thực hiện Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia, xây dựng đường biên giới hữu nghị lâu dài giữa hai nước - một văn bản pháp lý nhằm khẳng định chủ quyền lãnh thổ giữa hai nhà nước độc lập có chung đường biên giới và cũng là một sự kiện chính trị lịch sử với nội dung phù hợp với lợi ích trước mắt và lâu dài của nhân dân hai nước. Đây là một biểu hiện tốt đẹp của việc giải quyết lợi ích dân tộc trên tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính

với chủ nghĩa quốc tế trong sáng.

Trong quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước trong thời kỳ chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, hai bên đã từng bước thay đổi cả nội dung và phương thức hợp tác cho phù hợp với tình hình mới. Đây là thời kỳ quan hệ giữa hai nước chuyển dần từ hợp tác vụ việc theo yêu cầu của Lào (trong những năm đầu sau chiến tranh) sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch hàng năm giữa hai Chính phủ, gắn với kế hoạch phát triển năm năm và hàng năm của mỗi nước và bước đầu nghiên cứu kế hoạch hợp tác dài hạn giữa hai nước. Quan hệ hợp tác về chính trị được tăng cường, có sự đồng thuận, phối hợp thực hiện về chủ trương, đường lối, gắn bó chặt chẽ, hiểu biết, tin cậy lẫn nhau giữa hai Đảng, hai Nhà nước. Quan hệ hợp tác ngoại giao từng bước được mở rộng trong khuôn khổ hợp tác đa chiều, trong đó hợp tác giữa Việt Nam - Lào với Campuchia trở thành nhân tố quan trọng góp phần vào sự ổn định, hoà bình và hợp tác ở Đông Nam á. Hợp tác quốc phòng, an ninh ngày càng đi vào chiều sâu trên tinh thần đoàn kết liên minh chiến đấu phù hợp với tình hình mới, tập trung giải quyết bồi dưỡng, xây dựng lực lượng của mỗi nước và vấn đề biên giới giữa hai nước, góp phần tích cực bảo đảm quốc phòng, an ninh ổn định cho mỗi nước. Hợp tác giáo dục - đào tạo, phát triển nguồn nhân lực là một trong những thành tựu đặc biệt, không có nơi nào trên thế giới có được - đó là sự tin cậy lẫn nhau, cùng giúp nhau xây dựng, củng cố nhân tố bên trong hết sức cần thiết cho công cuộc xây dựng và bảo vệ của mỗi nước. Hợp tác kinh tế giữa hai nước trong thời kỳ này đã chuyển dần từng bước từ viện trợ và cho vay là chủ yếu, sang hợp tác sản xuất kinh doanh cùng có lợi, đồng thời giúp nhau phát huy khả năng và tiềm năng, thế mạnh của mỗi nước để giải quyết những

nhu cầu cấp bách về đời sống và sản xuất. Đây là những định hướng phù hợp với điều kiện hai nước trong những năm đầu chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế. Tuy nhiên, quan hệ hợp tác giai đoạn này trên cơ sở tinh thần quốc tế vô sản, với phương thức chủ yếu là viện trợ và cho vay theo cơ chế tập trung bao cấp, chưa tương xứng với yêu cầu và đòi hỏi của nhân dân hai nước và tầm cao của quan hệ chính trị giữa hai Đảng và hai Nhà nước Việt Nam và Lào. Hiệu quả hợp tác thời kỳ này tuy chưa cao, chưa sát thực tế, mang nặng tính bao cấp, tương trợ, giúp đỡ hơn là hợp tác cùng có lợi, nhưng là sự nỗ lực cố gắng theo khả năng có thể cho nhau.

Chương VIII

QUAN HỆ ĐOÀN KẾT ĐẶC BIỆT, HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM THỜI KỲ ĐỔI MỚI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ (1986 - 2007)

I. CÙNG CỐ VÀ TĂNG CƯỜNG QUAN HỆ HỢP TÁC TOÀN DIỆN VIỆT NAM - LÀO, LÀO - VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN ĐẦU CỦA CÔNG CUỘC ĐỔI MỚI (1986 - 1996)

1. Bối cảnh quốc tế và khu vực tác động đến quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Từ giữa những năm 80 đến đầu những năm 90 thế kỷ XX, thời kỳ Chiến tranh lạnh với tư cách là một cuộc tranh đua, đối đầu về ý thức hệ chính trị, đứng đầu bởi hai siêu cường Liên Xô và Mỹ đã đến hồi kết thúc. Liên Xô và các nước Đông Âu đã không cứu vãn nổi sự trì trệ và bất cập của mô hình phát triển chủ nghĩa xã hội ở các nước này. Từ cuối những năm 80 thế kỷ XX đến tháng 12 năm 1991 đã chứng kiến sự khủng hoảng, tan rã của chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu và Liên Xô, từ đây trật tự quốc tế hai cực không còn cơ sở để tồn tại nữa. Tương quan lực lượng và cơ cấu địa - chính trị toàn cầu hoàn toàn bị đảo lộn. Chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Chủ nghĩa tư bản, đứng đầu là Mỹ lợi dụng ưu thế về so sánh lực lượng, đẩy mạnh âm mưu thao túng thế giới trong quỹ đạo của mình.

Trên bình diện an ninh - chính trị, xu thế hoà dịu, đối thoại và hợp tác tỏ ra chiếm ưu thế trong các quan hệ quốc tế. Quá trình toàn cầu hoá được xúc tiến mạnh mẽ, đan xen cùng với quá trình khu vực hoá, hình thành nhiều mối quan hệ hợp tác, liên kết mới trên các lĩnh vực theo xu hướng chú trọng đến các mục tiêu phát triển. Tuy vậy, do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau, thế giới vẫn luôn bị chấn động bởi các cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh cục bộ, xung đột về dân tộc, sắc tộc và tôn giáo... Chạy đua vũ trang, hoạt động can thiệp, lật đổ, khủng bố vẫn xảy ra ở khắp nơi.

Cùng với những biến đổi nhạy cảm về an ninh - chính trị, thế giới cũng trở nên sôi động trên bình diện kinh tế. Dưới tác động của cuộc cách mạng khoa học - công nghệ lần thứ ba, nền kinh tế thế giới đạt tốc độ và quy mô thay đổi nhanh chóng chưa từng thấy. Cách mạng khoa học - công nghệ trở thành tác nhân chủ yếu thúc đẩy nhanh chóng quốc tế hoá sản xuất và tư bản, làm xuất hiện những hình thức chuyên môn hoá cao, gắn liền với các hình thức hợp tác đa dạng, vượt qua khuôn khổ biên giới quốc gia dân tộc. Đồng thời, chưa bao giờ kinh tế trở thành yếu tố có tỷ trọng lớn và có ý nghĩa chi phối mạnh các quan hệ quốc tế trên nhiều cấp độ như hiện nay. Để tiếp tục phát triển và giữ vững vai trò đầu tàu kinh tế thế giới, Mỹ, EU, Nhật Bản... đã quyết định cải cách cơ cấu kinh tế, vốn vẫn dựa vào các ngành công nghiệp tập trung lao động, chuyển sang phát triển các ngành kinh tế tri thức, nhằm khai thác các thành quả của cách mạng khoa học - công nghệ. Do vậy, các trung tâm kinh tế lớn trên đều có nhu cầu chuyển giao những ngành tập trung lao động sang các nước đang phát triển. Ngược lại, các nước đang phát triển với các lợi thế so sánh về giá tài nguyên thiên nhiên, nguồn lao động dồi dào và khả năng tiếp thu công nghệ còn hạn chế, đã xem sự chuyển giao những ngành công nghiệp trên là cơ hội phát triển của mình.

Bước vào thế kỷ XXI, trung tâm kinh tế thế giới đang có sự dịch chuyển từ châu Âu - Đại Tây Dương sang châu Á - Thái Bình Dương. Dưới tác động của toàn cầu hoá, hợp tác về kinh tế để cùng phát triển đã trở thành một xu thế tất yếu khách quan trong nền kinh tế thế giới. Xu thế này tạo cơ hội cho các nước đang phát triển, trong đó có các nước Đông Nam Á, nâng cao vị thế kinh tế của mình trong quan hệ với các nước lớn. Tính chất của mối quan hệ giữa các nước đang phát triển và các cường quốc kinh tế lớn như Mỹ, EU, Nhật Bản... đã thay đổi từ quan hệ phụ thuộc sang quan hệ tùy thuộc lẫn nhau.

Vốn từng chịu ảnh hưởng trực tiếp của cuộc đối đầu Đông - Tây, khi Chiến tranh lạnh kết thúc, vị trí chiến lược của Đông Nam Á cũng có những thay đổi nhất định. Cùng với thắng lợi vẻ vang của quân và dân Lào chống lại hai cuộc xung đột vũ trang lần chiếm biên giới tại Xaynhabuli; quyết định thiện chí của Việt Nam hoàn thành rút hết quân khỏi Campuchia vào ngày 26 tháng 9 năm 1989; cũng như những hoạt động phối hợp ngoại giao bền bỉ và tích cực giữa các nước Đông Dương với các nước Đông Nam Á trong việc tìm giải pháp cho vấn đề Campuchia, buộc chính giới Thái Lan phải cam kết tôn trọng chủ quyền của Lào và chuyển hướng chiến lược nhằm “biến Đông Dương từ chiến trường thành thị trường”. Trong khi lợi ích chiến lược bị suy giảm ở Đông Nam Á, Mỹ vẫn tiếp tục gây sức ép và thực hiện chính sách bao vây cấm vận với các nước Đông Dương kể từ năm 1975. Hành động này của Mỹ khiến Việt Nam không thể tiếp cận được các nguồn lực bên ngoài và khai thác làn sóng đầu tư từ Đông Á đang tràn vào Đông Nam Á⁵⁶. Trung Quốc là nước xã hội chủ nghĩa lớn nhất châu Á đang trỗi

⁵⁶. Tới tháng 1 năm 1994, Tổng thống Mỹ Bill Clinton mới gỡ bỏ lệnh cấm vận kinh tế và thương mại đối với Việt Nam.

dậy thành công như một công xưởng của nền kinh tế thế giới bằng chính sách mở cửa với bên ngoài. Trên tinh thần “khép lại quá khứ, hướng tới tương lai,” Trung Quốc và Việt Nam đang nỗ lực giảm căng thẳng, tiến tới bình thường hoá và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với nhau.

Nhờ những thuận lợi trong môi trường kinh tế thế giới, sự giúp đỡ của các nước lớn và nhất là bản thân những nỗ lực của chính phủ và nhân dân các nước ASEAN, khi bước vào thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh, Malaixia, Thái Lan, Ấnônêxia, Philíppin đã tiến sát trình độ của một nước công nghiệp hoá mới (NICs). Mặt khác, vị trí của Đông Nam á trong chính sách của các nước lớn đã hoàn toàn thay đổi, những ưu đãi mà các nước lớn dành cho các nước Đông Nam á đã giảm mạnh, thậm chí không còn nữa. Vì thế, các nước Đông Nam á đứng trước nhiều khó khăn hơn trong quá trình phát triển kinh tế. Tuy việc tiếp cận với các nguồn lực bên ngoài có vẻ dễ dàng hơn dưới tác động của toàn cầu hoá, nhưng trong thực tế, các quốc gia ở khu vực này lại không mấy dễ tiếp cận được với FDI, thị trường và kỹ năng quản lý.

Về phía các nước ASEAN, nguyên nhân chính là do các nước này đã mất các lợi thế so sánh trong các ngành công nghiệp tập trung lao động, nhưng lại chưa tạo ra được những lợi thế trong các ngành tập trung tư bản. Vì thế, các nhà đầu tư nước ngoài bắt đầu tìm cách chuyển vốn đầu tư sang Trung Quốc, Ấn Độ hoặc sang các thị trường Âu, Mỹ, nơi có thể giúp vốn đầu tư của họ sinh lời nhiều hơn, nhanh hơn. Về phía các nước Đông Dương, nguyên nhân chủ yếu là do chính sách cấm vận của Mỹ đối với Việt Nam, hoặc do mức độ chưa sẵn sàng đối với đầu tư nước ngoài của Lào, Campuchia và Mianma.

Như vậy, khi các nước lớn điều chỉnh quan hệ với nhau trong khu vực và điều chỉnh chính sách đối với Đông Nam á, các nước

ASEAN và các nước Đông Dương đã có thể cùng tồn tại hoà bình với nhau. Trong bối cảnh khu vực trên, các mong muốn hợp tác giữa hai nhóm nước ở Đông Nam á vì hoà bình, an ninh và phát triển đã có cơ hội hồi sinh. Việc Trung Quốc, Nga xích lại gần ASEAN; Nhật Bản, EU hợp tác với Đông Dương cho thấy sự trùng hợp lợi ích giữa Đông Nam á và các nước lớn trong việc thúc đẩy hợp tác khu vực ở Đông Nam á.

Một sự kiện quan trọng đánh dấu bước ngoặt trong tiến trình hội nhập khu vực Đông Nam á là việc Hội nghị thường niên của Ngoại trưởng ASEAN tổ chức tại Brunây tháng 7 năm 1995 tuyên bố tiếp nhận Việt Nam chính thức là thành viên thứ bảy của Hiệp hội. Sự kiện trọng đại này không những đánh dấu kết thúc sự đối đầu ý thức hệ tư tưởng chính trị - quân sự giữa hai nhóm nước ở Đông Nam á là ASEAN và ba nước Đông Dương, mà còn mở ra trang sử mới của ASEAN với tư cách là tổ chức của tất cả 10 nước trong khu vực.

Trong không khí hội nhập và cởi mở của khu vực, Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ V tổ chức tại Băng Cốc (Thái Lan) trong hai ngày 14 và 15 tháng 12 năm 1995 đã thông qua hai văn kiện quan trọng là Tuyên bố Hội nghị Thượng đỉnh Băng Cốc và Hiệp ước về khu vực Đông Nam á không có vũ khí hạt nhân (SEANWFZ). Điều đáng lưu ý là Tuyên bố này chú trọng đến hợp tác giải quyết các tranh chấp lãnh thổ ở biển Đông và hiện thực hoá Hiệp ước Khu vực hoà bình, tự do và trung lập (ZOPFAN). Lần đầu tiên trong lịch sử của mình, Hiệp hội kêu gọi các nước nằm ngoài khu vực Đông Nam á tham gia ký Hiệp định Bali 1976 về thân thiện và hợp tác ở Đông Nam á. Về kinh tế, Tuyên bố Băng Cốc nhấn mạnh đến việc khẩn trương thực hiện Hiệp định về thuế quan có hiệu lực chung (CEPT) được ký từ năm 1992, để tiến trình

AFTA nhanh trở thành hiện thực⁵⁷, đồng thời đưa ra lộ trình thực hiện các hợp tác chuyên ngành. Về quan hệ đối ngoại, Tuyên bố Băng Cốc tiếp tục khẳng định chính sách mở cửa, hợp tác và hội nhập quốc tế của ASEAN trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi.

Bối cảnh quốc tế và khu vực thời kỳ hậu Chiến tranh lạnh vận động hết sức phức tạp và nhanh chóng đã tác động mạnh mẽ đến sự phát triển của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Một mặt, nó mở ra những cơ hội và điều kiện thuận lợi chưa từng có để thúc đẩy quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục phát triển; mặt khác, nó cũng đặt ra không ít những thách thức, khó khăn đối với quan hệ hai nước trong thời gian này.

Thuận lợi cơ bản nhất đối với việc củng cố và tăng cường quan hệ đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là hai nước có nhiều lợi ích chiến lược và thể chế chính trị - xã hội tương đồng. Hai nước gắn bó chặt chẽ với nhau về chính trị; hợp tác mật thiết, với độ tin cậy cao trên lĩnh vực an ninh, quốc phòng; chi viện rất to lớn giúp nhau bảo vệ và giữ vững an ninh chính trị, an toàn và trật tự xã hội, quản lý đường biên giới. Cả Việt Nam và Lào đều coi nhau thuộc ưu tiên số một trong chính sách đối ngoại của mỗi nước. Quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện giữa hai nước được triển khai đều khắp, ngày càng sâu rộng và khăng khít trên cả ba kênh Đảng, Nhà nước, đoàn thể nhân dân, từ Trung ương tới các địa phương, nhất là các địa phương có chung biên giới. Hai nước luôn luôn coi trọng, dành ưu tiên cho nhau và đang tìm cách khắc phục mọi khó khăn, yếu kém trong quan hệ hợp tác kinh tế, thương

⁵⁷. Tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ V này, các nhà lãnh đạo ASEAN đã quyết định đẩy nhanh tiến trình AFTA để có thể hoàn tất trước năm 2003, tức là rút ngắn thời hạn lại chỉ còn 10 năm, riêng các thành viên mới như Việt Nam được gia hạn đến năm 2006, Lào đến năm 2008.

mại, đầu tư. Đây chính là yếu tố tiên quyết, là lợi thế riêng cho việc triển khai toàn diện quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Dựa vào Hiệp ước hữu nghị và hợp tác (ngày 18 tháng 7 năm 1977), hằng năm, Chính phủ hai nước đều ký Hiệp định hợp tác kinh tế, làm cơ sở pháp lý cho các ngành và địa phương hai nước triển khai thực hiện hợp tác trong từng lĩnh vực. Trong điều kiện toàn cầu hoá kinh tế, hai nước không những phải đối mặt với những vấn đề bao trùm mang tính toàn cầu trong bối cảnh khu vực hoá và quốc tế hoá, mà còn phải vượt qua những cạnh tranh, thách thức từ các nước láng giềng có quan hệ gắn bó với Lào và Việt Nam, từ các chương trình hợp tác đa phương mà cả Việt Nam và Lào đều là thành viên.

Tuy nhiên, các thách thức đến từ bên trong đối với quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam nhiều khi còn lớn hơn, khó giải quyết hơn các thách thức đến từ bên ngoài. Bởi vì đây là những khó khăn, thách thức mang tính chất chủ quan, bắt nguồn từ hạ tầng cơ sở, trình độ và cơ chế của nền kinh tế hai nước. Trước hết, khó khăn, thách thức có tính chất bao trùm và cơ bản là Việt Nam và Lào vừa mới bắt tay xây dựng lại đất nước bị chiến tranh tàn phá nặng nề, cả hai nước đều đứng trong danh sách những nước nghèo nhất thế giới, lực lượng sản xuất chưa phát triển, hạ tầng cơ sở rất yếu kém, vốn đầu tư sản xuất và kinh doanh đều thiếu nghiêm trọng, trình độ khoa học - kỹ thuật và công nghệ còn rất thấp.

Trước lúc hội nhập được với khu vực và thế giới, Việt Nam và Lào đã trải qua 15 năm bị bao vây, cô lập (1975 - 1990) do Mỹ đứng đầu, luôn phải đối phó với thù trong và giặc ngoài. Trong khi đó, mô hình chủ nghĩa xã hội của các nước nguyên là xã hội chủ nghĩa được áp dụng vào hai nước một cách máy móc; nội dung của nó lại không công nhận sản xuất hàng hoá và thị trường, coi kể

hoạch là biểu tượng quan trọng nhất của kinh tế xã hội chủ nghĩa. Việc phân phối mọi nguồn lực lao động theo kế hoạch là chính, coi thị trường chỉ là công cụ hỗ trợ cho kế hoạch. Muốn xoá bỏ ngay các thành phần kinh tế không phải của chủ nghĩa xã hội, coi kinh tế nhà nước và tập thể là chủ đạo, muốn xoá bỏ ngay sở hữu tư nhân. Xây dựng kinh tế kiểu đóng cửa, theo hướng phục vụ trong nước là chủ yếu bằng cách dựa vào thế mạnh về lao động, tài nguyên, đất đai và sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa đi trước. Tiến hành chế độ phân phối sản phẩm theo lao động trừu tượng, nhưng trên thực tế là chia theo kiểu bình quân, không quan tâm tới các lợi ích cá nhân. Thực hiện chế độ bao cấp tràn lan, gây tâm lý ỷ lại, trông chờ vào nhà nước, không phát huy được tính chịu thương, chịu khó và sáng kiến của người lao động.

Với tinh thần “nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật, nói rõ sự thật”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã dũng cảm thừa nhận những sai lầm chủ quan “là những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài về chủ trương, chính sách lớn, *sai lầm về chỉ đạo chiến lược và tổ chức thực hiện*”⁵⁸.

Đồng thời với Việt Nam, Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã phê phán nghiêm khắc và tìm cách khắc phục những tư tưởng nóng vội, chủ quan duy ý chí trong Đảng, kiên quyết thay đổi bằng tư duy mới. Nền tảng của tư duy mới này là phải xây dựng xã hội về mọi mặt, chứ không phải chỉ chú ý xây dựng quan hệ sản xuất; cải biến xã hội cũ lạc hậu thành xã hội mới, chứ không phải xoá sạch xã hội cũ, xây dựng xã hội mới thuần khiết. Đi từ kinh tế tự nhiên lên kinh tế hàng hoá nhỏ, nước Lào phải chấp nhận xây dựng nền

⁵⁸. Báo cáo chính trị do đồng chí Trường Chinh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa V), Chủ tịch Hội đồng Nhà nước trình bày ngày 15 tháng 12 năm 1986 tại Đại hội VI Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Sđd, t.47, tr.360.

kinh tế hàng hoá nhiều thành phần bao gồm: thành phần kinh tế xã hội chủ nghĩa, thành phần kinh tế tư bản nhà nước, thành phần kinh tế tư bản tư nhân, thành phần kinh tế sản xuất hàng hoá nhỏ, thành phần kinh tế tự nhiên. Trong đó, các thành phần kinh tế phi xã hội chủ nghĩa vẫn còn phát huy tác dụng trong một thời gian dài nữa.

Việc thay đổi mô hình kế hoạch hoá tập trung quan liêu, bao cấp ở Việt Nam và Lào là một yêu cầu cấp bách đặt ra với cả hai nước. Do thiếu khuyến khích lợi ích vật chất đối với người lao động, chậm đổi mới về khoa học - công nghệ, trình độ quản lý và năng lực điều hành sản xuất kém, dẫn đến năng suất lao động xã hội của Việt Nam và Lào đều rất thấp. Hơn nữa, khi Liên Xô và Đông Âu khủng hoảng và sụp đổ, Việt Nam và Lào đã mất đi các nguồn lực quan trọng. Các nguyên nhân chủ quan và khách quan trên đã dẫn đến sản xuất xã hội ở hai nước bị đình trệ, đời sống của nhân dân không được cải thiện, cả Việt Nam và Lào đều đứng trước tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng.

Đây là lúc quá trình hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam bộc lộ tình trạng trì trệ, yếu kém, đòi hỏi phải đổi mới tư duy, đổi mới cơ chế, phương châm, phương thức hợp tác thì mới có thể tiếp tục tiến lên được. Hơn nữa, trong thời kỳ quá độ hình thành trật tự thế giới mới, các nước đều có lợi ích đan xen và phụ thuộc lẫn nhau. Vì vậy, việc lựa chọn nội dung hợp tác kinh tế giữa Việt Nam và Lào sao cho phù hợp, có hiệu quả và không chồng chéo với các chương trình hợp tác của các nước khác và mang dấu ấn của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam là vấn đề đòi hỏi phải cân nhắc kỹ lưỡng, nhất là trong điều kiện cả Việt Nam và Lào đều đang gặp khó khăn lớn về vốn và công nghệ.

Trong khi Việt Nam và Lào bắt tay vào công cuộc đổi mới, các thế lực phản động, thù địch trong và ngoài nước đã ra sức lợi dụng sự tan rã của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, tăng cường gây

sức ép, áp đặt điều kiện, thậm chí can thiệp vào công việc nội bộ của hai nước. Mưu đồ của chúng là theo đuổi chiến lược “diễn biến hoà bình” nhằm thay đổi thể chế chính trị, ngăn cản khả năng của Việt Nam và Lào huy động mọi nguồn lực ở trong và ngoài nước phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Đồng thời, chúng ráo riết chia rẽ và phá hoại mối quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, tạo sự bất ổn định ở mỗi nước để dễ bề thâm tóm, khống chế. Thực tế chỉ rõ: Việt Nam có hoà bình, ổn định thì Lào mới có hoà bình, ổn định, và ngược lại, Lào có hoà bình, ổn định thì Việt Nam mới có hoà bình, ổn định vững chắc. Vì thế, việc bảo vệ và phát triển quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam luôn là hai mặt sống còn của một vấn đề, đòi hỏi hai nước phải kiên định quán triệt trong nhận thức và hành động của mình.

2. Đường lối và chủ trương của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào về đoàn kết đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn đầu của công cuộc đổi mới (1986 - 1996)

Từ ngày 15 đến 18 tháng 12 năm 1986, Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam đã quyết định tiến hành công cuộc đổi mới một cách toàn diện từ kinh tế, chính trị đến văn hoá - xã hội, khoa học - kỹ thuật, đối ngoại và an ninh - quốc phòng. Báo cáo chính trị do Tổng Bí thư Trường Chinh đọc tại Đại hội đã xác định nhiệm vụ đổi mới cơ chế quản lý kinh tế, giải quyết cho được những vấn đề cấp bách về phân phối lưu thông; tăng cường hoạt động trên lĩnh vực đối ngoại là những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu. Về quan hệ hợp tác với Lào và Campuchia, Báo cáo chính trị chỉ rõ: “Chúng ta đặc biệt chú trọng phát triển quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá giữa nước ta và hai nước láng giềng anh em Lào,

Campuchia, nhằm khai thác khả năng của mỗi nước bổ sung cho nhau, làm cho mỗi nước và ba nước ngày càng phát triển và vững mạnh. Căn cứ vào mục tiêu chiến lược của mỗi đảng, phối hợp xây dựng các chương trình hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học kỹ thuật, tiến tới có sự liên kết kinh tế theo một chiến lược chung. Việc hợp tác kinh tế giữa ba nước phải theo nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, cùng có lợi, có ưu tiên ưu đãi cho nhau, và phải có những chính sách, phương thức thích hợp, bảo đảm hiệu quả thiết thực”⁵⁹.

Trong hai ngày từ 9 đến 10 tháng 5 năm 1987, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã tổ chức cuộc hội đàm theo truyền thống hàng năm, đánh dấu giai đoạn mới của mối quan hệ đặc biệt, liên minh, hợp tác toàn diện giữa Đảng và nhân dân hai nước Việt Nam - Lào kể từ sau Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam và Đại hội lần thứ IV của Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Ngay sau đó, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Chỉ thị số 09-CT/TW ngày 3 tháng 7 năm 1987 xác định rõ thêm một số quan điểm và nguyên tắc lớn chỉ đạo mối quan hệ giữa hai nước và ba nước Đông Dương. Cụ thể là:

“1. Liên minh trên bán đảo Đông Dương là liên minh chiến lược, toàn diện, có ý nghĩa sống còn. Hợp tác kinh tế, văn hoá ngày càng có vị trí quan trọng, tạo cơ sở vật chất cho liên minh và hợp tác toàn diện giữa các bên, nhằm phát huy mạnh mẽ tiềm năng và thế mạnh kinh tế của mỗi nước và của ba nước, khai thác tốt nhất lao động, đất đai, tài nguyên và năng lực sản xuất hiện có bằng những hình thức hợp tác thích hợp. Đồng thời, coi trọng tranh thủ sự hợp tác chặt chẽ và sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội

⁵⁹. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX)*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.181.

chủ nghĩa anh em.

2. Trong hợp tác kinh tế, văn hoá... cần chuyển mạnh từ giúp đỡ, viện trợ và cho vay là chủ yếu sang hợp tác sản xuất, kinh doanh theo phương châm hai bên cùng có lợi, coi đó là hướng hợp tác cơ bản, lâu dài, tạo tiền đề và điều kiện tiến tới phân công lao động, chuyên môn hoá và hợp tác hoá sản xuất, phối hợp kế hoạch kinh tế quốc dân, phối hợp chiến lược phát triển kinh tế - xã hội.

3. Trong quan hệ tay đôi, phải lấy nâng cao chất lượng và hiệu quả làm phương châm chỉ đạo chủ yếu cho mọi hoạt động hợp tác...

4. Quan hệ giữa các bên là quan hệ giữa những quốc gia độc lập, có chủ quyền... Phải thể hiện được tinh thần bình đẳng, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, đồng thời phải bảo đảm lợi ích cơ bản và lâu dài của liên minh”⁶⁰.

ở Lào, sau hàng loạt tìm tòi, thử nghiệm, được thực tiễn và lý luận cách mạng kiểm chứng, như xoá bỏ hợp tác xã nông nghiệp, xây dựng kinh tế trang trại, kinh tế hộ gia đình, mở thêm chợ, khuyến khích phát triển kinh tế hàng hoá... để phá vỡ kinh tế tự nhiên và bán tự nhiên, Đại hội lần thứ IV của Đảng Nhân dân cách mạng Lào được tiến hành gần như đồng thời với Đại hội lần thứ VI của Đảng Cộng sản Việt Nam, họp từ ngày 13 đến 15 tháng 11 năm 1986 tại Thủ đô Viêng Chăn. Báo cáo chính trị, do Tổng Bí thư Cayxôn Phômvihân trình bày tại Đại hội IV, khẳng định: “chính tính chất khó khăn, phức tạp và lâu dài của thời kỳ quá độ ở nước ta đòi hỏi Đảng ta phải phân chia thời kỳ quá độ ra nhiều thời đoạn, và phải vạch ra phương hướng, nhiệm vụ cho từng thời đoạn cụ thể phù hợp với đặc điểm mỗi thời đoạn”⁶¹. Công cuộc đổi mới toàn

⁶⁰. *Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam số 09-CT/TW, ngày 3 tháng 7 năm 1987 về việc quan hệ Đảng ta với Đảng Lào và Đảng Campuchia*, Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

⁶¹. Xem: “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân

diện có nguyên tắc ở nước Lào do Đảng Nhân dân cách mạng Lào khởi xướng được xác định trước hết là việc đổi mới về kinh tế, bằng việc thực hiện cơ chế kinh tế mới, nhằm thoát khỏi kinh tế kế hoạch hoá tập trung, quan liêu bao cấp, chuyển hẳn sang kinh tế thị trường có sự điều tiết của Nhà nước.

Nhận thức sâu sắc công cuộc đổi mới toàn diện ở Lào có mối quan hệ hữu cơ thúc đẩy lẫn nhau với công cuộc đổi mới ở Việt Nam và cách mạng Campuchia, Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ra chỉ thị số 24/BBT ngày 20 tháng 5 năm 1987, khẳng định: “Xuất phát từ truyền thống lịch sử và tình hình, nhiệm vụ chiến lược của cách mạng ba nước, sự tăng cường liên minh hợp tác toàn diện giữa ba Đảng, ba nước Lào - Việt Nam - Campuchia mới *trở thành nhiệm vụ chiến lược số một, là nguyên tắc cách mạng bất di bất dịch của mỗi nước, là vấn đề sống còn của mỗi nước*”⁶². Đặc biệt, Chỉ thị yêu cầu các cấp, các ngành và các địa phương phải quán triệt và nắm chắc hai quan điểm chính ở trong mọi hoạt động hợp tác liên minh với Việt Nam:

“a) Độc lập tự chủ của mỗi nước phải gắn chặt với việc liên minh, đó là hai mặt của một vấn đề có tính nguyên tắc. Độc lập tự chủ càng cao bao nhiêu, việc liên minh càng vững chắc bấy nhiêu...

b) Nâng cao hiệu quả và chất lượng của mọi sự hợp tác, liên minh là phương châm trong mọi chỉ đạo hoạt động ở mọi lĩnh vực hợp tác liên minh. Nhất là trong lĩnh vực hợp tác kinh tế...”⁶³.

cách mạng Lào tại Đại hội lần thứ IV của Đảng”, do Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cayxôn Phômvihân trình bày, trong *Đại hội IV Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1987, tr.66.

⁶². *Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào số 24/BBT, ngày 20 tháng 5 năm 1987 về việc triển khai kết quả của cuộc hội đàm giữa Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào với Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

⁶³. *Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào số 24/BBT, ngày 20 tháng 5 năm 1987 về việc triển khai kết quả của cuộc hội đàm giữa*

Về phần mình, thực hiện thoả thuận cấp cao giữa hai Đảng, Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam đã ra Quyết định số 35-QĐ/TW ngày 30 tháng 12 năm 1987, trong đó quy định: “Hợp tác, giúp đỡ nhau về chính trị, văn hoá, an ninh, quốc phòng, xây dựng Đảng là hoàn toàn tự nguyện, trên cơ sở nhất trí thoả thuận giữa Đảng với Đảng”⁶⁴.

Trong thực tế, cuối những năm 80 của thế kỷ trước là thời điểm khó khăn nhất do Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu lâm vào khủng hoảng tan rã, Việt Nam và Lào bị mất nguồn viện trợ chủ yếu⁶⁵. Hai nước lại vừa mới mở cửa, vì thế chịu không ít tác động tiêu cực của kinh tế thị trường. Việc triển khai hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam đã có lúc, có nơi, gặp không ít khó khăn, sóng gió, thậm chí thiếu hiệu quả bởi trình độ nhận thức của một bộ phận nhỏ cán bộ và nhân dân không đầy đủ, thậm chí có biểu hiện dao động về tính chất của mối quan hệ đặc biệt. Song những biểu hiện lệch lạc trên chỉ mang tính cục bộ, nhất thời và đã được hai Trung ương Đảng cũng như đông đảo cán bộ, đảng viên và nhân dân hai nước uốn nắn, sửa chữa kịp thời. Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào ngày 20 tháng 5 năm 1987 ghi rõ: “hai bên nhất trí phải tăng cường giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân hiểu rõ quan hệ đoàn kết sống còn và lâu dài, quán triệt quan điểm, phương châm nguyên tắc của mối quan hệ

Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào với Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam, Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

⁶⁴. *Quyết định của Bộ Chính trị số 35-QĐ/TW, ngày 30 tháng 12 năm 1987 về đổi mới phương thức quan hệ giữa Đảng ta với Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đảng Nhân dân cách mạng Campuchia, Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.*

⁶⁵. Riêng viện trợ của Liên Xô cho Lào chiếm từ 70 đến 80% tổng nguồn viện trợ nước ngoài. (Theo: Khay Kham Van Na Vong Sy: *Mở rộng quan hệ kinh tế giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước láng giềng trong giai đoạn hiện nay*, Luận án Tiến sĩ kinh tế, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội, 2002, tr.63).

trong giai đoạn cách mạng mới, uốn nắn tư tưởng và tác phong làm việc mới, tránh những bảo thủ, chủ quan, chống mọi hiện tượng lơ là mất cảnh giác, thiếu trách nhiệm, chống tư tưởng dân tộc hẹp hòi”⁶⁶. Trong hoạt động thực tiễn, từ cấp Trung ương đến cấp cơ sở, việc bảo vệ quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam được xem là một trong những tiêu chuẩn rèn luyện phẩm chất đạo đức cách mạng của cán bộ, đảng viên và nhân dân Lào. Từ những trải nghiệm thực tiễn, Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ 8 (khóa IV) tháng 12 năm 1989 đã đúc kết thành sáu nguyên tắc cơ bản có giá trị chỉ đạo toàn bộ công cuộc đổi mới ở Lào⁶⁷.

Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam cũng ra Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 3 tháng 7 năm 1987, nhấn mạnh: “Trên cơ sở quán triệt đường lối đối ngoại của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI, các Nghị quyết 10 và 11 của Bộ Chính trị về tăng cường đoàn kết, hợp tác toàn diện với Lào và Campuchia và nội dung thoả

⁶⁶. *Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào số 24/BBT, ngày 20 tháng 5 năm 1987 về việc triển khai kết quả của cuộc Hội đàm giữa Bộ Chính trị Đảng Nhân dân cách mạng Lào với Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam*, Tài liệu đã dẫn.

⁶⁷. Đó là các nguyên tắc sau: “Nguyên tắc thứ nhất: Kiên định mục tiêu xã hội chủ nghĩa, nắm vững tính chất của cách mạng nước ta trong giai đoạn mới.

Nguyên tắc thứ hai: Chủ nghĩa Mác - Lênin là nền tảng tư tưởng của Đảng ta, chỉ đạo mọi sự nghiệp của nhân dân ta.

Nguyên tắc thứ ba: Sự lãnh đạo của Đảng là điều kiện quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Nguyên tắc thứ tư: Nâng cao và phát huy dân chủ trên cơ sở nguyên tắc tập trung dân chủ, lấy dân làm gốc dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Nguyên tắc thứ năm: Tăng cường sức mạnh và hiệu lực của chuyên chính dân chủ nhân dân.

Nguyên tắc thứ sáu: Kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản và quốc tế xã hội chủ nghĩa. Kết hợp sức mạnh của dân tộc và sức mạnh của thời đại.” (Xem: Ban Chỉ đạo nghiên cứu lý luận và thực tiễn Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào: *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr.238 - 239).

thuận trong các cuộc hội đàm lần này, các bộ, ban, ngành và các tỉnh trực tiếp làm nhiệm vụ hợp tác với bạn cần kiểm điểm, rút kinh nghiệm, kiên quyết xử lý và có biện pháp chấm dứt các hiện tượng tiêu cực, các quan điểm, nhận thức và hành động sai trái gây phương hại cho quan hệ đặc biệt giữa ta với Lào”⁶⁸.

Từ ngày 24 đến 27 tháng 6 năm 1991, Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành Đại hội VII, tổng kết năm năm đổi mới, thông qua *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội*, chỉ ra phương hướng tiến hành công cuộc đổi mới sâu rộng và đồng bộ.

Cùng với việc xác định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 của Việt Nam, căn cứ vào thoả thuận giữa Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào tháng 10 năm 1991 và thực hiện Hiệp định hợp tác giữa hai Chính phủ ký ngày 15 tháng 2 năm 1992, ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam và ủy ban Kế hoạch và Hợp tác Lào cùng phối hợp đề ra *Chiến lược hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Việt Nam và Lào*. Chiến lược này là cơ sở để hai bên phối hợp xây dựng và quyết định các chương trình và dự án kế hoạch hợp tác trong thời gian tiếp theo.

Do có đường lối đổi mới đúng đắn nhằm giải phóng mọi năng lực sản xuất hiện có, khai thác mọi khả năng tiềm tàng của đất nước và sử dụng có hiệu quả sự giúp đỡ quốc tế để phát triển mạnh mẽ lực lượng sản xuất, đi đôi với xây dựng và củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, nền kinh tế Việt Nam từ năm 1986 đến 1996 đã đạt được những thành tựu to lớn; vượt qua khủng hoảng, tuy còn

⁶⁸. *Chỉ thị của Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam số 09-CT/TW ngày 3 tháng 7 năm 1987 về việc quan hệ Đảng ta với Đảng Lào và Đảng Campuchia*, Tài liệu lưu tại Kho lưu trữ Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam.

một số mặt chưa vững chắc, và bước vào giai đoạn phát triển ổn định. GDP thời kỳ 1991 - 1995 đạt trung bình 8,2%/năm (mức đề ra cho năm năm 1991 - 1995 là 5,5-6%), lạm phát đã được ngăn chặn, từ 74,7%/năm giảm xuống còn 67,4% năm 1990, 67% năm 1991, 17,5% năm 1992, 5,2% năm 1993, 12,7% năm 1995 và luôn giữ ở mức dưới 10% những năm sau. Kể từ năm 1996 trở đi, đời sống nhân dân từng bước được cải thiện rõ rệt.

Kế hoạch năm năm lần thứ hai (1986 - 1990) ở Lào là giai đoạn áp dụng cơ chế kinh tế mới, sử dụng quan hệ hàng hoá tiền tệ, sử dụng cơ chế thị trường, thực hiện chế độ một giá, từ chỗ quen tiến hành sản xuất theo chỉ tiêu pháp lệnh, theo cơ chế bao cấp chuyển sang tự chủ về tài chính và kế hoạch sản xuất. Bất chấp việc chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào, Đại hội V của Đảng Nhân dân cách mạng Lào họp từ ngày 27 đến 29 tháng 3 năm 1991 khẳng định lại tính chất và giai đoạn của cách mạng Lào hiện nay: “đang ở trong giai đoạn tiếp tục xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, tạo ra các tiền đề để từng bước tiến lên chủ nghĩa xã hội”⁶⁹. Bước vào kế hoạch năm năm lần thứ ba (1991 - 1995), Đại hội V Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã xác định xây dựng cơ cấu nông nghiệp - lâm nghiệp gắn với công nghiệp và dịch vụ bắt đầu từ cơ sở, nhằm phát triển sản xuất hàng hoá, tạo bước chuyển mới rõ rệt về kinh tế bằng hình thức huy động vốn trong nước, làm cho nền tài chính quốc gia vững chắc và tiến tới tự chủ. Đồng thời mở rộng hợp tác với nước ngoài, đề ra chính sách thích hợp nhằm thu hút đầu tư với nước ngoài để xây dựng công nghiệp với quy mô vừa và lớn như điện lực, nhiên liệu, khai khoáng, v.v..

⁶⁹. “Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IV tại Đại hội lần thứ V Đảng Nhân dân cách mạng Lào, do đồng chí Cayxôn Phômvihân, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào trình bày”, trong *Đại hội V Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.29.

Đại hội lần này đặc biệt coi trọng việc đổi mới hệ thống chính trị: “Việc đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta không có nghĩa là thay đổi chế độ chính trị hiện nay bằng một chế độ chính trị khác mà là củng cố về mặt tổ chức của hệ thống chính trị dân chủ nhân dân và đổi mới phương thức hoạt động của nó trên cơ sở quy định chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức cho rõ ràng”⁷⁰. Sự kiện chính trị lớn sau Đại hội V là ngày 14 tháng 8 năm 1991, Hội đồng Nhân dân tối cao Lào khoá II (nhiệm kỳ 1989 - 1991) đã thông qua bản Hiến pháp đầu tiên⁷¹, chấm dứt thời kỳ 17 năm liền (1975 - 1991), mọi hoạt động quản lý, điều hành ở Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào không có hiến pháp, mà chủ yếu thông qua các chỉ thị, nghị quyết của Đảng. Và Quốc hội Lào khoá III thay thế cho Hội đồng Nhân dân tối cao khoá II, chính thức ra mắt tại phiên họp đầu tiên từ ngày 20 đến 25 tháng 2 năm 1993.

Ngày 18 tháng 2 năm 1993, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào khoá V khai mạc Hội nghị toàn thể lần thứ sáu nhằm tổng kết về những thành công ban đầu, những hạn chế, tồn tại của công cuộc đổi mới. Lần đầu tiên Hội nghị đã đề ra nhiệm vụ chung, mục tiêu và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội dài hạn của cả nước từ năm 1993 đến 2000. Ngày 8 tháng 5 năm 1993, Bộ Chính trị Trung ương Đảng khoá V đã ra Nghị quyết số 21 về chuyển đổi quản lý kinh tế, từ phân cấp quản lý (trung ương, địa phương, cơ sở) thành quản lý theo hệ thống tập trung, phân công trách nhiệm theo ngành (hệ thống tập trung phân quyền). Đồng thời, về phía Chính phủ cũng chuyển sang có kế hoạch dài

⁷⁰. Theo *Lịch sử Đảng Nhân dân cách mạng Lào*, Sđd, tr.242.

⁷¹. Ngày 15 tháng 8 năm 1991, Chủ tịch nước Cayxôn Phômvihân đã chính thức ký sắc lệnh ban bố Hiến pháp đầu tiên này. Đến năm 2003, nước Lào lại thông qua Hiến pháp sửa đổi.

hạn từ năm 1993 đến 2000, với ưu tiên cho tám chương trình lớn⁷².

Như vậy, Đại hội IV của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và Đại hội VI của Đảng Cộng sản Việt Nam trong năm 1986 đã đồng loạt tạo ra bước ngoặt lịch sử ở hai nước Lào và Việt Nam. Chỉ trong vòng hai kế hoạch năm năm 1986 - 1990 và 1991 - 1995, với đường lối đổi mới toàn diện, bắt đầu bằng đổi mới về kinh tế, Việt Nam và Lào đã thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng kinh tế - xã hội. An ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tiếp tục được giữ vững và tạo được thế ổn định. Tuy nhiên, sau 10 năm tiến hành công cuộc đổi mới (1986 - 1996), Việt Nam đã cơ bản hoàn thành nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hoá thì Lào mới bắt đầu bước vào chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ với mục tiêu đưa đất nước mau chóng thoát nghèo (mục tiêu là năm 2015), ra khỏi tình trạng kém phát triển (mục tiêu là năm 2020) và chuẩn bị những nhân tố cơ bản để công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Sự phát triển không đồng đều về quy mô và trình độ của lực lượng sản xuất của hai đất nước cũng như của các vùng miền là một đặc điểm lớn cần được tính đến trong các chiến lược và kế hoạch phát triển quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

3. Quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 1986 - 1996

a) Hợp tác trong lĩnh vực chính trị và đối ngoại

Có thể thấy những hoạt động chính trị, ngoại giao của Việt Nam và Lào trong giai đoạn cuối thập niên 80, đầu thập niên 90 thế

⁷² Đó là: chương trình sản xuất lương thực; chương trình sản xuất hàng hoá; chương trình chấm dứt phá rừng làm rẫy; chương trình phát triển nông thôn; chương trình xây dựng cơ sở hạ tầng; chương trình quan hệ kinh tế đối ngoại; chương trình phát triển nguồn nhân lực; chương trình khuyến khích phát triển dịch vụ.

kỷ XX đã góp phần giúp cách mạng hai nước từng bước vượt qua mọi khó khăn, thử thách, khẳng định vị trí của hai nước trong khu vực và trên thế giới. Quan hệ Việt Nam - Lào - Campuchia và Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam không ngừng được củng cố và phát triển. Những sáng kiến hoà bình của các hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Đông Dương đều phản ánh một lập trường chung, đó là kiên quyết đòi loại trừ bọn phản động Pôn Pốt và việc tuyên bố về thời hạn rút quân đội Việt Nam ra khỏi Campuchia⁷³. Ngày 20 tháng 5 năm 1988, Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam ra Nghị quyết số 13, chủ trương giải quyết vấn đề Campuchia trước năm 1990.

Tích cực góp phần vào việc giải quyết mặt quốc tế của vấn đề Campuchia, tháng 7 năm 1988, tại Indônêxia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã tham dự cuộc gặp gỡ không chính thức Giacácta (JIM) và chủ động đưa ra đề nghị bảy điểm về những nguyên tắc chỉ đạo quan hệ giữa các nước Đông Nam á, làm cho lập trường của các nước ASEAN và các nước Đông Dương thêm một bước xích lại gần nhau, được dư luận thế giới ủng hộ, đánh giá cao.

Một sự kiện có ý nghĩa quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào giữa lúc chủ nghĩa xã hội thế giới xuất hiện những dấu hiệu khủng hoảng trầm trọng là

⁷³ Từ tháng 1 năm 1980 đến tháng 7 năm 1986 đã diễn ra 13 hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Đông Dương (mỗi năm hai lần). Tại Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ba nước Đông Dương lần thứ 12 họp ngày 24 tháng 1 năm 1986, ba nước Việt Nam, Lào, Campuchia một lần nữa nhắc lại đề nghị năm điểm của mình được đưa ra trong kỳ họp ngày 12 tháng 8 năm 1985 và nhấn mạnh hai mặt quốc tế và nội bộ của vấn đề Campuchia, trong đó về mặt quốc tế, Việt Nam cam kết sẽ rút hết quân khỏi Campuchia, đồng thời chấm dứt viện trợ quân sự và can thiệp của nước ngoài vào Campuchia; về mặt nội bộ, công việc nội bộ của Campuchia sẽ do các bên Campuchia tự giải quyết, không có sự can thiệp của nước ngoài.

chuyến thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào của Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do Tổng Bí thư Nguyễn Văn Linh dẫn đầu, từ ngày 2 đến 4 tháng 7 năm 1989. Đây là chuyến thăm Lào chính thức đầu tiên của lãnh đạo cấp cao Đảng Cộng sản Việt Nam từ sau Đại hội IV Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Có thể nói, quan hệ hợp tác chính trị là điều kiện tiên quyết, mở đường cho việc phát triển quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Thành tựu nổi bật nhất của quan hệ hợp tác chính trị Việt Nam - Lào, hay có thể nói là thành tựu của mọi thành tựu trong giai đoạn này, *đó là hai nước chúng ta vẫn giữ được định hướng chính trị theo con đường xã hội chủ nghĩa.*

Trong những năm qua, hai bên tiếp tục tăng cường mối quan hệ hợp tác trên lĩnh vực chính trị, duy trì cuộc gặp hàng năm giữa hai Bộ Chính trị, như một cơ chế hoạt động chính thức.

Đánh giá công lao đóng góp của các nhà lãnh đạo Việt Nam trong việc vun đắp và phát triển không ngừng mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, Đảng và Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào đã quyết định trao tặng Huân chương Vàng quốc gia cho các đồng chí Nguyễn Văn Linh, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Đỗ Mười, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tại Viêng Chăn vào ngày 2 tháng 7 năm 1989.

Cùng với việc xúc tiến quá trình bình thường hoá quan hệ giữa Trung Quốc và các nước Đông Dương từ cuối thập niên 1980, những hoạt động phối hợp ngoại giao giữa Việt Nam, Lào và Campuchia, kết hợp với những nỗ lực lớn của cộng đồng quốc tế đi đến ký kết Hiệp định Pari về Campuchia ngày 23 tháng 10 năm 1991, tiếp đó là sự kiện sụp đổ của Liên Xô vào tháng 12 năm 1991, đều là những tác nhân lớn góp phần làm cho các nước ASEAN thay đổi nhận thức và hành động về môi trường an ninh khu vực.

Đến tham dự Đại hội lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam (từ ngày 24 đến 27 tháng 6 năm 1991) trên cương vị Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, đồng chí Cayxôn Phômvihân đặc biệt nhấn mạnh tới việc phát triển quan hệ hợp tác giữa hai Đảng trong điều kiện lịch sử mới: “Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào cùng sinh ra từ một cội nguồn, cùng chung mục tiêu, lý tưởng. Tuy mỗi Đảng có phương pháp và bước đi khác nhau do đặc điểm của mỗi nước, nhưng giữa hai Đảng chúng ta luôn luôn có sự phối hợp, hỗ trợ, giúp đỡ lẫn nhau rất chặt chẽ, hài hoà, luôn luôn trao đổi, bổ sung kinh nghiệm cho nhau, giúp cho hai Đảng chúng ta ngày càng trưởng thành, vững mạnh và không ngừng nâng cao khả năng lãnh đạo của mỗi Đảng ngang tầm với các giai đoạn cách mạng”⁷⁴.

Ngay sau Đại hội Đảng Nhân dân cách mạng Lào lần thứ V, theo truyền thống quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam, ngày 10 tháng 10 năm 1991, Tổng Bí thư Đảng Nhân dân cách mạng Lào Cayxôn Phômvihân đã chọn Việt Nam là nước đầu tiên để sang thăm chính thức. Nhân dịp này, hai bên khẳng định quyết tâm trước sau như một tăng cường củng cố và nâng cao quan hệ đoàn kết đặc biệt Lào - Việt Nam, Việt Nam - Lào, đẩy mạnh hợp tác kinh tế, định kỳ trao đổi cấp Thứ trưởng Ngoại giao giữa hai nước nhằm phối hợp chặt chẽ những hoạt động ngoại giao trên các diễn đàn quốc tế. Sự kiện Liên Xô tan rã vào tháng 12 năm 1991 đã tác động mạnh mẽ đến toàn bộ hoạt động đối ngoại của cả hai nước, đòi hỏi Việt Nam và Lào phải bổ sung và hoàn chỉnh chính sách đối ngoại trong tình hình mới.

⁷⁴. Lời chào mừng của Chủ tịch Cayxôn Phômvihân đọc tại Đại hội VII Đảng Cộng sản Việt Nam, ngày 24 tháng 6 năm 1991, báo *Nhân dân*, ngày 25 tháng 6 năm 1991, tr.5.

Hội nghị Trung ương lần thứ ba khoá VII của Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 6 năm 1992) xác định bốn phương châm trong hoạt động đối ngoại của Việt Nam, trong đó nổi bật *phương châm đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại; tích cực tham gia hợp tác khu vực, đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước*.⁷⁵ Từ đây, Việt Nam đã xác lập vị thế mới trong hệ thống quan hệ quốc tế, một bước chuẩn bị căn bản để gia nhập ASEAN sau đó.

Nhờ có sự phối hợp và điều chỉnh chiến lược đối ngoại theo hướng đa phương hoá, đa dạng hoá, quan hệ ngoại giao của Việt Nam và Lào với các nước trong và ngoài ASEAN đều được cải thiện vững chắc. Đặc biệt, tại Hội nghị Thượng đỉnh ASEAN lần thứ IV họp tại Xingapo ngày 17 tháng 1 năm 1992, các nước ASEAN đã mời Việt Nam và Lào tham gia ký Hiệp ước Bali, mở đường cho Việt Nam và Lào tham gia các hội nghị của ASEAN với tư cách là quan sát viên và chính thức gia nhập Hiệp hội ASEAN sau đó.

Sự kiện quan trọng - Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Hiệp hội ASEAN ngày 28 tháng 7 năm 1995, và hai năm sau, ngày 23 tháng 7 năm 1997, Lào cũng chính thức gia nhập ASEAN - đánh dấu sự hội nhập hoàn toàn của Việt Nam và Lào với các nước trong khu vực. Đúng như tuyên bố của Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam, tháng 6 năm 1991, khẳng định: “*Việt Nam muốn là bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát*

⁷⁵. Bốn phương châm đó là: 1. Bảo đảm lợi ích dân tộc chân chính, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước và chủ nghĩa quốc tế vô sản của giai cấp công nhân. 2. Giữ vững độc lập, tự chủ, tự cường trong khi đẩy mạnh đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. 3. Nắm vững hai mặt hợp tác và đấu tranh trong quan hệ với mọi đối tượng. 4. Tham gia hợp tác khu vực đồng thời mở rộng quan hệ với tất cả các nước. Xem: Vũ Dương Huân (Chủ biên): *Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp giành độc lập tự do*, Học viện Quan hệ quốc tế, Hà Nội, 2002, t.2, tr.89-91.

triển”⁷⁶.

Năm 1992 là năm đột phá trong hoạt động đối ngoại của Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước láng giềng. Những chuyến thăm của các nhà lãnh đạo Đảng, Nhà nước Lào đến Thái Lan, Trung Quốc đã mở ra một bước phát triển mới nhằm củng cố các mối quan hệ và tăng cường hiểu biết lẫn nhau. Ngay từ đầu năm, từ ngày 13 đến 15 tháng 2 năm 1992, Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng Việt Nam Võ Văn Kiệt đã đến thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào để ký kết Hiệp định khung về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 1992 - 1995 và năm 1992. Từ ngày 12 đến 16 tháng 8 năm 1992, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Đỗ Mười cũng đi thăm hữu nghị chính thức Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tại cuộc hội đàm, Tuyên bố chung cấp cao Việt Nam - Lào khẳng định: “quyết tâm phấn đấu không mệt mỏi nhằm củng cố và tăng cường hơn nữa quan hệ hữu nghị và đoàn kết đặc biệt Việt Nam - Lào; tiếp tục đổi mới phương thức hợp tác nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả thiết thực, phù hợp với khả năng của mỗi nước theo các nguyên tắc tôn trọng độc lập, chủ quyền của nhau, bình đẳng cùng có lợi, chân thành giúp đỡ lẫn nhau trên tình đồng chí, anh em. Điều đó phù hợp với đường lối đổi mới của hai Đảng, đáp ứng lợi ích căn bản và lâu dài của nhân dân hai nước, phù hợp với lợi ích của hoà bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển ở khu vực Đông Nam châu á”⁷⁷.

Bước sang năm 1993, mối quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tiếp tục được củng cố và phát triển. Sau khi Chủ tịch Cayxôn Phômvihân - lãnh tụ kiệt xuất và kính mến của

⁷⁶. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.147.

⁷⁷. Tuyên bố chung Việt Nam - Lào ngày 16 tháng 8 năm 1992, báo *Nhân dân*, ngày 17 tháng 8 năm 1992, tr.3.

nhân dân các bộ tộc Lào qua đời (ngày 21 tháng 11 năm 1992), lãnh đạo cấp cao hai Đảng và hai Nhà nước vẫn duy trì và phát triển tốt mối quan hệ truyền thống vốn có, các cuộc viếng thăm chính thức cấp cao giữa hai bên tiếp tục diễn ra. Nổi bật là chuyến thăm hữu nghị chính thức Việt Nam của đồng chí Khăm Tày Xiphăndon, Chủ tịch Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào từ ngày 1 đến 4 tháng 4 năm 1993. Trong cuộc hội đàm thân mật, hai bên đã ra thông cáo chung khẳng định quyết tâm phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước.

Đánh giá cao công lao góp phần củng cố và tăng cường mối quan hệ đặc biệt và sự hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam trong thời gian qua, Đảng và Chính phủ Việt Nam đã trao tặng đồng chí Khăm Tày Xiphăndon Huân chương Sao vàng - huân chương cao quý nhất của Việt Nam. Cùng năm đó, tháng 11 năm 1993, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Lê Đức Anh đã có chuyến thăm đáp lễ chính thức nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. Tháng 8 năm 1993, Chủ tịch Quốc hội Việt Nam Nông Đức Mạnh thăm Lào, và tháng 11 năm 1993, Chủ tịch Quốc hội Lào Xámăn Vinhakệt thăm Việt Nam. Tháng 8 năm 1994, Chủ tịch nước Lào Nủhắc Phumxavăn sang thăm Việt Nam... Ngoài ra còn có các cuộc thăm và làm việc không chính thức của lãnh đạo cấp cao hai nước. Trong các cuộc hội đàm hàng năm giữa hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã trao đổi ý kiến về tình hình mọi mặt, đi tới những thoả thuận quan trọng về chủ trương, biện pháp tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa hai nước. Đây là nhân tố quan trọng làm cơ sở cho việc hai nước cụ thể hoá các kế hoạch hợp tác hàng năm.

Trong hai năm 1994 - 1995, đáp ứng yêu cầu của phía Lào, Đảng Cộng sản Việt Nam đã cử nhiều cán bộ cấp cao, kể cả các uỷ

viên Bộ Chính trị sang giới thiệu kinh nghiệm tại các Hội nghị Trung ương 8, 9, 10 của Đảng Nhân dân cách mạng Lào và các cuộc tập huấn cán bộ chủ chốt của Đảng và Nhà nước Lào tại Viêng Chăn. Hình thức đào tạo này được phía Lào đánh giá cao, thiết thực, hiệu quả, nhất là đáp ứng được yêu cầu cấp bách trước mắt của Lào.

Để tạo ra môi trường thuận lợi cho sự nghiệp bảo vệ và xây dựng đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đường lối đối ngoại của mình, cả Việt Nam và Lào đều xác định rõ chủ trương đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế. Từ định hướng trên, bên cạnh việc đẩy mạnh mở rộng quan hệ với các nước trong khu vực và trên thế giới, quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên lĩnh vực ngoại giao cũng được đẩy mạnh trên ba phương diện: Đảng, Nhà nước và ngoại giao nhân dân.

Về quan hệ giữa hai Đảng, Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào trong thời kỳ đổi mới ngày càng thêm khăng khít, thắm tình đồng chí, anh em. Trung bình mỗi năm, hai Đảng trao đổi trên 30 đoàn từ cấp Trung ương đến cấp tỉnh uỷ... những kinh nghiệm về giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, về công tác tư tưởng, lý luận, công tác dân vận, Đảng lãnh đạo sự nghiệp đổi mới đất nước luôn là những đề tài trọng tâm cho các cuộc trao đổi giữa hai Đảng.

Quan hệ giữa hai Nhà nước cũng được đẩy mạnh trong thời gian này. Hai nước tăng cường trao đổi thông tin và tham khảo ý kiến của nhau về các vấn đề hợp tác khu vực và quốc tế có liên quan đến quyền lợi của mỗi nước. Ngay từ năm 1992, giữa hai Nhà nước đã thành lập uỷ ban liên Chính phủ. Hàng năm, Uỷ ban liên Chính phủ đều có đánh giá tổng kết, rút kinh nghiệm, giúp cho việc thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào không ngừng

phát triển.

Hoạt động ngoại giao nhân dân cũng đạt được nhiều thành tích đáng kể. Hàng năm, quan hệ giữa các bộ, ban, ngành, đoàn thể địa phương, các công ty, nhất là các tỉnh biên giới kết nghĩa đều có những trao đổi hợp tác và mối quan hệ đó ngày càng đi vào chiều sâu với nội dung thiết thực và có hiệu quả.

b) Hợp tác trong lĩnh vực an ninh - quốc phòng

Chuyển sang giai đoạn đổi mới, cả Việt Nam và Lào vẫn luôn bị các thế lực thù địch tìm mọi cách chống phá. ở Việt Nam, các thế lực thù địch, đặc biệt là lực lượng phản động trong số người Việt lưu vong ở nước ngoài thường xuyên tìm mọi cách “chuyên lừa về quê hương”, hoạt động mạnh nhất là tổ chức các nhóm vũ trang về nước, trong đó có con đường qua biên giới Việt - Lào. Tại Lào, các thế lực thù địch tiếp tục hoạt động diễn biến hoà bình chống phá Lào; lợi dụng hợp tác đầu tư về kinh tế để lôi kéo, chuyển hoá, kích động số tiêu cực trong học sinh, sinh viên, trí thức và cán bộ Lào. Bọn Vàng Pao và Thong Lít chủ trương thành lập Hội Phật giáo mới, từ đó tổ chức tuyên truyền, kích động chia rẽ các bộ tộc Lào, kêu gọi sự giúp đỡ của các tổ chức tôn giáo quốc tế và tìm kiếm sự can thiệp quốc tế, v.v..

Trước tình hình đó, hai nước xác định, hợp tác an ninh - quốc phòng giữa Việt Nam và Lào là nhiệm vụ rất cấp bách và quan trọng hàng đầu. Ngay từ những năm đầu của thập niên 1990, giữa hai Chính phủ, giữa hai bộ chức năng là Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng của hai nước đều đã ký những hiệp định, nghị định về hợp tác, hỗ trợ nhau trong công tác bảo vệ an ninh và củng cố quốc phòng. Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng của cả hai nước đều rất coi trọng việc trao đổi thông tin và kinh nghiệm xây dựng lực lượng, chống xâm nhập, chống bạo loạn và vô hiệu hoá các hoạt động diễn biến hoà bình của

kẻ địch. Trong mỗi quan hệ này, phía Việt Nam luôn chủ động và đảm nhiệm gánh vác các công việc khó khăn nhất với phương châm “giúp bạn là mình tự giúp mình”, “an ninh của bạn cũng chính là an ninh của mình”... Việt Nam đã giúp Lào củng cố và xây dựng được một lực lượng an ninh có chất lượng cao và đủ khả năng hoàn thành nhiệm vụ, đáp ứng yêu cầu của tình hình mới.

Trên lĩnh vực hợp tác an ninh - quốc phòng với Lào, Bộ Quốc phòng Việt Nam chú trọng giúp Lào xây dựng một chiến lược quốc phòng dài hạn, một đường lối quốc phòng toàn dân, toàn diện. Thông qua đội ngũ chuyên gia, Việt Nam đã giúp Lào xây dựng quân đội của mình trở thành một đội quân vững mạnh về chính trị tư tưởng, tổ chức và chuyên môn. Quân đội nhân dân Lào được xây dựng theo hướng chính quy và hiện đại, có sức chiến đấu cao, đủ khả năng làm chỗ dựa cho thế trận chiến tranh nhân dân. Các lực lượng bộ đội địa phương, dân quân ở cấp bản, lực lượng dự bị động viên, v.v. đều được chú ý xây dựng, củng cố và luyện tập thường xuyên để khi cần có thể huy động được kịp thời. Các phương án tác chiến được Bộ Quốc phòng của hai nước chuẩn bị công phu, trong đó nhiều phương án phối hợp tác chiến giữa quân đội hai nước được soạn thảo và đưa ra tập huấn đến cấp sư đoàn, trung đoàn. Chiến công chung nổi bật về hợp tác an ninh - quốc phòng giai đoạn này là việc quân và dân Lào chủ động phối hợp chặt chẽ với quân đội Việt Nam chặn đánh cuộc hành quân “Đông tiến I” và “Đông tiến II” của các lực lượng phản động lưu vong do Hoàng Cơ Minh cầm đầu vào Việt Nam qua con đường Lào trong hai năm 1986 - 1987.

Là hai nước láng giềng có 10 tỉnh giáp biên nên vấn đề trật tự an ninh biên giới giữa hai nước đều rất phức tạp. Trong giai đoạn này, thực hiện nghiêm chỉnh Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa Việt Nam và Lào, ký kết tại Viêng Chăn ngày 18 tháng 7 năm 1977, Ban Biên giới hai bên đã gặp nhau giải quyết nhiều vấn

đề tồn đọng trong lịch sử và đi đến hoàn thành phân giới cắm mốc vào ngày 24 tháng 8 năm 1984. Ngày 24 tháng 1 năm 1986, hai bên đã ký kết Hiệp ước bổ sung Hiệp ước hoạch định biên giới và Nghị định thư về việc phân giới cắm mốc toàn bộ đường biên giới quốc gia Việt Nam - Lào tại Viêng Chăn. Ngày 16 tháng 10 năm 1987, hai bên ký Nghị định thư bổ sung Nghị định thư về phân giới cắm mốc tại Viêng Chăn. Ngày 1 tháng 3 năm 1990, hai bên ký Hiệp định về Quy chế biên giới tại thành phố Hồ Chí Minh. Trong hai năm 1994 - 1995, phía Việt Nam đã triển khai giúp Lào hiệu chỉnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1/50.000 cho bốn tỉnh Nam Lào; lập bộ bản đồ Atlas địa lý Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và Atlas địa lý thế giới, phục vụ cho công tác giáo dục của Lào. Hai bên đã xúc tiến để tiến tới hoàn thành bản đồ quốc giới Việt Nam - Lào, làm cơ sở pháp lý vững chắc cho mối quan hệ Việt Nam - Lào.

Hiệp ước hoạch định biên giới quốc gia giữa nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào và các hiệp định, nghị định thư liên quan được hai bên ký kết và thực hiện đã xác lập đường biên giới chính thức, ổn định lâu dài, có hệ thống quốc giới được hai Nhà nước độc lập, có chủ quyền cùng nhau giải quyết. Đây chính là sự thay đổi về chất của đường biên giới và cũng mở ra một thời kỳ mới trong quan hệ hai nước; góp phần cực kỳ quan trọng vào việc củng cố, phát triển mối quan hệ hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên cơ sở tôn trọng nguyên tắc độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau, hợp tác bình đẳng và cùng có lợi, hết lòng hết sức ủng hộ và giúp đỡ lẫn nhau. Đây là thành quả của truyền thống hữu nghị, đoàn kết đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước; của sự hiểu biết, tôn trọng và cảm thông giữa những người

đồng chí anh em thân thiết, sướng khổ có nhau, sống chết có nhau. Kết quả này là một biểu hiện tốt đẹp của việc giải quyết vấn đề lợi ích dân tộc trên tinh thần kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản trong sáng, là mẫu mực về chính sách láng giềng hữu nghị của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào.

c) Hợp tác trong lĩnh vực kinh tế, giáo dục, văn hoá, khoa học - kỹ thuật

Trong quan hệ đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, *hợp tác kinh tế* trong thời kỳ đổi mới luôn chiếm vị trí quan trọng, với mong muốn là động lực thúc đẩy sự phát triển của các quan hệ hợp tác khác.

Sau khi tình hình chính trị, kinh tế, xã hội ở hai nước bắt đầu ổn định, công cuộc khắc phục kinh tế cơ bản đã hoàn thành, quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước dần có sự thay đổi theo hướng phát triển từ viện trợ không hoàn lại, cho vay là chủ yếu sang giảm dần viện trợ và cho vay, bước đầu đẩy mạnh hợp tác sản xuất kinh doanh bình đẳng cùng có lợi. Đồng thời, trong hợp tác đã chuyển dần từ hợp tác từng vụ việc theo yêu cầu của bạn sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch được ký kết giữa hai Chính phủ.

Thực hiện thoả thuận tháng 10 năm 1991 của Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào nhằm tiếp tục đưa quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu, lên ngang tầm với quan hệ chính trị, ủy ban Kế hoạch nhà nước Việt Nam và ủy ban Kế hoạch và Hợp tác Lào đã cùng phối hợp đề ra chiến lược hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật. Chiến lược này là cơ sở để hai bên phối hợp xây dựng và quyết định các chương trình và dự án kế hoạch hợp tác trong

thời gian tới.

Ngày 15 tháng 2 năm 1992, tại Viêng Chăn, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật thời kỳ 1992 - 1995 và năm 1992. Để hiện thực hoá Hiệp định khung này, Chính phủ hai nước đã tiến thêm một bước trong việc thống nhất cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật. Điều II của Cơ chế này quy định rõ: “Cơ chế chung hợp tác Việt Nam - Lào được kết hợp chặt chẽ tính đặc thù của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào với thông lệ quốc tế: tự nguyện, bình đẳng; hai bên cùng có lợi; có ưu tiên, ưu đãi cho nhau; tôn trọng luật pháp, độc lập chủ quyền của nhau; nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả trong lĩnh vực hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa hai dân tộc và phù hợp với tình hình thực tế của việc phát triển kinh tế - xã hội của hai nước trong từng thời kỳ”⁷⁸.

Thực hiện các thoả thuận quan trọng giữa hai Bộ Chính trị (tháng 10 năm 1991, tháng 3 năm 1993, tháng 3 năm 1994, tháng 1 năm 1995) về chủ trương, biện pháp tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác giữa hai nước, mỗi bên đã quán triệt rõ cho các cấp, các ngành từ trung ương đến địa phương, tư tưởng chỉ đạo hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước là: “giữ vững và phát huy truyền thống quan hệ đoàn kết giữa hai Đảng và hai dân tộc láng giềng anh em. Phát triển cả chiều rộng và chiều sâu quan hệ hợp tác trong lĩnh vực kinh tế - xã hội nhằm khai thác và phát huy tối đa tiềm năng của mỗi nước, phục vụ có hiệu quả nhất

⁷⁸. Xem *Cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào*, bản tiếng Việt, làm tại Viêng Chăn, ngày 7 tháng 4 năm 1994 do ông Trần Khải thừa ủy nhiệm Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và ông Khảm Pheng Phonxêna thừa ủy nhiệm Chính phủ Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào ký.

cho công cuộc phát triển, giữ vững an ninh chính trị và an toàn xã hội”⁷⁹.

Trên cơ sở của tư tưởng chỉ đạo nêu trên, ngày 15 tháng 3 năm 1995, tại Hà Nội, Phó Thủ tướng, Chủ tịch Phân ban Hợp tác Việt Nam - Lào Phan Văn Khải, thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Phó Thủ tướng, Chủ tịch Phân ban Hợp tác Lào - Việt Nam Khăm Phủi Keobualapha, thay mặt Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã ký *Thoả thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật đến năm 2000*. Sau đó, Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 1996 - 2000 giữa hai nước Việt Nam và Lào cũng được ký kết. Ngoài các hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật ký kết hàng năm giữa hai Chính phủ, trong giai đoạn này, Việt Nam - Lào cũng đã ký kết hàng loạt hiệp định và nghị định thư quan trọng nhằm thúc đẩy việc triển khai quan hệ hợp tác toàn diện giữa hai nước như: Nghị định thư về hợp tác đào tạo cán bộ Lào tại Việt Nam (ngày 15 tháng 12 năm 1992), Hiệp định kiều dân giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào (ngày 3 tháng 4 năm 1993), Hiệp định thanh toán xuất nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam với Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào thời kỳ 1993 - 1995 (ngày 7 tháng 1 năm 1993), Quy chế về quản lý khách du lịch qua cửa khẩu quốc tế Lao Bảo - Huội Ka Ki giữa Tổng cục Du lịch Việt Nam và Cơ quan Du lịch quốc gia Lào (ngày 4 tháng 11 năm 1993), Hiệp định sửa đổi Hiệp định thương mại thời kỳ 1991 - 1995

⁷⁹. Xem Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Thường trực Phân ban Hợp tác Việt Nam - Lào: *Báo cáo tổng kết quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào 1992 - 1995. Phương hướng, nhiệm vụ kế hoạch hợp tác Việt Nam - Lào thời kỳ 1996 - 2000 và năm 1995 (Dự thảo)*, Hà Nội, tháng 11 năm 1995, tr.16.

(ngày 30 tháng 6 năm 1993), Bản thoả thuận giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào về việc cử và tiếp nhận chuyên gia Việt Nam đi làm việc tại Lào (ngày 7 tháng 4 năm 1994), Cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 7 tháng 4 năm 1994), Cơ chế thanh toán giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 7 tháng 4 năm 1994), Hiệp định về quá cảnh hàng hoá giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 23 tháng 4 năm 1994), Thoả thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 15 tháng 3 năm 1995), Hiệp định về hợp tác lao động giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 29 tháng 6 năm 1995), Hiệp định tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn thu thuế các loại đánh vào thu nhập giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 14 tháng 1 năm 1996), Hiệp định về khuyến khích và bảo hộ đầu tư giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 14 tháng 1 năm 1996), Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào (ngày 1 tháng 5 năm 1996).

Trong chiến lược phát triển kinh tế, nông nghiệp và phát triển nông thôn là lĩnh vực kinh tế, xã hội quan trọng được Đảng, Nhà nước hai nước ưu tiên phát triển hàng đầu. Bởi vì nó không chỉ là thế mạnh tiềm năng sẵn có của Việt Nam và Lào, mà còn có ý nghĩa then chốt đối với nền kinh tế của Lào. Lĩnh vực hợp tác này không chỉ góp phần đổi mới nông thôn Lào mà còn gắn liền với chủ trương đảm bảo an ninh lương thực vào năm 2000 của Lào.

Lào có khoảng 4 triệu héc-ta đất canh tác nông nghiệp, đó chính là thế mạnh kinh tế của Lào. Tuy nhiên, hệ thống thuỷ lợi nhân tạo của Lào kém phát triển nên năng suất cây trồng còn rất thấp. Dựa trên cơ sở các hiệp định đã ký kết giữa hai nước, đáp ứng yêu cầu của Lào, Việt Nam đã cử nhiều chuyên gia hàng đầu về nông

ng nghiệp và thủy lợi sang giúp Lào nghiên cứu, thu thập tài liệu, khảo sát phân tích đất, thiết kế hệ thống thủy lợi, tiến hành lập luận chứng kinh tế, kỹ thuật cho các dự án về nông nghiệp cũng như trực tiếp xuống tận các bản làng để giúp đỡ nông dân Lào canh tác, chuyển giao kỹ thuật, xây dựng hệ thống thủy lợi, phát triển kỹ thuật chăn nuôi theo phương pháp khoa học. Cùng với việc giúp Lào xây dựng các văn phòng điều hành chương trình dự án, tổ chức các vườn cây giống, xây dựng các trạm thú y, các hệ thống thủy lợi, tập huấn cán bộ trồng trọt, chăn nuôi..., Việt Nam còn trang bị cho Lào những công cụ, máy móc, áp dụng kỹ thuật trồng lúa bằng nhiều hình thức, phương pháp.

Từ năm 1992 đến 1997, Việt Nam phối hợp giúp Lào xây dựng mô hình thí điểm phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới tại bốn điểm, tập trung vào bốn khu vực do Nhà nước Lào chọn:

1. Điểm Phôn Súng, huyện Phôn Hoọng, tỉnh Viêng Chăn (đại diện vùng trung du).
2. Điểm Hạt Siêu là điểm Phôn Súng mở rộng.
3. Điểm Lắc Xao, huyện Khăm Cốt, tỉnh Bolikhamxay (đại diện vùng núi tập trung bà con Lào Xung).
4. Điểm huyện Chămpaxắc, tỉnh Chămpaxắc (đại diện vùng đồng bằng)⁸⁰.

Kết quả là mô hình này đã đem lại nhiều hiệu quả thiết thực và được nhân rộng ra toàn quốc, góp phần tạo ra những chuyển biến tích cực trong các vùng nông thôn của Lào. Có thể thấy, các dự án

⁸⁰. Việt Nam đã viện trợ cho bốn điểm này 9,4 tỷ đồng trong bốn năm từ 1992 đến 1995: Phôn Súng 2,9 tỷ; Lắc Xao 2,2 tỷ; Chămpaxắc 2,4 tỷ; Hạt Siêu 1,9 tỷ. Theo: *Báo cáo tổng kết quan hệ hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào 1992 - 1995. Phương hướng nhiệm vụ kế hoạch hợp tác Việt Nam - Lào thời kỳ 1996 - 2000 và năm 1995 (Dự thảo)*, Tài liệu đã dẫn, tr.5.

sản xuất lương thực, những vấn đề an ninh lương thực do Việt Nam giúp Lào được phía Lào đánh giá là có chất lượng và thực tiễn cao, phù hợp với điều kiện tập quán canh tác của Lào. Cụ thể là:

- Về trồng trọt: đã gieo trồng thí điểm hàng chục loại giống lúa mới như: Chấm con, N28, N119, C70, DT11... là những giống lúa chịu hạn tốt, có năng suất 5-8 tấn/ha, cũng như một số giống lúa Nhật (IPS, IPS2), ngô, cây ăn quả và cây lâm nghiệp khác. Đã hướng dẫn kỹ thuật thâm canh và lựa chọn thời vụ thích hợp cho cả giống lúa nước, lúa cạn, bước đầu được nhân dân địa phương học tập và ứng dụng. Đồng thời đã xây dựng một số hệ thống thủy lợi nhỏ để đủ nước canh tác cho vùng đất thí điểm.

- Về vật nuôi: những giống mới như gà Tam Hoàng, vịt siêu trứng Khakicampel, ngan Việt Nam, ngỗng Rheinland, lợn lai, dê... đã được nuôi thí điểm ở một số hộ nông dân và từng bước được nhân ra diện rộng. Một số nơi thí điểm nuôi cá lồng (ở hồ Nặm Suang) đã có kết quả tốt.

- áp dụng việc dùng nước sạch (giếng khoan) chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh, làm một số đường giao thông nông thôn, sửa sang một số trường học, trạm xá ở những nơi thí điểm.

Qua năm năm (1992 - 1997) phối hợp với phía Lào triển khai các hoạt động dự án nêu trên, đã giới thiệu cho nông dân Lào làm quen và thấy rõ lợi ích của kỹ thuật canh tác, lựa chọn giống thích hợp, sự cần thiết phải đầu tư xây dựng thủy lợi, định canh định cư, nhằm phát triển sản xuất, cải thiện đời sống và khắc phục nạn phá rừng làm nương. Mặt khác, thông qua dự án, các chuyên gia nông nghiệp Việt Nam đã bồi dưỡng đào tạo cho nhiều người, cả cán bộ quản lý và bà con nông dân Lào, những kiến thức mới về nông nghiệp và phát triển nông thôn. Lăn lộn vào đời sống của bà con nông dân Lào như tinh thần của các chiến sĩ tình nguyện quân năm xưa, cùng với việc truyền đạt tri

thức khoa học và chuyển giao công nghệ mới cho Lào, nhiều chuyên gia nông nghiệp Việt Nam đã thực sự trở thành những người con thân thiết của các bản làng Lào, được nhân dân Lào tin yêu, mến phục.

Để tiến hành sản xuất nông nghiệp được thuận lợi, phù hợp với hoàn cảnh thực tế của Lào, trên cơ sở tiến hành điều tra, khảo sát địa chất và địa hình, các chuyên gia Việt Nam đã giúp Lào xây dựng hàng loạt dự án thủy điện nhỏ và vừa, trong đó, đáng chú ý là các dự án Nặm Thon I, Nặm Thon II, Nặm Soong, Nặm Mang, Huội Kho, hoàn thành công trình thủy điện Lắc Xao (Bolikhamsay) với trị giá trên 1 triệu USD.

Hợp tác giữa hai nước trong lĩnh vực lâm nghiệp cũng đem lại những hiệu quả thiết thực như tiến hành khảo sát, điều tra, phân bố rừng, phân chia các vùng khai thác, lập các quy hoạch, kế hoạch giao đất, giao rừng, giúp Lào đào tạo cán bộ quản lý, thu thập thống kê số liệu, hợp tác kinh doanh khai thác gỗ, lập mô hình nông lâm kết hợp,... Phía Lào đã cử nhiều đoàn sang Việt Nam học tập và trao đổi kinh nghiệm về phát triển nông - lâm nghiệp, trồng rừng qua dự án PAM. Nhìn chung, các hình thức hợp tác đó đã mang lại lợi ích thiết thực cho cả hai phía.

Những thành tựu đạt được thông qua các dự án hợp tác giữa hai nước được phía Lào đánh giá cao, vì nó đã phát huy được tác dụng, đưa sản xuất nông nghiệp phát triển, tạo ra sự ổn định và cải thiện một bước đời sống của người nông dân, giảm bớt tình trạng du canh, du cư của Lào, hạn chế được nạn phá rừng, đặc biệt tác động tích cực đến nếp nghĩ và tập quán của nhiều bộ tộc Lào. Các dự án hợp tác nông nghiệp cũng góp phần giúp cho các cơ quan quản lý và một số địa phương hoạch định chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp của mình. Kết quả chung lớn nhất là ngay từ năm 1999, Lào đã thực hiện được mục tiêu tự túc lương thực và có

một phần lương thực dự trữ.

Trong chiến lược hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào, lĩnh vực hợp tác về giao thông vận tải giữa hai nước chiếm vị trí quan trọng, được Đảng và Nhà nước hai nước xếp vào hàng ưu tiên thứ hai, góp phần giúp Lào thực hiện tốt chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và củng cố mối quan hệ giữa hai nước. Việc hợp tác trong lĩnh vực giao thông vận tải ngày càng được tăng cường và mở rộng, đã tạo điều kiện thuận lợi giúp Lào vận chuyển hàng hoá quá cảnh thông thương ra các cảng biển Việt Nam. Đặc biệt, để đáp ứng nhu cầu vận chuyển xăng dầu cấp bách của Lào, ngày 25 tháng 9 năm 1989, Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào đã ký Hiệp định về việc nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào xây dựng và sử dụng hệ thống đường ống dẫn dầu của Lào tại Việt Nam (tại một vùng biển, vùng đất thuộc khu vực Cửa Lò, tỉnh Nghệ Tĩnh, nay là tỉnh Nghệ An). Các tuyến đường ngang trên lãnh thổ Việt Nam phục vụ cho quan hệ hợp tác giữa hai nước bao gồm:

- Đường 8A dài 85,3 km được nâng cấp sửa chữa, rải nhựa toàn tuyến hoàn thành vào cuối quý IV năm 1995, tổng vốn đầu tư là 170 tỷ đồng. Nâng cấp các đoạn đường: Gia Lách - Xuân Hải, Quán Bính - Cửa Lò và cùng với các kho bãi tại cảng Cửa Lò, Xuân Hải được xây dựng và hoàn thiện đã tạo điều kiện giúp Lào xuất khẩu gỗ và hàng hoá, đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội vùng Trung Lào và miền núi của tỉnh Hà Tĩnh (Việt Nam).

- Một số tuyến đường khác thuộc hành lang vận tải Đông - Tây (18B, 9, 217, 42) nối với các cảng miền Trung của Việt Nam (Cửa Lò, Xuân Hải, Cửa Việt, Đà Nẵng, Quy Nhơn...) cũng được phía Việt Nam lập đề cương nghiên cứu khả thi và dự kiến khảo sát vào mùa khô 1994 - 1995 cũng như nâng cấp, bảo dưỡng nhằm giúp Lào phát triển kinh tế các vùng Trung và Nam Lào, giúp cho việc

thông thương giữa các vùng này với tiểu vùng sông Mê Công ngày càng thuận lợi hơn.

Năm 1992, Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 8 kết hợp với Tổng công ty Xây dựng công trình giao thông 1 thành lập Tổng công ty liên doanh Xây dựng công trình giao thông 18 (CIE18) đã tham gia đấu thầu và thắng thầu quốc tế xây dựng đường 13 khu vực Bắc Lào trước 29 hãng thầu quốc tế. Tuyến đường này dài 162 km đường bộ với 12 cây cầu, được thi công dưới sự giám sát của tư vấn quốc tế với giá trị 25,5 triệu USD, hoàn thành vào tháng 5 năm 1996. Sau khi đường 13 được đưa vào sử dụng, mức độ hoạt động của tàn quân phi ở Lào giảm đi khá nhiều, đời sống kinh tế và dân trí của cư dân sống hai bên đường tăng lên rõ rệt. Một số dự án giao thông khác trên đất Lào cũng đang được xúc tiến tốt và đem lại lợi ích cho cả hai phía như: sân bay Lắc Xao, đường Tây Trang - Mường Khỏa, đường 8A (phía Lào).

Lào có chung đường biên giới tiếp giáp với 10 tỉnh của Việt Nam từ Lai Châu đến Kon Tum (Tây Nguyên). Trên biên giới hai nước, đến đầu những năm 1990, đã mở 15 cửa khẩu trong đó mới có hai cửa khẩu quốc tế là cửa khẩu Lao Bảo - Đền Xá Vắn và cửa khẩu Cầu Treo - Nậm Phao. Trong số 13 cửa khẩu còn lại, gồm có: 7 cửa chính, 6 cửa phụ và 27 đường mòn qua lại giữa các tỉnh, huyện, xã.

Trong giai đoạn 1986 - 1996, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hai chiều có xu hướng tăng, bình quân đạt khoảng 70 triệu USD/năm (không kể lượng xe máy Việt Nam mua của Lào). Trong đó 3/4 là số lượng hàng hoá của Việt Nam sang Lào. Các mặt hàng của Việt Nam trên thị trường Lào là sắt thép xây dựng, đá ốp lát, hàng tiêu dùng may mặc, đồ nhựa, gốm sứ mỹ nghệ. Hàng hoá Lào bán sang Việt Nam là thạch cao, song mây... và một số hàng tái xuất sang Việt Nam như: quạt điện, hàng điện tử...

Đến năm 1987, hàng xuất của Lào sang Việt Nam đạt khoảng 2,9 triệu rúp. Nguyên nhân của tình trạng này là do phía Lào thay đổi cơ chế ngoại thương. Chính phủ Lào cho phép các ngành, xí nghiệp các địa phương được quyền hạch toán, được trực tiếp kinh doanh xuất, nhập khẩu, trung ương không bù lỗ, nên không tập trung được hàng để làm nghĩa vụ. Vào thời điểm này, Thái Lan bỏ cấm vận, Trung Quốc mở cửa biên giới Lào - Trung nên hàng hoá của Thái Lan tràn ngập lãnh thổ Lào và tại các tỉnh giáp với biên giới Trung Quốc, hàng Trung Quốc cũng bắt đầu chiếm lĩnh thị trường Lào.

Bước vào thập niên 1990, quan hệ hợp tác thương mại Việt Nam - Lào đã diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều biến động phức tạp. Sự kiện các nước Đông Âu sụp đổ (năm 1990) và Liên Xô tan rã (năm 1991) đã gây ra những ảnh hưởng khá lớn tới nền kinh tế Việt Nam và Lào. Trước tình hình đó, tháng 2 năm 1991, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định thương mại thời kỳ 1991 - 1995, đồng thời thoả thuận chấm dứt hình thức ký nghị định thư trao đổi hàng hoá hàng năm, xoá bỏ tình trạng bao cấp của Nhà nước. Hiệp định thương mại Việt Nam - Lào (1991 - 1995) cho phép mở rộng đối tượng trao đổi hàng hoá hàng năm, không hạn chế tổng kim ngạch trao đổi (gồm 22 mặt hàng xuất khẩu của Lào sang Việt Nam và 39 mặt hàng Việt Nam sang Lào), đồng thời mở rộng danh mục mặt hàng trao đổi (trừ các mặt hàng cấm xuất, nhập khẩu). Cơ chế này đã phù hợp với tình hình mới, thúc đẩy đáng kể kim ngạch trao đổi hàng hoá hai chiều giữa hai nước tăng nhanh: 45 triệu USD năm 1991; 73 triệu USD năm 1992; 56,3 triệu USD năm 1993; 138,2 triệu USD năm 1994; 80 triệu USD năm 1995; 188 triệu USD năm 1996⁸¹.

⁸¹. Khay Kham Van Na Vong Sy: *Mở rộng quan hệ kinh tế giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước láng giềng trong giai đoạn hiện nay, Sđd*,

Nói đến hoạt động xuất, nhập khẩu giữa hai nước, ngoài hoạt động xuất, nhập khẩu chính ngạch, không thể không đề cập quan hệ trao đổi giữa các địa phương, trong đó có xuất, nhập khẩu tiểu ngạch. Có thể thấy từ sau giải phóng, trao đổi giữa các địa phương hai nước đã phát triển, nếu không muốn so sánh là còn mạnh hơn cả cấp trung ương giữa hai bên. Nhằm đáp ứng nhu cầu trao đổi của nhân dân trên dọc tuyến biên giới, ngày 1 tháng 3 năm 1990, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định về quy chế quản lý biên giới và ban hành quy chế về hàng hoá của nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam.

So với kim ngạch xuất, nhập khẩu chính ngạch, kim ngạch xuất, nhập khẩu tiểu ngạch tuy không lớn, nhưng đã góp phần giúp cho đời sống nhân dân hai nước, nhất là cư dân trên các vùng biên cải thiện một bước đáng kể. Do mặt hàng trao đổi tiểu ngạch của hai nước phong phú nên phía Lào có thể tiếp tục xuất khẩu sang thị trường Thái Lan và Trung Quốc. Ngược lại, phía Lào có thể tiếp nhận hàng hoá của Thái Lan và Trung Quốc xuất sang Việt Nam gồm các mặt hàng như xe gắn máy CKD, IKD, SKD, quần áo, mỳ chính, v.v.. Kim ngạch xuất, nhập khẩu tiểu ngạch qua các cửa khẩu biên giới Lào - Việt Nam tăng khá nhanh: 31,94 triệu USD năm 1992; 30,25 triệu USD năm 1993; 37,61 triệu USD năm 1994; 43,54 triệu USD năm 1995; 53,88 triệu USD năm 1996⁸².

Ngành thương mại hai nước đang chủ trì và xúc tiến nghiên cứu, xây dựng đề án, tiến tới đầu tư xây dựng khu thương mại tự do Lao Bảo - Đen Xávan, đã phê duyệt dự án và chuẩn bị xây dựng

tr.71.

⁸². Khay Kham Van Na Vong Sy: *Mở rộng quan hệ kinh tế giữa Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào với các nước láng giềng trong giai đoạn hiện nay*, Sđd, tr.72.

cửa khẩu quốc tế Cầu Treo - Na Pê, mở cửa khẩu phụ và 11 điểm chợ biên giới để thúc đẩy sản xuất và giao lưu, trao đổi hàng hoá giữa hai nước, đặc biệt là các vùng biên giới Việt Nam - Lào.

Nhìn chung, trong giai đoạn này quan hệ thương mại Việt Nam - Lào nói chung, hoạt động kinh tế biên giới nói riêng, đã có tiến bộ rõ rệt, phản ánh sự nỗ lực của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều hạn chế và kết quả chưa tương xứng với tiềm năng và nhu cầu phát triển của mỗi nước. Những số liệu trong quan hệ thương mại hai chiều Việt Nam - Lào cho thấy, tốc độ tăng trưởng không ổn định, có lúc lên xuống thất thường. Cán cân thương mại giữa Lào - Việt Nam phổ biến là xuất siêu. Đáng chú ý là Lào xuất siêu ở phần chính ngạch, nhưng lại nhập siêu ở phần tiểu ngạch. Buôn bán tiểu ngạch tăng sẽ dẫn đến việc thanh toán thông qua hệ thống ngân hàng nhà nước chiếm tỷ lệ rất thấp.

Hợp tác về đầu tư cũng là một trong những lĩnh vực quan trọng được hai Đảng, hai Nhà nước đặc biệt quan tâm và cùng tạo điều kiện cho các doanh nghiệp của Lào đầu tư sang Việt Nam và doanh nghiệp Việt Nam đầu tư sang Lào. Quan hệ đầu tư trực tiếp, tuy chưa trở thành lĩnh vực hợp tác lớn, nhưng đã có những ngành và doanh nghiệp có quan hệ hợp tác trực tiếp và đã thu được những kết quả bước đầu đáng khích lệ.

Việt Nam vào năm 1987 và Lào năm 1988 đã công bố Luật Đầu tư trực tiếp nước ngoài. Về pháp lý, hợp tác về đầu tư - liên doanh Việt Nam - Lào được thể hiện rõ trong Điều 7 của Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào thời kỳ 1992 - 1995⁸³ và trong Điều 4 của Bản thoả thuận

⁸³. Xem *Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào thời kỳ 1992 - 1995*, bản tiếng Việt, ký ngày 15 tháng 2 năm 1992 tại Viên Chăn, tr.3, 4. Điều 7 ghi: “Khuyến khích việc đầu tư và hợp tác ở Việt

chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn từ nay đến năm 2000, được ký vào ngày 15 tháng 3 năm 1995 tại Hà Nội⁸⁴.

Ngày 14 tháng 1 năm 1996, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định khuyến khích bảo hộ đầu tư và Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. Về số dự án, nếu trước năm 1995, Việt Nam chỉ có ba dự án đầu tư vào Lào, thì tính đến ngày 30 tháng 6 năm 1996, Việt Nam đã có 10 dự án với tổng số vốn đăng ký là 2.724.080 USD, đứng thứ 20 trong tổng số 31 nước đầu tư vào Lào.

Trong số các dự án trên, đầu tư trong lĩnh vực xây dựng và sản xuất chiếm khoảng 60% vốn đăng ký, riêng lĩnh vực xây dựng chiếm gần 50%; dịch vụ các loại chiếm 20%. Theo thống kê chưa đầy đủ, có khoảng hơn 20 doanh nghiệp Việt Nam đang hoạt động trên lãnh thổ Lào theo các hình thức liên doanh, nhận thầu công trình; tập trung vào các hoạt động thương mại, xây dựng, giao thông, khai thác chế biến lâm sản. Ngoài ra còn rất nhiều doanh nghiệp tư nhân nhỏ và lao động tự do khác hoạt động ở Lào, tập trung chủ yếu là thương mại và xây dựng dân dụng.

Nam cũng như ở Lào theo luật đầu tư của mỗi nước. Hai bên tích cực tạo ra môi trường thuận lợi để sử dụng nguồn lao động kỹ thuật của Việt Nam, tài nguyên của Lào, vốn của nước thứ ba phù hợp với luật pháp của mỗi nước và thông lệ quốc tế”.

⁸⁴. Xem *Bản thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn từ nay đến năm 2000*, bản tiếng Việt, ký ngày 15 tháng 3 năm 1995, tại Hà Nội, tr.3. Điều 4, mục: Các quan điểm cơ bản về sự hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào trong thời gian tới, ghi: “Động viên và phát huy khả năng của mỗi ngành, địa phương, thành phần kinh tế, các tổ chức và cá nhân ở từng nước góp phần hợp tác kinh doanh, liên doanh hoặc đầu tư trực tiếp với sự tự nguyện phù hợp với pháp luật, cơ chế quản lý của mỗi nước và cơ chế hợp tác chung giữa hai nước”.

Tổng công ty Xuất nhập khẩu với Lào (VILEXIM) trong bốn năm (1992 - 1995) đã thực hiện giá trị xuất nhập khẩu với Lào đạt trên 6 triệu USD. Công ty Quân khu 4, Tổng công ty 11, Tổng công ty 12 và một số đơn vị khác của quân đội đã liên doanh nhận thầu, khai thác vận chuyển gỗ, trồng và chăm sóc rừng, xây dựng sửa chữa đường giao thông, sản xuất vật liệu xây dựng, xây dựng trạm thủy điện nhỏ, v.v. tính chung trong bốn năm 1992 - 1995 đã đạt được doanh số là 60.540 triệu đồng.

Hai doanh nghiệp của Bình Định là liên doanh gồm sự giữa Công ty Phát triển kinh tế thanh niên xung phong Bình Định và Sở Công nghiệp Chămpaxắc sản xuất gốm sứ có tổng vốn 147.328 USD và liên doanh giữa Xí nghiệp Dược phẩm Bình Định với Xí nghiệp Dược phẩm Chămpaxắc sản xuất dược liệu, thuốc chữa bệnh có vốn liên doanh giai đoạn 1 là 306.811 USD. Hai liên doanh này bước đầu đã cho kết quả và hiệu quả: khai thác được nguồn nguyên liệu, dược liệu tại Lào, tiếp cận được thị trường Nam Lào và có khả năng xuất khẩu.

Một số doanh nghiệp khác của Hà Nội, Hải Hưng⁸⁵, Thái Bình, Vĩnh Phú⁸⁶, Nghệ An, Hà Tĩnh... đã làm quen và bước đầu xác định được chỗ đứng của mình trên đất Lào.

Tuy nhiên, đầu tư trực tiếp của Việt Nam vào Lào và ngược lại còn nhiều hạn chế, không ổn định. Các dự án của Việt Nam đầu tư vào Lào thời kỳ này có quy mô nhỏ, số vốn thấp, nhiều ngành chưa được quan tâm đầu tư đúng mức như đầu tư sản xuất linh kiện điện tử, thiết bị bưu chính viễn thông...

Về phía Lào, đến những năm 1990, Lào có bốn dự án đầu tư

⁸⁵. Nay là hai tỉnh Hải Dương và Hưng Yên.

⁸⁶. Nay là hai tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ.

vào Việt Nam với tổng số vốn là 11,5 triệu USD. Tuy số dự án của Lào không nhiều, nhưng về vốn đã đứng trên sáu nước (43/57 nước) có dự án đầu tư vào Việt Nam. Dự án liên doanh ba bên giữa Lào với Việt Nam và Thái Lan lắp ráp xe máy đặt tại Hưng Yên từ năm 1995 là một trong số các dự án ba bên có hiệu quả. Còn lại các dự án khác mặc dù đã được cấp phép, nhưng do khâu chuẩn bị còn thiếu đồng bộ nên vẫn chưa triển khai được⁸⁷.

Trong lĩnh vực năng lượng, điểm nổi bật trong giai đoạn này là hai bên đã phối hợp chặt chẽ, khẩn trương thiết kế và thi công một số tuyến đường dây tải điện 35 KV từ Việt Nam qua Lào. Theo đề nghị của Lào, trước mắt cần giải quyết cung cấp điện cho tỉnh Hủa Phăn. Đường dây Mai Châu - Sầm Nưa dài 192 km (hoàn thành vào tháng 5 năm 1995), đường dây Kim Sơn - Lắc Xao dài 30 km, đường dây Khe Sanh - Lao Bảo - Xê Pôn dài 60km trên nguyên tắc phần đường dây trên lãnh thổ nước nào do nước đó bỏ vốn đầu tư. Đồng thời, ngành năng lượng hai nước cũng gặp nhau trao đổi lần đầu về việc Việt Nam mua điện từ các nguồn miền Trung và miền Nam của Lào.

Công tác *giáo dục và đào tạo* luôn được hai Đảng, hai Nhà nước xác định là một nhiệm vụ quan trọng, là lĩnh vực hợp tác chiến lược và là biểu hiện của mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Việt Nam coi việc đào tạo cho Lào một nguồn nhân lực có trình độ là nhu cầu mang tính chiến lược lâu dài, không những của Lào mà còn phục vụ cho quá trình hợp tác của Việt Nam với Lào.

Trong những năm đầu đổi mới (1986 - 1992), phát huy kinh nghiệm truyền thống giữa hai nước về hợp tác giáo dục và đào tạo đi trước một bước, Việt Nam đã đào tạo cho Lào 537 cử nhân của

⁸⁷. Ví dụ: dự án liên doanh chế biến nông sản đặt tại tỉnh Hải Dương đến tháng 7 năm 2002 mới đi vào hoạt động được.

các ngành và 252 lưu học sinh trung học chuyên nghiệp. Tuy nhiên, cũng từ năm 1986, Việt Nam và Lào thống nhất không gửi lưu học sinh Lào sang Việt Nam đào tạo bậc phổ thông và hạn chế đào tạo bậc trung học chuyên nghiệp, mà yêu cầu Việt Nam tăng cường đào tạo giúp Lào bậc sau đại học (thạc sĩ, tiến sĩ), chú trọng vào các ngành mũi nhọn về kinh tế, khoa học - kỹ thuật. Đồng thời, phía Lào còn yêu cầu Việt Nam cử các chuyên gia sang giúp xây dựng chương trình giảng dạy, đào tạo bồi dưỡng giáo viên, hướng dẫn sinh viên làm đồ án tốt nghiệp... Kể từ năm 1992, Chính phủ hai nước Việt Nam và Lào đã ký kết Hiệp định về đào tạo cán bộ Lào tại Việt Nam và hàng năm hiệp định này đều được bổ sung sửa đổi cho phù hợp với tình hình nhiệm vụ mới. Trong thời kỳ 1991 - 1995, hai bên đã thống nhất dành 69% số vốn để đào tạo 1.458 học sinh dài hạn ở các bậc trung học, đại học và trên đại học của Lào học tập tại các trường Việt Nam.

Về kinh phí đầu tư, từ năm 1981 đến 1996, số kinh phí Việt Nam giúp Lào chi cho giáo dục và đào tạo là 224,013 triệu USD (quy theo tỷ giá hàng năm).

Chất lượng đào tạo đầu vào cũng được hai bên quan tâm, thời gian học tiếng Việt dự bị tại Lào đến nay được thay thế bằng học tại Việt Nam ngay từ năm đầu tuyển chọn. Bên cạnh việc đào tạo cán bộ, học sinh Lào tại Việt Nam, hàng năm phía Việt Nam còn cử chuyên gia giáo dục sang Lào giúp biên soạn chương trình giảng dạy, giúp mở những lớp học tại chỗ tại Lào. Đặc biệt, trong giai đoạn này, Việt Nam còn cấp kinh phí giúp Lào xây dựng và hoàn thành bốn trường phổ thông dân tộc nội trú: Uđômxay, Xavănnakhê, Chămpaxắc và Xê Coong. Những trường nội trú này góp phần đáng kể cho các con em dân tộc miền núi của Lào nâng cao trình độ văn hoá và đào tạo cán bộ nguồn, phục vụ kịp thời cho công cuộc xây dựng và phát triển ở bốn tỉnh của Lào nói riêng và

nước Lào nói chung. Với những trang thiết bị và phương tiện đầy đủ, thiết kế đảm bảo hài hoà mang tính chất văn hoá, dân tộc, các trường phổ thông nội trú trên được nhân dân Lào ở các địa phương đánh giá cao, đem lại niềm vui lớn cho nhân dân Lào.

Ngoài việc giúp Lào xây dựng bốn trường nội trú trên, Việt Nam còn tiếp tục triển khai giúp Lào xây dựng khu ký túc xá cao tầng khép kín cho lưu học sinh và chuyên gia các nước đến học tập, nghiên cứu và công tác tại Đại học Quốc gia Lào.

Về công tác đào tạo các lưu học sinh Việt Nam tại Lào, mặc dù còn gặp nhiều khó khăn, nhưng hàng năm phía Lào vẫn nhận từ 10 đến 15 sinh viên Việt Nam sang học tập tại Trường Đại học Quốc gia Lào bằng nguồn kinh phí của Lào. Từ năm 1992 đến nay, đã có khoảng 151 sinh viên Việt Nam học tại Lào⁸⁸. Số sinh viên trên, sau khi ra trường đã phát huy tốt khả năng phục vụ kịp thời cho sự nghiệp hợp tác toàn diện giữa hai nước.

Hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam - Lào trong thời kỳ 1986 - 1996 được đánh giá là lĩnh vực hợp tác thành công nhất. Có thể thấy rằng, do có sự quan tâm thường xuyên của hai Đảng, hai Nhà nước, quan hệ hợp tác trên lĩnh vực giáo dục - đào tạo đã được chú trọng và phát triển cả về quy mô và hình thức. Hai nước thường xuyên phối hợp kịp thời, cùng tháo gỡ những khó khăn, yếu kém và cùng phấn đấu nhằm đạt được những mục tiêu đề ra.

Trong *lĩnh vực y tế*, ngoài việc giúp đào tạo nâng cao trình độ cán bộ y tế cho Lào, hai bên đã giúp nhau trao đổi kinh nghiệm, thông tin về xây dựng và phát triển ngành y tế mỗi nước, tổ chức mạng lưới y tế từ trung ương đến cơ sở; những biện pháp phòng chống các dịch bệnh: sốt rét, dịch tả, các bệnh nhiễm khuẩn, broun cổ, viêm chủng mủ

⁸⁸. Xem “Báo cáo tổng kết 10 năm hợp tác giáo dục và đào tạo với Việt Nam của Bộ Giáo dục Lào” trong Kỷ yếu *Hội nghị tổng kết 10 năm hợp tác giáo dục và đào tạo Việt Nam - Lào* tại Cửa Lò, Nghệ An, tháng 8 năm 2002, tr.69.

rộng, bảo hiểm y tế, hành nghề y được tư nhân, thu một phần viện phí, hợp tác liên doanh sản xuất và kinh doanh thuốc.

Viện Hoá học thuộc Trung tâm Khoa học tự nhiên và Công nghệ quốc gia đã phối hợp chặt chẽ với Viện Nghiên cứu cây thuốc của Bộ Y tế Lào trong việc thực hiện đề án “Xây dựng dây chuyền chuyển giao công nghệ chiết xuất artemisinin từ lá cây thanh hao làm thuốc chữa bệnh sốt rét. Tạo vùng trồng, cung cấp kỹ thuật gieo trồng cây thanh hao nhằm đáp ứng nguồn nguyên liệu thanh hao cho dây chuyền chiết xuất artemisinin tại Lào”. Tháng 2 năm 1996, dây chuyền chiết xuất artemisinin tại Lào bằng vốn viện trợ của Việt Nam đã hoàn thành, tuy nhiên chưa đi vào hoạt động do thiếu nguồn nguyên liệu tại chỗ.

Viện Sốt rét, ký sinh trùng và côn trùng Việt Nam và Viện Sốt rét Lào đã trao đổi kinh nghiệm về tổ chức phòng, chữa bệnh sốt rét; đồng thời phía Việt Nam tổ chức cho các cán bộ Lào sang khảo sát thực tế ở Việt Nam và trao tặng thuốc chữa bệnh sốt rét artemisinin cho Lào.

Về hợp tác *văn hoá - thông tin*, Trung tâm văn hoá - thông tin Việt Nam tại Thủ đô Viêng Chăn đã được khai trương ngày 31 tháng 8 năm 1995 nhân dịp kỷ niệm 50 năm Quốc khánh Việt Nam và có kế hoạch xây dựng lại trong hai năm 1995 - 1996 để trở thành nơi giới thiệu các hoạt động văn hoá dân tộc Việt Nam với nhân dân Lào và khách quốc tế.

Bảo tàng Hồ Chí Minh đã phối hợp và giúp Bảo tàng Cayxôn Phômvihản tài liệu, kinh nghiệm xây dựng viện bảo tàng, sưu tầm hiện vật về kỷ niệm cuộc đời hoạt động của Chủ tịch Cayxôn Phômvihản có ở Việt Nam, đào tạo bồi dưỡng cán bộ bảo tàng, phối hợp chuẩn bị giúp xây dựng Viện Bảo tàng Cayxôn Phômvihản theo thiết kế của Lào và vốn viện trợ không hoàn lại của Việt Nam. Ngoài ra, ngành thông tin - văn hoá hai bên cũng

thường xuyên trao đổi kinh nghiệm và chuyên gia để hỗ trợ cho việc phát triển của ngành; hàng năm, hai nước vẫn duy trì trao đổi một số đoàn nghệ thuật sang giao lưu, biểu diễn nhằm giới thiệu nền văn hoá của nhau và thắt chặt quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam.

Hàng năm, phía Việt Nam đều đáp ứng yêu cầu của phía Lào về *chuyên gia* các ngành kinh tế, kỹ thuật, quốc phòng, an ninh. Phía Lào đánh giá cao sự giúp đỡ có hiệu quả của đội ngũ chuyên gia Việt Nam. Chính phủ Lào cũng đã quyết định và thực hiện chế độ tiền lương mới đối với chuyên gia Việt Nam từ cuối tháng 7 năm 1993. Bản thỏa thuận về hợp tác chuyên gia giữa hai bên được ký kết vào tháng 4 năm 1994 tại Viêng Chăn, tạo cơ chế thuận lợi cho việc mở rộng quan hệ hợp tác chuyên gia giữa hai nước. Riêng đối với chuyên gia quân sự, theo sáng kiến chủ động của Bộ Quốc phòng Việt Nam, lương của chuyên gia quân sự không thực hiện theo văn bản thỏa thuận trên. Phía Việt Nam đã đáp ứng tích cực việc cử chuyên gia theo yêu cầu của phía Lào, kể cả những trường hợp đột xuất không ghi trong Hiệp định. Phía Lào đánh giá cao về kết quả công tác của chuyên gia Việt Nam, nhất là về việc giúp Lào kinh nghiệm soạn thảo chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và lĩnh vực tài chính - tiền tệ, đặc biệt bày tỏ sự tin cậy đối với chuyên gia quốc phòng và nội vụ. Tuy vậy, kế hoạch chuyên gia năm 1995 đạt thấp do phía Lào chưa xác định rõ nội dung công việc cho chuyên gia, nhất là các chuyên gia địa phương.

d) Hợp tác giữa các tỉnh kết nghĩa

Quan hệ giữa các tỉnh kết nghĩa không chỉ dừng lại ở 10 tỉnh có đường biên giới quốc gia với nhau mà còn mở rộng ra các tỉnh không có chung đường biên giới quốc gia như Thủ đô Hà Nội với Thủ đô Viêng Chăn, thành phố Hồ Chí Minh với Thủ đô Viêng Chăn, hay Champaxắc, Hải Dương với tỉnh Viêng Chăn... Thành

quả của hợp tác giữa các địa phương kết nghĩa của hai nước trong giai đoạn 1986 - 1996 tuy khiêm tốn nhưng ý nghĩa đạt được thì vô cùng sâu sắc, vượt ra ngoài hiệu quả kinh tế.

Quan hệ hợp tác giữa các tỉnh kết nghĩa không chỉ đơn thuần là mối quan hệ có tính chất địa phương mà là một bộ phận quan trọng, góp phần thắt chặt mối quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Nhìn chung, trong giai đoạn này, quan hệ hợp tác giữa các tỉnh kết nghĩa được mở rộng trên nhiều mặt, đánh dấu sự chuyển biến về chất so với giai đoạn trước: từ viện trợ không hoàn lại sang việc cùng nhau đầu tư xây dựng các công trình và công việc được hạch toán. Vì thế, đã động viên khai thác có hiệu quả trí tuệ của mỗi cán bộ, chuyên gia, người lao động, thúc đẩy sản xuất, khai thác tiềm năng lao động, tiềm lực kinh tế của mỗi bên, thế mạnh và nội lực của mỗi địa phương, hạn chế những lãng phí không cần thiết.

Quan hệ hợp tác giữa các tỉnh kết nghĩa của hai nước thực chất là hợp tác toàn diện. Về chính trị, cùng với hoạt động của các địa phương kết nghĩa khác, tỉnh Điện Biên của Việt Nam và các tỉnh Bắc Lào đã cử nhiều đoàn đại biểu Đảng, chính quyền, đoàn thể tỉnh và các ngành, các cấp... duy trì các hoạt động đối ngoại chính thức hoặc trao đổi kinh nghiệm, thống nhất quan hệ hợp tác, giúp đỡ nhau trên các lĩnh vực. Công tác đối ngoại nhân dân được chú trọng đã tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, cùng vun đắp xây dựng mối quan hệ đoàn kết đặc biệt có chiều sâu, thêm bền chặt. Hai bên luôn quan tâm và tạo điều kiện cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên được tham gia các hoạt động giao lưu, trao đổi để lớp lớp thế hệ mai sau luôn giữ gìn, bảo vệ, phát triển tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, coi đó là quy luật tồn tại, phát triển của hai nước.

Về quốc phòng, an ninh, cũng như các địa phương có chung

đường biên giới quốc gia với nhau, tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào gồm Hủa Phăn, Uđômxay, Bò Kẹo, Luông Nặm Thà, Luông Phạbang, Phôngxalỳ, Xaynhabuli thường xuyên trao đổi công tác thông tin, phối hợp xử lý kịp thời những vụ việc phát sinh liên quan đến an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội của mỗi bên. Hai bên duy trì đều đặn giao ban công tác biên giới, tổ chức tuần tra song phương và sửa chữa mốc giới trên tuyến biên giới giáp hai tỉnh Hủa Phăn và Luông Phạbang. Xây dựng khu vực biên giới ổn định và phát triển bền vững, góp phần xây dựng biên giới hữu nghị Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam. Nhân dân vùng biên giới tỉnh Sơn La và các tỉnh Bắc Lào ngày càng tăng cường đoàn kết, thực hiện tốt quy chế biên giới, giúp đỡ nhau vượt mọi khó khăn để ổn định và phát triển.

Một nội dung ấn tượng khác trong hoạt động hợp tác giữa các tỉnh kết nghĩa, thăm đư ợng tình nghĩa Việt - Lào, Lào - Việt là việc quy tập hài cốt quân tình nguyện và các chuyên gia Việt Nam hy sinh tại Lào. Trong ba năm (1994 - 1997), đư ợc sự giúp đỡ chu đáo của Chính phủ, các cấp chính quyền và nhân dân Lào và sự tổ chức, chỉ đạo chặt chẽ của phía Việt Nam, 5.771 mộ liệt sĩ đã đư ợc phát hiện, ngoài 1.499 mộ chỉ còn di vật, đã đư ợc về nước 4.274 bộ hài cốt. Riêng mùa khô 1996 - 1997, đã phát hiện đư ợc 1.860 mộ và đư ợc về nước 1.407 hài cốt. Theo thoả thuận giữa hai nước tại Biên bản kỳ họp ủy ban liên Chính phủ lần thứ 16 tại Viêng Chăn, 1994, nhiệm vụ này theo đó sẽ đư ợc kết thúc trong năm 1997, nhưng trên thực tế còn khoảng trên 9.000 ngôi mộ cần xác minh kết luận, nên chương trình này dự kiến còn phải kéo dài hợp tác thực hiện đến những năm về sau.

Về phía Lào, Đảng, chính quyền, quân đội và nhân dân các địa phương Lào đã phối hợp tổ chức trọng thể nhiều đợt lễ tiễn đư ợc hài cốt liệt sĩ trở về Việt Nam. Cùng nằm trong những hoạt động

“Uống nước nhớ nguồn” trên, Lào đã triển khai kế hoạch xây dựng ba tượng đài “Tình đoàn kết chiến đấu Lào - Việt Nam” đầu tiên, đặt tại ba địa điểm là Mường Xài, Cánh đồng Chum (thuộc Bắc Lào) và áttapur (thuộc Nam Lào)⁸⁹.

Lĩnh vực hợp tác kinh tế giữa các địa phương kết nghĩa đã thu được những kết quả sâu rộng và thiết thực. Hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam tập trung vào các lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy lợi, qua đó tác động rõ rệt đến quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế - xã hội của Lào, nhất là các vùng biên giới, vùng căn cứ cách mạng cũ. Việc xây dựng các mô hình điển hình về nông nghiệp, trồng rừng, trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc và thủy sản gắn với việc chuyển giao công nghệ đã đem lại những hiệu quả kinh tế thiết thực trong việc cùng nhau xóa nghèo, cải thiện đời sống và phát triển kinh tế. Hoạt động thương mại, đầu tư và du lịch cũng được đẩy mạnh, Lào đã giúp hàng hóa Việt Nam chiếm lĩnh thị trường Lào, từ đó còn mở rộng sang các thị trường nước thứ ba, trước hết là các nước trong tiểu vùng Mê Công, cũng như giải quyết việc làm cho lao động Việt Nam. Các tỉnh Việt Nam giúp Lào trao đổi và vận chuyển hàng hóa thiết yếu, đặc biệt là giúp kho bãi và đường ra biển. Các doanh nghiệp địa phương của Việt Nam đã bắt đầu chú ý đầu tư vào các ngành khai khoáng, thủy điện, công nghiệp chế biến gỗ, phân bón, dược phẩm, trồng cao su... kết hợp với việc đào tạo nhân lực cho Lào, theo hướng đáp ứng nhu cầu phát triển nội tại và hội nhập quốc tế của Lào.

Thành lập vào tháng 5 năm 1991, Trung tâm liên doanh Viêng

⁸⁹. Vào dịp kỷ niệm 20 năm ngày ký Hiệp định hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào (tháng 7 năm 1997), Lào đã tổ chức khánh thành tượng đài đầu tiên tại Cánh đồng Chum - Xiêng Khoảng.

Chăn - Hải Dương có trụ sở chính ở tỉnh Viêng Chăn, một chi nhánh tại Hải Dương và một văn phòng đại diện tại thành phố Vinh (Nghệ An). Trung tâm hoạt động theo mô hình doanh nghiệp nên cán bộ, nhân viên của Trung tâm có 45 người, gồm 15 người Việt Nam và 30 người Lào. Trung tâm đang phấn đấu trở thành đơn vị vững mạnh về uy tín chính trị, giàu về kinh tế, tạo cơ sở niềm tin, giới thiệu cho các doanh nghiệp tại tỉnh Hải Dương các khả năng hợp tác sản xuất kinh doanh trên đất Lào.

ở Bình - Trị - Thiên, từ Ban Hợp tác kinh tế - văn hóa với Lào và Campuchia và Công ty Hợp tác liên doanh miền núi được thành lập vào ngày 14 tháng 6 năm 1985, sau đổi thành Công ty Hợp tác lâm nghiệp Việt - Lào, các đơn vị này đã chủ động hợp tác với các tỉnh kết nghĩa của Lào là Xavănnakhê, Khăm Muộn. Đáng chú ý là mục tiêu của Công ty được đặt ra rất thực tế: *hai bên đều có lợi, hai bên đều mạnh lên*. Qua ba năm hoạt động, từ chỗ chưa đầy 10 cán bộ, công nhân viên, Công ty đã có 400 cán bộ, công nhân viên với năm đơn vị trực thuộc.

Quan hệ kết nghĩa giữa các tỉnh còn để lại những dấu ấn hàng ngày trong lòng nhân dân hai nước. Sau cơn bão số 8 năm 1985, Đoàn đại biểu Đảng, chính quyền và đoàn thể tỉnh Khăm Muộn đã đến thăm tỉnh Bình - Trị - Thiên và ủng hộ lương thực, hàng hóa, trị giá 215.700 kíp, tỉnh Xavănnakhê giúp 220 m³ gỗ và 10.000 cây tre⁹⁰. Đó thực sự là món quà sâu nặng nghĩa tình giữa Đảng bộ, chính quyền và nhân dân hai tỉnh kết nghĩa của Lào đối với Bình - Trị - Thiên.

Năm 1989, biết tình hình cơn bão số 9 đã gây thiệt hại một số

⁹⁰. Theo Báo cáo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Thừa Thiên - Huế: “Quan hệ hữu nghị hợp tác Thừa Thiên - Huế với các tỉnh nước bạn Lào (1945 - 2007)” trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*, Hà Nội, 2009, tr.279, 280.

nơi thuộc tỉnh Gia Lai - Kon Tum, Tỉnh ủy và ủy ban chính quyền áttapur đã kịp thời gửi tặng nhân dân Gia Lai - Kon Tum 2.000 tấn thóc để cứu trợ cho những vùng bị thiên tai khắc phục hậu quả. Đó là những món quà sâu đậm nghĩa tình, thể hiện truyền thống đoàn kết gắn bó “*hạt muối cắn đôi, cọng rau bẻ nửa*” giữa nhân dân hai nước Lào và Việt Nam⁹¹.

Đặc biệt, các địa phương kết nghĩa đều dành sự quan tâm lớn đến hợp tác giáo dục - đào tạo, chăm sóc sức khỏe, cũng như những hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao.

Quan hệ hợp tác toàn diện và đa dạng giữa nhân dân các tỉnh kết nghĩa thực sự là nét mới của quan hệ Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong thời kỳ đổi mới. Đây không phải là mối quan hệ của một nước giàu đối với một nước nghèo, của một nước đã thành công với một nước mới tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội. Mà ngược lại, đây là sự giúp đỡ lẫn nhau, nương tựa vào nhau của hai nước cùng hoàn cảnh vừa ra khỏi chiến tranh với hậu quả nặng nề của sự tàn phá khốc liệt. Đây là sự chia sẻ lẫn nhau những kinh nghiệm trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ xây dựng chủ nghĩa xã hội với nhiều khó khăn, lúng túng. Đây là sự tương trợ lẫn nhau nhằm khắc phục tình trạng thiếu thốn từ cái ăn, cái mặc, đến cả những nhu cầu cơ bản của cuộc sống. Và đây cũng là sự phối hợp trên mặt trận ngoại giao để cùng vượt qua những thách thức do các mối quan hệ khu vực và quốc tế tạo nên, hình thành môi trường quốc tế thuận lợi để hai nước cùng hỗ trợ nhau hội nhập và phát triển bền vững.

⁹¹. Theo Báo cáo của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy Kon Tum: “Kon Tum thực hiện nghĩa vụ quốc tế đối với cách mạng Lào” trong Kỷ yếu Hội thảo khoa học *Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào tại các tỉnh biên giới và một số địa phương*, Sđd, tr.340.

4. Tăng cường quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn đẩy mạnh công cuộc đổi mới (1996 - 2007)

a) Yêu cầu mới của sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam

Từ năm 1996, cả hai nước Việt Nam và Lào đều bước vào thời kỳ đẩy mạnh công cuộc đổi mới đất nước bằng việc thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam và Nghị quyết Đại hội lần thứ VI Đảng Nhân dân cách mạng Lào. Công cuộc xây dựng đất nước của cả hai nước Việt Nam và Lào trong thời kỳ này diễn ra trong một bối cảnh quốc tế và khu vực diễn biến nhanh chóng, phức tạp và chứa đựng những yếu tố khó lường.

Đặc điểm nổi bật của cục diện chính trị Đông Nam á thời kỳ này là sự phát triển tích cực của các nỗ lực hợp tác và liên kết khu vực và bước đầu giành được những kết quả đáng khích lệ. Từ việc thành lập *Diễn đàn an ninh khu vực ASEAN* với sự tham gia của các nước ASEAN và các nước hữu quan chủ chốt như Mỹ, Nhật Bản, Nga, Trung Quốc, EU, Ôxtrâyliia đến việc xây dựng *Khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA)*⁹² đã mở ra một giai đoạn mới trên lộ trình liên kết kinh tế khu vực.

Ngoài sự hình thành các tam giác tăng trưởng ở khu vực Đông Nam á, từ năm 1992 tổ chức *Tiểu vùng Mê Kông mở rộng* (GMS - Greater Mekong Subregion) cũng được thành lập gồm sáu nước

⁹². AFTA (ASEAN Free Trade Area) là Hiệp định thương mại tự do đa phương giữa các nước trong khối ASEAN. Theo đó sẽ thực hiện tiến trình giảm dần thuế quan xuống 0 - 5%, loại bỏ dần các hàng rào phi thuế quan đối với đa phần các nhóm hàng và hài hoà hoá các thủ tục hải quan giữa các nước.

Mục đích cơ bản của AFTA là Hiệp định thuế quan ưu đãi có hiệu lực chung (CEPT - Common Effective Preferential Tariff). Việt Nam tham gia AFTA từ năm 1996.

Campuchia, Lào, Mianma, Thái Lan, Việt Nam và tỉnh Vân Nam của Trung Quốc. GMS rộng 2,6 triệu km² với gần 300 triệu dân.

Với sự hỗ trợ của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)⁹³, sáu nước trong GMS đã khởi động chương trình hợp tác kinh tế tiểu vùng để đẩy mạnh quan hệ kinh tế dựa trên nền văn hoá và lịch sử chung. Chương trình bao gồm bảy lĩnh vực ưu tiên: giao thông vận tải, điện lực, viễn thông, môi trường, phát triển nguồn nhân lực, mậu dịch, đầu tư và du lịch.

Chương trình GMS xây dựng chiến lược ba mũi nhọn để đạt được tầm nhìn về một tiểu vùng thịnh vượng, hội nhập và đoàn kết. Nghĩa là: tăng cường tính kết nối, nâng cao tính cạnh tranh và xây dựng tính cộng đồng. Sự xuất hiện của chương trình hợp tác tiểu vùng Mê Công mở rộng tạo điều kiện rất thuận lợi cho Việt Nam và Lào mở rộng quan hệ và hợp tác phát triển kinh tế với các quốc gia trong khu vực.

Thuận lợi cơ bản nhất đối với việc củng cố và tăng cường quan hệ hữu nghị đặc biệt, hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào là hai nước có nhiều lợi ích chiến lược và thể chế xã hội tương đồng. Công cuộc xây dựng đất nước theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá của Việt Nam và Lào đều đặt dưới sự lãnh đạo của các chính đảng mácxít. Do vậy nhu cầu đoàn kết, phối hợp hành động quốc tế và hợp tác toàn diện trong tình hình mới đòi hỏi cả hai nước cần tăng cường củng cố và phát triển quan hệ với nhau. Quan hệ Việt Nam - Lào thời kỳ này vận động trong điều kiện hoà bình, ổn định, hợp tác và phát triển đang trở thành xu thế chủ đạo trong quan hệ quốc tế, là đòi hỏi bức xúc của mọi quốc gia dân tộc. Phát triển kinh tế

⁹³. Năm 1992, Ngân hàng phát triển châu Á (ADB) đã viện trợ cho chương trình 280 triệu USD dành cho các dự án được ưu tiên và viện trợ kỹ thuật cho công tác nghiên cứu và các chương trình dự án thúc đẩy việc phát triển về tư vấn dự án.

trở thành ưu tiên hàng đầu của mọi quốc gia và xu hướng bình thường hoá, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế diễn ra phổ biến. Như vậy, tăng cường củng cố và phát triển quan hệ Việt Nam - Lào không chỉ đáp ứng lợi ích của hai nước mà còn phù hợp với xu thế phát triển chung của thế giới và khu vực.

Với hoạt động đối ngoại tích cực và năng động, Việt Nam và Lào đã khai thác được những nhân tố thuận lợi của tình hình chính trị quốc tế, phá thế bao vây cấm vận của các thế lực thù địch, cải thiện và nâng cao vị thế của hai nước trên trường quốc tế. Đặc biệt là từ sau khi hai nước Việt Nam và Lào tham gia vào cộng đồng các quốc gia ASEAN, Việt Nam bình thường hoá quan hệ với Mỹ và Trung Quốc, Việt Nam và Lào tham gia vào AFTA, GMS... đã tạo lập được một môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước nói chung và phát triển công nghiệp hoá, hiện đại hoá nói riêng.

Trong bối cảnh chung của khu vực, việc đẩy nhanh quá trình tự do thương mại với AFTA và APEC đã tạo điều kiện thuận lợi nhất định cho quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam và Lào. Một khi AFTA đi vào hoạt động, sự phân công lao động quốc tế trong nội bộ các nước ASEAN sẽ được đẩy mạnh. Theo đó, Việt Nam và Lào sẽ tập trung sản xuất và xuất khẩu một số mặt hàng có thế mạnh, vì vậy hai nước có khả năng thu hút được nguồn vốn đầu tư từ nhiều nước vào các ngành, các lĩnh vực mà hai nước có lợi thế so sánh so với các nước ASEAN khác. Mặt khác, sự tăng cường quan hệ Việt Nam - Lào góp phần củng cố và đẩy nhanh xu thế hợp tác khu vực, đóng góp vào sự ổn định khu vực, nâng cao vị thế của ASEAN trên trường quốc tế.

Cùng với những tác động tích cực, các biến động của tình hình thế giới thời kỳ này cũng có những ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển kinh tế - xã hội và quan hệ Việt Nam - Lào. Tuy nhiên, nhân

tổ tác động có ý nghĩa quyết định đến quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào là tình hữu nghị truyền thống, mối quan hệ đặc biệt và sự hợp tác toàn diện giữa hai Đảng, hai Nhà nước và nhân dân hai nước đã trải qua thử thách và đang giành được những thắng lợi to lớn trong công cuộc đổi mới đất nước.

Tại Việt Nam, sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, nhất là sau năm năm thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ VII Đảng Cộng sản Việt Nam, đất nước Việt Nam đã đạt được những thành tựu to lớn trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội. Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 6 năm 1996) khẳng định, Việt Nam đã chuyển sang thời kỳ phát triển mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá. Mục tiêu của công nghiệp hoá, hiện đại hoá là xây dựng Việt Nam thành một nước công nghiệp có cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại, cơ cấu kinh tế hợp lý, quan hệ sản xuất tiên bộ, phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất, đời sống vật chất và tinh thần cao, quốc phòng, an ninh vững chắc, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Đại hội chủ trương kết hợp chặt chẽ ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm; đồng thời từng bước đổi mới chính trị. Xây dựng nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Mở rộng hợp tác quốc tế, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại. Mở rộng quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước, vì hoà bình, độc lập và phát triển, tạo môi trường quốc tế thuận lợi. Mở rộng quan hệ quốc tế trên cơ sở giữ vững độc lập tự chủ, bình đẳng và cùng có lợi, giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa và những truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Thực hiện đa phương hoá, đa dạng hoá quan hệ đối ngoại. Coi trọng và tiếp tục phát huy những

quan hệ truyền thống. Tăng cường quan hệ với các nước láng giềng, các nước trong tổ chức ASEAN...

Tuy nhiên, là một nước đang phát triển, Việt Nam cũng đứng trước hàng loạt những khó khăn thách thức, đó là phải đối diện với bốn nguy cơ, trong đó nguy cơ lớn nhất là thách thức của sự tụt hậu về trình độ phát triển. Trong điều kiện cơ sở vật chất, tiềm lực kinh tế còn hạn chế, năng lực khoa học - công nghệ còn thấp, trình độ quản lý còn yếu kém, sự hiểu biết và kinh nghiệm hợp tác với nước ngoài còn ít, những thách thức về cạnh tranh trong kinh tế thị trường và quá trình hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam phải đối diện ngày càng khốc liệt.

Là một nước kiên trì mục tiêu xã hội chủ nghĩa, Việt Nam tiếp tục là mục tiêu chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch bằng “diễn biến hoà bình” với những âm mưu ngày càng nham hiểm và xảo quyệt.

Vì vậy, muốn đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội lần thứ VIII, toàn Đảng, toàn dân Việt Nam phải vượt qua khó khăn, phát huy nội lực, từng bước nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế trong đó có sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào.

Tại Lào, đến năm 1996, việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội lần thứ V Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã thu được nhiều kết quả mới, đất nước có chuyển biến tích cực trên nhiều mặt. Điểm nổi bật là việc ban hành Hiến pháp đầu tiên của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội từ năm 1993 đến 2000. Hệ thống chính trị dân chủ nhân dân được củng cố, ổn định vững chắc, trật tự trị an xã hội về cơ bản được giữ vững; kinh tế - xã hội phát triển rõ rệt, kinh tế quốc dân liên tục phát triển với tốc độ khá cao (bình quân 6,4%/năm). Chủ trương chuyển nền kinh tế tự nhiên sang nền kinh tế hàng hóa, lấy hộ gia đình làm xuất phát điểm và là đơn vị chủ yếu được thực hiện

nghiêm túc và bước đầu đem lại hiệu quả rõ rệt. Bước đầu đã có những yếu tố phát triển công nghiệp năng lượng, khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp, đáp ứng thị trường trong nước và xuất khẩu. “Đạt được những thành quả đó là do Lào đã xây dựng được kế hoạch phát triển kinh tế, xã hội dài hạn và ngắn hạn, tích cực điều chỉnh cơ cấu và chính sách phù hợp với kinh tế thị trường. Quan hệ quốc tế được mở rộng nhiều mặt với mức độ khác nhau, uy tín và địa vị của Lào trong khu vực và trên trường quốc tế ngày càng được đề cao. Chúng ta vui mừng thấy rằng mối quan hệ hữu nghị đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Lào - Việt Nam không ngừng được tăng cường theo hướng thiết thực và hiệu quả, phù hợp với công cuộc đổi mới của mỗi nước và đặc điểm của tình hình quốc tế”⁹⁴.

Tuy nhiên, kinh tế - xã hội cũng còn nhiều khó khăn, đặc biệt là an ninh chính trị và an toàn xã hội. Các thế lực thù địch tiếp tục thông qua viện trợ, hợp tác, tổ chức tôn giáo và các lực lượng lưu vong... tranh thủ lôi kéo cán bộ, sinh viên nhằm làm chuyển hướng đi của cách mạng Lào. Các lực lượng phản động người Lào đẩy mạnh hoạt động tình báo, cho lực lượng xâm nhập nội địa Lào dưới nhiều hình thức để nắm tình hình, hoạt động gây rối, nhất là trong thời gian diễn ra Đại hội VI Đảng Nhân dân cách mạng Lào.

Đặc biệt, từ năm 1997, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ trong khu vực, tình hình kinh tế Lào đã có diễn biến không lành mạnh. Tốc độ tăng trưởng GDP có xu hướng chậm lại và giảm dần (năm 1998 chỉ tăng 5,6%). Đáng chú ý là xuất khẩu,

⁹⁴. Văn kiện Đại hội lần thứ VI Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Nxb. Chính trị quốc gia, Nhà xuất bản và phát hành sách nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Hà Nội, 1996, tr.21 - 22.

đầu tư trực tiếp và vay nợ, viện trợ nước ngoài giảm mạnh. Cán cân thanh toán quốc tế bội chi lớn và tỷ giá hối đoái biến động không bình thường (ba năm tăng 10 lần).

Ngân sách bội chi tới 11 - 12% so với GDP, đặc biệt lạm phát phi mã đã có xu hướng tăng cao, không kiềm chế được đã làm cho các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài hoạt động khó khăn, nhiều doanh nghiệp thua lỗ nặng, các nhà đầu tư nản lòng. Tình trạng mua vét ngoại tệ để thanh toán khá phổ biến, ngoại tệ chảy ra bên ngoài ngày càng nhiều. Các công trình đầu tư kém hiệu quả, người hưởng lương gặp khó khăn. Ngân hàng thương mại thiếu tiền mặt, dư nợ quá hạn cao đang đứng trước nguy cơ đổ vỡ⁹⁵.

Trong bối cảnh đó, tháng 3 năm 1996, Đảng Nhân dân cách mạng Lào tiến hành Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI. Đại hội khẳng định nhân dân các bộ tộc Lào có đầy đủ khả năng xây dựng đất nước phồn vinh, tiến bộ; đồng thời xác định mục tiêu phấn đấu đến năm 2020 đưa đất nước Lào thoát khỏi tình trạng kém phát triển. Đại hội cũng xác định mục tiêu của năm năm trước mắt (1996 - 2000): phấn đấu đưa nền kinh tế phát triển liên tục ở mức độ cao (8 - 8,5%/năm). Phát triển nông thôn toàn diện, xây dựng một số công trình cơ bản làm tiền đề cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Về công tác đối ngoại, Đảng và Nhà nước Lào tiếp tục thực hiện nhất quán chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá, tăng cường quan hệ ngoại giao hoà bình, hữu nghị và hợp tác với tất cả các nước không phân biệt chế độ chính trị, bình đẳng, hai bên cùng có lợi, góp phần cùng các dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội. Trong

⁹⁵. Lê Quốc Lý: *Việt Nam giúp Lào chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô*, Tài liệu nội bộ, tr.11.

giai đoạn này, Đảng Nhân dân cách mạng Lào chủ trương đổi mới chính sách đối ngoại nhằm tăng cường quan hệ hữu nghị truyền thống, tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam và Campuchia, phối hợp với nhau để cải tiến hình thức và phương thức hợp tác cho ngày càng phù hợp và có hiệu quả hơn, vì lợi ích chung cũng như lợi ích của mỗi bên cả trước mắt và lâu dài.

Đảng và Nhà nước Lào cũng chủ trương làm hết sức mình để vun đắp mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với Trung Quốc và các nước anh em trên thế giới. Tiếp tục thực hiện chính sách cũng tồn tại hoà bình trên tình nghĩa láng giềng trước sau như một với Vương quốc Thái Lan và các nước trong khu vực.

Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, khoá VI (tháng 9 năm 1996) đã làm rõ thêm về chính sách đối ngoại. Nâng cao ý thức độc lập, tự chủ và tự hào dân tộc hơn nữa để chủ động trong quan hệ hợp tác và tranh thủ viện trợ của nước ngoài trên cơ sở vững vàng trong chiến lược, mềm dẻo linh hoạt trong sách lược, thực hiện phương châm tăng bạn bớt thù, mở rộng quan hệ hợp tác với bên ngoài theo hướng quan hệ đa phương, nhiều mức độ nhưng có trọng tâm, có quan điểm bạn, thù rõ ràng, kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động đối ngoại chính trị, ngoại giao với kinh tế nhằm tạo ra môi trường thuận lợi và thời cơ cho công cuộc phát triển đất nước.

Với chính sách đối ngoại rộng mở như vậy, đến đầu năm 1996, Lào đã có quan hệ với gần 100 nước, có hơn 30 nước đầu tư trực tiếp vào Lào, trong đó đáng chú ý là Trung Quốc, Thái Lan, Mỹ, Malaixia.

Mặc dù vậy, quan hệ với Việt Nam vẫn được Đảng và Nhà nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào xác định là mối quan hệ đặc biệt và hợp tác toàn diện, có ý nghĩa quyết định đến sự phát triển và thắng lợi của cách mạng mỗi nước. Tuy nhiên, so với tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu phát triển của mỗi nước thì hợp tác về kinh tế

và văn hoá vẫn là khâu yếu nhất, cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ và chưa hợp lý, do vậy việc mở rộng đầu tư trực tiếp, liên doanh tại Lào còn chậm và hiệu quả thấp. Vì vậy, trong bối cảnh mới càng đòi hỏi hai bên nêu cao tinh thần độc lập tự chủ và phát huy nội lực của mỗi nước, tăng cường hơn nữa sự hợp tác toàn diện, ngày càng đi vào chiều sâu và hiệu quả hơn.

b) Hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 1996 - 2007

** Hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong lĩnh vực chính trị, đối ngoại*

Quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong lĩnh vực chính trị ngày càng được tăng cường. Từ năm 1988, cuộc gặp hàng năm giữa hai Bộ Chính trị đã trở thành một cơ chế hoạt động chính thức giữa hai Đảng và hai Nhà nước. Biên bản thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị là văn kiện quan trọng quyết định những phương hướng lớn của quan hệ và sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong từng thời kỳ và hàng năm.

Mở đầu cho thời kỳ 1996 - 2007 là cuộc gặp cấp cao giữa hai Đảng vào tháng 1 năm 1996 tại Viêng Chăn. Hai bên đã thống nhất những định hướng lớn cho sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000. Trên cơ sở đó, ngày 14 tháng 1 năm 1996, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 và kế hoạch hợp tác năm 1996. Hai bên cũng đã ký Hiệp định bảo hộ đầu tư và tránh đánh thuế hai lần; Nghị định thư thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa hai Chính phủ. Đầu tháng 1 năm 1997, đoàn cán bộ cấp cao Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào đã tiến hành hội đàm, trao đổi và nhất trí cao nhiều vấn đề quan trọng trong quan hệ giữa hai Đảng và hai nước. Hai bên đánh giá cao kết quả hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong năm 1996; đồng thời cũng xác định những mặt yếu kém và các nguyên nhân

của nó.

Trên cơ sở những tiềm năng, thế mạnh và yêu cầu của công cuộc đổi mới đất nước, hai bên đã thống nhất phương hướng hợp tác trong năm 1997 với những nội dung cơ bản sau:

Tăng cường hợp tác về chính trị, duy trì cuộc gặp hàng năm giữa hai Bộ Chính trị, tăng cường hợp tác giữa hai Ban Đối ngoại, hai Bộ Ngoại giao, nhất là khi hai nước cùng tham gia ASEAN và AFTA; tăng cường phối hợp chống vận chuyển ma túy qua biên giới; tăng cường hợp tác giữa các tỉnh có chung biên giới, cho phép mở chợ đường biên, khuyến khích trao đổi hàng hoá, giao lưu buôn bán, hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng; hai bên thúc đẩy hơn nữa quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật theo hướng lựa chọn các công trình, dự án phù hợp với khả năng và điều kiện của mỗi nước.

Về đầu tư, hai Bộ Chính trị nhất trí yêu cầu hai Chính phủ cần có một số giải pháp mạnh mẽ thúc đẩy đầu tư của Việt Nam vào Lào bằng các hình thức: *hai nước liên doanh cùng góp vốn; Việt Nam đầu tư 100% vốn; Việt Nam đấu thầu xây dựng kết cấu hạ tầng bằng vốn của Lào hoặc vốn của nước thứ ba. Coi đây là vấn đề trọng điểm của hợp tác Việt Nam - Lào trong năm 1997 và những năm tiếp theo*⁹⁶.

Bộ Chính trị hai Đảng cũng nhất trí giao cho Chính phủ và Ủy ban Hợp tác hai nước phối hợp nghiên cứu và sớm ban hành các cơ chế, chính sách về: vay vốn ưu đãi, miễn giảm thuế, hỗ trợ chi phí nghiên cứu cho một số dự án... nhằm tạo môi trường pháp lý và động lực thúc đẩy quan hệ hợp tác giữa các doanh nghiệp hai nước.

⁹⁶. Biên bản thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị Việt Nam và Lào, tại Hà Nội, ngày 7 tháng 1 năm 1997 (lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị bảo quản 1694).

Phía Việt Nam tiếp tục tạo điều kiện thuận lợi cho Lào sử dụng các tuyến đường ra biển và cảng biển của Việt Nam. Hai bên sẽ nghiên cứu xây dựng tuyến đường ra cảng Vũng Áng và đường ống dẫn dầu thuận lợi nhất.

Việt Nam tiếp tục giúp Lào đào tạo và bồi dưỡng cán bộ theo khả năng của mình. Ngoài việc đào tạo cán bộ có trình độ đại học và trên đại học ở các trường đại học Việt Nam, Việt Nam sẽ giúp Lào bồi dưỡng ngắn hạn nhằm nâng cao trình độ cho cán bộ chính trị, cán bộ quản lý kinh tế, cán bộ đoàn thể ở Việt Nam hoặc ở Lào. Đào tạo có hệ thống để hình thành khung cán bộ đồng bộ cho các ngành của Lào. Việt Nam sẵn sàng đáp ứng yêu cầu của Lào về chuyên gia, tiếp tục khuyến khích hợp tác giữa hai bên về lao động.

Hai Bộ Chính trị cũng đã thống nhất chủ trương tăng cường bộ phận thường trực Phân ban Hợp tác Việt Nam - Lào.

Trong năm 1997, nhiều đoàn cán bộ cấp cao của Đảng, Nhà nước và các ban, ngành trung ương và địa phương hai nước đã thăm viếng, trao đổi, giới thiệu những kinh nghiệm quý báu của mỗi bên trong công cuộc đổi mới và xây dựng đất nước, tạo bầu không khí hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau, mở ra nhiều hướng hợp tác mới với nội dung phong phú, giúp nhau giải quyết những vấn đề thiết thực trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Tháng 6 năm 1997, đồng chí Nủhắc Phumxavăn, Cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào thăm Việt Nam; tháng 8 năm 1997, Thủ tướng Võ Văn Kiệt thăm chính thức nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào...

Năm 1997, Việt Nam và Lào đã long trọng kỷ niệm hai sự kiện lớn có ý nghĩa quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai nước, đó là: 20 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào và 35 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao giữa hai nước.

Mặc dù bị ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế - tài chính và thiên tai, nhưng sự nghiệp đổi mới đất nước của Việt Nam và Lào tiếp tục giành được những thành tựu quan trọng. Quan hệ Việt Nam - Lào có bước phát triển mới, thoả thuận của hai Bộ Chính trị (tại Viêng Chăn, tháng 3 năm 1998) được tích cực triển khai và kết quả tốt hơn các năm trước trên tất cả các lĩnh vực.

Tháng 1 năm 1999, hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào hội đàm tại Hà Nội. Hai bên thống nhất: *“Trong bối cảnh mới của tình hình quốc tế, quan hệ Việt Nam - Lào tiếp tục phát triển trên cơ sở nêu cao tinh thần độc lập, tự chủ và phát huy cao nhất nội lực của mỗi nước, hợp tác bình đẳng cùng có lợi, kết hợp thỏa đáng tính chất quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào với thông lệ quốc tế, ưu tiên ưu đãi hợp lý cho nhau, tạo điều kiện thuận lợi cho hai nước khắc phục hậu quả của khủng hoảng kinh tế - tài chính, tiếp tục đẩy mạnh công cuộc đổi mới, từng bước hội nhập khu vực và quốc tế”*⁹⁷.

Hai bên chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác về chính trị, duy trì cuộc gặp hàng năm giữa hai Bộ Chính trị; tăng cường hợp tác giữa hai Ban Đối ngoại, Bộ Ngoại giao phối hợp hành động trong quan hệ với ASEAN, AFTA (Khu vực mậu dịch tự do ASEAN), ARF (Diễn đàn khu vực ASEAN).

Hai bên thống nhất khẩn trương xây dựng định hướng chiến lược hợp tác đến năm 2020 và chương trình hợp tác từ năm 2001 đến 2010. Tiếp tục hợp tác toàn diện, tập trung ưu tiên cho các lĩnh vực quan trọng, có hiệu quả cao, trước hết tập trung cho lĩnh vực nông nghiệp, thủy lợi để từng bước giúp Lào giải quyết vấn đề an ninh lương thực. Chính phủ hai nước cần có cơ chế, chính

⁹⁷. Biên bản thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tại Hà Nội, tháng 1 năm 1999 (lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị bảo quản 1695).

sách khuyến khích đầu tư mạnh mẽ giữa hai nước, coi đây là trọng điểm hợp tác Việt Nam - Lào trong năm 1999 và những năm tiếp theo.

Tại cuộc gặp giữa hai Bộ Chính trị diễn ra hồi tháng 1 năm 2000 tại Viêng Chăn, hai bên nhất trí đánh giá cao kết quả thực hiện thoả thuận tháng 1 năm 1999. Mặc dù bị tác động mạnh mẽ của cuộc khủng hoảng kinh tế - tài chính châu Á và thiên tai nặng nề, công cuộc đổi mới của cả hai nước vẫn giành được những thành tựu quan trọng, tạo điều kiện cho quan hệ hữu nghị truyền thống, đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào ngày càng được củng cố và phát triển. Trong năm 1999, các cuộc gặp gỡ truyền thống giữa lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước góp phần thúc đẩy quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào lên một bước mới.

Về phương hướng hợp tác năm 2000, hai bên khẳng định: *“Tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào được Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chủ tịch Cayxôn Phômvihản dày công vun đắp và trải qua thử thách lâu dài 70 năm qua, là tài sản quý báu của hai dân tộc, là một trong những nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng của nhân dân hai nước. Ngày nay, trước thêm của thiên niên kỷ mới, mối quan hệ đoàn kết, hữu nghị đặc biệt đó lại càng cần phải được củng cố và tăng cường hơn nữa để truyền tiếp cho muôn đời con cháu mai sau”*⁹⁸.

Hai bên khẳng định tiếp tục thực hiện có hiệu quả tuyên bố chung Việt Nam - Lào tháng 3 năm 1998, tháng 1 năm 1999 và các thoả thuận của lãnh đạo cấp cao hai Đảng, hai Nhà nước, trong đó có thoả thuận của hai Phân ban Hợp tác Việt Nam - Lào tại Cửa Lò. Hai bên phối hợp tổng kết bước đầu về quan hệ 70 năm qua, phối

⁹⁸. Biên bản thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tại Viêng Chăn, ngày 17 tháng 1 năm 2000 (lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam, đơn vị bảo quản 1691).

hợp tổng kết và biên soạn tài liệu về truyền thống quan hệ Việt Nam - Lào.

Nhìn chung, quan hệ chính trị Việt Nam - Lào trong năm năm (1996 - 2000) đã diễn ra sôi động với nội dung phong phú và quy mô lớn hơn các năm trước. Hai bên đã thoả thuận được những chủ trương, biện pháp tăng cường quan hệ và nâng cao hiệu quả hợp tác; khẳng định và khai thông những vấn đề còn tồn đọng và ký kết được nhiều văn kiện quan trọng qua các cuộc gặp gỡ truyền thống hàng năm giữa hai Bộ Chính trị và các chuyến thăm, làm việc của các đoàn cấp cao Đảng và Nhà nước hai nước. Kết quả này ngày càng khẳng định mối quan hệ đặc biệt, toàn diện có ý nghĩa chiến lược giữa hai nước và củng cố tình đoàn kết, gắn bó, tin tưởng lẫn nhau; mở ra nhiều nội dung phong phú, giải quyết kịp thời được nhiều vấn đề thiết thực, mang lại những hiệu quả cao trong quan hệ hợp tác giữa hai nước và tạo nên bầu không khí hữu nghị, hiểu biết lẫn nhau, đánh dấu một bước phát triển mới trong quan hệ hợp tác đặc biệt giữa hai nước, tạo tiền đề cho phát triển hợp tác giai đoạn sau.

Cuộc gặp giữa hai Bộ Chính trị tháng 2 năm 2001 mở đầu cho thời kỳ mới 2001 - 2005 được tiến hành tại Hà Nội. Hai Bộ Chính trị thống nhất định hướng chiến lược hợp tác thời kỳ 2001 - 2010 và chương trình hợp tác năm năm 2001 - 2005. Hai bên cho rằng: “Dù trong hoàn cảnh nào cũng cần tiếp tục thực hiện những phương hướng và nguyên tắc lớn mà hai Bộ Chính trị đã thoả thuận nhằm củng cố và phát triển sâu rộng hơn nữa quan hệ hợp tác giữa hai Đảng, hai Nhà nước”...⁹⁹.

⁹⁹. Thoả thuận giữa hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tại Hà Nội, tháng 2 năm 2001 (lưu tại Văn phòng Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam).

Hai bên chủ trương tiếp tục hoàn thành các dự án đã thoả thuận: dự án bảo đảm an ninh lương thực của Lào; dự án quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội toàn quốc Lào đến năm 2020; dự án lập bản đồ biên giới quốc gia Việt Nam - Lào. Tiếp tục mở rộng hợp tác toàn diện, dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau; phối hợp, tiến tới hoà mạng trên các lĩnh vực giao thông, điện lực, xăng dầu, bưu chính viễn thông và du lịch.

Sử dụng tập trung và có hiệu quả hơn nguồn viện trợ phát triển và hợp tác giữa hai nước; tập trung vào việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ và những công trình trọng điểm có ý nghĩa chiến lược đối với nền kinh tế của Lào và những công trình thể hiện quan hệ đoàn kết hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào. Hai bên tiếp tục bổ sung, hoàn thiện các cơ chế chính sách, đẩy mạnh đầu tư liên doanh sản xuất phù hợp với điều kiện, khả năng, thế mạnh của mỗi nước. Trước mắt tập trung vào những sản phẩm có thị trường tiêu thụ và sử dụng nguyên liệu tại chỗ; mở rộng hoạt động thương mại trên cơ sở đã được hai bên thoả thuận trong hiệp định thương mại.

Thời kỳ 2001 - 2005 và đến 2007, những cuộc gặp cấp cao giữa hai Đảng (Bộ Chính trị) được duy trì thường xuyên vào đầu năm, tiếp sau đó là các cuộc gặp của các đoàn Nhà nước và các bộ, ban, ngành và các địa phương, đơn vị hai bên Việt - Lào. Trung bình mỗi năm có khoảng hơn 200 đoàn ở tất cả các cấp của hai bên qua lại trao đổi, thăm viếng lẫn nhau, tăng cường sự hiểu biết và tin cậy lẫn nhau, góp phần củng cố khối đoàn kết, hữu nghị giữa hai Đảng, hai Nhà nước và hai dân tộc.

Đặc biệt là trong cuộc thăm chính thức Lào của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông Đức Mạnh tháng 7 năm 2001, hai bên đã ra Tuyên bố chung - một văn kiện quan trọng đánh dấu bước phát triển mới trong quan hệ Việt Nam - Lào khi bước vào thế kỷ

XXI. Trong lần viếng thăm chính thức Việt Nam của Thủ tướng Bun Nhăng Volachít, tháng 7 năm 2001, hai bên đã ký Hiệp định tín dụng xây dựng đường 18B và Thỏa thuận về quy chế sử dụng cảng Vũng áng. Trong chuyến viếng thăm chính thức Việt Nam của Chủ tịch nước Khăm Tày Xiphăndon, tháng 5 năm 2002, hai bên ký nhiều thỏa thuận hợp tác trong các lĩnh vực như nông nghiệp, năng lượng, giáo dục và đào tạo trên cơ sở định hướng chiến lược hợp tác giữa Việt Nam và Lào giai đoạn 2001 - 2010.

Từ thực tế của sự phát triển kinh tế - xã hội mỗi nước với những tác động của bối cảnh khu vực và quốc tế, tại cuộc hội đàm tháng 1 năm 2006, hai Bộ Chính trị đã thống nhất định hướng chương trình, kế hoạch hợp tác Việt Nam - Lào giai đoạn 2006 - 2010. Tư tưởng chỉ đạo trong chương trình hợp tác giai đoạn 2006 - 2010 là: tiếp tục phát huy mối quan hệ truyền thống tốt đẹp, có hiệu quả trong mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào. Kết hợp chặt chẽ giữa hợp tác kinh tế với chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Lấy mục tiêu chính trị làm cơ sở để xem xét hiệu quả của các hoạt động hợp tác kinh tế, trên cơ sở phát huy và duy trì các kết quả hợp tác đã đạt được; sử dụng tốt tiềm năng, thế mạnh và bảo đảm sự phát triển bền vững môi trường sinh thái của mỗi nước; nâng cao hiệu quả và tăng cường ảnh hưởng thông qua hợp tác kinh tế; đồng thời có cơ chế hỗ trợ thông thoáng, tạo sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp hoạt động đầu tư, thương mại trên thị trường hai bên.

Thông qua các cuộc thăm chính thức của lãnh đạo cấp cao hai nước, nhiều vấn đề cụ thể của chiến lược hợp tác 2001 - 2010 và kế hoạch hợp tác Việt Nam - Lào giai đoạn 2006 - 2010 đã được thống nhất. Đó là: chuyến thăm Việt Nam của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Chummaly Xaynhaxôn, tháng 10 năm 2006; chuyến thăm hữu nghị chính thức Lào của Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Việt Nam Nông

Đức Mạnh, tháng 10 năm 2006; chuyến thăm chính thức Lào của Thủ tướng Nguyễn Tấn Dũng, tháng 12 năm 2006; các chuyến viếng thăm chính thức Lào của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết (tháng 2 năm 2007) và của Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng (tháng 6 năm 2007).

Trong các cuộc viếng thăm của các đoàn cấp cao, hai bên đã tiến hành trao đổi kinh nghiệm, giúp đỡ nhau trong nhiều lĩnh vực về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội, về quản lý nhà nước, xây dựng đảng, về các mặt chính trị, tư tưởng và tổ chức, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc chia sẻ kinh nghiệm và hỗ trợ lẫn nhau trong nhiều lĩnh vực là rất cần thiết và đem lại hiệu quả thiết thực cho cả hai bên, góp phần quan trọng vào việc thúc đẩy sự phát triển của cả hai dân tộc.

Hai bên nhất trí phối hợp nghiên cứu, biên soạn công trình *Lịch sử quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam giai đoạn 1930 - 2007* nhằm tổng kết quá trình liên minh chiến đấu và hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam, đúc kết những bài học kinh nghiệm, phục vụ cho việc tiếp tục xây dựng và phát triển quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào lên một tầm cao mới.

Lĩnh vực hợp tác về đối ngoại từ sau năm 1996 tiếp tục được tăng cường cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, đem lại nhiều kết quả khả quan. Trong bối cảnh quốc tế mới, Việt Nam và Lào đẩy mạnh triển khai đường lối độc lập tự chủ, chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Trong chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ đối ngoại Việt Nam và Lào đều tiếp tục hết sức coi trọng quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, cam kết quyết tâm giữ gìn và không ngừng phát triển truyền thống quý báu đó như một quy luật phát triển và là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự

nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của mỗi nước¹⁰⁰. Hợp tác trong lĩnh vực đối ngoại được thể hiện trên phạm vi quốc gia và giữa hai Ban Đối ngoại, hai Bộ Ngoại giao, ngoài ra còn có quan hệ giữa các địa phương, trong đó các tổ chức chính trị, xã hội giữ một vai trò rất quan trọng trong việc tăng cường các mối quan hệ hữu nghị giữa hai nước.

Hợp tác đối ngoại Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2007 bao gồm những nội dung sau:

Trao đổi thông tin được tiến hành thường xuyên, đặc biệt là trong các cuộc gặp gỡ, nhất là các cuộc gặp cấp cao giữa hai Đảng và hai Nhà nước và các cuộc gặp của hai Ban Đối ngoại, hai Bộ Ngoại giao. Trong các cuộc gặp gỡ, hai bên thông báo cho nhau về tình hình nước mình, về các vấn đề quốc tế và khu vực mà hai bên đều quan tâm; trao đổi ý kiến, quan điểm về các vấn đề bức xúc như: khủng hoảng kinh tế - tài chính 1997 - 1999, tình hình Trung Đông, tình hình Đông Nam á, châu á - Thái Bình Dương. Đặc biệt là từ khi hai bên quyết định thực hiện trao đổi thông tin (Tuyên bố chung Việt Nam - Lào trong chuyến thăm chính thức Lào, tháng 7 năm 2001 của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh) và kênh giao lưu giữa hai Bộ Ngoại giao được thiết lập (năm 2003) thì việc trao đổi thông tin giữa hai bên ngày càng được tăng cường và có hiệu quả.

Phối hợp tại các diễn đàn quốc tế và khu vực: Việt Nam và Lào đều là thành viên của nhiều tổ chức, diễn đàn quốc tế và khu vực, đặc biệt là từ sau khi Việt Nam và Lào tham gia Hiệp hội các quốc gia Đông Nam á (Việt Nam năm 1995 và Lào năm 1997)¹⁰¹.

¹⁰⁰. Tuyên bố chung Việt Nam - Lào trong chuyến thăm chính thức Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh (từ ngày 9 đến 12 tháng 7 năm 2001). Báo *Nhân dân*, ngày 13 tháng 7 năm 2001.

¹⁰¹ Liên hợp quốc (UN), Hội đồng kinh tế - xã hội châu á - Thái Bình Dương (ESCAD), Phong trào Không liên kết (NAM), Tổ chức Cộng đồng Pháp ngữ, Hiệp

Nội dung hợp tác cụ thể giữa Việt Nam và Lào trong các tổ chức và diễn đàn bao gồm: trao đổi thông tin, trao đổi đánh giá tình hình về các vấn đề liên quan; phối hợp lập trường, quan điểm, đặc biệt là những vấn đề có tính nguyên tắc và nhạy cảm như Hiệp ước chống khủng bố, cải tổ Liên hợp quốc, tình hình bán đảo Triều Tiên, các nguyên tắc của ASEAN, vấn đề dân chủ, nhân quyền, sử dụng nguồn nước sông Mê Công, vận chuyển hàng hoá và người qua biên giới; trao đổi kinh nghiệm về tổ chức hội nghị quốc tế, vận động ODA; ủng hộ Lào trong việc xây dựng dự án và vận động tài trợ trong hợp tác tiểu vùng...

Hợp tác giữa hai Ban Đối ngoại, hai Bộ Ngoại giao: trong thời kỳ 1996 - 2007, hợp tác giữa hai Ban Đối ngoại, hai Bộ Ngoại giao ngày càng được tăng cường với những nội dung và hình thức mới. Đó là các hiệp định hợp tác dài hạn, tổ chức giao lưu luân phiên giữa hai Ban Đối ngoại và hai Bộ Ngoại giao, các thỏa thuận hợp tác giữa các đơn vị thuộc Ban Đối ngoại và Bộ Ngoại giao hai nước. Hai bên giúp đỡ nhau tổ chức thành công nhiều hội nghị và diễn đàn lớn trong khu vực như: hỗ trợ Lào tổ chức Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ 10 tại Viêng Chăn (năm 2004), Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao ASEAN (năm 2005) tại Viêng Chăn.

Hai bên phối hợp trong việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác đối ngoại. Việc Việt Nam giúp Lào đào tạo cán bộ đối ngoại đã được tiến hành từ lâu. Đặc biệt từ năm 1997 đến nay, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh và Học viện Quan hệ

hội các quốc gia Đông Nam á (ASEAN), Diễn đàn hợp tác á - Âu (ASEM), Tiểu vùng Mê Công mở rộng (GMS), Ủy ban Mê Công (MRC), Tam giác phát triển Campuchia - Lào - Việt Nam (CLV), Hợp tác Campuchia - Lào - Việt Nam với Nhật Bản (CLV+J), Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEC), Tổ chức chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mê Công (ACMECS), Hợp tác Campuchia - Lào - Mianma - Việt Nam (CLMV), Hợp tác sông Mê Công - sông Hằng (MGC).

quốc tế của Việt Nam đã mở nhiều lớp đào tạo cán bộ cho Ban Đối ngoại Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, Bộ Ngoại giao Lào. Từ năm 1997 đến 2007, Học viện Quan hệ quốc tế Việt Nam đào tạo cho Lào 169 cán bộ bậc đại học, tám học viên cao học chuyên ngành ngoại giao.

Trong quan hệ đối ngoại Việt Nam - Lào, việc hợp tác đối ngoại nhân dân giữa hai bên cũng được đặc biệt chú trọng và có những bước phát triển mới, góp phần quan trọng vào việc củng cố và phát triển mối quan hệ đặc biệt, thủy chung, trong sáng Việt Nam - Lào. Trong kết quả chung đó phải kể đến sự đóng góp to lớn của Liên hiệp Các tổ chức hữu nghị Việt Nam, Hội Hữu nghị Việt Nam - Lào, Hội Hữu nghị Lào - Việt Nam.

Trong thời kỳ 1996 - 2007, các hội hữu nghị hai nước đã tích cực giới thiệu, giúp đỡ doanh nghiệp hai nước xúc tiến hợp tác kinh tế, thương mại giữa hai bên, trợ giúp các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào. Phối hợp với các cơ quan, đơn vị tổ chức những đoàn du lịch thăm chiến trường xưa, du lịch tìm cơ hội hợp tác kinh doanh. Các địa phương biên giới giúp nhau kỹ thuật sản xuất, hỗ trợ cây, con giống, duy trì an ninh biên giới. Các hoạt động hữu nghị được tổ chức với quy mô và mức độ ngày càng cao, nổi bật là Liên hoan hữu nghị nhân dân biên giới hai nước năm 2002; Kỷ niệm 30 năm Quốc khánh Lào tại Việt Nam; các hoạt động Kỷ niệm 30 năm ngày ký Hiệp ước hữu nghị và hợp tác Việt Nam - Lào và 45 năm ngày thiết lập quan hệ ngoại giao trong năm 2007 diễn ra tại hai nước; Liên hoan hữu nghị nhân dân Việt Nam - Lào là một hình thức giao lưu hữu nghị nhân dân rất thiết thực và hiệu quả đối với việc củng cố quan hệ hữu nghị và hợp tác nhân dân Việt Nam - Lào.

** Hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh*

Đối với cách mạng Việt Nam và cách mạng Lào, nhiệm vụ

quốc phòng, an ninh luôn luôn là một trong hai nhiệm vụ chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước. Đại hội lần thứ VIII Đảng Cộng sản Việt Nam (tháng 6 năm 1996) chỉ rõ: trong khi đặt trọng tâm vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta không chút lơ là lỏng nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, luôn luôn coi trọng quốc phòng, an ninh, coi đó là hai nhiệm vụ chiến lược gắn bó chặt chẽ. Kết hợp quốc phòng, an ninh với kinh tế. Gắn chặt nhiệm vụ quốc phòng với nhiệm vụ an ninh để bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ chế độ trong tình hình mới. Phối hợp chặt chẽ hoạt động quốc phòng, an ninh với hoạt động đối ngoại.

Đại hội lần thứ VI Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tháng 3 năm 1996) cũng tiếp tục khẳng định: để làm nòng cốt cho sự nghiệp quốc phòng toàn dân phải chú trọng xây dựng và củng cố quân đội nhân dân về mọi mặt..., coi trọng hơn nữa việc xây dựng thể trận quốc phòng nhân dân ở cơ sở, gắn với việc phát triển nông thôn toàn diện, kết hợp chặt chẽ công tác quốc phòng, an ninh với phát triển kinh tế - xã hội.

Từ những quan điểm chỉ đạo trên, trong các cuộc gặp hai Bộ Chính trị hàng năm, vấn đề hợp tác về quốc phòng, an ninh giữa hai nước luôn luôn được đặt ở vị trí thứ hai (chỉ sau lĩnh vực hợp tác về chính trị). Điều đó nói lên tầm quan trọng đặc biệt của việc hợp tác về quốc phòng, an ninh trong mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào.

Đối với lĩnh vực quốc phòng, sự hợp tác trước hết được thực hiện thông qua các cuộc gặp cấp cao. Trên cơ sở định hướng của thỏa thuận giữa hai Bộ Chính trị về quốc phòng, an ninh, hai Bộ Quốc phòng Việt Nam và Lào tiến hành các cuộc gặp trao đổi, phối hợp giúp đỡ lẫn nhau về xây dựng chiến lược bảo vệ Tổ quốc, xây dựng quân đội vững mạnh về chính trị, tư tưởng, tổ chức và chuyên môn. Hàng năm, Việt Nam đều cử chuyên gia sang giúp Bộ Quốc phòng Lào. Các quân khu 2, 4, 5 cử chuyên gia sang giúp các sư đoàn, tỉnh đội các tỉnh của Lào. Từ năm 2001 đến 2006, Việt Nam

đã cử 167 chuyên gia quân sự sang giúp Lào xây dựng các kế hoạch và lập phương án tác chiến. Các quân khu, các tỉnh có chung biên giới thì xúc tiến chương trình hợp tác, trao đổi kinh nghiệm giúp đỡ lẫn nhau về xây dựng thể trận cụm chiến đấu liên hoàn và củng cố các lực lượng dân quân tự vệ ở địa phương để đẩy mạnh sản xuất, kết hợp với bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

Việt Nam trực tiếp phối hợp nghiên cứu, hướng dẫn nghiệp vụ về kinh tế - quốc phòng, thúc đẩy hợp tác trên tất cả các mặt với quân đội nhân dân Lào như: góp vốn cho các công ty liên doanh Lào - Việt; xây dựng mô hình hợp tác kinh tế - quốc phòng theo hướng chỉ đạo của hai nước; tạo thuận lợi cho cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên quốc phòng cũng như các trang thiết bị, phương tiện quân sự qua lại biên giới; phối hợp và hợp tác chặt chẽ trong việc vận tải quá cảnh giữa hai nước, đặc biệt là vấn đề mua sắm hàng hoá, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật, vũ khí, khí tài quân sự sau khi được Chính phủ hai nước cho phép¹⁰². Năm 2004, hai Bộ Quốc phòng Việt Nam và Lào phối hợp xây dựng dự án phát triển kinh tế - quốc phòng tại huyện Viêng Thoong (tỉnh Bolikhamsay). Công ty 32 Bộ Quốc phòng Việt Nam viện trợ không hoàn lại cho Bộ Quốc phòng Lào 599.177 USD để nâng cấp Nhà máy Sản xuất giày dép Thà Ngòn (Viêng Chăn); Công ty 85 Quân khu 4 thực hiện các dự án trồng rừng, khai khoáng phục vụ nhiệm vụ kinh tế và quốc phòng; Quân khu 5 (Việt Nam) xây dựng hệ thống thoát nước và nâng cấp đường bộ từ biên giới Việt Nam đến bản Nặm Tạc (tỉnh Bolikhamsay)...

Một trong những nội dung hợp tác về quốc phòng giữa hai

¹⁰², 2. Ban Biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào: *Chuyên đề Quan hệ Việt Nam - Lào trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh*, tr.21, 23.

nước là sự giúp đỡ về phương tiện hậu cần kỹ thuật. Năm 2002, Việt Nam giúp xây dựng một hội trường cho Sư đoàn 4, tỉnh Xavannakhet (trị giá 160.000 USD)... Năm 2003, Việt Nam viện trợ cho Lào một số bản đồ, trang thiết bị quân sự; giúp Lào xây dựng Trường Hạ sĩ quan cho sáu tỉnh Bắc Lào (trị giá 13,5 tỷ VNĐ). Năm 2004, Việt Nam viện trợ cho Lào 120 tấn xăng, nhiều trang thiết bị quân sự (mạng thông tin, điện thoại, máy phát điện, thiết bị phục vụ các học viện, nhà trường). Giúp sửa chữa vũ khí, phương tiện kỹ thuật: Việt Nam và Lào đã phối hợp xây dựng Xưởng sửa chữa cơ khí ô tô Lào - Việt tại Lào, trị giá 400.000 USD, vốn do hai bên góp chung. Năm 2005, giúp xây dựng bệnh xá 30 giường cho Sư đoàn 5, giúp 600 tấn xăng phục vụ huấn luyện máy bay, 10 xe ô tô GAT... Trong hai năm 2006 và 2007, Bộ Quốc phòng Việt Nam hỗ trợ thiết bị quân sự cho Lào trị giá gần 50 tỷ VNĐ².

Về đào tạo cán bộ, ngoài chương trình đào tạo dài hạn, Bộ Quốc phòng Việt Nam còn thường xuyên tổ chức các lớp học ngắn hạn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho các đơn vị của quân đội Lào. Từ năm 2000 đến 2005, Việt Nam nhận đào tạo dài hạn cán bộ cho quân đội Lào gồm hơn 600 người¹⁰³.

Việc tìm kiếm, cất bốc và hồi hương hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện và chuyên gia quân sự Việt Nam trên đất Lào cũng được hai bên quan tâm, tích cực phối hợp và đạt được kết quả tốt, đặc biệt là sự giúp đỡ to lớn của chính quyền và nhân dân các địa phương trên đất Lào. Tính đến hết năm 2007 đã tìm kiếm và đưa về Việt Nam hơn 12.000 hài cốt liệt sĩ².

Điểm nổi bật trong việc hợp tác về an ninh là hợp tác chống lại

¹⁰³, 2. Ban Biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào: *Chuyên đề Quan hệ Việt Nam - Lào trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh*, tr.23, 24.

các lực lượng phản động lưu vong đang tìm cách chống phá cách mạng Lào và Việt Nam. Điển hình là trong những năm 2002 - 2003, một số phần tử phản động trong nước Lào được các thế lực thù địch bên ngoài hỗ trợ đã gây ra một vài vụ nổ, phục kích ở một số địa phương như: đánh cửa khẩu Văng Tàu (Chămpaxắc, tháng 7 năm 2000); gây rối mất trật tự an ninh ở Viêng Chăn (tháng 7 năm 2000); bạo loạn vũ trang ở Hủa Phăn (năm 2003); gây rối ở Bò Kẹo (tháng 7 năm 2007).

Để chia rẽ và phá hoại mối quan hệ hữu nghị Việt Nam - Lào, bọn phản động còn lôi kéo một số tù trưởng, tộc trưởng, cán bộ thoái hoá biến chất từ Việt Nam sang tham gia hoạt động chống phá cách mạng Lào (chúng đã lôi kéo được hơn 1.000 người Mông ở các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Thanh Hoá, Nghệ An di cư tự do sang Lào). Trước những hành động chống phá của các thế lực thù địch, lực lượng an ninh hai nước đã phối hợp hiệu quả, ngăn chặn kịp thời và làm thất bại mọi mưu đồ của chúng, giữ vững sự ổn định và an ninh quốc gia của mỗi nước¹⁰⁴.

Trong đào tạo cán bộ, Việt Nam đã cử chuyên gia giúp Lào biên soạn giáo trình, giáo án để giảng dạy. Trong 10 năm từ 1997 đến 2007, Bộ Công an Việt Nam đã cử hơn 60 cán bộ, chuyên gia và giảng viên giúp Đại học An ninh Lào. Hàng năm Việt Nam giúp Lào đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn cho nhiều cán bộ thuộc Bộ An ninh Lào và hàng chục nghiên cứu sinh, cao học của Lào. Trong lĩnh vực an ninh, hai bên còn hợp tác trong nghiên cứu khoa học, chuyển giao kỹ thuật, cung cấp cho Lào nhiều máy móc, thiết bị phục vụ nghiên cứu, giảng dạy. Năm 2003, Trung tâm nghiên cứu khoa học thuộc Bộ An ninh Lào thăm và làm việc với các cơ quan

¹⁰⁴. Ban Biên soạn Lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào: *Chuyên đề Quan hệ Việt Nam - Lào trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh*, tr. 24.

ngiên cứu khoa học của Bộ Công an Việt Nam... Với sự phối hợp, hợp tác và giúp đỡ của Bộ Công an Việt Nam, lực lượng an ninh Lào đã từng bước trưởng thành và phát triển, vươn lên làm chủ tình hình, góp phần quan trọng cùng quân đội và nhân dân các bộ tộc Lào bảo vệ vững chắc Tổ quốc, giữ gìn mối quan hệ đặc biệt Lào - Việt Nam.

Với những kết quả to lớn trong sự hợp tác giữa lực lượng an ninh hai nước, năm 2005, Đảng và Nhà nước Lào đã trao tặng Bộ Công an Việt Nam Huân chương ít xala hạng Nhất và Huân chương ít xala hạng Nhì cho 11 đơn vị thuộc lực lượng an ninh Việt Nam.

Kết quả của sự hợp tác giúp đỡ lẫn nhau giữa Việt Nam và Lào trên lĩnh vực quốc phòng, an ninh là một trong những nhân tố quan trọng không chỉ tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh hai nước, mà còn làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch; đồng thời góp phần không nhỏ vào sự nghiệp đổi mới ở mỗi nước. Đồng chí Chummaly Xaynhaxôn, Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào đã khẳng định: “Mối quan hệ quốc phòng, an ninh giữa hai nước Việt - Lào, Lào - Việt được hình thành và phát triển không phải do ý muốn chủ quan của bất kỳ bên nào, mà là do yêu cầu khách quan của cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do chống kẻ thù chung, từ yêu cầu xây dựng đất nước của hai dân tộc qua các giai đoạn lịch sử... Như vậy, chính do yêu cầu khách quan của hai dân tộc mà Việt Nam và Lào đã liên kết với nhau. Đó là quy luật cho sự tồn tại và phát triển của hai dân tộc, là nhân tố bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Lào cũng như Việt Nam”¹⁰⁵.

* *Hợp tác Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trên lĩnh vực kinh tế,*

¹⁰⁵. Báo Nhân dân, ngày 8 tháng 2 năm 2007.

văn hoá, khoa học - kỹ thuật

Thực hiện thỏa thuận giữa Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam và Bộ Chính trị Trung ương Đảng Nhân dân cách mạng Lào, tháng 10 năm 1991 và “*Thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước đến năm 2000*” ngày 15 tháng 3 năm 1995, tháng 1 năm 1996, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000.

Quan điểm cơ bản hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn này là:

- Bảo vệ tình đoàn kết hữu nghị đặc biệt và tăng cường sự hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào như là nhân tố quyết định thắng lợi của sự nghiệp cách mạng và công cuộc xây dựng của hai nước.

- Hợp tác trên nguyên tắc bình đẳng, cùng có lợi, tôn trọng chủ quyền, pháp luật của nhau. Xoá bỏ cơ chế bao cấp, cải tiến cơ chế hợp tác trong giai đoạn mới phù hợp với cơ chế quản lý của mỗi nước và thông lệ quốc tế, vừa bảo đảm lợi ích chính đáng của mỗi bên, vừa ưu tiên giúp đỡ lẫn nhau. Phát huy thế mạnh tiềm năng của mỗi bên, kết hợp với việc thu hút nguồn lực của mỗi nước và tổ chức quốc tế. Mở rộng quan hệ hợp tác nhiều bên; đồng thời đề cao sự phối hợp bảo vệ lợi ích hai nước trước sự cạnh tranh của nước khác.

- Hợp tác toàn diện trên mọi lĩnh vực, ngành, địa phương, mọi thành phần kinh tế. Thúc đẩy hợp tác kinh doanh phát triển để tạo cơ sở cho việc khai thác tiềm năng của mỗi bên, bảo đảm tính thiết thực, vững chắc và có hiệu quả. Gắn hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật với quốc phòng, an ninh.

Trên cơ sở quan điểm cơ bản, hai bên cam kết cùng nhau hợp tác toàn diện, đặc biệt tập trung vào lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn mới ở các huyện dọc biên giới Việt Nam - Lào và các vùng khác có điều kiện. Tăng cường hợp tác trong lĩnh vực

giao thông vận tải, tạo điều kiện thuận lợi cho Lào vận tải quá cảnh qua lãnh thổ và sử dụng các cảng biển của Việt Nam. Coi trọng hợp tác trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực cho Lào. Mở rộng hợp tác sản xuất hàng hoá (kể cả sản xuất điện năng) nhằm phát triển hợp tác lao động, du lịch, ngân hàng, tài chính, khoa học - công nghệ. Tạo điều kiện thầu xây dựng ở mỗi nước nhằm góp phần thúc đẩy đầu tư của nước ngoài vào Lào và Việt Nam.

Với truyền thống quan hệ hợp tác lâu đời của hai nước; đồng thời để đáp ứng yêu cầu của công cuộc đổi mới ở Việt Nam và Lào, hai Đảng và hai Nhà nước đã đặc biệt quan tâm chỉ đạo và tạo nhiều điều kiện thuận lợi, ưu đãi cả về cơ chế, chính sách. Nhờ vậy quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 1996 - 2000 không ngừng phát triển cả về quy mô và hình thức, thu được nhiều kết quả khả quan trên mọi lĩnh vực.

Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giai đoạn này đã có sự chuyển biến rõ rệt. Định hướng hợp tác kinh tế đã được điều chỉnh căn bản từ quan điểm “*tài nguyên của Lào, kỹ thuật và lao động của Việt Nam và vốn của nước thứ ba*” sang nguyên tắc “*hợp tác bình đẳng cùng có lợi, kết hợp thoả đáng tính chất quan hệ đặc biệt với thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau*”, kết hợp giữa các hình thức hợp tác truyền thống với các hình thức hợp tác trong điều kiện hai nước chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị trường và bước đầu tham gia hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Quan hệ kinh tế từng bước tương xứng với quan hệ truyền thống đặc biệt giữa hai Đảng, hai Nhà nước và tiềm năng của hai nước.

Về hợp tác phát triển (viện trợ không hoàn lại của Việt Nam dành cho Lào)

Trong năm năm 1996 - 2000, Việt Nam đã dành cho Lào khoản

viện trợ không hoàn lại là 346.570 triệu VNĐ (tương đương 26,6 triệu USD) để thực hiện 36 dự án trong các lĩnh vực như: giáo dục - đào tạo, nông nghiệp và phát triển nông thôn mới và một số lĩnh vực khác.

Đặc biệt, giai đoạn này hai bên đã có những chuyển hướng trong việc sử dụng nguồn vốn viện trợ vào công tác điều tra cơ bản và hoạch định chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trên các vùng lãnh thổ cũng như các ngành, lĩnh vực của Lào (chiếm 33,57% vốn viện trợ). Việc tập trung trên 1/3 vốn viện trợ vào các dự án này là rất cần thiết, là cơ sở giúp Lào phát triển các ngành, lĩnh vực cũng như các mục đích an ninh, quốc phòng và kinh tế; đồng thời tạo ra những tiền đề trong nhiều lĩnh vực hợp tác giữa hai bên.

Với sự nỗ lực của cả hai bên, bằng nguồn vốn viện trợ này, hợp tác hai nước đạt được những kết quả đáng khích lệ:

Hợp tác giáo dục - đào tạo là nội dung quan trọng có tính chiến lược vì lợi ích lâu dài của hai nước. Gần một nửa số viện trợ đã được dành cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo. Nhiều hình thức đào tạo mới đã được thực hiện và đạt kết quả tốt. Từ năm 1997, hai bên đã nhanh chóng chuyển hướng kết hợp đào tạo dài hạn, chính quy với tăng cường bồi dưỡng và đào tạo lại cán bộ hệ ngắn hạn trên các lĩnh vực quản lý; kết hợp cử chuyên gia đào tạo tại Lào với việc mở rộng hình thức đào tạo tại chức cho Lào tại Việt Nam. Số học sinh Lào được tiếp nhận hàng năm tăng từ 300 - 350 người (theo Hiệp định) lên tới 500 - 550 người năm 2000. Trong năm năm phía Việt Nam đã tiếp nhận 2.184 cán bộ, học sinh Lào. Số lượng cán bộ, học sinh Việt Nam được tiếp nhận sang học tập tại Lào cũng tăng từ 15 lên 25 người/năm.

Hai bên đã hoàn thành cam kết việc xây dựng hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú cấp vùng tại Uđômxay, Xavănakhet,

Chămpaxắc, trường dân tộc nội trú cấp tỉnh ở Xê Coong¹⁰⁶.

Hợp tác về nông nghiệp và thủy lợi giai đoạn 1996 - 2000 đã có những chuyển hướng cơ bản. Từ hình thức hợp tác hỗ trợ, phát triển nông nghiệp và nông thôn ở một số vùng cụ thể là chủ yếu đã chuyển sang kết hợp giữa hoạch định chiến lược phát triển nông nghiệp với quy hoạch sản xuất lương thực và thủy lợi trên các cánh đồng lớn của Lào, nhằm đảm bảo an ninh lương thực, hỗ trợ trực tiếp để phát triển nông thôn một số vùng biên giới Lào - Việt Nam.

Tiếp tục thực hiện thỏa thuận giữa hai bên về phối hợp xây dựng mô hình thí điểm phát triển nông nghiệp gắn với nông thôn mới tại ba vùng đặc trưng: Lắc Xao (miền núi), Phôn Súng và Hát Siều (bán sơn địa), và Chămpaxắc (đồng bằng). Trong ba năm 1996 - 1998, Việt Nam đã giúp Lào 14,1 tỷ VNĐ và đã hoàn thành dự án này trong năm 1998. Các chương trình, dự án này hoàn thành đã đóng góp đáng kể cho phát triển nông nghiệp của Lào, làm tăng diện tích canh tác và năng suất lúa. ở Phôn Súng, diện tích canh tác tăng 360 ha, năng suất lúa tăng từ 1,6 tấn/ha/năm lên 3,4 tấn/ha/năm vào năm 1998. Tại Lắc Xao, với 10 công trình thủy lợi nhỏ đã đảm bảo nước tưới tiêu cho 200 ha vụ mùa và 1.000 ha vụ chiêm, làm tăng gần 1.000 tấn thóc. Tại Chămpaxắc, diện tích tăng từ 12 ha lên 1.000 ha, năng suất lúa tăng 1,5 tấn/ha/năm (năm 1993) lên 4,5 tấn/ha/năm (năm 1998). Nhiều giống lúa có năng suất cao, các giống cây ăn quả và vật nuôi có giá trị cao đã được chuyển giao cho phía Lào (gà Tam Hoàng, nhãn Hưng Yên, vải thiều, mận...) ¹⁰⁷.

¹⁰⁶. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 và chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2010*, tháng 10 năm 2000.

¹⁰⁷, 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 và chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2010*, tháng 10 năm 2000, tr.7.

Việt Nam đã giúp Lào quy hoạch sản xuất lương thực, quy hoạch thủy lợi các đồng bằng trọng điểm với tổng số viện trợ không hoàn lại là 36 tỷ VNĐ. Những quy hoạch này tập trung vào việc phát triển nông, lâm nghiệp một số huyện thuộc các tỉnh có chung biên giới với Việt Nam như: Noong Hét (Xiêng Khoảng), Xiêng Kho (Hủa Phăn), Viêng Khăm (Luông Phạbang); quy hoạch sản xuất lương thực bảy cánh đồng lớn: Viêng Chăn, Chămpaxắc, Khăm Muộn, Xavănnakhêt, Xê Đôn, áttapư, Bolikhămxay; lập dự án khả thi hệ thống thủy lợi tả ngạn sông Nặm Ngừm (Viêng Chăn)...².

Hợp tác trên lĩnh vực nông nghiệp và thủy lợi giai đoạn 1996 - 2000 được hai bên rất coi trọng, đã dành 22,35% tổng số vốn viện trợ tập trung cho lĩnh vực này. Các dự án nông nghiệp bước đầu phát huy tác dụng, giúp nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, góp phần tạo sự ổn định cuộc sống cho nông dân, giảm bớt tình trạng du canh, du cư, bảo đảm an ninh vùng biên giới hai nước. Các mô hình phát triển nông nghiệp và nông thôn được phía Lào đánh giá cao. Các dự án nông nghiệp đã góp phần giúp Bộ Nông -Lâm nghiệp Lào và một số địa phương hoạch định chương trình phát triển sản xuất nông nghiệp của địa phương mình. Các chuyên gia Việt Nam đã thâm nhập từng làng, bản dân tộc của Lào để giúp nông dân canh tác, chuyển giao kỹ thuật nông nghiệp, thủy nông, thủy lợi tiên tiến, phát triển kỹ thuật chăn nuôi khoa học... Sự hợp tác chân thành này chỉ có trong mối quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào, khác hẳn với nội dung và hình thức của các loại hợp tác khác.

Tuy nhiên, hợp tác trong lĩnh vực nông nghiệp còn có những nội dung chưa đạt được hiệu quả như mong muốn. Đầu tư thiếu đồng bộ, còn mang nặng tính chất giải pháp tình thế; việc tổ chức quản lý các dự án còn hạn chế, việc đào tạo cán bộ tại chỗ để tiếp thu dự án còn chậm...

Trong việc sử dụng vốn viện trợ, ngoài hai lĩnh vực chủ yếu, hai bên cũng đã quan tâm hợp tác trên nhiều lĩnh vực khác thông qua các dự án hỗ trợ kỹ thuật như:

- Hợp tác trong lĩnh vực bản đồ: Việt Nam giúp hiệu chỉnh hệ tọa độ bản đồ bốn tỉnh Nam Lào, xây dựng mạng lưới cao độ tám tỉnh Bắc Lào.

- Trong lĩnh vực khí tượng, thủy văn: Việt Nam giúp và chuyển giao công nghệ cho Lào hệ thống thông tin phục vụ khí tượng thủy văn giữa hai nước và phục vụ trực tiếp cho đời sống và phát triển kinh tế của nhân dân Lào. Kết quả hợp tác này đã tạo ra các tiền đề cho nhiều lĩnh vực hợp tác những năm sau như nông nghiệp, thủy lợi, hàng không...

- Hợp tác trong việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội cả nước Lào đến năm 2020 và quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Khăm Muộn đến năm 2010.

Trong giai đoạn 1996 - 2000, các bộ, ngành và địa phương hai nước đã phối hợp chặt chẽ, tích cực triển khai đồng bộ các dự án viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào. Những ưu tiên dành cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nông nghiệp, thủy lợi và phát triển nông thôn mới của Lào thời kỳ này đã để lại dấu ấn đậm nét cho mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước. Tuy nhiên, cũng còn những vấn đề cần phải xem xét, điều chỉnh: còn lúng túng trong cơ chế phối hợp, thủ tục xem xét, điều chỉnh nội dung; các dự án về điều tra cơ bản, về quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội chậm được thực hiện; nhiều dự án hỗ trợ kỹ thuật như phòng chống sốt rét cho các huyện biên giới, xây dựng mạng lưới lưu trữ quốc gia, hỗ trợ máy mã cơ yếu... triển khai chậm và hiệu quả thấp...

Hợp tác thực hiện các cam kết

Về giao thông vận tải giai đoạn 1996 - 2000, hai bên đã cùng nhau tìm nguồn đầu tư nâng cấp hệ thống đường thông thương nối

liên hai nước, tạo điều kiện cho Lào thông thương qua lãnh thổ và cảng biển Việt Nam ra các nước. Hai bên đã đầu tư quốc lộ 43 (Mộc Châu - cửa khẩu Pa Háng), 6B (Hủa Phăn), chuẩn bị đầu tư cửa khẩu Chiềng Khương (Sơn La) phía Việt Nam và đầu tư quốc lộ 42 (Lai Châu - Tây Trang - Phongxalỳ). Cải tạo nâng cấp quốc lộ 9A đi cửa khẩu Lao Bảo (Quảng Trị) - Xavănnakhê; quốc lộ 8 đi cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) - Bolikhămxay; quốc lộ 7 đi cửa khẩu Nậm Cắn (Nghệ An) - Xiêng Khoảng; quốc lộ 217 đi cửa khẩu Na Mèo (Thanh Hóa) và 6A (Hủa Phăn); quốc lộ 12A đi cửa khẩu Chalo (Quảng Bình) - Khăm Muộn. Cải tạo nâng cấp cảng Đà Nẵng, cảng Xuân Hải và hoàn thành bến I cảng Vũng Áng để phía Lào sử dụng. Hai bên phối hợp hoàn thành xây dựng cửa khẩu Cầu Treo và Nậm Phao. Hai bên đã ký thỏa thuận về nguyên tắc Việt Nam cho Lào vay ưu đãi xây dựng đường 18B phía Lào¹⁰⁸.

Kết quả đầu tư trong lĩnh vực giao thông vận tải không những tạo điều kiện thông thương giữa hai nước, tạo điều kiện cho Lào có đường ra biển mà còn làm thay đổi bộ mặt kinh tế của nhiều khu vực và góp phần nâng cao đời sống, trình độ dân trí của các xã vùng cao trên dọc các tuyến thông qua Lào. Nhiều khu kinh tế cửa khẩu đã được hình thành, giao lưu thương mại các chợ biên giới giữa hai nước ngày càng phát triển. Tuy nhiên, việc hợp tác xây dựng các tuyến giao thông qua hai nước còn gặp nhiều khó khăn, chưa đáp ứng được nhu cầu giao lưu kinh tế giữa hai nước.

Hợp tác về năng lượng - điện: tháng 7 năm 1998, Việt Nam và Lào đã ký Hiệp định hợp tác năng lượng - điện. Hai bên đã trao đổi, bổ sung và thống nhất dự án quy hoạch hệ thống đầu nối điện giữa hai nước. Hai bên xác định cụ thể công trình thủy điện hợp tác,

¹⁰⁸. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 và chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2010, tháng 10 - 2000*, tr.9.

phương thức mua, bán điện và giá điện làm cơ sở để phía Lào đưa vào tiến độ xây dựng và phía Việt Nam đưa vào tổng sơ đồ phát triển điện giai đoạn 2001 - 2005.

Đến năm 2000, *quan hệ hợp tác về tài chính, tiền tệ Việt Nam - Lào* đã có bước chuyển biến mới, đồng Việt Nam và kip Lào đang từng bước trở thành đồng tiền chủ yếu trong thanh toán giữa hai nước, thay thế việc chuyển tiền tự do bằng ngoại tệ chuyển đổi tồn tại trong nhiều năm trước đây.

Thỏa thuận về quy chế tài chính và quản lý dự án viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào ký ngày 9 tháng 2 năm 1998 và hoạt động của Ngân hàng liên doanh Lào - Việt (LVB) tại Viêng Chăn và chi nhánh tại Hà Nội đã khai thông mối quan hệ về tiền tệ và tạo cơ hội đầu tư, kinh doanh giữa hai bên, giải quyết được những khó khăn trong thanh toán và chuyển tiền giữa các doanh nghiệp hai nước. Ngân hàng liên doanh Lào - Việt đã không ngừng mở rộng hoạt động trên các lĩnh vực dịch vụ cung ứng tín dụng, chuyển tiền, thanh toán quốc tế, huy động vốn, thu đổi tiền và đã thu hút được 396 khách hàng mở tài khoản, trong đó có gần 100 tài khoản của Việt Nam.

Tháng 8 năm 2000, phía Việt Nam quyết định cho thực hiện thí điểm cơ chế thanh toán, chuyển tiền đối với các nguồn tài chính của các doanh nghiệp hoạt động tại Lào, các nguồn tiền bằng vốn vay và viện trợ dành cho Lào thực hiện tại Lào. Cũng trong thời kỳ này, hai bên đã phối hợp tốt để phía Lào giải quyết nhanh, dứt điểm khoản nợ 11,480 triệu USD chênh lệch mậu dịch nhập siêu của Lào từ thời kỳ 1976 - 1981.

Hợp tác chuyên gia giai đoạn 1996 - 2000 không ngừng được củng cố, đổi mới và hoàn thiện cả về cơ chế lẫn hình thức hợp tác. Trong năm năm, theo yêu cầu của phía Lào, Việt Nam đã cử 475 lượt chuyên gia, tập trung vào các lĩnh vực kinh tế (63%), quốc

phòng, an ninh (28%) và các lĩnh vực khác. Trong những năm này, nhiều đoàn chuyên gia vụ việc quan trọng của Việt Nam được cử sang Lào trao đổi và xử lý các vấn đề về quản lý vĩ mô (năm 1996), đổi mới doanh nghiệp (năm 1998), tiếp nhận viện trợ (năm 1999)... Đặc biệt là đoàn chuyên gia cao cấp Việt Nam giúp Lào chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô năm 1999.

Từ cuối năm 1997, nền kinh tế Lào gặp rất nhiều khó khăn do lạm phát ngày càng trầm trọng không kiềm chế được (hậu quả của cuộc khủng hoảng tài chính, tiền tệ trong khu vực). Nếu năm 1997 lạm phát ở mức 26,6% thì đến năm 1998 tăng tới 142%, chín tháng đầu năm 1999 khoảng 150%; nền kinh tế lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Thử theo yêu cầu của phía Lào, tháng 8 năm 1999, Việt Nam đã cử đoàn chuyên gia cao cấp sang nghiên cứu và đề xuất giải pháp chống lạm phát và ổn định kinh tế vĩ mô tại Lào. Kết quả là đến cuối năm 1999 và các năm sau đó, lạm phát đã được đẩy lùi, kinh tế Lào phát triển trở lại với tốc độ tăng trưởng cao hơn những năm trước đó. Hoạt động của các đoàn chuyên gia Việt Nam đã thực sự mang lại hiệu quả và được phía Lào đánh giá cao.

Hiệp định *hợp tác lao động Việt Nam - Lào* được ký kết sửa đổi, bổ sung, ngày 8 tháng 4 năm 1999 đã tạo điều kiện thông thoáng, đơn giản hoá thủ tục cho các đơn vị cung ứng lao động cũng như tăng cường quyền hạn phân cấp quản lý cho các địa phương, nhất là các địa phương có chung biên giới. Trong “Thoả thuận Cửa Lò 1999” hai bên đã bàn và tháo gỡ nhiều vướng mắc về thủ tục xuất, nhập cảnh, cư trú cho người lao động, quá cảnh trang thiết bị... thực sự thúc đẩy sự hợp tác nói chung và hợp tác lao động nói riêng của hai nước, tạo điều kiện đáp ứng kịp thời cho nhau về nguồn lao động, quản lý được chặt chẽ hơn, giảm đáng kể lao động tự do sang Lào.

Với các chính sách khuyến khích thúc đẩy đầu tư, liên doanh, liên kết và ưu tiên, ưu đãi cho nhau trong xây dựng và thực tế nhu cầu hợp tác phát triển kinh tế của các địa phương có chung đường biên giới, hợp tác lao động giai đoạn 1996 - 2000 tăng nhanh về số lượng, phong phú về hình thức. Có khoảng 15 - 20 nghìn lao động Việt Nam được đưa sang Lào theo các hình thức: hợp đồng nhà nước; thỏa thuận của các địa phương; cung ứng của các công ty dịch vụ lao động của Việt Nam và lao động tự do.

Kết quả cho thấy cùng với những cơ chế, chính sách được tháo gỡ, phía Việt Nam đã thực hiện các biện pháp đơn giản hoá thủ tục hành chính, bỏ thủ tục cấp giấy phép thực hiện hợp đồng, tăng cường hỗ trợ và tạo điều kiện cho các tổ chức kinh tế, có chính sách hỗ trợ người lao động nghèo, người lao động thuộc diện chính sách.

Tuy nhiên, sự phối hợp giữa hai bên còn thiếu đồng bộ trong quá trình quản lý và cung ứng lao động; các thủ tục còn phiền hà, chậm sửa đổi. Vì vậy, những năm 1996 - 1998, lao động tự do còn chiếm tới 2/3 số lao động ở Lào và đã gây ảnh hưởng nhất định đến quan hệ hợp tác giữa hai bên và quyền lợi của người lao động Việt Nam tại Lào.

Hợp tác Việt Nam - Lào trong lĩnh vực thương mại, đầu tư

Hợp tác trong lĩnh vực thương mại, đầu tư, liên doanh liên kết sản xuất là đặc trưng của mối quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào trong điều kiện hai nước thực hiện công cuộc đổi mới nền kinh tế theo hướng kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực. Cùng với chính sách đa dạng hoá, đa phương hoá các mối quan hệ kinh tế đối ngoại, thúc đẩy đầu tư nước ngoài và thương mại quốc tế, trong năm năm (1996 - 2000) Chính phủ hai nước đã đặc biệt quan tâm đến việc tăng cường hợp tác trong lĩnh vực này và đã đạt được những kết quả quan trọng.

Hợp tác về thương mại: nhờ có cơ chế phù hợp, kim ngạch xuất,

nhập khẩu hai chiều giữa hai nước năm 1998 tăng 196% so với năm 1997. Trước ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính - tiền tệ khu vực những năm 1998 - 1999, hai bên đã có chủ trương đẩy mạnh quan hệ thương mại giữa hai nước, đưa nhanh hàng hoá của Việt Nam vào Lào, khuyến khích các doanh nghiệp hai nước buôn bán, trao đổi hàng hoá với nhau. Chính phủ hai nước đã giảm 50% thuế những mặt hàng nhập vào mỗi nước có xuất xứ từ Việt Nam và từ Lào (Văn bản số 1577/TT ngày 18 tháng 9 năm 1997 của Lào và Văn bản số 181/1998/QĐ-TTg ngày 21 tháng 9 năm 1998 của Việt Nam); đồng thời cho phép các doanh nghiệp Việt Nam xuất khẩu hàng hoá sang Lào được thanh toán bằng hàng của Lào (Văn bản số 964/CP-KTTH ngày 17 tháng 8 năm 1998 và Văn bản số 01/CP-KTTH ngày 19 tháng 1 năm 1999). Hai Chính phủ đã có cuộc gặp và ký thỏa thuận tháo gỡ những khó khăn cho người và hàng hoá qua lại giữa hai nước (Thỏa thuận Cửa Lò, tháng 8 năm 1999).

Nhờ có những chủ trương và chính sách kịp thời của hai Nhà nước, hàng hoá Việt Nam đã chiếm tới 25 - 30% thị phần tại một số tỉnh Trung và Nam Lào. Kim ngạch xuất, nhập khẩu tăng từ 1,5 - 2 lần; hoạt động thương mại với Lào trở nên sôi động hơn, bốn siêu thị liên doanh tại Trung, Nam Lào và Viêng Chăn được thành lập và đi vào hoạt động có hiệu quả. Tuy nhiên, trong lĩnh vực hợp tác thương mại còn nhiều vấn đề cần phải điều chỉnh, bổ sung về chính sách và cơ chế hợp tác.

Từ khi có quy chế chợ biên giới, việc buôn bán của một số điểm chợ biên giới đã đi vào nền nếp (tính đến năm 2000 có 11 chợ biên giới của hai bên). Ước tính trao đổi hàng hoá hàng năm giữa dân cư hai nước khoảng 100 - 120 triệu USD.

Hợp tác về đầu tư: sau khi có Hiệp định khuyến khích và bảo hộ đầu tư song phương giữa hai nước (ký ngày 14 tháng 1 năm 1996) và các quy định về đầu tư của các doanh nghiệp Việt Nam ra

nước ngoài (năm 1999), cùng các thỏa thuận của hai Đảng, hai Nhà nước, hai bên đã có nhiều cố gắng chỉ đạo triển khai tới các ngành, địa phương, cơ sở nhằm đẩy mạnh hợp tác đầu tư liên doanh trên lãnh thổ của nhau, tạo nhiều điều kiện để trao đổi tìm hiểu cơ hội đầu tư kinh doanh cho các doanh nghiệp hai bên. Những cuộc viếng thăm và làm việc của các đoàn cấp cao Đảng, Chính phủ, các bộ, ngành hai nước, những cuộc hội thảo giữa các doanh nghiệp hai nước do phía Lào tổ chức (tháng 10 năm 1998) và Sứ quán Việt Nam tổ chức (tháng 6 năm 2000); các hội chợ hàng hoá tại Lào đã không ngừng thúc đẩy những cơ hội hợp tác trong lĩnh vực này. Về phía Việt Nam, Chính phủ đã ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đầu tư vào Lào.

Đây cũng là giai đoạn hầu hết các cơ chế hợp tác đã được ký kết tạo ra khung pháp lý quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Các văn bản này thể hiện sự quyết tâm của hai bên nhằm nâng cao chất lượng hợp tác, dành ưu tiên, ưu đãi cho nhau trên cơ sở thông lệ quốc tế và quan hệ đặc biệt giữa hai nước như: Thỏa thuận về tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện, hàng hoá qua lại giữa hai nước (Thỏa thuận Cửa Lò 1999), Quy chế tài chính và quản lý dự án sử dụng vốn viện trợ của Việt Nam dành cho Lào.

Đến năm 2000, có trên 30 doanh nghiệp Việt Nam có trụ sở và đăng ký hoạt động tại Lào, với vốn đăng ký trên 100 triệu USD, gồm 13 doanh nghiệp đầu tư sản xuất và chuyển giao công nghệ như chăn nuôi, gốm, dược phẩm, thạch cao...; 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ (trong đó có bốn liên doanh thương mại); 12 doanh nghiệp trong lĩnh vực nhận thầu xây dựng các công trình. Nhiều doanh nghiệp đã trúng thầu quốc tế tại Lào, được phía Lào tin tưởng và đánh giá cao. Tổng công ty liên doanh 18 (CIE18) trúng thầu quốc tế sáu dự án về giao thông, tổng

chiều dài 250km, với doanh số 82 triệu USD; thu hút hơn 3.000 lao động Việt Nam làm việc tại Lào¹⁰⁹.

Các hoạt động đầu tư liên doanh hai nước đã phát triển hơn hẳn những giai đoạn trước đây. Lào dần dần trở thành thị trường thu hút các doanh nghiệp Việt Nam sang khảo sát và đầu tư. Tuy nhiên, cũng mới có 22 dự án đầu tư vào Lào với số vốn đăng ký 13,9 triệu USD, Việt Nam là đối tác đứng thứ 14 trong tổng số 36 nước đầu tư vào Lào¹¹⁰. Nguyên nhân cơ bản là thiếu vốn và công nghệ trong khi thị trường mỗi nước đang đòi hỏi các nhà đầu tư của nước mình khai thác triệt để những khả năng sẵn có. Bên cạnh đó, hệ thống luật và văn bản dưới luật của cả hai nước còn chưa đầy đủ và chưa đồng bộ. Sự hạn chế về thị trường và sức mua của Lào phần nào thiếu hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Về cơ chế hợp tác: trên cơ sở quan điểm hợp tác mới là “Hợp tác bình đẳng, cùng có lợi, kết hợp thoả đáng tính chất quan hệ đặc biệt với thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau”, Chính phủ hai nước đã quan tâm đặc biệt đến việc bổ sung, hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách hợp tác giữa hai nước. Ngoài Hiệp định khung hợp tác thời kỳ 1996 - 2000 và Hiệp định hợp tác hàng năm, trên cơ sở thông lệ quốc tế và có tính tới mối quan hệ hợp tác đặc biệt giữa hai nước, hai Chính phủ đã ký 12 văn bản và sửa đổi, bổ sung nhiều văn bản hợp tác khác, kịp thời đáp ứng yêu cầu hợp tác hai nước trong tình hình mới. Đó là: sửa đổi bổ sung Hiệp định về biên giới (năm

¹⁰⁹. Bao gồm: trên tuyến đường 13 Bắc Lào 163 km (ADB4), đường 13 Nam Lào 45 km (ADB7), đường 7 Phôn Xá Vẳn - Nặm Cấn 131 km, đường 6 Sầm Nưa 60 km, đường nội thị Viêng Chăn 25 km, đường 9 đi Xavănnakhê.

¹¹⁰. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 và chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2010*, tháng 10 năm 2000, tr.16.

1997); bổ sung Hiệp định hợp tác lao động (năm 1999); sửa đổi, bổ sung Hiệp định quá cảnh hàng hoá (năm 2000)...¹¹¹.

Hai bên đã có các cuộc gặp trao đổi bất thường và ký kết những văn bản quan trọng, giải quyết nhiều vấn đề thực tế đặt ra, góp phần tăng cường thúc đẩy quan hệ giữa hai nước. Đó là: Thỏa thuận về tài chính và quản lý dự án sử dụng vốn viện trợ của Việt Nam dành cho Lào (năm 1998), Hiệp định thanh toán (năm 1998), Thỏa thuận về việc tạo điều kiện cho người và hàng hoá qua lại biên giới hai nước (năm 1999)...².

Cùng với các văn bản ký kết giữa Chính phủ hai nước, hệ thống các văn bản thỏa thuận giữa các bộ, ngành, địa phương về chương trình hợp tác song phương cũng đã đáp ứng kịp thời và góp phần quan trọng trong việc quản lý, định hướng, khuyến khích, tạo môi trường pháp lý thuận lợi thúc đẩy quan hệ hợp tác hai bên.

Tuy nhiên, các cơ chế, chính sách của cả hai bên còn nặng về thông lệ, ít tính tới những đặc thù riêng và những điều kiện bên ngoài tác động đến quan hệ hai nước. Việc phối hợp triển khai các cơ chế, chính sách hợp tác giữa hai bên còn chậm, thiếu đồng bộ.

Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 về cơ bản đã thực hiện được mục tiêu chiến lược là ưu tiên cho lĩnh vực giáo dục - đào tạo, nông nghiệp và phát triển nông thôn của Lào. Hợp tác trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo được chú trọng mở rộng cả về quy mô và hình thức. Hợp tác nông nghiệp đã tập trung vào việc triển khai quy hoạch phát triển lương thực và thủy lợi cho các cánh đồng lớn của Lào nhằm đảm bảo an ninh lương thực, đã hỗ trợ trực tiếp cho việc phát triển nông nghiệp

¹¹¹, 2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000 và chiến lược hợp tác giai đoạn 2001 - 2010*, tháng 10 năm 2000, tr.18.

và nông thôn một số vùng biên giới, góp phần đào tạo ngành nghề và định canh định cư, thực hiện tốt cam kết trong lĩnh vực giao thông, các tuyến đường nối hai nước và thông ra các cảng biển Việt Nam đã được đầu tư nâng cấp, tạo điều kiện thuận lợi cho vận tải quá cảnh của hai nước, đặc biệt là giúp Lào có điều kiện trao đổi hàng hoá với bên ngoài qua cảng biển Việt Nam. Hợp tác thương mại, đầu tư đã được đặc biệt quan tâm và được coi là mục tiêu quan trọng của hợp tác kinh tế giữa hai nước trong điều kiện hai nước đang tiến hành mở cửa nền kinh tế, hội nhập quốc tế và khu vực.

Những kết quả hợp tác kinh tế giai đoạn này đã đóng góp đáng kể cho nhu cầu phát triển kinh tế của hai nước, nâng cao đời sống nhân dân các bộ tộc Lào, thúc đẩy hai nước tham gia quá trình hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực.

Kết thúc thế kỷ XX, công cuộc đổi mới ở Việt Nam và Lào đã giành được những thành quả to lớn trên tất cả các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Tháng 4 năm 2001, Đại hội lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra đường lối và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội với chủ trương thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và coi đó là mô hình kinh tế tổng quát trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Về đường lối đối ngoại, Đảng Cộng sản Việt Nam coi trọng và phát triển quan hệ hữu nghị, hợp tác với các nước xã hội chủ nghĩa và các nước láng giềng; nâng cao hiệu quả và chất lượng hợp tác với các nước ASEAN... Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực, nâng cao hiệu quả hợp tác quốc tế, bảo đảm độc lập, tự chủ và định hướng xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích dân tộc, giữ vững an ninh quốc gia, giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường.

Đại hội lần thứ VII Đảng Nhân dân cách mạng Lào (tháng 3 năm 2001) tiếp tục khẳng định đường lối đổi mới, xây dựng chế độ

dân chủ nhân dân, tạo tiền đề cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Lào. Tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại hoà bình, độc lập và hữu nghị, hợp tác với các nước, nhất là các nước trong khu vực. Củng cố và phát triển tình đoàn kết, hữu nghị đặc biệt với Việt Nam...

Trên cơ sở kết quả hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 1996 - 2000, xuất phát từ yêu cầu của hợp tác giữa hai nước trong giai đoạn mới, tại cuộc gặp ngày 6 tháng 2 năm 2001 tại Hà Nội, hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào chủ trương: dù trong hoàn cảnh nào cũng cần tiếp tục thực hiện những phương hướng và nguyên tắc lớn mà hai Bộ Chính trị đã thỏa thuận, nhằm củng cố và phát triển sâu rộng hơn nữa quan hệ giữa hai Đảng, hai Nhà nước.

Căn cứ vào thoả thuận của hai Bộ Chính trị và căn cứ vào nội dung Bản thoả thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2001 - 2010, ngày 6 tháng 2 năm 2001, tại Hà Nội, Chính phủ hai nước đã ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào giai đoạn 2001 - 2005.

Hiệp định hợp tác giai đoạn 2001 - 2005 được thực hiện trong bối cảnh hai nước đều có mức tăng trưởng khá và ổn định. Song, cả hai vẫn còn là những nước chậm phát triển so với nhiều nước trong khu vực và thế giới. Trong điều kiện hội nhập với những ảnh hưởng phức tạp về tình hình kinh tế, chính trị, an ninh trên thế giới và tiến trình thực hiện các cam kết ASEAN trong khu vực, các hoạt động liên kết và tăng cường hợp tác giữa một số nước đang được hình thành đã có những tác động tích cực thúc đẩy hợp tác song phương, gắn kết giữa hai nước và với các nước láng giềng và khu vực, nhưng cũng là những thách thức của quan hệ hợp tác giữa hai nước

trong điều kiện cạnh tranh và tranh thủ ảnh hưởng giữa các nước. Các hoạt động gây rối của các thế lực thù địch ở vùng biên giới hai nước cũng là những thách thức và trực tiếp ảnh hưởng đến hợp tác kinh tế giữa hai nước.

Mặc dù có nhiều khó khăn, nhưng hai bên đã có nhiều cố gắng thực hiện các nội dung đã thỏa thuận, cùng nhau điều chỉnh và giải quyết các vấn đề nảy sinh, tạo điều kiện hỗ trợ thiết thực trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Vì vậy, hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước giai đoạn 2001 - 2007 đã có bước phát triển mới, đạt được những mục tiêu cơ bản đã được thỏa thuận giữa hai bên.

Kết quả sử dụng vốn viện trợ

Vốn viện trợ không hoàn lại giai đoạn 2001 - 2005 được thực hiện là 590 tỷ VNĐ (Hiệp định khung là 560 tỷ VNĐ). Bao gồm các lĩnh vực dưới đây:

Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực: giáo dục, đào tạo là lĩnh vực hợp tác chiến lược lâu dài và được sự quan tâm thường xuyên của Đảng và Nhà nước hai bên, đáp ứng tích cực và kịp thời nhu cầu mỗi bên, chiếm 49,05% nguồn vốn viện trợ (289,4 tỷ VNĐ), để chi cho 1.884 cán bộ, học sinh Lào có mặt ở Việt Nam và đầu tư vào các cơ sở đào tạo tại Lào.

- Hai bên đã tập trung ưu tiên đào tạo và bồi dưỡng cán bộ chính trị và quản lý của Đảng và Nhà nước Lào, với số lượng tăng từ 130 người năm 2001 lên 225 người năm 2005 và hàng nghìn cán bộ, học sinh tốt nghiệp các bậc đại học và cao đẳng trong năm năm 2001 - 2005. Kết quả này đã tạo cho Lào một nguồn nhân lực trên hầu hết các lĩnh vực quản lý, kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật.

- Về phía Lào, số cán bộ, học sinh Việt Nam học tại Lào có mặt 122 người, hai bên đã dành vốn viện trợ xây dựng ký túc xá học sinh nước ngoài tại Đại học Quốc gia Viêng Chăn để phục vụ

cho cán bộ, học sinh Việt Nam học tập tại Lào.

Hai bên đã phối hợp hoàn thành Trung tâm bồi dưỡng cán bộ quản lý kinh tế, kế hoạch Viêng Chăn; xây dựng Trường Năng khiếu và dự bị đại học Viêng Chăn, trị giá hơn 80 tỷ VNĐ; Khoa Tiếng Việt Trường Đại học Quốc gia Lào; nâng cấp, cải tạo Trường Chính trị - Hành chính quốc gia Thà Ngòn, để phục vụ tại chỗ cho Lào.

Tuy nhiên, chất lượng trong hợp tác đào tạo chưa được như mong muốn, nhiều vấn đề về cơ chế, chính sách, sự phối hợp giữa hai bên cần phải được bổ sung, điều chỉnh.

Thực hiện các chương trình hợp tác

Về nông nghiệp: gần 1/4 số vốn viện trợ đã được triển khai cho chương trình an ninh lương thực quốc gia của Lào, trong việc nâng cao hiệu quả sản xuất lương thực trên bảy cánh đồng: Viêng Chăn, Champaxắc, áttapur, Khăm Muộn, Bôlikhămxay, Xavănnakhêt, Xê Đôn. Đầu tư ba hệ thống thủy lợi lớn Đông Phú Xi, Thà Phanoong (Viêng Chăn) và Nặm Long (Hủa Phăn) với số vốn đầu tư trong 5 năm là hơn 87 tỷ VNĐ; cung cấp 26 tỷ VNĐ thiết bị bơm để đẩy nhanh tiến độ hoàn thành hệ thống thủy lợi Đông Phú Xi và Thà Phanoong¹¹². Những công trình này đang được hoàn thành và đưa vào sử dụng, được phía Lào đánh giá cao trong việc góp phần tăng trưởng nông nghiệp, đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông thôn và sản xuất hàng hoá của Lào.

Hợp tác giao thông: các tuyến đường và cửa khẩu qua biên giới hai nước được đầu tư, nâng cấp tạo điều kiện thuận lợi cho việc qua lại và phát triển kinh tế giữa hai nước. Một phần vốn viện trợ dành cho việc khảo sát lập báo cáo nghiên cứu khả thi và xây dựng một số tuyến đường và cầu lớn theo yêu cầu của phía Lào.

Lĩnh vực điều tra cơ bản: một số vốn viện trợ (11%) được dành

¹¹². Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào, thời kỳ 2001 - 2005*, tr.4.

cho các dự án: tăng cường năng lực cho Cục Đo đạc quốc gia Lào bằng công nghệ bản đồ kỹ thuật số. Khảo sát lập bản đồ địa chất 1/200.000 Bắc Lào; thăm dò muối mỏ Potát, thạch cao ở Trung Lào; điều tra khoáng sản và bôxít ở Nam Lào.

Một số vốn viện trợ còn được sử dụng cho việc duy trì hoạt động của dự án phát triển nông nghiệp, nông thôn ở Champaxắc, duy trì hoạt động của các trạm thủy văn...

Hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, thương mại

Thương mại: kim ngạch xuất nhập khẩu giai đoạn 2001 - 2005 đạt 687,8 triệu USD, tuy có giảm so với giai đoạn 1996 - 2000, nhưng đã khai thác được các mặt hàng có thế mạnh và góp phần thúc đẩy sản xuất của mỗi nước.

Các chính sách kinh tế đã thực sự có tác động tích cực tới kim ngạch thương mại hai nước. Những điều chỉnh của thỏa thuận Viêng Chăn năm 2002 về giảm 50% thuế suất thuế nhập khẩu cho hàng hoá có xuất xứ từ mỗi nước như bổ sung 12 mặt hàng có xuất xứ từ Lào nhập khẩu vào Việt Nam năm 2003; xoá bỏ danh mục, số lượng, giá trị và mở rộng cho tất cả hàng hoá có xuất xứ từ mỗi nước năm 2004 và thống nhất danh mục hàng hoá giảm 0% thuế suất thuế nhập khẩu để áp dụng trong năm 2005..., kim ngạch xuất nhập khẩu hai nước vào các năm 2004, 2005 đã được cải thiện, tăng bình quân 26%/năm¹¹³.

Các hoạt động xúc tiến thương mại được tăng cường và duy trì thường xuyên nhân dịp các ngày lễ lớn hàng năm của hai nước, với cơ chế miễn thuế hàng hoá và hỗ trợ chi phí cho các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm. Việc thông quan hàng hoá và hoạt động của các chợ cửa khẩu trên tuyến biên giới Việt - Lào đã góp

¹¹³. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào, thời kỳ 2001 - 2005*, tr.6.

phần quan trọng tăng dần thị phần và uy tín của hàng hoá Việt Nam trên thị trường Lào, tăng cường giao lưu kinh tế, thương mại biên giới, nâng cao đời sống của cư dân vùng biên.

Hạn chế của quan hệ thương mại giữa hai nước giai đoạn 2001 - 2005 là tuy các chính sách được đưa ra điều chỉnh phù hợp với yêu cầu thực tế, nhưng việc triển khai của một số cơ quan chức năng còn chậm, các giải pháp chưa thông thoáng kịp thời, thiếu nhạy bén so với các nước láng giềng.

Hợp tác về đầu tư: từ sau Nghị định số 22/1999/NĐ-CP tháng 4 năm 1999 của Việt Nam về đầu tư ra nước ngoài được ban hành và Thủ tướng Chính phủ Việt Nam có quy định về quản lý và triển khai các dự án hợp tác với Lào (ngày 16 tháng 7 năm 1999), số dự án đầu tư vào Lào tăng lên đáng kể. Từ năm 2001 đến 2005 có 18 dự án, chiếm 52,9% số dự án đầu tư vào Lào từ trước đến lúc này. Với sự quan tâm thích đáng của Chính phủ hai nước, công tác xúc tiến đầu tư giữa hai nước đã có những bước chuyển biến đáng kể.

Đầu tư trực tiếp của Lào vào Việt Nam tính đến năm 2005 có sáu dự án với số vốn đóng góp của Lào là 4,3 triệu USD, tập trung chủ yếu trong lĩnh vực giao thông vận tải, bưu điện, tài chính, ngân hàng...

Nhiều dự án đầu tư sản xuất hàng hoá tiêu dùng bằng nhựa, dệt kim, bột giấy, vật liệu xây dựng nhằm tận dụng thế mạnh nguyên liệu và nhân lực sẵn có của Lào đã được đưa vào hoạt động. Các dự án với quy mô lớn được mở ra không những mang lại lợi ích kinh tế mà còn có ý nghĩa an ninh, quốc phòng, góp phần thực hiện chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác giữa hai nước như: Nhà máy thủy điện Xê Camán 3 (240MW), trồng và chế biến cao su, các cây công nghiệp khác tại các tỉnh Nam Lào, khai thác và sản xuất muối mỏ kali ở Trung Lào, tổ hợp than điện Nậm Ngân... đã và đang

được các tổng công ty nhà nước và các địa phương của Việt Nam triển khai¹¹⁴.

Hạn chế trong hoạt động đầu tư của hai nước là quy mô đầu tư còn nhỏ (bình quân 0,483 triệu USD/dự án), công nghệ đơn giản, chưa mang tầm chiến lược lâu dài về sản phẩm, tạo ra những hàng hoá có khả năng cạnh tranh ra thị trường bên ngoài thông qua các dự án đầu tư vào mỗi bên. Các cơ chế, chính sách và thủ tục trong cấp phép đầu tư, hỗ trợ vay vốn, thủ tục hải quan và chính sách thuế ưu đãi cần phải được bổ sung, điều chỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hai nước trong hoạt động đầu tư.

Thực hiện các cam kết hai bên

Giai đoạn 2001 - 2005, nhiều nội dung ưu tiên, ưu đãi cho nhau đã được thỏa thuận trong nhiều lĩnh vực.

Trong lĩnh vực giao thông vận tải: để tạo điều kiện cho hàng hoá của Lào quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam, đặc biệt đối với cảng Vũng Áng, bốn loại cước phí đã được giảm; đồng thời tiếp tục nâng cấp đường 12 từ cửa khẩu Chalo (Quảng Bình) đi cảng Vũng Áng, đầu tư giai đoạn 2 cảng Vũng Áng để dành cho Lào sử dụng theo thỏa thuận.

Hiệp định tín dụng bổ sung đường 18B Nam Lào được ký ngày 16 tháng 7 năm 2004 và đang đẩy nhanh tiến độ đưa vào sử dụng vào đầu năm 2006 để thông thương với cửa khẩu Bờ Y của Việt Nam.

Thực hiện thỏa thuận về việc hai bên ưu tiên đầu tư mở các tuyến đường qua biên giới hai nước, bằng nguồn vốn ngân sách, từ năm 2001 đến 2005, phía Việt Nam đã đầu tư xây dựng các tuyến đường Nà Cài (Sơn La), Sơn Hồng, Vũ Quang (Hà Tĩnh), Thanh

¹¹⁴. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào, thời kỳ 2001 - 2005*, tr.7, 8, 9.

Thuỷ (Nghệ An) đi biên giới Việt - Lào. Hoàn thành các trạm liên kiểm cửa khẩu Chiềng Khương (Sơn La), Na Mèo (Thanh Hoá), Nậm Cắn (Nghệ An) và đang đầu tư xây dựng trạm liên kiểm cửa khẩu Tây Trang (Điện Biên)¹¹⁵.

Trong lĩnh vực mua bán điện: thực hiện Hiệp định hợp tác năng lượng - điện (ngày 6 tháng 7 năm 1998), Việt Nam tiếp tục bán điện cho phía Lào tại Sầm Nưa (Hủa Phăn), Lắc Xao (Bôlikhămxay), Xê Pôn (Xavănnakhệt) và Samuội (Xalavăn) hàng năm khoảng 13.000 KW/h. Hiện mạng lưới điện đã đến các điểm biên giới Bờ Y (Kon Tum), Kak Tao (Quảng Nam), Hồng Vân (Thừa Thiên - Huế) và Cầu Treo (Hà Tĩnh), sẵn sàng bán điện khi phía Lào có nhu cầu.

Việt Nam hoàn thành việc giúp Lào quy hoạch đầu nối mạng điện hai nước các tuyến Nậm Mộ - Bạ Vẽ - Vinh (110 KV), Xê Camản - A Vương - Đà Nẵng (220 KV), Nam Lào - Trạm 500 KV Plâycu (500 KV) để chuẩn bị thực hiện thỏa thuận nối mạng năng lượng điện trong những năm tới.

Về cơ chế chính sách hợp tác

Để thúc đẩy và mở rộng quan hệ hợp tác giữa hai nước và nhằm điều chỉnh các cơ chế, chính sách hợp tác phù hợp với tình hình thực tế của mỗi nước giai đoạn 2001 - 2005, hai bên đã phối hợp nghiên cứu sửa đổi, bổ sung nhiều cơ chế hợp tác¹¹⁶. Các cơ chế chính sách này là cơ sở cho việc quản lý, hợp tác giữa hai bên, đóng góp tích cực vào việc phát triển quan hệ hợp tác giữa hai

¹¹⁵. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Việt Nam): *Báo cáo tình hình thực hiện hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào, thời kỳ 2001 - 2005*, tr.7, 8, 9.

¹¹⁶. Thay thế “Thỏa thuận về quy chế tài chính và quản lý các dự án sử dụng vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Việt Nam dành cho Chính phủ Lào” ký ngày 9 tháng 3 năm 1998 bằng thỏa thuận mới ký ngày 15 tháng 1 năm 2002.

Ký Nghị định thư về hợp tác đào tạo cán bộ giữa Chính phủ Việt Nam và Chính phủ Lào, giai đoạn 2001 - 2005, ngày 15 tháng 1 năm 2002.

nước.

Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào những năm 2006 - 2007 tiếp tục được tăng cường. Trong cuộc gặp giữa hai Bộ Chính trị Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Nhân dân cách mạng Lào tại Viêng Chăn, ngày 3 tháng 1 năm 2006, hai bên tiếp tục khẳng định việc tăng cường và mở rộng hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật và duy trì quan hệ truyền thống sẵn có, lâu đời là nhiệm vụ chiến lược lâu dài của hai Đảng và nhân dân hai nước. Hai bên thống nhất những định hướng lớn cho sự hợp tác toàn diện giữa hai nước giai đoạn 2006 - 2010.

Quán triệt tinh thần và nội dung cuộc hội đàm giữa hai Bộ Chính trị và nội dung bản thỏa thuận chiến lược về hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2001 - 2010, ngày 4 tháng 1 năm 2006, tại Viêng Chăn, Chính phủ hai nước ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hoà Dân chủ Nhân dân Lào giai đoạn 2006 - 2010.

Hiệp định được ký kết trong bối cảnh công cuộc đổi mới ở Việt Nam và ở Lào đang đạt được những thành tựu to lớn.

ở Việt Nam, Đại hội lần thứ X Đảng Cộng sản Việt Nam đã tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới, từ đó tiếp tục phát triển và hoàn thiện đường lối, quan điểm, định ra phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển đất nước năm năm 2006 - 2010 tầm nhìn đến năm 2020, thực hiện bằng được mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế; đồng thời

mở rộng hợp tác quốc tế trên các lĩnh vực khác. Việt Nam là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực.

ở Lào, Đại hội lần thứ VIII Đảng Nhân dân cách mạng Lào cũng đã tiến hành tổng kết 20 năm đổi mới và khẳng định đất nước liên tục phát triển, từng bước tiến tới mục tiêu giàu mạnh và phồn vinh. Đại hội xác định mục tiêu xây dựng đất nước thời kỳ 2006 -2010 và hướng tới năm 2020 là tăng cường đoàn kết toàn dân, phát huy sức mạnh tổng hợp, tiếp tục xây dựng và phát triển chế độ dân chủ nhân dân, từng bước tiến tới mục tiêu xã hội chủ nghĩa. Đại hội chủ trương mở rộng quan hệ đối ngoại và hội nhập quốc tế: tiếp tục củng cố, tăng cường mối quan hệ hữu nghị và hợp tác toàn diện với các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó tiếp tục củng cố và phát triển tình đoàn kết đặc biệt và hợp tác toàn diện với Việt Nam.

Sau kế hoạch năm năm 2001 - 2005, nền kinh tế của hai nước đều có mức tăng trưởng khá và ổn định; năng lực và trình độ sản xuất của nhiều ngành kinh tế của Lào đã tăng lên đáng kể. Hệ thống cơ sở hạ tầng các tuyến đường 9, đường 12, đường 18B, cầu Mộcdahan qua sông Mê Công... giữa hai nước với khu vực được hoàn thành đầu tư nâng cấp sẽ là cơ sở thuận lợi để phát triển giao lưu du lịch, thương mại giữa các nước và khu vực. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi cũng còn nhiều hạn chế tác động đến quan hệ hợp tác, đó là: xuất phát điểm kinh tế của hai nước còn thấp; khả năng hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực của các doanh nghiệp hai nước chưa đáp ứng so với yêu cầu, trong khi lộ trình thực hiện đầy đủ các cam kết AFTA, WTO và các hiệp định quốc tế khác đang và sẽ tạo ra những sức ép cạnh tranh rất lớn đối với doanh nghiệp hai nước.

Về khách quan, sự ảnh hưởng của các nước láng giềng trong khu vực thông qua viện trợ, đầu tư, hợp tác kinh tế vì lợi ích và

quyền lợi của mỗi nước ngày càng rõ nét. Các thế lực phản động trong và ngoài nước vẫn còn ý đồ ngăn cản sự phát triển và hợp tác an ninh biên giới giữa hai nước...

Hai bên xác định quan điểm hợp tác trong giai đoạn 2006 - 2010 là tiếp tục phát huy quan hệ truyền thống tốt đẹp, có hiệu quả trong mối quan hệ đặc biệt giữa hai nước, kết hợp chặt chẽ giữa hợp tác kinh tế với chính trị, an ninh, quốc phòng và đối ngoại. Lấy mục tiêu chính trị làm cơ sở xem xét hiệu quả cho các hoạt động hợp tác kinh tế trên cơ sở phát huy và duy trì các kết quả hợp tác đã đạt được; sử dụng tốt tiềm năng, thế mạnh và bảo đảm sự phát triển bền vững môi trường sinh thái của mỗi nước; nâng cao hiệu quả và tăng cường ảnh hưởng thông qua hợp tác kinh tế; đồng thời có cơ chế hỗ trợ thông thoáng, tạo sức cạnh tranh cho các doanh nghiệp hoạt động đầu tư, thương mại trên thị trường hai bên.

Hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 2006 - 2010 tiếp tục hướng vào mục tiêu ưu tiên đào tạo nguồn nhân lực và nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường hợp tác phát triển bền vững vùng biên giới hai nước; quan tâm thích đáng hợp tác trên lĩnh vực văn hoá; khuyến khích và tạo điều kiện cho các địa phương hợp tác trên cơ sở quản lý thống nhất thông qua các chương trình hợp tác.

Nội dung của Hiệp định bao gồm sáu chương trình mục tiêu sau đây:

- Chương trình 1: Hợp tác giáo dục - đào tạo và nâng cao chất lượng đào tạo nguồn nhân lực.
- Chương trình 2: Hợp tác phát triển bền vững vùng biên hai nước.
- Chương trình 3: Hợp tác thông tin, văn hoá, tư tưởng.
- Chương trình 4: Phát triển thương mại, đầu tư.
- Chương trình 5: Hợp tác kết nối mạng cơ sở hạ tầng, dịch vụ,

du lịch giữa hai nước.

- Chương trình 6: Duy trì hoạt động và nâng cao năng lực các chương trình, dự án phục vụ hợp tác giữa hai nước.

Hai bên thống nhất cam kết cùng phối hợp với Campuchia đẩy mạnh hợp tác xây dựng *Tam giác phát triển ba nước Việt Nam - Lào - Campuchia* (CLV), trên cơ sở quy hoạch tổng thể phát triển đã được Thủ tướng ba nước thông qua tại Viêng Chăn, ngày 28 tháng 11 năm 2004. Cung cấp thông tin và tham khảo ý kiến lẫn nhau trong các chương trình hợp tác đa phương và hợp tác liên kết kinh tế bốn nước Campuchia - Lào - Mianma - Việt Nam (CLMV), chiến lược hợp tác kinh tế Ayeyawady - Chao Phraya - Mê Công (ACMECS) và hợp tác Hành lang kinh tế Đông - Tây (EWEK). Tăng cường hợp tác chặt chẽ để phối hợp với các quốc gia khác trong lưu vực sông Mê Công nhằm phát triển và quản lý bền vững tài nguyên nước trong khu vực sông Mê Công và thực hiện tốt Hiệp định sông Mê Công năm 1995.

Trong hai năm 2006 - 2007, với sự nỗ lực của cả hai bên, quan hệ hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước Việt Nam - Lào đã chuyển biến tốt.

Hợp tác giáo dục - đào tạo được mở rộng bằng nhiều hình thức, đáp ứng nhu cầu đào tạo của mỗi bên. Hai bên phối hợp xây dựng bộ từ điển Việt - Lào, Lào - Việt; đưa vào sử dụng Trường Năng khiếu và dự bị đại học Viêng Chăn; tiến hành xây dựng Trường Tài chính Đông Khăm Xạng; tiếp tục xây dựng Trường Dạy nghề tỉnh Bò Kẹo; cử giáo viên dạy tiếng Việt tại các trường dân tộc nội trú tại Lào.

Trong lĩnh vực kinh tế, hai bên đã khánh thành đường 18B từ tỉnh áttapur đến biên giới hai nước; tiếp tục xây dựng Nhà máy thủy điện Xê Camản 3, chuẩn bị đầu tư cụm dự án thủy điện Xê Camản 1, bao gồm cả dự án Xê Camản Xanxay (Xê Camản 0) và các dự án thủy

điện Nặm Cẩn, Xê Camản 4, Đắc Ymon, Xê Coong 3 (thượng lưu và hạ lưu) để phục vụ kết nối hệ thống điện giữa hai nước.

Hoạt động thương mại tiếp tục tăng, kim ngạch hai chiều năm 2006 đạt 240 triệu USD, tăng 48% so với năm 2005, năm 2007 (tính đến tháng 11) đạt 289 triệu USD, tăng 32% so với cùng kỳ năm 2006.

Hoạt động đầu tư được duy trì và đạt những kết quả tốt. Năm 2006, hai bên đã cấp phép cho 52 dự án đầu tư vào Lào với số vốn đăng ký đạt 368,6 triệu USD. Năm 2007, phía Việt Nam có 87 dự án được cấp phép đầu tư vào Lào với tổng số vốn đăng ký là 1.020 triệu USD, xếp thứ ba trong tổng số 30 nước và khu vực đầu tư vào Lào.

Để thúc đẩy hợp tác đầu tư có hiệu quả trong những năm 2006 - 2008, hai bên đã tổ chức Hội nghị đánh giá, rút kinh nghiệm về hoạt động đầu tư giữa hai nước tại Lao Bảo (Quảng Trị) vào tháng 6 năm 2007, Hội nghị sửa đổi, bổ sung “Thoả thuận Viêng Chăn 2002” và thay bằng “Thoả thuận Hà Nội 2007”.

Với sự quan tâm của hai bên, hợp tác đầu tư ngày càng đạt được những kết quả cả về chiều rộng lẫn chiều sâu. Từ năm 2000 đến hết năm 2007 có 37 nước đầu tư vào Lào với tổng số vốn đầu tư đạt 6.461,6 triệu USD. Việt Nam đứng thứ ba với 129 dự án và tổng số vốn 574,7 triệu USD. Về thủy điện, theo kế hoạch phát triển điện dài hạn của Lào có 74 dự án, với tổng công suất 15.895 MW, Việt Nam đầu tư 30 dự án với tổng công suất 5.089 MW, chiếm 45,5% số dự án và 32% tổng công suất.

Trong lĩnh vực thăm dò khai thác khoáng sản, tính đến tháng 8 năm 2007, Lào đã cấp phép 100 dự án khai thác khoáng sản, trong đó Việt Nam có chín dự án với vốn đầu tư là 52 triệu USD. Tới cuối năm 2007, Việt Nam có 18 doanh nghiệp xin phép đầu tư thăm dò, khai thác khoáng sản tại Lào, bao gồm khai thác sắt (Hòa Phấn),

thạch cao (Khăm Muộn), tìm kiếm muối mỏ kali (Khăm Muộn), sắt (Xê Coong), kẽm - chì (Hủa Phăn và Bolikhămxay) và 12 doanh nghiệp đang đề nghị khai thác bôxít, than, sắt, khoáng sản kim loại màu khác¹¹⁷.

Trên diện tích 178.943 ha đã được phía Lào cấp phép để đầu tư trồng cao su trên 10 tỉnh với số vốn 245 triệu USD, Việt Nam đang đầu tư 21 dự án tại năm tỉnh Trung và Nam Lào là Xavănnakhê, Champaxắc, Xalavăn, Xê Coong và áttapư với diện tích 46.609 ha và vốn đầu tư 138,9 triệu USD, theo hình thức thuê dài hạn 10 - 50 năm. Tính đến cuối năm 2007, Việt Nam đã trồng được 21.200 ha, bằng 45,06% diện tích được cấp phép².

Bước vào giai đoạn 2006 - 2010, hai bên nhất trí thúc đẩy mạnh mẽ hợp tác đầu tư, thương mại giữa hai nước trên tinh thần tôn trọng thông lệ quốc tế, có sự quan tâm, ưu tiên, ưu đãi cho nhau nhằm phát huy cao nhất khả năng, tiềm năng của mỗi nước, trên cơ sở quan hệ đặc biệt sẵn có. Tạo điều kiện cho nhau mở rộng thị trường ở mỗi bên và ra bên ngoài. Thúc đẩy nhanh và dành ưu tiên đầu tư một số dự án thủy điện, khai khoáng, trồng cây công nghiệp tại Lào, mang lại lợi ích thiết thực cho mỗi bên và đáp ứng nhu cầu về các nguồn lực cho phát triển kinh tế của mỗi nước; đồng thời khuyến khích các nhà đầu tư thuộc mọi thành phần kinh tế của Lào và Việt Nam đầu tư kinh doanh ổn định và lâu dài vào mỗi bên.

Hợp tác về bưu chính viễn thông cũng được hai bên quan tâm, hai nước đã thoả thuận xây dựng tuyến cáp quang nối Việt Nam với Lào; đồng thời phối hợp lập dự án kinh doanh tuyến cáp quang quốc tế sáu nước.

Hợp tác du lịch ngày càng phát triển, số khách tham quan du lịch

¹¹⁷, 2. Trần Bảo Minh: *Tổng quan hợp tác đầu tư Việt Nam và Lào*.

Lào và Việt Nam ngày một tăng. Năm 2006, số du khách Lào vào Việt Nam đạt 33.980 người và khách Việt Nam sang Lào là 141.653 người. Du lịch hai bên đã có những hợp tác hỗ trợ kỹ thuật, đào tạo cán bộ du lịch Lào, cùng với Lào trao đổi kinh nghiệm, xây dựng Luật Du lịch, phân hạng khách sạn, quản lý hướng dẫn viên và quy hoạch du lịch.

Về văn hoá thông tin, hai năm 2006 - 2007, phía Việt Nam tiếp tục hoàn thành hệ thống các đài chuyển tiếp phát thanh, truyền hình Lào tại các điểm Champaxắc, Xavannakhét, Udômxay và Luông Phabang. Duy trì và mở rộng nội dung phụ đề tiếng Lào trong các chương trình chuyển tiếp Đài Truyền hình Việt Nam tại Lào. Tiếp tục hỗ trợ củng cố, nâng cao năng lực chuyên môn cho các cán bộ thuộc lĩnh vực văn hoá thông tin, phát thanh, truyền hình, báo chí của Lào. Chia sẻ kinh nghiệm hoạt động của Bảo tàng Cayxôn Phômvihản. Đặc biệt, trong lĩnh vực viễn thông, tháng 11 năm 2007, Tổng công ty Viễn thông quân đội Việt Nam (Viettel) và Công ty Viễn thông quân đội Lào đã ký kết hợp đồng liên doanh thành lập Công ty Star Telecom với vốn đầu tư 60 triệu USD để cung cấp dịch vụ viễn thông - công nghệ thông tin tại Lào, góp phần hiện đại hoá hạ tầng viễn thông - công nghệ thông tin, tăng năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp viễn thông Lào.

Về khoa học, công nghệ, Việt Nam đang giúp Lào về công nghệ sinh học, công tác quản lý môi trường, lĩnh vực sở hữu trí tuệ, đo lường. Các cơ quan khoa học lớn của hai bên đã có những hoạt động phối hợp, giúp đỡ lẫn nhau tiến hành nghiên cứu một số vấn đề hai bên cùng quan tâm. Từ năm 2004, Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp với Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Lào nghiên cứu đề tài khoa học “*Phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và Lào hiện nay*”. Hiện nay, hai bên đang phối hợp nghiên cứu đề tài “*Xây dựng*

Đảng cầm quyền trong nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam và ở Lào”, tổ chức các hội thảo, phối hợp nghiên cứu lịch sử, địa lý... Hai bên bắt đầu phối hợp nghiên cứu biên soạn công trình lịch sử “Quan hệ đặc biệt và liên minh chiến đấu Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam (1930 - 2007)”.

Trong lĩnh vực y tế, Bộ Y tế Việt Nam đang giúp Lào xây dựng đề án Trường Đại học Y - Dược Viêng Chăn. Đang triển khai xây dựng khu nhà chính, phòng thí nghiệm và một số phòng học với vốn viện trợ khoảng 5 triệu USD¹¹⁸.

Các cơ chế, chính sách được xem xét điều chỉnh; các thỏa thuận hợp tác về thực hiện ưu đãi giảm 50% thuế suất và một số mặt hàng được hưởng 0% thuế suất thuế dịch vụ lao động và cấp thẻ theo thời hạn hợp đồng và cư trú của người lao động Việt Nam tại Lào đã và đang tạo điều kiện thúc đẩy đầu tư, thương mại giữa hai nước.

** Hợp tác giữa các địa phương và hợp tác biên giới*

Việt Nam và Lào có đường biên giới đi qua 10 tỉnh của Việt Nam và 10 tỉnh của Lào, ngoài ra còn có các tỉnh, thành phố kết nghĩa, vì vậy mà hợp tác giữa các địa phương hai bên Việt Nam - Lào phát triển rất nhanh và ngày càng có hiệu quả. Quan hệ hữu nghị truyền thống đã có từ lâu, nhưng quan hệ hợp tác toàn diện thì mới chỉ có từ khi hai nước giành được độc lập và xây dựng đất nước (1975). Riêng hợp tác về kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật chủ yếu là trong giai đoạn từ năm 1996 đến nay. Tại cuộc hội đàm đầu năm 1996, hai Bộ Chính trị đã đồng ý cho các địa phương có chung biên giới ký kết hợp tác trực tiếp với nhau. Đến cuộc gặp tháng 1 năm 1997, hai Bộ Chính trị chủ trương tăng cường quan hệ hợp tác giữa các tỉnh có chung biên giới và cho phép mở chợ

¹¹⁸. Vũ Dương Huân: Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 8, năm 2007.

đường biên, khuyến khích việc trao đổi hàng hoá, giao lưu buôn bán, hợp tác xây dựng cơ sở hạ tầng. Thực hiện miễn, giảm thuế đối với hàng hoá mua bán tại các vùng biên giới, sớm hoàn tất quy chế chợ đường biên và khu vực thương mại tự do Lao Bảo.

Trên cơ sở định hướng của hai Bộ Chính trị và thông qua các hiệp định hợp tác kinh tế, văn hoá, khoa học - kỹ thuật Việt Nam - Lào qua từng giai đoạn và hàng năm, hai bên đã phối hợp triển khai việc hợp tác trực tiếp giữa các địa phương hai nước và ngày càng đạt được những kết quả đáng khích lệ.

Giai đoạn 1996 - 2000, hợp tác giữa các địa phương, đặc biệt là các tỉnh biên giới hai nước đã được mở rộng và ngày càng có hiệu quả tốt, đã đóng góp vai trò quan trọng trong sự nghiệp phát triển và bảo vệ Tổ quốc của cả hai bên. Nhiều tỉnh biên giới đã liên doanh liên kết phát triển các lĩnh vực kinh tế như: hợp tác liên doanh khai thác gỗ giữa Nam Định với Uđômxay, Nghệ An với Xiêng Khoảng, Quảng Nam với Xalavăn, Quảng Bình với Khăm Muộn, Lai Châu với Phôngxalỳ. Nhiều dự án hợp tác sản xuất hàng thủ công, sành sứ và thuốc chữa bệnh... giữa các tỉnh của hai nước đã đi vào hoạt động. Hầu hết các địa phương giáp biên giới phía Việt Nam đã sang điều tra, khảo sát giúp các địa phương phía Lào xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội các huyện. Tỉnh Quảng Nam giúp huyện Samuội, tỉnh Xalavăn; Hà Tĩnh giúp huyện Khăm Cột, tỉnh Bolikhămxay; Lai Châu giúp huyện Phôngxalỳ... Tỉnh Thanh Hoá đã đào tạo cho tỉnh Hủa Phăn giáo viên cao đẳng tiếng Anh, phiên dịch tiếng Việt... Quan hệ hợp tác giữa các tỉnh đã đóng góp tích cực cho sự nghiệp phát triển kinh tế của các địa phương dọc biên giới, thắt chặt hơn nữa mối quan hệ hợp tác giữa hai nước và củng cố vành đai biên giới hoà bình, hữu nghị.

Hợp tác trong lĩnh vực xây dựng quy hoạch phát triển ngành, lãnh thổ là một trong những nội dung được các tỉnh biên giới hai

nước quan tâm. Những dự án hợp tác này cùng với các chương trình dự án quy hoạch chung giữa hai nước là những tiền đề quan trọng để phối hợp, hỗ trợ lẫn nhau trong phát triển kinh tế, tạo điều kiện giúp đỡ nhau sử dụng có hiệu quả các nguồn lực bảo vệ môi trường và tận dụng những cơ hội phát triển của các địa phương phù hợp với phương hướng phát triển kinh tế và hội nhập quốc tế giữa hai nước với khu vực. Tuy nhiên, quy hoạch của các tỉnh cũng còn chậm đi vào cuộc sống, do những khả năng hạn chế về vốn của cả hai bên.

Bước sang giai đoạn 2001 - 2007, các địa phương hai bên đã phát huy và duy trì thường xuyên mối quan hệ đoàn kết, hợp tác truyền thống láng giềng tốt đẹp, bảo đảm an ninh xã hội vùng biên, giải quyết tốt những việc phát sinh; đồng thời tiếp tục chủ động phối hợp tìm kiếm, cất bốc, quy tập hài cốt liệt sĩ quân tình nguyện Việt Nam trên đất Lào.

Các địa phương thường xuyên trao đổi đoàn, trao đổi kinh nghiệm, thúc đẩy quan hệ kinh tế, thương mại, du lịch, đầu tư, đào tạo, y tế. Đi đầu trong hợp tác giữa các địa phương là thành phố Hồ Chí Minh hợp tác với Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Champaxắc. Thành phố Hồ Chí Minh đã hỗ trợ kỹ thuật trồng giống ngô lai, kỹ thuật chăn nuôi, cung cấp bò giống, phân bón, thuốc trừ sâu; tổ chức nhiều đợt tập huấn cho cán bộ nông nghiệp và nông dân Thủ đô Viêng Chăn và tỉnh Champaxắc. Công ty Nhựa Sài Gòn đầu tư xây dựng nhà máy nhựa tại Viêng Chăn. Lực lượng thanh niên xung phong thành phố có dự án trồng cao su tại Nam Lào; chuẩn bị xây dựng siêu thị tại Viêng Chăn. Hội Bảo trợ bệnh nhân nghèo thành phố triển khai chương trình mổ mắt đem lại ánh sáng cho 3.000 bệnh nhân nghèo khiếm thị ở Viêng Chăn và Champaxắc. Về giáo dục, thành phố Hồ Chí Minh cung cấp cho hai địa phương kết nghĩa 100 suất học bổng đại học, xây dựng tặng thành phố Viêng

Chăn Trường Hữu nghị Viêng Chăn - thành phố Hồ Chí Minh cùng các trang thiết bị và xây dựng tặng tỉnh Chămpaxắc một trung tâm văn hóa.

Một số địa phương đã triển khai hợp tác có hiệu quả tốt với các địa phương của Lào như: Sơn La hợp tác với sáu tỉnh Bắc Lào, đặc biệt là với hai tỉnh Hủa Phăn và Luông Phạbang; Hà Tĩnh với tỉnh Bolikhămxay; Quảng Bình với tỉnh Khăm Muộn; Quảng Trị với Xavănnakhê; Nghệ An với Xiêng Khoảng; Kon Tum với áttapư...

Các địa phương không chỉ hỗ trợ giúp đỡ nhau một cách thiết thực bằng kinh nghiệm, khả năng sẵn có theo truyền thống trước đây, mà đã có sự chuyển hướng tích cực trong việc hợp tác cùng phát triển trên nhiều lĩnh vực kinh tế.

Hoạt động đầu tư thương mại của các doanh nghiệp có sự chỉ đạo của các cấp, ngành địa phương đã đi dần vào nền nếp, có trọng tâm, trọng điểm, đáp ứng được nhu cầu phát triển, khai thác được tiềm năng, thế mạnh sẵn có về đất đai và nguồn tài nguyên, nhân lực của mỗi bên.

Các chương trình hợp tác trên nhiều lĩnh vực có tác động trực tiếp tới phát triển kinh tế giữa các địa phương hai nước đã được quan tâm như: chuyển giao công nghệ sinh học, nuôi cấy mô tế bào thực vật, sản xuất giống cây có giá trị kinh tế cao, phối hợp hình thức gieo giống, cung cấp nguyên liệu chiết xuất cây trầm gió của tỉnh Hà Tĩnh; chuyển giao kỹ thuật và công nghệ chế biến thức ăn viên cho cá của thành phố Hồ Chí Minh; lập quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội 2010 - 2020 tỉnh Xiêng Khoảng của tỉnh Nghệ An; nâng cao năng lực các trạm thu phát truyền hình các huyện tỉnh Hủa Phăn của tỉnh Thanh Hóa... với số vốn hàng chục tỷ đồng.

Hợp tác giáo dục, đào tạo ở các địa phương được mở ra và tăng lên nhanh chóng. Tính đến cuối năm 2006, có 1.046 học sinh tại 12 tỉnh, thành phố của Việt Nam, trong đó có 383 cán bộ, học sinh ở các

bậc học, được đào tạo bằng nguồn ngân sách của các địa phương.

Các địa phương cũng đã giúp Lào nhiều cơ sở đào tạo tại Lào như: Quảng Bình xây dựng Trường Phổ thông Khăm Muộn; Hà Nội xây dựng Trường Trung cấp kỹ thuật chăn nuôi ở Viêng Chăn; thành phố Hồ Chí Minh xây dựng Trường Trung học phổ thông Xikhôt ở Viêng Chăn.

Thành phố Hà Nội, các tỉnh Hải Dương, Điện Biên... cũng có một số dự án hợp tác với phía Lào, từng bước đạt được kết quả tốt.

Trong những năm 2001 - 2007, hai bên đã phối hợp thực hiện tốt Hiệp định về quy chế biên giới, kịp thời phát hiện và giải quyết các vấn đề nảy sinh, đặc biệt là phối hợp hai bên trong việc phòng và chống vận chuyển và mua bán ma túy qua biên giới, góp phần xây dựng biên giới hai nước là đường biên giới hòa bình, hữu nghị và hợp tác phát triển. Tổ chức khai trương cặp cửa khẩu quốc tế Na Mèo (Thanh Hóa) - Nặm Xôi (Hủa Phăn), ba cặp cửa khẩu phụ: Huội Puốc (Điện Biên) - Na Xon (Luông Phạbang), Hồng Vân (Thừa Thiên - Huế) - Cutai (Xalavăn), AĐốt (Thừa Thiên - Huế) - Tavang (Xê Coong). Hoàn thành các thủ tục cần thiết nâng cấp cửa khẩu Nam Giang (Quảng Nam)- Đắc Tà óc (Xê Coong) thành cửa khẩu chính. Xây dựng cầu Xả ớt khu vực Lao Bảo (Quảng Trị) - Đen Xávvăn (Xavănnakhê)... phục vụ đi lại thông thường, hợp tác thương mại, đầu tư giữa hai nước.

Để thúc đẩy hợp tác phát triển toàn diện và ổn định vùng biên giới hai nước, hai bên đã ký kết “Thỏa thuận Hà Nội 2007” nhằm cải tiến thủ tục kiểm tra, kiểm soát qua lại giữa hai bên, tạo điều kiện thuận lợi cho người, phương tiện và hàng hóa qua lại biên giới giữa hai nước; triển khai dự án tăng dày và tôn tạo cột mốc quốc giới Việt Nam - Lào để thực hiện vào năm 2008. Hai bên đã phối hợp và bố trí kinh phí đầu tư xây dựng các cơ sở hạ tầng, giao thông, nông nghiệp, thủy lợi, y tế, các cụm bản nhằm đảm bảo ổn

định an ninh, quốc phòng.

Tuy nhiên, hợp tác giữa các địa phương cũng còn nhiều khó khăn, tồn tại. Nhiều chương trình, dự án sau khi hoàn thành chậm được thanh toán gây nợ đọng kéo dài. Trong thương mại, việc thực hiện các cam kết tạo điều kiện cho người, hàng hóa qua lại chưa được thống nhất ở một số địa phương...

*

* *

Quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào trong thời kỳ đổi mới 1986 - 2007 đã trải qua nhiều khó khăn, thử thách, nhưng với sự quyết tâm của hai Đảng, hai Nhà nước và sự nỗ lực phấn đấu của các cấp, các ngành, các địa phương và các doanh nghiệp hai nước, quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào đã ngày càng được đẩy mạnh và khuyến khích phát triển cả về chiều rộng lẫn chiều sâu, từ hợp tác về chính trị, đối ngoại, quốc phòng, an ninh đến hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật, hợp tác giữa các địa phương và đạt được những kết quả ngày càng to lớn hơn, góp phần thúc đẩy công cuộc đổi mới và phát triển của mỗi nước.

Trong chặng đường 10 năm đầu đổi mới (1986 - 1996) bao gồm hai giai đoạn phát triển rõ rệt trong quan hệ hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào. Giai đoạn đầu (1986 - 1990) gắn với chuyển đổi cơ chế quản lý kinh tế, điều chỉnh cơ cấu kinh tế và quan hệ kinh tế đối ngoại, hai nước chuyển dần sang cơ chế và phương thức hợp tác mới nên hiệu quả hợp tác còn chưa cao. Thời kỳ mới chuyển đổi đánh dấu bằng việc giảm dần tính tập trung, bao cấp chuyển sang hạch toán kinh doanh cùng có lợi, quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào vẫn mang tinh thần giúp đỡ lẫn nhau, giải quyết vấn đề tình thế theo vụ việc, đáp ứng yêu cầu cấp bách để ổn định và phát triển kinh tế. Trong giai đoạn này, công thức hợp tác của hai nước vẫn là 2 + 1, tức là tài nguyên Lào; lao động, kỹ thuật Việt Nam và

vốn do hai nước góp chung hoặc từ một nước thứ ba. Tuy nhiên, cả hai nước mới tiến hành công cuộc đổi mới, tiềm lực ban đầu chưa có, do vậy sự hợp tác giữa hai nước chưa có những chuyển biến đáng kể. Thực tiễn đã chỉ ra rằng trong nền kinh tế thị trường không có nước thứ ba nào bỏ vốn ra cho hai nước Việt Nam - Lào xây dựng, phát triển mà lại không có những toan tính khác. Mặt khác, nếu chỉ chú ý đến lợi ích kinh tế mà không tính đến lợi ích toàn diện của quan hệ đặc biệt Việt Nam - Lào thì không tránh khỏi làm cho cả Việt Nam và Lào đều yếu đi.

Giai đoạn sau (kể từ năm 1992 trở đi), khi hai nước ký Hiệp định hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật thời kỳ 1992 - 1995 (còn gọi là Hiệp định hợp tác khung, ngày 15 tháng 2 năm 1992), hằng năm có Hội nghị ủy ban liên Chính phủ giữa hai nước hợp để đánh giá kết quả thực hiện Hiệp định trong năm và ký kết Hiệp định hợp tác cho năm sau; đồng thời, để sự hợp tác hai nước đi vào ổn định, Việt Nam - Lào đã đạt được thỏa thuận xây dựng cơ chế chung về hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật bằng Hiệp định ký ngày 7 tháng 4 năm 1994. Trên cơ sở mục tiêu tổng quát và tư tưởng chỉ đạo của lãnh đạo cấp cao Đảng và Chính phủ hai nước, ngày 15 tháng 3 năm 1995, Việt Nam và Lào đã nâng quan hệ hợp tác toàn diện lên một tầm cao mới bằng việc ký kết Thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 1996-2000, một sự chuẩn bị cho hội nhập khu vực và quốc tế sâu rộng hơn ở giai đoạn tiếp theo.

Như vậy, trong những năm đầu của công cuộc đổi mới của cả hai nước, quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào cũng có sự đổi mới về mục tiêu, phương thức hợp tác nhằm đưa quan hệ hợp tác Việt Nam - Lào theo tầm chiến lược, thực sự có hiệu quả cả về chiều rộng và chiều sâu. Phương thức hợp tác đã chuyển từ: *hợp tác từng vụ việc theo yêu cầu của Đảng và Nhà nước Lào sang hợp tác theo chương trình, kế hoạch hàng năm giữa hai Chính phủ và bước đầu nghiên*

cứu kế hoạch và xây dựng chiến lược hợp tác dài hạn giữa hai nước. Quan hệ hợp tác kinh tế Việt Nam - Lào giảm dần tính bao cấp, tập trung chuyển sang sản xuất, kinh doanh cùng có lợi. Tất nhiên, hai nước vẫn tiếp tục dành cho nhau những ưu tiên, ưu đãi, tạo điều kiện cho nhau cùng phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi nước. Từ công thức 2 + 1, hợp tác Việt Nam - Lào chuyển sang công thức 3 + 2, với nội dung là: vốn, công nghệ - kỹ thuật, thị trường của Việt Nam; lao động, tiềm năng thiên nhiên của Lào. Bằng công thức này, Việt Nam và Lào tỏ rõ quyết tâm hợp tác với nhau trên tất cả các lĩnh vực nhằm phát huy nội lực, tiềm năng và thế mạnh của mỗi bên để cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức trên con đường xóa bỏ khoảng cách phát triển, hướng đến phát triển đồng đều và bền vững ở mỗi nước.

Giai đoạn 1996 - 2000, hai bên đã quyết tâm xóa bỏ cơ chế bao cấp, cải tiến cơ chế hợp tác phù hợp với thông lệ quốc tế, với định hướng là *“hợp tác bình đẳng cùng có lợi, kết hợp thỏa đáng tính chất quan hệ đặc biệt với thông lệ quốc tế, ưu tiên, ưu đãi hợp lý cho nhau”*. Từ đây, hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giữa hai nước được đưa vào kế hoạch hàng năm, khuyến khích mở rộng hợp tác trao đổi giữa các ngành, các địa phương và giữa các cơ sở, doanh nghiệp; thay dần cơ chế hợp tác giữa Nhà nước với Nhà nước của những năm trước đây bằng nhiều hình thức mới như: hợp đồng, trao đổi hàng hóa hai bên cùng có lợi, mua và bán hộ, giao nhận đầu thầu xây dựng...

Trong giai đoạn này, hai nước đã quyết định tập trung vào việc thực hiện Thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật giai đoạn 1996 - 2000. Lần đầu tiên các nội dung hợp tác mang tính chiến lược tạo tiền đề cho việc triển khai hợp tác những năm sau này đã được đặt ra. Nhiều chương trình, dự án hợp tác tạm đình hoãn của giai đoạn 1985 - 1990 được tiếp tục thực hiện trong giai đoạn này.

Từ năm 1999, sau khi có các quy định về đầu tư của doanh nghiệp Việt Nam ra nước ngoài, Chính phủ Việt Nam đã ban hành các cơ chế, chính sách hỗ trợ, khuyến khích các doanh nghiệp Việt Nam đẩy mạnh đầu tư vào Lào. Đây cũng là giai đoạn hầu hết các cơ chế hợp tác đã được ký kết, tạo ra khung pháp lý quan trọng trong quan hệ hợp tác giữa hai nước. Trọng tâm hợp tác kinh tế của giai đoạn này là giáo dục, đào tạo, nông nghiệp và phát triển nông thôn, điều tra khảo sát xây dựng quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tại Lào.

Từ năm 2001 đến 2007, hai nước đã xây dựng các thỏa thuận chiến lược hợp tác kinh tế, văn hóa, khoa học - kỹ thuật cho các giai đoạn năm năm (2001 - 2005, 2006 - 2010), 10 năm (2001 - 2010), sau đó là hàng loạt các hiệp định, nghị định thư và các thỏa thuận hợp tác¹¹⁹ cũng được ký kết, tạo thành một hệ thống các cơ chế hợp tác để các bộ, ngành hai bên áp dụng. Nhiều hội nghị xúc tiến đầu tư và thương mại vào Lào đã được tổ chức tại Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh (tháng 5 năm 2004), thành phố Vinh (tháng 12 năm 2004), Đắk Lắk và Đà Nẵng (tháng 6 năm 2005).

Do có chính sách ưu tiên, ưu đãi cho nhau, nên việc hợp tác kinh tế, đặc biệt là hợp tác trong lĩnh vực đầu tư, đã có những bước chuyển biến mạnh mẽ. Đầu tư của Việt Nam vào Lào gia tăng nhanh chóng; đồng thời đầu tư của Lào vào Việt Nam cũng được ngày càng mở rộng, tập trung vào các lĩnh vực: giao thông vận tải, bưu điện, tài chính, ngân hàng... và đang thu được những kết quả bước đầu.

Cũng trong giai đoạn này, hai bên còn phối hợp tham gia có hiệu quả các chương trình, dự án quốc tế và khu vực như: hợp tác *Tiểu vùng Mê Công mở rộng* (GMS), dự án kết nối giao thông khu vực trong dự án *Hành lang kinh tế Đông - Tây* (EWEC)...

¹¹⁹. Từ “Thỏa thuận Cửa Lò 1999” đến “Thỏa thuận Viêng Chăn 2002” và “Thỏa thuận Hà Nội 2007”.

Với những thành quả to lớn của giai đoạn 1986 - 2007, *quan hệ hợp tác kinh tế giữa hai nước đang trở thành yếu tố quyết định trong việc củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị đặc biệt Việt Nam - Lào*¹²⁰, tạo tiền đề cho việc tăng cường và mở rộng hợp tác toàn diện Việt Nam - Lào, Lào - Việt Nam trong giai đoạn mới.

¹²⁰. Nguyễn Tấn Dũng, Thủ tướng Chính phủ Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, *Đặc san 45 năm hợp tác hữu nghị Việt Nam - Lào*, tháng 7 năm 2007, tr.10.

